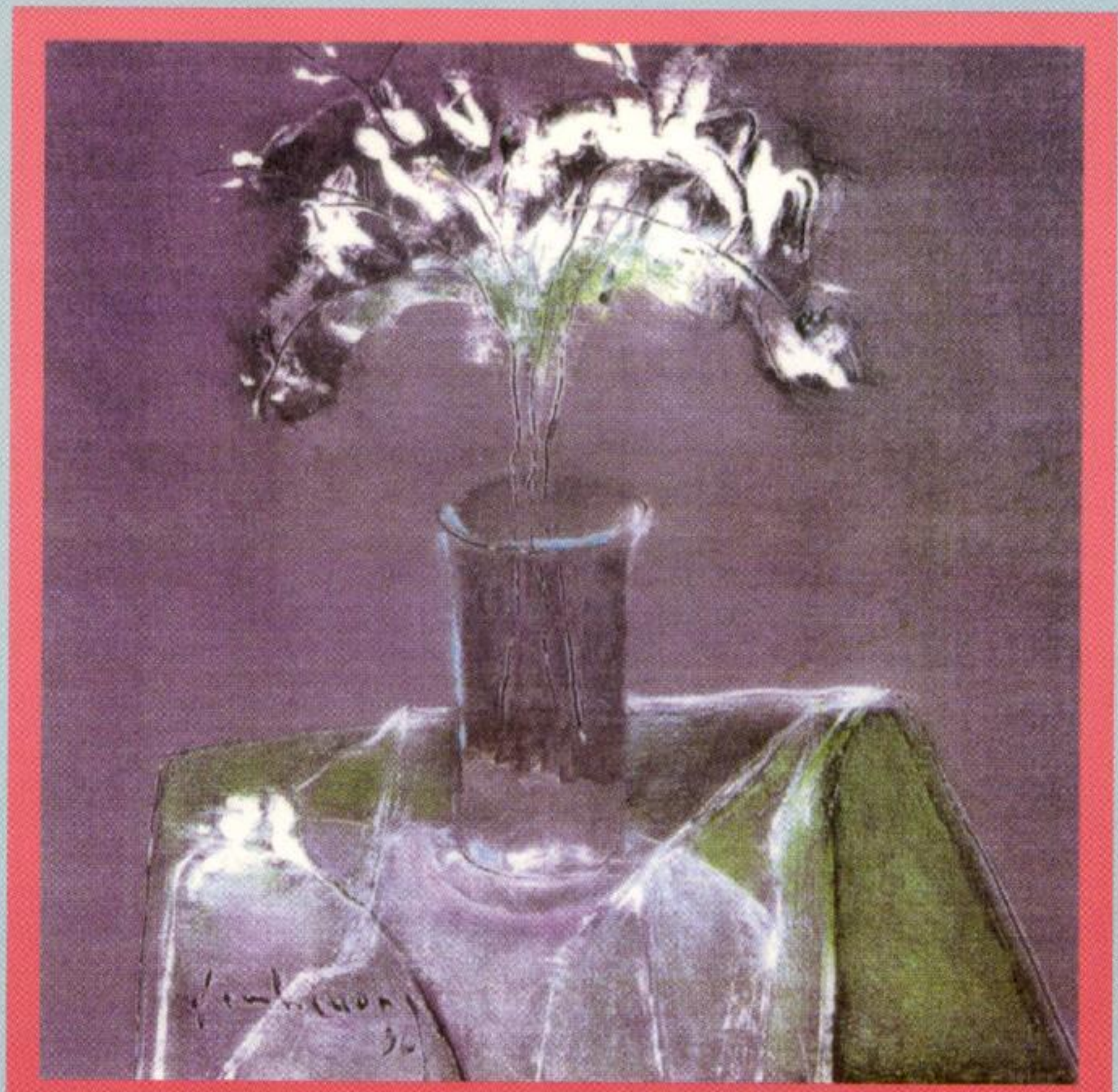


Tĩnh Vật – Sơn Dầu Đinh Cường

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

XUÂN MẬU DẦN 1998

SỐ 141 & 142 THÁNG 1 & 2 NĂM 1998

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone & Fax: **(714) 894-8535**

Xin lưu ý: Bắt đầu từ tháng 7.1996, zip code Văn Học là 92842,
thay thế zip code cũ 92642

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

chúc mừng năm mới

Tạp chí Văn Học và tất cả văn hữu cộng tác trong số báo này kính chúc quý độc giả và văn hữu một năm Mậu Dần gặp nhiều may mắn và dồi dào sức khỏe.

châu văn thọ ● nguyễn mộng giác ● mai kim ngọc nguyễn xuân hoàng ● thạch hãn ● võ thắng tiết ● nguyễn minh đức ● thụy khuê ● nguyễn khắc phú ngu yên ● trần long hồ ● nguyễn quốc trụ ● nguyễn thế việt ● nguyễn thị vinh & nguyễn hữu nhật ● bùi vĩnh phúc ● nguyễn nguyên thanh ● nguyễn thị thanh bình ● phùng nguyễn ● cao xuân lý ● trần hoài thư ● nguyễn vy khanh ● triều hoa đại ● nguyễn văn sâm ● võ đình ● đặng phùng quân ● hoàng xuân sơn ● hoàng liên ● hồ trường an ● nguyễn tấn hưng ● hoàng du thụy ● khoa hữu ● nguyễn bá trạc ● nguyễn hưng quốc ● trúc chi ● vy ● tạ quốc tuấn ● phan ni tấn (n.d.) ● trần nguyên ● trần hồng châu ● tâm thanh ● ngữ an ● ngô nguyên dũng ● nguyên lang ● mạc hoài ● nguyễn thị hoàng bắc ● quỳnh giao ● hoài ziang duy ● lê minh hà ● nguyễn xuân thiệp ● nguyễn trung hối ● nghiêm xuân hồng ● hoàng chính ● khánh hà ● hoàng nga ● nguyễn khánh hòa ● hồ như ● hoàng lộc ● hoàng bích đào ● nguyễn mạnh trinh ● trần doãn nho ● trương nhân ● bùi bích hà ● trịnh gia mỹ ● nguyễn quốc trụ ● đỗ minh tuấn ● h.s. đinh cường ● h.s. nguyễn đông

Văn Học

số 141&142 ● tháng 1&2 .1998

VĂN HỌC	4	thư tòa soạn
VĂN HỌC	5	phỏng vấn văn hữu
VH & TRIỀU HOA ĐẠI	32	nhìn lại một năm qua
KHOA HỮU	44	*hồng hạc*
NGUYỄN BÁ TRẠC	48	căn nhà di động
NGUYỄN HƯNG QUỐC	54	đọc chơi vài bài ca dao
TRÚC CHI	61	nghe đàn
VY	77	*nỗi nhớ câm*
TẠ QUỐC TUẤN	79	ba bài thơ xuân của thi phái mông lung
PHAN NI TẤN (ND)	90	*suối yến*
TRẦN NGUYÊN	93	văn hoá rối nước
TRẦN HỒNG CHÂU	102	*nguyên nhật tống hữu*
TÂM THANH	103	trích tiên
NGỮ AN	117	*thơ xuân*
NGÔ NGUYÊN DŨNG	118	*xuân về giữ lửa*
PHÙNG NGUYỄN	119	ngọn lửa nhỏ mùa đông
NGUYÊN LANG	122	*ý chỉ*
MẠC HOÀI	123	*nguyên thủy*
NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC	125	hai người bạn (kịch)
TRIỀU HOA ĐẠI	127	*giêng. hai mấy thuở*
QUỲNH GIAO	128	tình khúc của trương

tranh bìa: đinh cường

HOÀI ZIANG DUY 137 *nụ tầm xuân*
LÊ MINH HÀ 139 gió trở
NGUYỄN XUÂN THIỆP 143 *tempe. thơ qua hoang mạc*
NGUYỄN TRUNG HỐI 146 rừng phong dần đỏ
NGHIÊM XUÂN HỒNG 153 *cây liễu rủ*
HOÀNG CHÍNH 154 thiên thu
KHÁNH HÀ 161 *tháng chạp quê nhà*
HOÀNG NGA 162 đưa tay lên tóc
NGUYỄN KHÁNH HÒA 170 *lục bát nguyễn khánh hòa*
HỒ NHƯ 173 khoảnh khắc mùa xuân
HOÀNG LỘC 178 *thơ trên chuyến về*
HOÀNG BÍCH ĐÀO 179 ảo ảnh
NGUYỄN MẠNH TRINH 183 *anh vừa năm mươi tuổi*
MAURO SENESI 185 lỗ trống
TRẦN DOÃN NHO dịch the breach
TRƯƠNG NHÂN 191 góc riêng tư
BÙI BÍCH HÀ 199 tây tạng và góc phố đỏ
TRỊNH GIA MỸ 203 *tình*
NGUYỄN MỘNG GIÁC 204 đi vào cõi thơ khoa hữu
NGUYỄN QUỐC TRỤ 208 tạp ghi
VĂN HỌC 220 về cuộc tranh luận thi pháp
ĐỖ MINH TUẤN 221 trả lời nguyễn hưng quốc
VĂN HỌC 239 hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 1998
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1998

trình bày bìa: nguyễn đông

Thư Tòa soạn
Văn Học

Đây là số báo Xuân Văn Học thứ mười ba đến với bạn đọc trong suốt thời gian dài chúng ta cùng chia sẻ những vui buồn của cuộc sống mới nơi xứ người!

Trong thời gian dài ấy, nhiều bạn đọc từ thuở ban đầu ngày nay vẫn xem Văn Học là người bạn thiết. Chắc chắn còn nhiều bạn đọc khác đã lẳng lặng ra đi, tòa soạn chỉ nhận được thông báo nhỏ của thân nhân cho biết người thân yêu đã không còn trên cõi đời này để hằng tháng trông chờ tờ tạp chí. Bù lại, cũng có rất nhiều bạn đọc từ quê nhà mới sang, mang theo cái hăm hở của những người muốn biết tất cả những tâm tình, kinh nghiệm của người đi trước.

Bao nhiêu đổi thay diễn ra trong cuộc đời riêng của bạn đọc cũng giống như bao nhiêu đổi thay trong cuộc sống của người viết, phản ảnh trong tác phẩm của họ đăng tải trên Văn Học. Một lớp văn hữu cộng tác thường xuyên với Văn Học những năm 80 nay chỉ viết cầm chừng. Một thế hệ mới xuất hiện từ đầu thập niên 90 với những kinh nghiệm sống khác, tâm tình khác. Biến chuyển chính trị trọng đại tại Liên sô và Đông Âu mang theo một thế hệ cầm bút nữa, trong lúc những người viết cùng trang lứa lớn lên và được giáo dục nơi xứ người cũng bắt đầu xuất hiện.

Bấy nhiêu thế hệ cùng đóng góp bài vở, trao đổi ý kiến, chia sẻ tâm tình với bạn đọc trên Văn Học suốt mười ba năm qua. Nhờ thế, Văn Học trở thành tấm gương phản ánh của đời sống người Việt nơi xứ người, nơi xuất phát của hầu hết những cây viết tài năng hải ngoại, chưa kể Văn Học cũng là diễn đàn của những người không có quyền được nói, được viết tự do ở trong nước.

Giai phẩm Xuân Ất Dậu này khởi đầu cho năm thứ mười bốn của Văn Học. Với những gì đã đạt được trong mười ba năm qua, chúng ta có cơ sở để hy vọng một mùa văn tốt đẹp cho năm 1998.❐

Phỏng vấn giới cầm bút về tình trạng xuất bản sách văn nghệ và ảnh hưởng của Internet.

Tạp chí Văn Học thực hiện một cuộc phỏng vấn bằng e-mail nhiều nhà văn hải ngoại về tình trạng sa sút của ngành xuất bản sách văn nghệ và ảnh hưởng ngày càng lớn lao của Internet tới công việc sáng tác và phổ biến tác phẩm.

Hai câu hỏi Văn Học gửi đi như sau:

1. Tình trạng xuất bản sách trong các năm gần đây ở trong nước lẫn ở hải ngoại đều sa sút, lượng sách xuất bản tăng, nhưng số ấn bản (tirage) giảm trầm trọng (trong nước trung bình tirage cho sách văn nghệ là 1000, ngoài nước là 500). Theo anh chị, nguyên nhân tình trạng này là gì?

2. Internet là một phương tiện phổ biến văn chương mới mẻ và nhanh chóng hiện nay. Theo anh chị, Internet sẽ ảnh hưởng thế nào tới việc sáng tác và xuất bản của giới cầm bút chúng ta?

Nhờ phương tiện thông tin nhanh chóng của Internet, trong một thời gian ngắn, Văn Học đã nhận được rất nhiều bài trả lời phỏng vấn của văn hữu bốn phương. Sau đây là kết quả cuộc phỏng vấn ấy:

• Trần Long Hồ, nhà văn, Hoa Kỳ

I. Tôi nhận thấy có nhiều nguyên nhân như sau:

1. Sự xâm lấn của các ngành giải trí khác.

Theo tôi, đây là ảnh hưởng quan trọng và mạnh mẽ nhất. Trước khi đi vào vấn đề, tôi xin quay về quá khứ một chút để có sự đối chiếu cần thiết.

Tôi nhớ, những ngày còn nhỏ, khi tôi về quê tại tỉnh Vĩnh Long. Trong gia đình có mua báo hàng ngày. Trên các báo này, ngoài phần tôi tức và thời sự, còn có các mục tiểu thuyết đăng từng kỳ như *Bà Chúa Đền Vàng, Bàn Tay Máu, Lã Mai Nương - Cam Tử Long, Long Hình Quái*

Khách... Những người trong gia đình cẩn thận cắt phần tiểu thuyết hàng ngày, kẹp lại trong hai tấm giấy cứng thật kỹ lưỡng. Đến khi hết một chuyện thì các anh chị lấy giấy, quết hồ vào làm bìa, dùng tre làm nẹp và kẹp các tờ giấy lại, rồi cột chỉ cẩn thận, để làm thành một quyển sách. Thời gian qua, trong gia đình có một tủ sách với những quyển sách ngộ nghĩnh như vậy.

Gần hơn, vợ tôi, quê ở Qui Nhơn, có kể chuyện đọc sách lúc nhỏ. Mỗi hai ngày trong tuần, cô bé đi xe đạp ra nhà sách (hình như chỉ có một nhà sách duy nhất ở Qui Nhơn, lúc đó), ngồi chầu chực chuyến xe từ Sài Gòn chở sách ra. Cô bé nhịn ăn quà bánh, dành tiền để mua sách đọc. Lúc đó, sách từ Sài Gòn có sức hấp dẫn kỳ lạ cho mọi lứa tuổi, không cứ gì cho cô bé ở tuổi măng non.

Sau này, sách và báo in nhiều, khi có quyển sách nào mới in, gia đình tôi chia nhau đọc. Mẹ tôi đọc chậm nhưng bà là người có quyền ưu tiên nhất. Bà mang kính, gọng trễ xuống mũi, đọc vừa chậm lại vừa nói nhỏ trong miệng. Đám con bu quanh, đọc ké. Đứa ngồi bên phải. Đứa đứng lom khom bên trái. Đứa quì gối sau lưng. Vừa đọc, đám nhỏ vừa thở phì phò, phà hơi vào mặt, vào cổ bà cụ. Mẹ tôi là người dễ bị phân tâm, đọc được một phần ba hay nửa trang thì bị đám con chộn rộn chung quanh làm bà quên mất đã đọc những gì. Thế là, bà cụ trở lên đầu trang, bắt đầu đọc lại. đám con nhớ dai lại đọc nhanh, cứ than vắn thở dài. Cuối cùng, gia đình thỏa thuận một giải pháp hữu hiệu, xé quyển sách ra, có khi làm hai, có khi làm ba. Gia đình chia nhau mà đọc sách, bớt cảnh chộn rộn.

Tôi thiết tưởng, vào những ngày xa xưa, trong những gia đình mê đọc sách thường có những cảnh tương tự như vậy.

Đến khi bắt đầu có radio, chuyện đọc sách bị xâm lấn dần. Trong thời gian đầu, thông thường trong một xóm, chỉ có một hay hai nhà có radio. Bà con trong xóm xúm nhau lại, ngồi hàng hàng lớp lớp từ trong nhà, ra tới sân, chí lề đường, để nghe cải lương, kịch,... Bên cạnh radio, máy hát dĩa, máy băng nhựa, rồi xi nê, máy truyền hình, máy cassette ra đời... Vào thập niên cuối, trước 1975, trong tình trạng chiến tranh khốc liệt, quán cà phê và nhạc mọc lên khắp nơi. Tuổi trẻ chìm vào thế giới nhạc, cà phê, thuốc lá ...và sách bị đẩy lui qua một bên lề của đời sống.

Ở hải ngoại, nhất là tại Hoa Kỳ, thú giải trí có quá nhiều, chương trình đài truyền hình có vô số kể, ngoài đài thường còn có *cable*. Song song các loại kể trên, còn thêm trò chơi *game* điện tử, nhạc karaoke, nhạc *CD*, *minidisk*, *video*, và gần đây, *digital video disk (DVD)*. Điều đáng kể, kẻ thù chiếm thời giờ đáng sợ nhất của sách là hệ thống điện toán (*computer*), *internet*, và mạng lưới toàn cầu (*web*).

Trong sinh hoạt của cộng đồng người Việt tại hải ngoại, có thêm vài sắc thái riêng. Liên hệ trong việc xuất bản, phát hành, và bán sách tại nhà sách trong vài năm qua, tôi nhận thấy tình trạng tiêu thụ sách suy giảm rất nhiều, thị trường sách bị thu hẹp đáng kể. Trong khi đó, băng *video* nhạc, *CD, laser disk* có *karaoke* hay không, tràn ngập thị trường. Thông thường, vài năm trước kia, một người khách có năm chục đô, họ nghĩ đến chuyện mua sách. Sau đó, còn dư, họ sẽ mua nhạc. Bây giờ, với năm chục đô, không đủ để họ mua nhạc *video, CD*...Rất hiếm khi, có một người chỉ mua sách mà không mua nhạc. Có một giới, ít khi nào mua sách nhưng ham đọc là những người viết, tức văn thi sĩ hay chủ báo, ký giả. Những người còn đọc sách và là độc giả của người viết là giới lớn tuổi, thường trên bốn mươi. Từ ba mươi tuổi trở lên, có mua sách nhưng ít khi. Còn lứa tuổi hai mươi trở xuống, gần như, chuyện đọc sách Việt Nam không có trong sự suy nghĩ của họ.

Còn tình trạng trong nước, sau hơn hai mươi hai năm, tôi nghĩ rằng, sự xâm nhập của khoa học kỹ thuật và vô số thú giải trí từ nước ngoài, đã ảnh hưởng đến tình trạng suy giảm đọc sách, và từ đó, ngành xuất bản sách bị suy đồi.

Âm nhạc, phim ảnh, và điện toán (bao gồm *internet* và *web*) là ba tác nhân chính, đã đè bẹp thú đọc sách. Ôi! Còn đâu những người kiên nhẫn cắt từng trang nhật báo, có khi cả năm hay hơn nữa, rồi quết hồ, kẹp nẹp tre, để làm một quyển sách. Còn đâu, cô bé nhịn quà bánh, mỗi tuần có hai ngày, ngồi chống càm, giương mắt nai chờ chuyến xe mang sách từ thủ đô Sài Gòn đến. Còn đâu một đám nhóc tì bu quanh mẹ, đọc ké từng trang sách. Ôi! thương thay cho ngành xuất bản sách hôm nay.

2. Công việc mưu sinh:

Người Việt Nam cũng như các chủng tộc di dân khác, mang nhiều đặc tính khác người bản xứ, như tinh thần chịu đựng giỏi, chiến đấu cao, làm việc không mệt mỏi (*workaholic*). Thêm vào đó, xứ Hoa Kỳ cho người Việt chúng ta quá nhiều cơ hội để nâng cao đời sống. Trong khi tại Hoa Kỳ, nhiều cơ quan làm đến ba *shift* thì các nước ở Âu Châu, nhiều nơi vẫn còn chuyện đóng cửa nghỉ trưa. Sống ở Mỹ lâu, mới nghe qua, chúng ta ngạc nhiên lắm. Vì một người từ Hoa Kỳ sang, đang get line chờ mỏi cổ, muốn sụm giò, sắp tới phiên mình, đang mừng khấp khởi thì cô nhân viên đóng ngay cửa sổ (không biểu lộ một chút áy náy nào), tuyên bố phải nghỉ trưa, hai giờ nữa trở lại.

Chính vì có nhiều cơ hội tiến thân, người Việt chúng ta lao vào công việc làm, có khi đến một *job* rưỡi, hay hai *job*, quá mức. Nếu không làm quá độ thì chúng ta cũng phải làm đúng mức. Xong việc về nhà, người

nào cũng mệt mỏi, rã rời. Lúc đó, ta chỉ muốn bật cái ti vi lên, hay bật dàn nhạc, nếu có băng nhạc video của Asia, Thúy Nga...càng tốt. Có khi ta xem trọn chương trình, thường thì không, vì ta đã ngã gục giữa chiến trường âm thanh và hình ảnh.

Như vậy, người Việt tại hải ngoại đâu màng chuyện mua sách và đọc sách nữa. Cái nhu cầu đọc sách, một khi đã suy kiệt thảm hại, thì tự nhiên, cái cung cấp in và xuất bản sách phải như bong bóng tự động xì hơi.

3. Sự phát triển quá độ của người viết và sách:

Đến đây, chúng ta có thể đặt dấu hỏi, người viết gia tăng và mặt sách cũng gia tăng, chứng tỏ phải có người đọc gia tăng. Chính vì vậy mà có một người trẻ tuổi trong nước, có viết nhưng chưa hề có kinh nghiệm sống ở nước ngoài, đã vụt phát biểu khiến cho thiên hạ điếng hồn, rằng, ở hải ngoại có bao nhiêu người viết thì có bấy nhiêu người đọc. Nói thế thì oan quá và làm đau lòng cho dân Việt Nam ở hải ngoại lắm.

Chúng ta thấy rằng, sau nhiều năm, số người đọc không gia tăng. Ta tạm nghĩ như vậy, vì không có số liệu chính xác, số người đọc có giảm qua thời gian nhưng bù lại, có số người trong nước lần lượt ra ngoài theo diện đi thẳng, đi cong, HO... Trong khi đó, qua một số năm, người Việt chúng ta đã có đời sống ổn định, công ăn việc làm vững chắc, con cái trưởng thành, niềm nhớ nhung quê hương có thay đổi, nhớ thì nhớ nhưng trở về thì chưa biết được. Một số người đã chuyển niềm nhớ nhung thành ra sinh hoạt chữ nghĩa. Thế là, người viết văn, kẻ làm thơ, người đặt nhạc, người vẽ... gia tăng quá mức. Thêm vào đó, phương tiện viết và in sách dễ dàng, không tốn hao nhiều lắm so với mức thu nhập, đã khiến người viết hăng hái tiến bước và số mặt sách và cả báo, nhất là báo quảng cáo phát không, gia tăng đến chóng mặt.

Chuyện sách cũng theo luật cung cầu. Số người đọc và khả năng đọc không thay đổi. Chữ khả năng, tôi dùng ở đây, không phải là sức đọc hiểu hay không, mà tôi mạn phép dùng chữ khả năng đọc như một tổng hợp của ý muốn đọc và thời lượng đọc. Số lượng người viết và sách gia tăng thì tức nhiên, số bán được phải giảm. Vì thế, nhà xuất bản không dám in nhiều. Tựu trung như ban chủ trương Văn Học đã đặt câu hỏi, ở hải ngoại số lượng sách in một kỳ chừng 500 quyển. Tôi xin phép không bàn về số lượng sách in trong nước, vì chuyện này vượt ngoài khả năng nhận biết của mình.

4. Số lượng sách in và xuất bản tùy theo loại:

Trong một lần, số lượng sách in ra thay đổi lắm, tùy loại sách. Tôi bắt đầu từ loại có số lượng ít và tiến dần lên. Về thơ, đây là loại sách có số bán lấy làm buồn tủi và thê thảm lắm. Xin lỗi, tôi không có ý làm nhụt chí hay

phẩn chí các thi hữu. Có lẽ, quí vị đã mang nghiệp thơ cũng biết rõ từ lâu. Làm thơ để bán sách thơ là một chuyện hoang đường ở hải ngoại. Người làm thơ nhiều (vô số). Người đọc thơ ít. Không nhà xuất bản nào dám in thơ (tác giả tự xuất bản hay chịu phí tổn trước). Nhà phát hành không dám nhận sách thơ. Nhà sách thấy sách thơ là sợ đến thất kinh. Vì sao, sách thơ không có phương cách hiền hòa nào bán được, chiếm chỗ trên kệ, để lâu bị dơ trả lại không được, để lâu lỡ mất một cuốn phải đền, lỗ nặng. Loại thơ, thường in tối đa là 500 quyển, nếu in ít hơn phí tổn cũng không giảm là bao.

Về truyện ngắn, là loại sách có số bán không dám nói thiệt. Thường in ra 1000 quyển, đợt đầu giao đi được chừng 200 quyển (chứ không phải bán được vì sách vẫn nằm trên kệ ở các nhà sách). Có nhiều tác giả hiểu lầm chuyện này một cách trầm trọng, giao đi được hoàn toàn khác hẳn với bán được. Nếu giao đi được 200 trên 1000 quyển trong đợt đầu là khả quan lắm rồi. Có khi chính tác giả mang sách đến nhà phát hành hay nhà sách, thuyết khách ghê quá, có khi hăng hái, có khi sầu héo. Thương thay cho nhà văn Việt ở hải ngoại. Chủ nhân nhà sách cầm lòng không được, phải nhận (nếu không nhận, gặp lại nhau làm sao mà vui được). Loại truyện ngắn, thường in 1000 quyển, vì in 500 quyển cũng không lợi được bao nhiêu.

Về truyện dài và trường thiên, là loại sách có số bán tạm được, nhất là những tác giả có tên quen thuộc với độc giả từ lâu. Thường những sách truyện dài bán được, hiện tại, trong đợt đầu giao khoảng từ 200 đến 300 trên 1000 quyển. Sách truyện dài được độc giả ưa chuộng không có nghĩa sẽ được các báo văn học đánh giá cao. Loại sách truyện dài này được nhà xuất bản chấp nhận với ít lo lắng kẹt vốn, và thường được in khoảng 1000 quyển.

Biên khảo văn chương là loại sách có số bán không khá lắm. Số phận loại này cũng như sách truyện dài. Đối với phần đông độc giả, vì tính khô khan và không hấp dẫn, sách biên khảo có số lượng tiêu thụ ít và chậm, nhưng nó còn bán được lai rai, không đến nổi nằm ì như loại truyện ngắn. Thường loại này được in khoảng 1000 quyển trong một lần.

Các loại sách về bói toán, phong thủy, nấu ăn, tôn giáo, học sinh ngữ, và điều lạ lùng là sách nói về cái chết lại bán chạy hơn là sách bàn về sự sống. Những sách bàn về chuyện làm sao chết cho thoải mái, đừng sợ chết, hãy an tâm mà chết, chết có đáng sợ hay không lại được một số người chiếu cố. Những loại kể trên có số in không ước lượng được. Thông thường, các nhà xuất bản cứ in ra từng đợt, mỗi lần cũng 500 hay 1000 quyển.

Cuối cùng là loại sách có tính thời sự và truyện người lớn (sex). Những loại truyện này được tiêu thụ rất nhanh. Nhất là loại truyện biên khảo và hồi ký chính trị. Sách càng được các báo nhắc nhở tới càng nhiều, càng được tiêu thụ nhanh. Tâm lý của người Việt Nam sống tại Mỹ lâu năm cũng giống người bản xứ, bị ảnh hưởng của truyền thông và báo chí. Có mặt sách vừa in 1000 quyển, chỉ trong vòng hai tuần đã được bán hết sạch. Nhà *Văn Nghệ*, trong năm qua, là một nhà xuất bản xông xáo nhất về loại sách này.

II. *Internet* và mạng lưới *web* là phương tiện tân kỳ và hữu hiệu để phổ biến kiến thức của loài người, trong đó có văn chương. Từ ngày chúng ta có máy *fax*, đã thấy chuyện truyền đạt tin tức và bài viết nhanh chóng và tiện lợi quá, nhưng so với điện thư (*e mail*) thì *fax* đã bị lỗi thời. Trong những năm gần đây, với sự bành trướng của mạng lưới web, việc sáng tác của chúng ta càng được hỗ trợ mạnh mẽ hơn. Viết xong một bài trên máy điện toán, giữ vào dĩa xong, chỉ cần bấm nút, gởi bài qua *e-mail*, nhấp nháy là xong, vừa nhanh vừa tiện, vừa tiết kiệm được tiền bạc. Sau đó, chúng ta trình bày bài viết lên *web*, đẹp đẽ, rõ ràng. Bất cứ ai trên thế giới cũng vào xem được, không cần phải đi đâu cả.

Như thế, *internet* và *web* không những giúp chúng ta phương tiện mà còn kích động ta hăng hái hơn trong việc sáng tác. Tôi chỉ thấy mặt ích lợi và cảm ơn ngành điện toán quá sức. Không biết tôi có chủ quan khi đánh giá vấn đề này hay không. Cho tới bây giờ, tôi không thấy một ảnh hưởng bất lợi nào cho việc sáng tác của chúng ta, cũng như trong chuyện xuất bản sách.

Bên cạnh những điều phấn khởi đó, có vấn đề được đặt ra rằng, liệu sách báo văn chương trên web, một ngày nào đó, có thể thay cho sách báo trên giấy hay không?

Hiện tại, chúng ta có báo văn chương trên *internet*, gọi nôm na là báo điện tử, là tờ *Văn Học Nghệ Thuật* của chị Phạm Chi Lan và *Poetry Digest* của các anh Nguyễn Tấn Hưng và Trần Thái Vân. Tôi có một sự so sánh thế này. Sự so sánh hoàn toàn không đặt trên chất lượng, chỉ bàn về phương tiện mà thôi. Theo tôi, bây giờ và trong tương lai gần, tờ *Văn Học Nghệ Thuật* không thể thế cho tờ *Văn Học* và tờ *Poetry Digest* không thể thay thế cho tờ *Thơ*. Xin lập lại một lần nữa, tôi chỉ bàn trên cơ sở phương tiện đọc báo, không hề căn cứ trên chất lượng. Nói thật, tôi không khoái khi phải mang kè kè máy điện toán, dù loại *notebook* nhẹ nhất của Toshiba bây giờ, chỉ nặng có 1.85 lbs, để đọc báo điện tử. Trong khi đó, tôi có thể mang tờ báo giấy đi bất cứ đâu, nằm kê đầu trên bất cứ cục đá nào, tréo

chân mà đọc báo.

Để chấm dứt bài trả lời, một lần nữa, cho tôi bày tỏ lòng cảm kích đối với ngành điện toán.

Cảm ơn quí vị độc giả đã chịu khó đọc bài trả lời của tôi và cảm ơn các anh trong ban chủ trương Văn Học đã cho tôi một dịp tỏ bày ý kiến.

• Thụy Khuê, nhà phê bình văn học, Pháp quốc

I. Không ở trong ngành xuất bản nên tôi chỉ xin trả lời Văn Học theo nhận xét của một người đọc có những tiếp xúc thường xuyên với giới cầm bút trong và ngoài nước.

Trước hết, về tình hình ở trong nước, tôi có cảm tưởng như sách mới xuất hiện cũng không nhiều và số lượng in có ít đi. So với dân số hơn 70 triệu người mà mỗi đầu sách in ra khoảng 1000 đến 1500 cuốn thì quả là quá ít. Lý do có lẽ rất phức tạp.

Tôi có nhiều dịp trao đổi với một số bạn văn trong nước thì được biết: Mặc dù vấn đề kiểm duyệt không được nói đến một cách chính thức, nhưng nhà văn trong nước cảm nhận sâu sắc những khó khăn khi họ đưa bài đăng báo hoặc đưa sách in. Cái khó khăn đó xuất hiện ở "khâu" nào, thì còn tùy cơ quan, tùy tổng biên tập, tùy hàng trăm lý do khác nhau ... Vì cũng một bài viết ấy hay một cuốn sách ấy, có thể bị từ chối ở Hà Nội hoặc Sàigòn, nhưng vào Nha Trang hay Bình Định gì đó ... thì lại đi trót lọt. Tóm lại, sự kiểm duyệt cũng tùy hứng, tùy phe, tùy vùng.

Dù sao chăng nữa tình trạng kiểm duyệt (tuy không chính thức và trực tiếp) cũng khắt khe hơn trước vì chính nhà văn nản chí hoặc tổng biên tập sợ mất chức, đã góp phần vào công việc kiểm duyệt gián tiếp này.

Truyện dài, trong những năm gần đây, dường như đã biến mất trong sinh hoạt văn học trong nước. Nhiều nhà văn đã xoay sang nghề làm báo. Phần đông các báo thích những truyện ngắn, vô thưởng vô phạt, không có vấn đề và trả giá khá cao. Theo lời anh Nhật Tuấn trên RFI thì nhiều nhà văn đã quay sang viết truyện tình tiết, ký tên khác cho khỏi ngượng, để kiếm sống.

Trong kỳ về nước tháng 9 vừa qua, tôi để ý thấy rất ít văn phẩm xuất hiện trên các hiệu sách. Ở Hà Nội, tình hình có thoáng hơn, nhưng cũng không thấy sách của những tác giả như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Dương Thu Hương, Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng, Hoàng Hưng, ... Ngay cả những tác giả khác như Lê Lựu, Thanh Thảo, Nguyễn Duy, Ý Nhi, Nguyễn Mạnh Tuấn, Nhật Tuấn ... cũng không

thấy có. Tôi có thấy một vài cuốn phê bình văn học của các tác giả thời thượng như Trần Mạnh Hảo, Đỗ Minh Tuấn, v.v.... Ở Sàigòn, loại sách *Học Làm Người* của Nguyễn Hiến Lê được in lại khá nhiều; đặc biệt loại sách kỹ thuật vi tính, sách kinh tế, sách hình, kiếm hiệp v.v... tràn ngập thị trường. Còn sách về tư tưởng triết học Tây phương hầu như không có mặt. Tóm lại "văn hóa" tiêu thụ phát triển khá mạnh, nhưng về tư tưởng triết học Tây phương và các sáng tác văn học giá trị thì dường như rất hiếm trên thị trường sách vở.

Về sách biên khảo thì anh Lại Nguyên Ân có lần nói trên RFI đại ý rằng: So với thời kỳ bao cấp, những sách biên khảo những năm gần đây về phẩm chất có kém đi. Ở thời kỳ bao cấp, những tuyển tập các tác giả, thường được lựa chọn rất kỹ theo tiêu chuẩn chính trị nhưng lại được thực hiện một cách nghiêm chỉnh. Thời kỳ sau này, có cởi mở hơn nên sự lựa chọn các tác giả đưa lên tuyển tập cũng dễ dàng hơn nhưng việc thực hiện lại tùy tiện hơn. Thí dụ như cuốn *Tổng Tập Văn Học Việt Nam* xuất hiện mới đây bị nhiều người than phiền rằng những nguyên tắc làm tổng tập đã bị phá vỡ: Người soạn đưa vào những bài viết của chính mình, đáng lý ra không nên có mặt trong tổng tập, chỉ dành cho các tác giả đã được tuyển lựa.

Còn một hiện tượng khác là có nhiều nhà văn đã khuất, được gia đình bỏ tiền ra in ấn tuyển tập, loại tuyển tập này nhiều khi phẩm chất kém vì không có bàn tay của những người chuyên nghiệp, và có khi được giao cho những đầu nậu in ấn. Một hiện tượng nữa là một số quan chức về già muốn để lại "cái gì cho hậu thế" cho nên họ in thơ. Mỗi ông một tập thơ: do đó, có sự "lạm phát" thơ của các quan chức cách mạng.

Tình trạng sa sút của ngành xuất bản ở ngoài nước có nhiều lý do.

Trước hết là:

Sự thay đổi của độc giả: Cộng đồng người Việt hải ngoại, sau hơn 20 năm sống ở nước ngoài, đã ít nhiều hội nhập vào xã hội cư ngụ. Một số, có những nhu cầu đọc sách mới, ví dụ như đọc sách báo bản xứ, một số khác có những lo toan nghề nghiệp, hay những sinh hoạt khác, cho nên họ không còn chú ý đến những sinh hoạt văn học của người Việt như trước nữa. Một mặt khác, người di tản có cơ hội về nước thường xuyên, cho nên họ có thể mua sách ở bên nhà.

Ngoài ra, khuynh hướng chọn sách của độc giả hải ngoại, từ trước đến nay, có vẻ nghiêng về loại sách đấu tranh chính trị hơn là thuần túy văn học. Những *best seller* trong hơn 20 năm qua, hầu như đều là những hồi ký chính trị, hoặc nếu là sách văn học thì cũng là những tác phẩm mang ít nhiều tính cách đấu tranh chính trị. Vậy có lẽ ta nên phân biệt

sách bán chạy với sách có giá trị văn học.

Về phía xuất bản: Hiện nay việc in sách không khó. Bên Mỹ, hình như ai có trên 1000 đô-la và một máy vi tính là có thể in sách. Thành ra có sự "lạm phát" in ấn. Tình trạng này là một con dao hai lưỡi:

- Một mặt, nó chứng tỏ sự tự do của người cầm bút: Ai cũng có thể viết và muốn in bất cứ thứ gì cũng được, miễn là có tiền, do đó mà có nhiều đầu sách xuất hiện.

- Một mặt khác, sự in ấn bừa bãi làm mất niềm tin của độc giả (vốn đã ít ỏi). Người đọc mua phải một vài cuốn sách dở (những cuốn này đôi khi lại được các tạp chí văn học giới thiệu một cách khá trân trọng); lần sau họ hồ nghi những sản phẩm trình làng. Có thể vẫn đọc đấy, nhưng họ quay về với những tác phẩm *classique*, đã được thời gian thanh lọc.

Trước đây (khi máy vi tính chưa xuất hiện nhiều), việc in ấn do các nhà xuất bản định đoạt. Mỗi nhà lựa chọn tác phẩm theo tiêu chuẩn riêng. Dù lựa cách nào, cũng đã có sự sàng lọc. Ngày nay, ngay cả những nhà xuất bản được tiếng là đứng đắn, có vẻ cũng phải bỏ dần cái quyền lựa sách hay để in, mà chỉ giữ việc in, in hộ, hoặc in những sách best seller để sống còn. Trong tình trạng "trăm hoa đua nở" như thế, những sách hay, hoạ hoằn nếu có xuất hiện, cũng bị chìm trong đống thượng vàng hạ cám. Ví dụ như trường hợp cuốn *Đoản Văn Xa Nước* của Vũ Khắc Khoan, do An Tiêm xuất bản năm 1995, là một cuốn sách hay nhưng dường như ít ai biết đến.

Về phía những người giới thiệu sách: Ở một mức độ nào đó, các tạp chí văn học như *Thế Kỷ 21*, *Hợp Lưu*, *Văn Học*, *Văn*, ... chắc cũng có phần trách nhiệm về sự mất niềm tin này. Người đọc tìm thấy ở phần giới thiệu sách mới của các tạp chí, rất nhiều tên sách và hầu như cuốn nào cũng đáng đọc cả! Thậm chí có những cuốn rất dở cũng được giới thiệu hoặc ra mắt hết sức nồng hậu, vì người viết là văn hữu hay là vì những lý do nào khác?

Nói như vậy, không có ý trách các anh chủ biên, vì ai cũng biết rằng ngoài công việc sinh sống hành ngày, người chủ biên còn phải làm hết mọi việc từ lựa bài, viết bài, đến *layout*, ... Cho nên dù muốn, họ cũng không có thì giờ đọc hết sách gửi đến toà soạn mỗi tháng, để viết giới thiệu thay người phê bình. Hiện tượng này chứng tỏ một thực tế: Ở hải ngoại không có người phê bình chuyên nghiệp, riêng cho một tờ báo, hoặc chuyên viết cho vài tờ báo. Vài người làm việc tài tử và thường lại ở xa Cali, nơi xuất hiện phần lớn các tác phẩm hải ngoại, cho nên họ không thể giới thiệu cho độc giả thấy rõ bộ mặt văn học hải ngoại.

Về phía người viết: Lực viết cũng yếu đi. Nhiều tác giả nổi danh thời

kỳ đầu (80-87) ngày nay không còn viết nữa, hoặc viết rất ít. Những người viết sau chưa mấy ai gây được uy thế văn học như những người đi trước.

Ngoài ra, nghề văn là một nghề lao động trí thức. Nhà thơ Lê Đạt thường nói một cách hóm hỉnh: Phải có "đầu vào" thì mới có "đầu ra". "Đầu" ở đây có thể hiểu là đầu sách, đầu óc mà cũng có thể hiểu là đầu tư. Kinh nghiệm cho biết là muốn tiếp tục viết, nhà văn phải có thì giờ đầu tư vào địa hạt tư tưởng, rồi từ đó mới có thể sản xuất ra được tác phẩm của mình. Tình trạng chung của nhà văn Việt Nam, trong nước cũng như ngoài nước, hình như là phần lớn đều thành danh nhờ tài năng của mình. Và khi đã vận dụng hết tài năng, trong một vài tác phẩm, thì họ hết vốn. Nếu không có phần đầu tư tri thức -tức là vay mượn thêm của người khác- thì khó có thể tiếp tục được. Sáng tác chẳng qua chỉ là công việc điều chế hay nghiền nát những tư duy thu thập được trong đời sống và trong kiến thức văn hóa của loài người để tác thành sản phẩm của riêng mình. Sáng tác cũng tựa như thuật luyện kim, nếu không có quặng thì làm sao nên kim được?

Nhìn lại thời kỳ cực thịnh của văn học miền Nam những năm 60-70, thì đó cũng là thời kỳ triết học Đông Tây được phát triển mạnh mẽ trong đại học cũng như trong giới trí thức. Những tác giả lớn của Tây phương được dịch và phổ biến rộng rãi ở miền Nam. Những trào lưu tư tưởng Đông Tây được các nhà văn áp dụng trực tiếp hoặc gián tiếp trong tác phẩm của họ. Cho nên những tác phẩm hay của văn học miền Nam đều có khía cạnh sâu sắc không những về văn thái mà còn về phương diện tư tưởng nữa.

Ở hải ngoại ngày nay, những khuynh hướng đổi mới thơ văn có vẻ nghiêng về hình thức. Chú trọng đến cách xếp chữ lên xuống, đến những ngôn từ thanh hoặc tục trong bài văn. Mà chưa mấy ai thật sự đặt vấn đề thay đổi nội dung suy tưởng của một bài thơ, bài văn.

Tất cả những sự đổi mới, muốn có giá trị lâu dài, đều phải gánh cả nội dung lẫn hình thức. Vì trong hình thức có nội dung. Ví dụ Thanh Tâm Tuyền không chỉ làm mới thơ với cách làm câu dài ngắn khác nhau, mà thơ ông còn chở một nội dung tư tưởng về những khổ đau của con người trong xã hội kỹ nghệ, xã hội tiêu thụ, qua những đống rác, những ám ảnh của sự mất niềm tin, những sự tha hóa cuả tâm hồn, những nỗi hoang mang trong cuộc sống ... Thơ văn xuôi của Đặng Đình Hưng mang chất hermétique của con người bị tù hãm thể xác nhưng lại vô cùng tự do trong tư tưởng ...

Nhưng những các phẩm văn học có giá trị càng cao thì lại càng kén độc giả. Những người *avant-garde* thường chỉ tìm được sự thành công, rất

lâu sau khi tác phẩm ra đời. Cho nên nếu ngày nay, những tác phẩm giá trị -nếu có- của văn học hải ngoại không được mọi người chú ý, thì cũng không có gì đáng ngại. Vì nó sẽ còn sống với ngày mai.

II. Về câu hỏi này tôi xin trả lời vắn tắt: *Internet* rút ngắn khoảng cách không gian và thời gian. Khiến những người ở xa nhau ngàn dặm có thể trao đổi với nhau mà không tốn kém tiền bạc như điện thoại. Không mất thì giờ bằng gửi thư qua bưu điện. Nhưng cách dùng Internet hiện nay vẫn còn dành riêng cho những người thông thạo vi tính, chưa đến được với hết mọi người. Tuy vậy *Internet* giúp cho các báo và các nhà xuất bản tiết kiệm thời gian và công việc không nhỏ.

Nhưng Internet còn là một tiến bộ khoa học không màng đến điều kiện nhân văn. Khoa học dường như, cho đến nay, vẫn "bỏ rơi" con người. Chính vì chỗ đó mà thế giới ngày nay có nguy cơ tha hóa: bằng sự ô nhiễm môi sinh, bằng sự thất nghiệp lan rộng, hoặc sự cách biệt sâu xa giữa một xã hội tiêu thụ triệt để như ở Mỹ và những nước kém may mắn kém mở mang như ở Châu Phi.

Internet giúp cho sự thông tin, trao đổi giữa người và người được mau lẹ hơn. Để làm gì? Khi mà cùng một lúc, ở một nơi, với 1/2 đô la, có thể cứu được mạng sống của một đứa trẻ; và ở một nơi khác, chỉ cần khui thùng rác người ta cũng tìm thấy bừa mứa đồ ăn sa thải hàng ngày.

Cho nên, khi nào khoa học chưa thực sự phục vụ nhân văn, thì có lẽ, nó chưa phải là một thành công đáng kể.

• Nguyễn Quốc Trụ, nhà phê bình văn học, Gia Nã Đại

Hai nhà thơ Lê Đạt và Dương Tường, trên Tạp chí Thơ số mùa đông 1997, nhận xét, *"Thơ trong nước có một phần nổi và một phần chìm... phần nổi thì quá yếu. Nhưng không thiếu những tài năng trẻ chưa được khám phá... Nhược điểm của thơ Việt là đã quá lâu không được tiếp xúc với thi ca thế giới, bị gò bó bởi hiện tượng cách biệt và tính chất địa phương..."*

Theo Lê Đạt, *"cần phải có nhiều cố gắng hơn nữa trong việc dịch thơ, giới thiệu thơ thế giới. Ở hải ngoại có những điều kiện đóng góp đó."* Một điều lạ, theo ông, *"ta luôn hô hào những đóng góp của ngoài nước về mặt khoa học, kỹ thuật, nhưng lại lơ là trong lãnh vực thơ, như thơ không quan trọng không cần hiện đại hóa... có báo Tin Học, mà không có một Tạp chí Thơ như hải ngoại.* (Ông cũng chú thích, "tôi không thích từ này lắm").

Trước nữa, qua phỏng vấn nhà văn Nguyễn Huy Thiệp, trên Văn Học (128, tháng Chạp, 1996), ông nói: *"Có thời gian chúng tôi viết được nhiều... và lúc biết nhiều hơn thì lại không viết gì được nữa."* Như vậy, thị trường sách ở trong nước đang "chững lại", có thể là do tâm trạng của người viết ở ngưỡng cửa đóng/mở, của thế kỷ, thiên kỷ; và của đổi mới. Vả chăng số lượng sách in (tirage) ở trong nước ít chính xác, như một nhận xét, của Y Chi trên *Văn Học*. Thay vì trả lời phỏng vấn, xin ghi lại ở đây về tâm trạng trong/ngoài, qua kinh nghiệm của một số nhà văn.

Tzvetan Todorov, trong *Kẻ Bán Xới* (L'Homme dépaysé), khi bàn về tự do của nghệ sĩ, đã nhắc lại nhận xét của nhà văn Mỹ Philip Roth, rằng, rất nhiều người ở Tây phương thèm thuồng mà không dám nói thẳng ra, những sự đàn áp, bách hại mà những nhà văn Đông phương phải chịu đựng, như thể *"thiếu cái cùm hay sợi dây trói, khả năng tưởng tượng của họ sút giảm đi, và sự cần thiết, tính nghiêm trọng của văn chương xem ra không còn nhiều"*.

A. Camus lại giải thích hiện tượng này bằng một câu thơ của Holderlin, mà ông rất thích: *"Ở đâu có hiểm nguy thì cũng có cứu rỗi"* (Là où croit le danger, croit aussi ce qui sauve). Theo thời gian, Camus ngày càng muốn đảo ngược câu thơ: *"Chốn bình an, thời gian của những hiểm nguy"* (Là où vient la paix, croit aussi le temps des dangers).

Nhà văn Balan Kasimierz Brandys hiện đang sống ở Paris, cay đắng hơn, tuyên bố: *"Áp bức làm khùng, nhưng tự do làm ngu."* (L'oppression rend fou, mais la liberté rend idiot). Leo Strauss thì tin rằng, sự bách hại thanh-hóa (affiner) nghệ thuật viết. Càng "lách" giỏi bao nhiêu càng viết hay bấy nhiêu. Todorov tự hỏi, phải chăng tự do diễn đạt có một "sai sót" bí mật nào đó? Theo ông, ở những nước dân chủ Tây phương, nhà văn, vì được tự do diễn đạt cho nên không tin rằng, những gì họ viết ra tạo được sự chú ý nơi độc giả: Anh tha hồ viết/nói, nhưng chẳng ai thèm đọc/nghe anh đâu. Ngược lại, trong xã hội toàn trị, chế độ kiểm duyệt, những người tù do lương tâm, sự kiên cường của họ làm cho những điều họ nói/làm/viết trở nên rất quan trọng, và cần thiết.

Nhìn vấn đề gần hơn, tại Đông Âu, nhà văn có thể chọn lựa trong số ba vai trò. Trước hết, vai trò "chính thức": Liên hệ giữa họ và Nhà nước rất "mạnh" và do Nhà nước đặt để. Nhà văn được rất nhiều đặc quyền. Nhưng nhà nước đòi hỏi ở họ: Chẳng những không được nói điều không được nói, mà tệ hơn, nói điều phải nói. Thứ hai là vai trò chống đối: liên hệ giữa họ và cuộc sống vây quanh rất mạnh: xã hội dân sự, tưởng như vô hình, nhưng thực sự hiện hữu. Đừng mong đặc quyền, tưởng thưởng, nhưng là tiếng nói của dân chúng. Vai trò thứ ba, nhà nghệ sĩ thuần tuý. Anh ta viết

cho anh ta, cho nghệ thuật, cho thiên thu, anh nhắc tới điển cố quá khứ, cõi riêng, tháp ngà. Ở đây có sự chân thật, lương thiện: hình như có một "thái độ" như vậy ở một số người viết miền Nam trước 75 ở trong nước? Đối diện với tam giác văn chương này, nhà văn "Tây phương, hải ngoại" chúng ta "tụ" lại còn một điểm: một cá nhân cô đơn, riêng lẻ, viết mà chẳng biết có ai đọc không. Viết để đó, nếu may ra có chút tiền, hoặc bạn bè giúp đỡ, cơ quan hội đoàn bảo trợ, thì in chơi, như một dịp gặp bạn, sinh nhật, nhớ về trường cũ, đồng đội xưa... Phải chăng đó là con số 500 đầu sách của thị trường hải ngoại?...

● Nguyễn Thế Việt, nhà nghiên cứu văn học, Đức quốc

1- Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng bi quan trong mối quan hệ giữa cung và cầu, giữa khâu sản xuất và khâu tiêu thụ, giữa tác giả và công chúng trong nghề văn hiện nay. Loại trừ những nguyên nhân có ý nghĩa toàn cầu như sự phát triển chóng mặt của các ngành khoa học ứng dụng, nhịp độ làm việc của con người trong xã hội công nghiệp v.v...đã ngốn đi phần lớn thời gian của công chúng văn học lý tưởng trước đây, phần còn lại phải bàn rốt cuộc vẫn là khả năng cạnh tranh của văn học với các loại hình nghệ thuật hoặc văn hóa khác trong đời sống tinh thần người Việt hiện nay.

Nếu so sánh khả năng cập nhật nhanh và tiện lợi với công chúng thì văn học đang phải lẽo đẽo xếp hàng sau các loại phim thâu băng, phim vô tuyến truyền hình...Nếu làm một phép thống kê thuần túy chẳng hạn giữa sách chưởng Hông Kông và phim chưởng Hông kông, có chung một thị hiếu đối với độc giả thì kỷ lục bán chạy hơn chắc thuộc về những cuốn băng nhựa phát hình.

Điều đó có nghĩa là khả năng gây ấn tượng bằng ký hiệu con chữ trong văn học đối với công chúng hiện đại dù sao cũng hạn chế hơn so với thời đã qua, khi nó còn hầu như độc quyền làm nhịp cầu nối giữa tác giả và công chúng.

Tuy nhiên nếu so sánh cùng loại chẳng hạn giữa sách văn học và nhật báo thì số phận của sách văn học cũng không thể khá hơn. Nhật báo cập nhật các sự kiện thời sự, các biến động chính trị hoặc những chuyện giời ơi đất hỡi trong đời sống đó đây lại phù hợp với kiểu đọc "chay", tranh chấp với thời gian luôn bị ngắt quãng của con người hiện nay. Cuối cùng, nếu có thể đến được công chúng hiện nay văn học phải đứng trước các thử thách sau:

- *Cạnh tranh về mặt thời gian:* Tác phẩm ngắn hoặc được chia thành

nhiều tiểu phẩm ngắn vẫn có hy vọng cạnh tranh hơn tác phẩm dài hơi, quy mô. Lấy một ví dụ từ thực tế: ở hải ngoại bạn văn nào cũng từng đọc Nguyễn Mộng Giác. Anh vừa là tác giả nhiều tập truyện ngắn vừa là tác giả của hai bộ trường thiên tiểu thuyết. Riêng tôi, từ mấy năm trước đây đã được đọc những tập truyện ngắn đặc sắc của anh, lý do đơn giản là vì nó ngắn, dễ mượn, dễ mua. Mãi tới gần đây được đọc *"Mùa Biển Động"* và *"Sông Côn Mùa Lũ"* của anh, tôi mới giật mình. Đây là hai bộ trường thiên tiểu thuyết có vị trí xứng đáng trong lịch sử văn học Việt Nam , đặc biệt là bộ *"Sông Côn Mùa Lũ"* đã đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ trong cách tiếp cận quá khứ của văn học đương đại. Thế mà chỉ vì lý do tác phẩm dài, đồ sộ, tôi đã đọc một cách muộn màn .

-Cạnh tranh về mặt thị hiếu: Đây là vấn đề hóc búa, không chỉ phụ thuộc vào tài năng mà còn là vấn đề bản lĩnh của người viết. Thị hiếu công chúng quyết định số phận *tạm thời* , *trước mắt* của tác phẩm. Thị hiếu công chúng không phải là cái gì đó nhất thành bất biến. Nó biến đổi, dù chậm chạp trong mối quan hệ tương tác với nhà văn (người đầu bếp cần mẫn). Chính vì thế, hiện tượng tác phẩm bị từ chối, bị "chết" ngay lúc vừa sinh ra, lại được đón tiếp nhiệt thành ở những thời đại kế tiếp và ngược lại là hiện tượng bình thường. Nhà văn nếu chỉ chiều theo thị hiếu nhất thời chắc chắn cái dạ dày của anh ta sẽ được cung phụng không đến nỗi tồi. Chính vì thế mà không hiếm các đại văn hào trong lịch sử đều phải dùng chiến thuật "lấy ngắn nuôi dài". Có thể vấn đề này cần lặp lại trong thời đại chúng ta chăng?

Như thế cũng có nghĩa là trong thị trường sách vở hiện nay không phải tất cả đều ế ẩm. Có hai loại sách bán chạy: Một là loại sách cung phụng thị hiếu số đông (sách kiếm hiệp, chuyện vụ án, tình dục...), hai là loại sách viết thật hay, sẽ tác động mạnh tới công chúng lý tưởng, tạo được dư luận xã hội, từ đó công chúng sẽ tìm đến "đọc thử" một lần xem sao. Liệu có giải pháp trung dung cho hai thái cực này không? Đó là vấn đề, theo tôi, chúng ta cần tiếp tục tranh luận.

2- Sự xuất hiện của kỹ thuật *Internet* có làm biến đổi mối quan hệ giữa cung và cầu trong thị trường sách, nhưng theo tôi không nhiều. Đại đa số công chúng vẫn trung thành với cuốn sách là thứ phương tiện tiếp nhận giản tiện và rẻ tiền. Các thành viên sinh hoạt văn học trên internet sẽ quan tâm hơn đến những vấn đề tranh luận trực tiếp và thời sự trong các câu lạc bộ hơn là tìm đọc tác phẩm nào đó được lưu hành trên mạng.

● **Nguyễn Thị Vinh & Nguyễn Hữu Nhật, nhà văn, Na Uy**

1- Chúng tôi không rành lắm về tình trạng xuất bản sách vở ở trong nước hiện nay, nhưng qua một số tờ báo xuất bản ở trong nước, rải rác mấy năm gần đây, chúng tôi thấy nhiều nhà báo hay tác giả đã lên tiếng than phiền về tình trạng xuất bản tác phẩm văn học. Phần lớn chỉ tăng, số tác giả có sách in, những loại "kiến thức phổ thông hoặc nhu cầu giải trí, làm đẹp". Số người đọc sách cả nước không tăng, người có tiền hay mải kiếm tiền phần đông không đọc sách văn học, những người đọc sách văn học thường lại là dân nghèo hoặc khá hơn một chút. Nông thôn, ngay vùng phụ cận Sài Gòn, Hà Nội, dân cầy thợ cấy đang khốn đốn về thuế má, nạn nhà nước ép giá gạo, sống dở chết dở, ai đọc sách? Đương nhiên số lượng in cho mỗi đầu sách phải giảm, 1000 là khá, có khi chỉ năm, ba trăm, nhất là thơ.

Việc xuất bản sách vở ở ngoài nước dễ mà khó. Dễ vì tránh được cái nạn mà các tác giả, thời nào và ở đâu cũng ghét thậm, ghét tệ, là chế độ kiểm duyệt và "nhà nước" nắm gọn nhà giấy, nhà in, nhà xuất bản nhà phát hành... Đồng thời ở ngoài nước, ai cũng biết, chạy tiền in một tập thơ hay văn chẳng dễ gì cho một số ít người, nhưng cũng không phải là điều mơ ước không thực hiện được, cả về nội dung lẫn phương tiện xuất bản. Ngoài này, trở ngại nhiều về phát hành, bà con ta ở rải rác khắp nơi trên thế giới mà cước phí gửi sách, đôi khi, đắt hơn tiền in sách. Thời giờ ít nên số người đọc giảm hoặc dậm chân tại chỗ.

Cuối cùng, theo theo một số tác giả và bạn đọc mà chúng tôi quen biết, số lượng sách in ở ngoài nước không nhích được lên vì nội dung của sách. Nếu nội dung gây được sự chú ý, vẫn có vài cuốn tái bản lần thứ hai, thứ ba trong vòng 6 tháng. Hẳn *Văn Học* nhà ta muốn né, chưa bàn vội tới chất lượng sách, chỉ hỏi nhau về số lượng mỗi đầu sách in ra? Ngoài này, bao gồm già trẻ lớn bé, chỉ khoảng 2 triệu người tứ tán, mà lượng sách "500", còn trong nước, hơn 70 triệu dân, lượng sách "1000", và ngoài này nhiều máy PC, *Internet* hoạt động mạnh, mà số đầu sách văn học ngày càng tăng và số lượng ra được như vậy, do đâu, xin hỏi lại Văn Học?

2- Chắc chắn là *Internet* ảnh hưởng nặng nề tới tới việc sáng tác và xuất bản của giới cầm bút. Nhưng là ảnh hưởng tốt nếu giới cầm bút và quý bạn đọc đều chia xẻ với nhận xét này: *Internet*, một phương tiện thông tin nhanh và rộng hơn bất cứ loại tạp chí, thông tin văn nghệ, được in ra. Nhưng "thưởng ngoạn" thì phải đọc sách, đọc báo, mới thấm những cái hay của tác phẩm. Đọc sách, không chỉ là thói quen lâu đời, khó bỏ, mà còn là "không khí", tạm thí dụ, tựa như ra quán uống cà-phê khác với

pha cà phê ngồi uống ở nhà. Cà-phê phin không giống cà-phê bít-tất. Nhạc sống khác nhạc chết. Hơi trừu tượng một chút, với chúng tôi, nếu chỉ đọc một tác phẩm văn học trong *Internet*, thấy không "có hồn" bằng cũng tác phẩm đó được đọc ở sách. Có tác giả còn bảo: "Tác phẩm của tôi ở dạng bản thảo, tôi thấy... thường, vậy mà khi đăng báo được trình bày đàng hoàng, đọc lại tôi thấy... hay". Thực tế hơn, nhiều nhà báo lấy bài từ *Internet*, nhanh và đỡ mất công gõ máy PC, nhưng bài trên *Internet*, dạng phổ biến miễn phí, có ai đó sẽ nghĩ rằng, không mua sách in, dù chỉ giữ trong tủ sách gia đình, đời sáng tác của những người cầm bút sẽ trôi về đâu? Nhìn tác quyền của sách ở những quốc gia khác mà chóng mặt, chưa kể chính phủ còn tài trợ cho các thư viện, như một phúc lợi xã hội, số tiền hàng năm trên mỗi đầu người dân trong việc khuyến khích đám đông đọc sách, như ở Na Uy, khoảng 50 USD, phủ Quốc vụ khanh Văn Hóa còn tài trợ cho các nhà xuất bản. Sách in nhiều nên rẻ, hay, nên càng nhiều người đọc, tác quyền cao, số lượng xuất bản càng tăng. Đặc biệt hơn, dân Na Uy là nước đứng hàng thứ hai, thứ ba trên thế giới về đọc sách in, mặc dù xứ xở này đang hãnh diện là một *"PC land"*, đất nước của máy vi tính cá nhân. Họ đang hình thành dự án, trong tương lai gần, mỗi người dân có một *e-post*, miễn phí, để ai đó cũng "chui" vào Internet được. Thông tin và kiến thức, giáo dục và đại chúng gắn bó với nhau. Cái gì đã khiến nước này hàng năm tăng số đầu sách văn học và lượng xuất bản? Ngoài những yếu tố kể trên, chỉ còn một điều sinh tử này: Giới cầm bút viết ra làm sao?

Tóm lại, chúng tôi, không ngán Internet, chỉ ngại chính mình viết không ra chi, mà lại mong lượng xuất bản cao thì chỉ... chết đống. Vài hàng thô thiển của chúng tôi trong dăm câu trả lời ngắn, mong quý bạn đọc và *Văn Học* thứ lỗi, nếu có chi sơ xuất.

● Bùi Vĩnh Phúc, nhà phê bình văn học, Hoa Kỳ

Lý do khiến người đọc Việt Nam - ở trong cũng như ở ngoài nước - bớt đọc sách, theo tôi nghĩ, là vì họ bị cuộc sống thúc bách quá. Ngoài sự thúc bách, có lẽ còn có sự cuốn hút nữa. Ở Việt Nam, xã hội đang có những thay đổi. Sự thay đổi về mặt kinh tế có lẽ mang trong nó nhiều sự cuốn hút và thúc bách lớn hơn hết. Người ta bị giằng kéo ra khỏi thế giới của chữ nghĩa, của những ý tưởng, những ước mơ để đâm đầu vào cái thế giới họ phải chạm mặt hằng ngày, với những vấn đề đòi hỏi phải được giải quyết ngay. Cái thế giới ấy còn quá nhiều dao động; con người, vì thế, cũng khó có thể tìm được một khoảng tĩnh lặng, trong cuộc sống vật lý cũng như trong đời sống tinh thần của mình, để có thể gắn bó với sách

vở một cách tha thiết như trước. Đời sống nóng hổi trước mặt còn có quá nhiều vấn đề. Có lẽ là, như thế, sách vở sẽ phải chờ đợi. Và, chúng ta phải cảm ơn sách vở về điều này. Chúng sẽ luôn luôn chờ đợi ta trong bất cứ một hoàn cảnh nào. Những quyển sách có một sự kiên nhẫn mà ta luôn mong mỏi là mình có thể tìm thấy được nơi con người.

Người đọc ở ngoài nước thì không bị đặt vào trong một bầu khí quyển đầy những dao động như người ở trong nước. Nhưng họ cũng phải chạy theo guồng máy. Ngoài ra, đời sống ở đây cũng có quá nhiều sự cuốn hút. Ngoài bao nhiêu vấn đề của cuộc sống hằng ngày cần phải giải quyết, con người chúng ta còn bị cám dỗ bởi bao nhiêu thú vui giải trí được cập nhật và đổi mới mỗi ngày. Chẳng hạn, *computer* là để làm việc, nhưng đối với nhiều người, nó cũng là một phương tiện giải trí. Chuyện "lên lưới" chẳng hạn. Có nhiều người bị nghiện. Mỗi ngày họ phải vào Web mấy tiếng đồng hồ, bỏ mặc cả những công việc khác. Thậm chí có một bà mẹ bị cảnh sát bắt vì tội mê "lên lưới". Mỗi ngày bà phải "lên lưới" chừng ba, bốn tiếng đồng hồ liền. Trước khi "lên lưới", bà để con còn nhỏ ở ngoài phòng; rồi bà khóa cửa lại cho thật kỹ. Sau đó là "thăng" lên Web luôn!!!

Những ai chưa tìm thấy ở những trang sách một người thày hay một người bạn tốt thì không bao giờ hiểu được thái độ của Jorge Luis Borges. Nhà văn người Argentina nổi tiếng khắp thế giới này đã chỉ sáng tác vài chục chuyện ngắn, vài ba tập thơ, cũng như chỉ viết một số tiểu luận, cũng rất ngắn. Và trả lời phỏng vấn. Vậy mà ông là một hiện tượng trên thế giới. Sách viết về ông bây giờ lên đến con số hàng ngàn. Tên của ông thường được giới văn học khắp nơi trên thế giới nhắc đến, từ Stockholm đến San Francisco, từ Poland đến Peru. Và người ta nhắc đến ông với cung cách như nhắc đến những bậc "sư tổ" trong văn học thế giới như Joyce, Proust hay Faulkner, đến nỗi tên ông được biến thành một tính từ, "Borgesian", giống như người ta đã dùng những tính từ "Sartrean" hay "Kafkaesque" để nhắc đến Sartre và Kafka.

Trong một cuộc phỏng vấn do Roberto Alifano thực hiện, để trả lời một câu hỏi liên quan đến lòng yêu mê sách vở của mình, như một thứ ám ảnh, một sự sùng bái, Borges - lúc bấy giờ đã bị mù - nói rằng: *"Tôi vẫn tiếp tục giả vờ như là chưa hề bị mù. Tôi vẫn tiếp tục mua sách. Tôi vẫn chất đầy căn nhà của tôi với toàn là sách... Tôi cảm thấy cái trọng lực đầy tính thân thiết của sách vở."* Borges tin tưởng rằng chẳng khi nào sách vở bị biến mất, rằng trong những phát minh của con người, quyển sách là một phát minh kỳ diệu và làm cho chính con người ngạc nhiên nhất: tất cả những phát minh khác chỉ là sự nối dài của cơ thể con người. điện thoại, chẳng hạn, là sự nối dài của tiếng nói chúng ta; viễn vọng

kính và kính hiển vi là sự nối dài của cái nhìn chúng ta; gươm giáo cũng như cái cầy là sự nối dài của cánh tay chúng ta. Chỉ có quyển sách là sự nối dài trí tưởng tượng và ký ức của con người. Giống như Gaston Bachelard, nhà sử học, triết gia về khoa học, và cũng là một nhà phê bình văn chương hết sức sáng tạo và đầy ảnh hưởng của Pháp, đã nói: *"Chẳng phải thiên đàng là một thư viện vĩ đại hay sao?"* ["là haut, au ciel, le paradis n'est-il pas une immense bibliothèque?"], Borges cũng xem thiên đàng là một thư viện (Không hiểu ông có biết rằng Bachelard cũng đã đưa ra ý kiến như thế hay không?). Và khi ông đến được thiên đàng thì ông đã bị mù. Ông xem đó là sự oái oăm của Thượng đế, *God' s irony* (trong bài *Poema de los dones*/Bài thơ của những sự trao tặng). Dù sao, đối với Borges, sách vở là cội nguồn phong phú của hạnh phúc. Và nếu đúng như Borges cảm nhận và kinh nghiệm thì người Việt chúng ta, cả trong nước lẫn ngoài nước, vì những hoàn cảnh riêng tư và khốn khổ của mình, đang rời xa cõi nguồn đó chăng? Tôi hy vọng là, dù cho có bị cám dỗ và thu hút vì bao nhiêu điều khác, rồi chúng ta cũng sẽ tìm được đường về cõi nguồn thiết tha đó. Và những quyển sách thì lúc nào cũng kiên nhẫn chờ đợi con người.

Về sự phát triển của mạng lưới truyền thông, đặc biệt của Internet, tôi tin tưởng là sự phát triển này sẽ kết nối vòng tay của nhân loại lại, khiến con người càng ngày càng trở nên gần gũi nhau nhiều hơn nữa. Mà chẳng phải chỉ nối kết vòng tay, mạng lưới này sẽ nối kết và mở rộng trí óc, sự tưởng tượng và ký ức của con người ở khắp nơi trên thế giới. Không một cánh cửa nào, không một tấm màn nào (dù là màn nhung, màn sắt hay màn tre) có thể tiếp tục che chắn ánh sáng của một thời đại mới. Nhiều biến động trên thế giới trong mọi mặt đã xảy ra vì sự phát triển của mạng lưới này. Mức độ và nhịp độ của những biến động sẽ càng ngày càng lớn, càng nhanh. Con người không thể tránh được những biến động ấy. Cuộc cách mạng đã bùng nổ và không ai có thể ngăn cản sức lan của nó.

So sánh sách vở với mạng lưới truyền thông điện toán bây giờ, dù sao, người ta vẫn không tin rằng sách vở sẽ bị đào thải. Sách vở có những giá trị riêng của nó mà màn ảnh computer hay hệ thống truyền thông điện toán không thể thay thế nổi. Chính ông vua điện toán Bill Gates, trong một cuộc phỏng vấn trên một số báo TIME, cũng tin tưởng như thế. Ông cho biết rằng, mỗi ngày, ông vẫn thấy phải tiếp tục đọc thêm các sách báo để cập nhật cũng như đào sâu các kiến thức của riêng mình.

Quyển sách và tờ báo sẽ vẫn tiếp tục nằm trên kệ hay trên các giá sách để chờ đón mỗi người chúng ta.

• Nguyễn Nguyên Thanh, nhà thơ, Đức quốc

1a- Trong nước: Thời mở cửa người dân chỉ cần có tiền là đủ để in bất cứ sách gì cho mình. Nhiều người viết đương nhiên không thích bị kiểm duyệt, không cần biết có người đọc hay không, chỉ cốt có tác phẩm. Nhà xuất bản thì thường hay cho qua, miễn là có việc làm tức là có tiền để sống. Trong một nền kinh tế thị trường hỗn loạn thì cái xin tạm gọi là "Chợ sách" cũng nhốn nháo, của thật thì ít, đồ giả tưởng như thật thì nhiều!

Trong khi đó người dân đã có nhiều phương tiện giải trí khác thích hợp cho lối sống đầy tốc độ, thích mì ăn liền hơn là mất công sức thời giờ để đọc sách, mà nhiều khi gặp phải những truyện nhảm nhí lại càng thêm bực mình. Sách ế là phải.

1b- Ngoài nước: Người Việt phải bỏ nước ra đi ngày càng mất gốc về văn hóa. Số người yêu tiếng Việt, sống chết với tiếng Việt ngày càng mai một dần. Để có thể hội nhập thật nhanh chóng vào đời sống bản xứ người ta phải xa lánh tiếng Việt càng nhiều càng tốt. Đó là chưa nói đến lớp trẻ ngay từ khi chào đời đã hấp thụ một cách tự nhiên ngôn ngữ và lối sống của Âu Tây.

Người đọc sách tiếng Việt như vậy thật quá ít ỏi cho một nền văn học tiếng Việt đúng nghĩa.

Khi đã không có môi trường thuận lợi cho giới sáng tác như trên, mà hậu quả của nó là thiếu sự thưởng thức nghiêm túc, phê bình thành thật, thì bản thân giới sáng tác bị rơi vào khoảng không tự huyễn hoặc mình, không còn biết đâu là giới hạn. Thế là mạnh ai nấy làm, ai cũng tự khen cho văn thơ của mình là hơn người. Ai muốn in sách báo gì thì in, chẳng có ai cạnh tranh, không tuân theo qui luật sàng lọc tự nhiên có chất lượng của giới thưởng ngoạn. Đã thế mỗi một tờ báo, một nhóm văn hữu lại tự khu biệt mình, không chấp nhận những văn phong không hợp gu với mình.

Nói thêm về chất lượng sáng tác: do mất gốc, do không còn sống trên quê cha đất tổ nên không còn được kế thừa những tâm thức và vô thức thuộc về tâm linh của giống nòi, dân tộc thông qua những hình ảnh cụ thể nhất, trong quá trình thai nghén và sáng tác. Vì vậy người đọc thuộc lớp già thiếu sự rung cảm, không còn cơ hội đồng sáng tác, còn lớp trẻ thì cảm thấy xa lạ. Số tác phẩm của lớp trẻ viết về đời sống của mình tại hải ngoại thì chỉ phù hợp cho chính thế hệ của họ, lớp già chưa đủ cảm thức văn hóa Âu Tây để tiếp nhận một cách trọn vẹn.

Chưa ở đâu người mình có thể tự do sáng tác, xuất bản như khi tạm

dung trên xứ người. Tác giả viết là để cho bản thân và bạn bè tâm đắc. Có mấy ai sống vì nghề cầm bút được đâu. Có được đầu sách ra không lỗ vốn đã là qúy. Đó là một cách tự khẳng định giá trị cũ không còn hợp thời ở một thế giới văn hóa xa lạ cả về ngôn ngữ lẫn lối sống.

2. *Internet* là một phương tiện truyền thông tiện dụng, nhanh chóng và rẻ tiền của đương đại. Nó cho phép người ta trao đổi, đọc văn chương của nhau một cách nhanh chóng bất chấp khoảng cách. Nhưng nhược điểm của "văn chương Internet" là một loại mì ăn liền tuy rất thực dụng nhưng giá trị văn chương không được coi trọng bằng sự nhanh nhạy thời gian tính. ít nhất là cho đến thời điểm hiện tại.

Nhưng nếu coi Internet chỉ là phương tiện trao đổi, thăm dò dư luận trước khi in thành sách, báo, trên giấy trắng mực đen (hay đỏ) thì giới sáng tác sẽ có nhiều cơ hội để viết mà không lặp lại người khác.

Tôi mong ước giới cầm bút người Việt trên khắp thế giới sẽ có một trang Internet chung để ai cũng có thể đưa hoặc lấy những sáng tác mới nhất của nhau một cách tự do nhất với những phê bình thành thật nhất.

Với xu hướng này, có phải chăng là đến một lúc nào đó việc không bán được sách, số lượng ấn bản ít dù ở trong hay ngoài nước không còn là mối ưu tư của người cầm bút?

• Nguyễn Thị Thanh Bình, nhà văn, Hoa Kỳ

1. Theo tôi nguyên nhân chính đưa tới tình trạng suy thoái này là vì số độc giả càng ngày càng ít mà lượng sách xuất bản, số tác giả có sách vẫn gia tăng vèo vèo - Gia tăng đến nỗi nhiều người có cảm tưởng chúng ta đang ở trong thị trường lạm phát chữ nghiã - Bất cứ ai cũng có thể có "tác phẩm", có phương tiện để tự in sách của mình. Điều này không khó, chỉ khó là giá trị vàng thau bị lẫn lộn làm kinh ngạc người đọc. Một số bạn đọc thoạt đầu còn hăm hở ủng hộ một số "tác phẩm", nhưng rồi sau đó dĩ nhiên không còn ai đủ can đảm thử thời vận thêm nữa. Họ đâm vắng mặt dần dần ở những hiệu sách cũng như ở những buổi ra mắt sách. Sự thất vọng và chán chường khiến thiên hạ không còn màng đến thói quen đọc sách mua sách nữa.. Sách báo in ra nhiều khi chỉ thu hẹp lại trong một nhóm bạn bè được ký tặng đọc với nhau, sinh hoạt với nhau cho vui thế thôi.

Nhu cầu này lắm khi còn bị thay thế bởi những cuốn băng video sống động hay nếu cần thì "lên lưới" đọc hoặc báo biếu, báo chợ chất về cả đống. Nói chung giới tiêu thụ sách báo càng ngày càng có nhiều cơ hội

tính toán so đo. Giới trẻ vốn vung vít tiền bạc và ít tính toán thì đâu còn mấy ai thiết tha đến sách báo mẹ đẻ. Giới già thì mệt mỏi với tuổi đời càng ngày mắt càng nhá nhem. Giới xồn xồn thì bận rộn với đời sống cơm áo và trăm nghìn nhu cầu bổn phận khác. Do đó, một khi số cung nhiều hơn số cầu, chắc chắn ngành xuất bản sẽ phải bị ứ đọng, đình trệ. Làm ăn lỗ lã, các hiệu sách trể nãi lơ là việc thanh toán tiền bạc...Vậy thử hỏi còn ai dám liều lĩnh in sách cho nhiều (?!) Sách in cầm chừng, nhưng đối với những tác giả tên tuổi uy tín thì sự tái bản về sau sẽ dễ dàng mời gọi, hấp dẫn bạn đọc tìm mua hơn.

2. Dĩ nhiên một trong những động lực thôi thúc chúng ta sáng tác là những tiếng vọng đến từ phía người đọc. Tác phẩm in ra bao giờ cũng mong muốn được có người thưởng thức. Ở hải ngoại, số độc giả tiêu thụ sách báo Việt đại đa số là những vị đã lớn tuổi. Cứ nhìn trong những buổi ra mắt sách chúng ta cũng đủ thấy họa hoằn lắm mới có sự xuất hiện của những độc giả trẻ tuổi trên dưới hai mươi, còn thì chỉ bắt gặp những khuôn mặt đã bước vào tuổi trung niên hoặc cao niên mà thôi. Với phương tiện truyền thông tiện dụng và nhanh chóng của hệ thống Internet, chắc chắn từ đó sẽ mọc thêm một số lượng độc giả trẻ tuổi vốn ưa thích táy máy với cái máy điện toán. Mà một khi đã thu hút được một số bạn trẻ lại gần với chữ nghiã mẹ đẻ, thì có thể đường lối sáng tác của một số cây bút sẽ từ từ theo đó chuyển hướng hoặc thay đổi đề tài để thích ứng. Đó là chưa kể việc đưa đến sự thành hình một đội ngũ sáng tác của những cây bút trẻ lớn lên ở quê người. Chính họ là người có khả năng nuôi dưỡng những sinh hoạt văn học nghệ thuật ở đường trường. Ngoài ra nhờ sự phổ biến rộng rãi và dễ dàng của hệ thống "liên mạng", một cách nào đó những tác phẩm của chúng ta có cơ may được chia sẻ với tất cả mọi giới độc giả trên toàn cầu. Dĩ nhiên từ đó họ sẽ đi tới quyết định chọn mua để được theo dõi đầy đủ toàn bộ tác phẩm hoặc đọc...miễn phí mà thôi. Thật tình cũng khó tiên đoán được tác động tiêu thụ sách báo có thể nhờ vậy tăng hơn hoặc ít đi, tuy nhiên chắc chắn ngành xuất bản sách báo sẽ tiết kiệm được những khoản tiền đánh máy cũng như đỡ mất thời giờ gởi tới gởi lui sửa lỗi chính tả... nhờ vào sự phổ thông nhà nào cũng có máy vi tính. Nói gì thì nói, dù với đà phát triển tiến bộ của hệ thống Intenet đi nữa, tôi chắc sự ảnh hưởng đến việc sáng tác và xuất bản của giới cầm bút cũng không đáng kể. Lý do chúng ta chắc cũng sáng tác tà tà như vậy thôi nếu không có những động lực khác và một số đông độc giả chắc cũng muốn có một "cuốn sách thực sự" để được tha hồ đi, đứng, ngồi, nằm, đọc hoặc ôm ấp... hơn là phải khổ thân "trụ trì" trước màn ảnh.

• Phùng Nguyễn, nhà văn, Hoa Kỳ

1. Tình trạng trì trệ của ngành xuất bản trong và ngoài nước trong vài năm gần đây về mặt tác phẩm văn học nghệ thuật có nhiều nguyên nhân mà một người lơ là như tôi không hiểu rõ cho lắm. Ở trong nước, có thể tác phẩm văn chương nghệ thuật đã phải nhường chỗ cho các loại sách báo thực dụng khi mọi người đang phải chạy đua với thực trạng kinh tế. Sách dạy ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh, ứng dụng điện toán, tiếp thị, quản lý kinh doanh được chiếu cố nồng hậu bởi giới trẻ đang cố tìm cho mình một vị trí khả quan trong bối cảnh mới của đất nước. Ngoài ra, theo nhà văn Y Chi trong một bài viết trên *Văn Học* gần đây, số lượng thực sự được in ra của một số đầu sách có thể cao hơn con số chúng ta nhìn thấy ở bìa sách vì một số lý do có liên quan đến lợi nhuận. Tuy nhiên, ngay cả nếu điều này là thực, tình hình xuất bản ở nội địa cũng chẳng có gì lạc quan cho lắm.

Tại hải ngoại, độc giả sách Việt ngữ ngày một thui chột nếu không có gì thay đổi trong chiều hướng sáng tác cũng như phương pháp quảng cáo và phát hành. Độc giả trung thành của nền Văn Học hải ngoại rơi rụng dần cùng tháng năm chồng chất, trong khi cho đến gần đây, đa số tác phẩm văn học vẫn chưa quan tâm đúng mức đến tâm tư và hoàn cảnh của lớp độc giả mới, những người tuổi trẻ hải ngoại. Thêm nữa, sách truyện không được quảng bá rộng rãi đúng mức, người đọc ở xa có khi không biết đến sự hiện diện của một cuốn sách mới xuất bản. Những buổi ra mắt sách ở thủ đô tị nạn, trung tâm văn hóa của người Việt hải ngoại, không lôi kéo được sự chú ý của đám đông, một phần vì cái mô thức cổ lổ sĩ trong đó cuộc tụ họp được thực hiện, sáo mòn và uể oải. Có lẽ các nhà tổ chức nên nghĩ đến một phương pháp mới lạ hơn, có ồn ào náo nhiệt hơn một tí cũng chẳng sao. Cứu cánh biện minh cho phương tiện mà!)

2. Sáng tác và xuất bản có liên quan mật thiết với nhau. Hệ thống Internet chắc chắn đang và sẽ có ảnh hưởng thuận lợi đến việc sáng tác của người Việt hải ngoại. Trong một bài viết năm ngoái, tôi có nhắc đến nhu cầu sáng tác của giới trẻ, và hệ thống *Internet* vô hình chung đã trở nên một môi trường thuận lợi cho việc phổ biến các sáng tác này. Tạp chí điện tử *VHNT Liên Mạng* do Phạm Chi Lan và các thân hữu điều hành đã xuất hiện liên tục trên hệ thống này trong hai năm qua với số độc giả ngày càng gia tăng cùng với các trang nhà có nội dung văn học mọc ra như nấm là một bằng chứng cho thấy giới trẻ hải ngoại không đến nỗi lơ là lắm với những tác phẩm viết bằng tiếng mẹ đẻ. Những tụ điểm này tạo thêm điều

kiện cho các bạn trẻ khác có cơ hội làm quen với văn chương Việt Nam, từ đó, nhu cầu đọc và sáng tác càng gia tăng. Trong số những người bắt đầu viết lách từ nhu cầu nêu trên, sẽ có những ngòi bút vượt lên trên, và họ chính là nguồn hy vọng cho một nối tiếp của những ngòi bút sắp đi vào bóng tối bởi tháng năm chồng chất.

Về mặt xuất bản, hệ thống Internet có thể đóng cùng một lúc hai vai trò, cạnh tranh với phương pháp xuất bản cổ điển đồng thời tạo cơ hội cho sách in được chiếu cố nhiều hơn nhờ vào sự quảng bá sâu rộng và tiện lợi của phương tiện truyền thông hiện đại này. Nhà sách siêu không gian nổi tiếng *Amazon.com* với hai triệu rưỡi đầu sách được trang bị với hệ thống truy cập vô cùng hiệu quả và nhanh chóng cho độc giả muốn tìm đúng tựa sách mong muốn. Có thể kết luận một cách an toàn là việc sử dụng hệ thống Internet như là một môi trường phân phối đã nâng cao một cách đáng kể số lượng sách tiêu thụ nói chung. Có lẽ đã đến lúc các cơ sở xuất bản Việt Nam trong và ngoài nước nên nghĩ đến việc lợi dụng Internet cho công cuộc quảng cáo và phát hành sách của mình trên siêu không gian.

- **Cao Xuân Lý, nhà văn, Úc châu**

1. Những vấn đề sau đây ảnh hưởng số lượng sách in:

- Một số độc giả hướng về những nhu cầu giải trí khác dễ dãi hơn, như ti vi, video, những chương trình ca nhạc... Nhận định này đúng cho cả ở trong nước và hải ngoại.

Trong nước, có quá nhiều nhà xuất bản, hầu như tỉnh nào cũng có nhà xuất bản, chưa kể nhà xuất bản của các tập thơ, như nhà xuất bản *Thanh niên*, nhà xuất bản *Công An*...và mỗi nhà xuất bản ở tỉnh thường chỉ có một địa bàn nhỏ là địa phương của mình.

Hải ngoại, hệ thống thư viện công cộng ở các nước có người Việt định cư đông đảo có rất nhiều sách tiếng Việt, điều kiện cho mượn hết sức dễ dàng với số lượng lớn lao (20 cuốn, tại các thư viện Úc), nên phần đông người đọc không cảm thấy có nhu cầu phải mua sách nếu không có ý định lập tủ sách gia đình.

-Kinh tế các nước tư bản đang trong thi kỳ khó khăn, giá một cuốn sách lại quá cao vì cước phí chuyên chở, làm cho những ngưi muốn mua sách trở nên tính toán hơn.

2. Ảnh hưởng của internet:

-Internet có ảnh hưởng quan trọng trong việc phổ biến tác phẩm,

chính nó cũng làm giảm sút số lượng sách được in ra. Một khi đã đọc trên internet rồi thì chắc cũng không cần thiết phải mua nếu không phải mua để làm tài liệu. Hơn nữa, internet cũng đã ngốn gần hết giờ giải trí của một người ham mê nó thì thì giờ dành cho sách vở (*hard copy*) hẳn phải ít đi. Tuy vậy, nếu chỉ để ý đến mặt phổ biến tác phẩm thôi thì internet có sức mạnh vô địch. Nó khuyến khích sự sáng tác dù chẳng mang lại lợi lộc vật chất gì.

• Trần Hoài Thư, nhà văn, Hoa Kỳ

1) Tôi thật sự không nghĩ rằng tình trạng xuất bản tại hải ngoại lại lâm vào ngõ cụt như vậy. Hai tập truyện tôi tự xuất bản, tự phát hành (1000 cuốn) là *Ra Biển Gọi Thầm* (cuối năm 1995) và *Ban Mê Thuột Ngày Đầu Ngày Cuối* (tháng 6/97), đều bán hết trong một thời gian ngắn...

2) Qua kinh nghiệm bản thân, tôi nhận thấy nó chẳng giúp gì cho việc tiêu thụ tác phẩm. Trái lại là khác... Bởi nhờ vào nguồn văn liệu và văn chương quá đỗi dào trên *internet*, người đọc không còn thiết tha đến tiệm sách nữa...Khi tôi cần đọc ai, hay nghiên cứu một vấn đề gì chỉ việc click vào ô *search*...Sách trong ngoài nước đầy dẫy. Tài liệu ê hề. Tác giả tên tuổi....

Trong một kỳ báo *Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng* mới đây, một người trẻ cho biết anh ta từ lâu không còn đến tiệm sách nữa vì mọi thứ đều có sẵn trên *Net*... Đó là sự tiến hóa không thể cưỡng chống. Bi quan? Có thể lắm. Không ai có thể tin rằng một ngày máy đánh chữ hay những hộc chữ lại phải lỗi thời. Nhưng nó đã đến như trận bão Linda.

• Nguyễn Vy Khanh, nhà nghiên cứu văn học, Gia Nã Đại

1. Ở ngoài nước, nếu nói đến nguyên nhân, thiển nghĩ nguyên nhân đã bắt đầu từ cả 2 thập niên trước. Đó là tình trạng vô tổ quốc, hay vẫn có - là quê hương thứ hai, nhưng không còn cơ cấu chính trị hay pháp chế để đảm bảo một tự do dân chủ lành mạnh, đưa đến tình trạng quá tự do về báo chí: hiện tượng báo chợ, báo hội đoàn; báo sống nhờ quảng cáo, báo cá nhân, vv đưa đến hỗn loạn trong nội dung và số lượng, nặng về trình diễn, phe phái, chửi rủa, bêu xấu nhau, có khi chỉ cốt để bán báo. Nếu trước 1975, tập thể này đã có những người làm văn học đứng đắn, có sĩ khí văn hóa và có được chữ trung chữ tín thì sau 1975 ở hải ngoại, hiện tượng này ngày càng hiếm, mà sau mỗi biến động như Văn bút hải ngoại chẳng hạn, những người và "đức tính" văn hóa trên lại càng thu hẹp hơn

nữa. Trong hoàn cảnh đó các vị có thẩm quyền từ trong nước hay mới từ hải ngoại không thể có vị thế lẫn tiếng nói (dĩ nhiên ở đâu cũng có những thẩm quyền "dổm" hay tự phong "thánh" hay "thất hiền"). Người đọc chạy theo những báo chí sách vở nhẹ nhàng về nội dung hay gật gân sì căng đan đó, và dĩ nhiên bớt chú tâm đến những ấn phẩm văn học đúng nghĩa. Độc giả của sách báo văn nghệ thuần túy tự gạn lọc trở thành những người thật sự yêu thích văn nghệ. Thành phần này ngày càng suy giảm, đã trở thành thiểu số trong một thiểu số chung (tức độc giả vì có người chẳng bao giờ xem tới báo chí tiếng Việt).

Lý do thứ hai là thành phần độc giả ở hải ngoại một mặt vẫn là những độc giả trong nước trước và mặt khác lại khác với ở trong nước trước 1975. Vẫn là một vì vẫn là những người đã, nay hãy còn đọc và yêu thích tiếng Việt mà đa số là những người lớn tuổi. Lớp tre già ra đi và yếu đi mà măng mọc hơi chậm, có khi tuyệt gốc. Câu trả lời này các chủ tiệm sách có thể xác nhận. Khác trước 1975 vì trước 1975 và một phần nào hiện nay ở trong nước, thành phần độc giả nòng cốt vẫn là học sinh trung và đại học. Thành phần này ở ngoài nước khá vắng vẻ. Sự hội nhập và nhu cầu tiến thân ở xứ người của phụ huynh lẫn học sinh đưa đến việc lơ là "mảng" văn hóa dân tộc.

Lý do thứ ba nằm ngay ở nội dung các sách được xuất bản. Có thể nói văn học (và cả nghệ thuật trình diễn) quá gắn liền với quá khứ. Văn học ngoài nước từ 23 năm nay chủ yếu là văn học về thời gian đã mất. Đó là lý do khiến các hồi ký và bút ký được chiếu cố như tập *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên đã tái bản không lâu sau khi xuất bản. Ngay cả sáng tác cũng vậy, tập *Ban Mê Thuột Ngày Đầu Ngày Cuối* của Trần Hoài Thư năm 1997 là một thí dụ điển hình khác. Đề tài thu hẹp và lập đi lập lại đó có phản tác động là khiến nhiều người đọc chán vì nghĩ đã đọc đâu đó rồi, "khổ lắm nói mãi". Các tác giả quên đi sáng tạo và đề cập đến những đề tài phổ quát nhưng liên hệ mật thiết đến con người, trẻ cũng như già. Phải công nhận có những cố gắng làm mới như của tạp chí *Thơ* và của một vài tác giả như Du Tử Lê, Đặng Phùng Quân, Trần Vũ, vv nhưng có thể chưa đủ, chưa thể so sánh với những hấp lực Sáng tạo, Thế Kỷ XX, Văn Học, Văn, Thơ tự do, văn học hiện sinh, vv đối với tuổi trẻ và giới cầm bút trước 1975 ở trong nước. Dĩ nhiên ở ngoài nước ít người có thể sống hoàn toàn bằng cây bút như đã từng trước 1975.

Hiện tượng các nhà văn và độc giả thuộc diện HO và lứa tuổi 45-55 làm mạnh sinh hoạt văn học như ngưng đọng trước đó. Họ không bị nhiễm cái mệt mỏi của những người đi trước và họ có cái may là đến với một tập thể văn hóa đã thành hình. Họ chỉ việc tham gia, bộc lộ tâm tình sau

những ngày tháng bị cấm viết, không thể hay thích viết, hay bị cầm tù. Nhu cầu cảm thông, tìm và cho, khiến những tác giả "cũ mà mới" như Trần Doãn Nho, Kinh Dương Vương, Hồ Minh Dũng, vv.. được nhiệt thành đón nhận.

Ở trong nước, chúng tôi nghĩ có những lý do khác cắt nghĩa tình trạng thờ ơ với chữ nghĩa mà *Văn Học* nêu ra. Xã hội "đổi mới" theo khuynh hướng thị trường từ sau 1986. Con người trong quá khứ bị trói buộc vì đủ thứ chủ nghĩa và "lý tưởng", nay chạy theo thị hiếu, sống vị kỷ và cho hôm nay. Những công trình nghiên cứu tập thể cho "tổ quốc" hay sáng tác "đi lên", dần dà theo chân các công ty hợp doanh mà tư hữu hóa. Hết cái thời kiểm duyệt đối với người viết và phân phối bắt buộc tới tận cùng địa phương phải in tới 30, 50 ngàn bản. Nay nhà xuất bản theo thị hiếu và lợi nhuận, in cả tài liệu chính thức cấm như về tôn giáo. Người đọc thì chạy theo những ấn phẩm lâu nay bị cấm như sách dịch Âu Mỹ (còn của Trung quốc, Nga và Đông Âu thì đã nhàm!), truyện bộ xưa như Tam quốc chí, truyện chưởng và tình dục. Sách của miền Nam cộng hòa cũng được chiếu cố. Cái "cũ người mới ta" đã tràn ngập thị trường, vậy sáng tác thêm làm gì! Trong tình trạng đó các ấn phẩm đứng đắn bị thờ ơ là chuyện đương nhiên. Vả lại về nội dung, các tác phẩm văn học ngày càng thu hẹp không đáp ứng được nhu cầu con người "đương đại", các tác giả có thể làm mới văn học đã vắng bóng: Nguyễn Huy Thiệp gác bút mở quán, Dương Thu Hương hết ồn ào, Phạm Thị Hoài đã ra nước ngoài, vv. Những tác giả còn hoạt động thì người trở thành nhà báo có thu nhập khá hơn hoặc người trẻ như Phan Thị Vàng Anh thì có thể chưa đủ "thuyết phục" người đọc.

2. *Internet* tiếp tục gây hiện tượng dù giới hạn. Hệ thống tin học không biên giới địa lý và thời gian đến với người đọc liên mạng, song hành với những người đọc của in ấn (nghĩa là marketing tốt và thêm người đọc nhưng mất lợi nhuận bán báo in). Kỹ thuật này cũng giúp phát triển những tạp chí thuần tuý liên mạng, giúp tác giả đến với người đọc không qua trung gian một chủ báo, tạo cơ hội đối thoại giữa người đọc và người viết, do đó có thể giúp người viết trong việc sáng tác và nghiên cứu. "Tác phẩm" vừa gõ xong có thể lên liên mạng trước, sẽ sửa chữa nếu cần, sau đó "tác giả" sẽ gửi đến các báo in. Phương tiện internet áp dụng dễ dàng và tiện lợi cho việc hợp tác biên khảo cũng như làm báo.

Trong số những điều đáng tiếc, liên mạng đã vô tình giúp những chủ báo thiếu lương tâm nghề nghiệp lấy bài của người khác không xin phép, đã vậy còn cắt xén theo ý chủ báo hay khổ trang báo.

Nếu Internet và tin học giúp phương tiện để các tác giả có thể gửi cho nhiều báo ở khắp năm châu, thì cũng khiến bài vở trùng hợp ở nhiều báo và ở nhiều nơi. Việc này đưa đến tình trạng báo ở một địa phương có thể chỉ đăng bài của các thân hữu ở những vùng và quốc gia khác, nhưng nếu là báo hội đoàn địa phương chẳng hạn, còn đâu ý nghĩa ra báo ?

Tóm lại, *Internet* sẽ tiếp tục ảnh hưởng nhiều tới giới cầm bút và người đọc. Giai đoạn sắp tới sẽ là nối "mảng" lưới với người ở trong nước.❐



"Và một khi thi nhân đã dốc cả xương thịt, máu huyết, vinh nhục...của đời mình vào thơ, mặc dù không biết sẽ dùng thơ ấy làm gì, gửi thơ ấy cho ai...thì tất nhiên sức thu hút của thơ Khoa Hữu phải mãnh liệt.

... Từ trong nước, sống âm thầm như một kẻ vô danh, anh gửi những vần thơ huyết lệ ra nước ngoài. Và không cần chờ lâu, thơ anh xuất hiện trên hầu hết những tạp chí văn chương quan trọng ở hải ngoại, nhiều nhất là trên Văn Học"

Đã phát hành

thơ khoa hữu

Tạp chí Văn Học xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành

Dày 130 trang, in trang nhã, giá 10 Mỹ kim

Liên lạc Tạp chí Văn Học

hoặc nhà xuất bản Văn Nghệ

P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683

Phone: (714) 527-5761

Nhìn lại một năm qua...
Phỏng vấn các văn thi hữu

Nhà thơ Triều Hoa Đại, do đề nghị của Văn Học, đã thực hiện một cuộc phỏng vấn các văn thi hữu quen biết, song song với cuộc phỏng vấn của Tòa soạn qua hệ thống e-mail trên Internet.

Năm câu hỏi anh Triều Hoa Đại đặt ra cho các bạn văn như sau:

1. Các bộ môn thơ, văn, hội hoạ, nhiếp ảnh, âm nhạc...theo anh chị, trong năm qua, bộ môn nào đã được giới thưởng ngoạn ưa thích nhất?

2. Bàn về vấn đề văn chương thanh tục, hiện nay trong độc giả cũng như văn giới mỗi người một ý. Vậy ý kiến của anh chị như thế nào?

3. Xin vui lòng cho biết dự tính một tác phẩm tương lai (nếu có) của anh chị?

4. Anh chị yêu thích nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhiếp ảnh gia, nhạc sĩ nào nhiều nhất trong năm qua?

5. Sau cùng xin anh chị đôi lời phát biểu về văn học Việt Nam hải ngoại, dòng văn học đó trong tương lai sẽ đi về đâu?

● Nguyễn văn Sâm, nhà văn, ở Hoa Kỳ

Nhà văn luôn luôn có những dự phóng cho các tác phẩm tương lai của mình. Viết bài này chưa xong thì đã nghĩ đến bài khác. Tác phẩm này chưa hoàn tất thì đã tính trong đầu những tác phẩm kế tiếp. Mà, tính với tất cả say mê và quyết tâm. Dường như nhà văn sung sướng tinh thần với những dự định sẽ viết còn hơn là thấy tác phẩm đã hoàn tất. Hoàn tất là giai đoạn cuối của quá trình sáng tác mà nhà văn không còn là con tạo của nhân vật và sự kiện do mình sáng tạo ra nữa. Còn trong vòng dự định là còn được cho nhân vật những chuyển mình với những suy nghĩ mà mình muốn nhưng các tác phẩm trước đó đã không chuyên chở hết.

Từ mười năm nay tôi vẫn nghĩ đến viết một truyện dài về đời sống của những người tị nạn đến đây khi quá lứa lỡ thì. Cuộc sống "chân đụng đất nhưng lòng bay bổng về đâu đâu" và hoàn toàn "bất như ý về hầu hết những vấn đề tinh thần" của họ, vì vậy tác động lên con cái và những người thân yêu về mặt này hay mặt khác. Hội chứng Việt Nam, nếu nhà văn Việt thời này không ghi xuống thì ai ghi đây? Nghĩ vậy mà khi bắt đầu mở máy lại chỉ muốn ăn xổi bằng những truyện ngắn, vì thì giờ vật chất mình thấy trước mắt không được nhiều. Tôi vốn viết chậm do việc thích đọc lại bài viết thật nhiều lần để thay đổi một vài chi tiết nhỏ hay một số chữ nghĩ rằng sẽ chính xác cho trường hợp đang dùng hơn.

Thêm vào đó, khi thấy đầu óc không minh mẫn lắm, tôi thích loay hoay với những tài liệu văn học VN mà nhờ ở xứ người mới được thấy. Mà than ôi, đòi trí óc thật minh mẫn lúc này đâu phải dễ kiếm! (Tôi cho rằng sáng tác khi đầu óc thật thư thái thì viết mới hay). Vậy là dự định thì nhiều, viết dang dở cũng lắm nhưng thực sự để trình làng thì chưa có gì mặn lắm để trình làng.

Từ lâu, tôi không theo dõi được đầy đủ các bộ môn hội hoạ, nhiếp ảnh, âm nhạc nên đi sau thiên hạ về những hiểu biết ở các bộ môn này. Xứ này muốn có đủ dữ kiện về những bộ môn đó không phải là chuyện dễ. Về thi ca năm nay Cao Đồng Khánh với *"Lửa Đốt Ngoài Giới Hạn"* và Ngu Yên với những bài thơ mang nhiều tính chất lý luận vốn là một yếu tố nghịch lý của thi ca đã làm cho tôi thích đọc thơ hơn. Một vài người đang lên như Quang Dương, Trần Bát Nhã, Phạm Nhã Dự cũng có những bài thơ đáng chú ý vì chữ dùng lạ ý mới mẻ cũng như kết cấu tân kỳ.

Văn thì nhiều, nói ra không cùng. Tôi muốn nhắc lại đây ý của nhà văn Trúc Liên khi trả lời những câu hỏi của nhà văn Nguiễn Ngu í cách đây hơn ba chục năm rồi: Tôi đi vào vườn hoa muôn màu muôn vẻ, muốn ngắt đóa này thì chợt thấy đóa khác cũng đẹp". Truyện ngắn có nhiều bài hay lắm, nhiều tác giả hay lắm. Nhưng nổi bật nhất vẫn là các anh chị viết trong *Văn Học*, *Văn*, *Hợp Lưu* và *Sóng Văn*. Gần đây tôi kinh ngạc về hiện tượng Phùng Nguyễn với những bài rất đáng yêu của anh: trí thức nhưng nhẹ nhàng, dư vị lâng lâng nhưng thoải mái khi ta buông truyện xuống. Anh viết khá và viết nhiều, hầu hết đều được ưa thích. Tác giả này sẽ còn đi rất xa vì cố gắng tìm đề tài và cách viết phù hợp cho từng truyện. Phùng Nguyễn chiếm cảm tình của tôi bằng dư vị của truyện lẫn với cái trí thức của người dựng truyện. Anh không đến bằng những xảo thuật, vốn dễ được chú ý nhưng cũng dễ bị bỏ quên sau đó.

Văn học hải ngoại những năm qua không tiến mà cũng không lùi. Chúng ta không có nhiều tác phẩm tuyệt vời nhưng có nhiều tác phẩm

tàm tạm được, chấp nhận được như là tác phẩm văn chương. Người viết cũ gần đây không sáng tác nhiều nữa, đã có những người viết trung niên nhảy vào. Thành phần này nhiều sức, va chạm nhiều với xã hội mà chúng ta đang định cư, nên có nhiều đề tài mới, hay, trong khi các đề tài dùng chất liệu quá khứ của các cây viết cũ vốn được khai thác nhiều nên không còn được ưa chuộng nữa. Gần đây, những cây viết mới ở quê nhà sang đã trở lại hoạt động mạnh. Lực lượng viết vì vậy được bổ sung, bù cho năng suất sút kém của người viết cũ.

Người mới đề tài dĩ nhiên cũng mới. Sắc thái của văn học hải ngoại đang chuyển biến từ từ. Tính chống cộng, thù nghịch, căm hờn, biến thành hoài vọng một chân trời đã mất, rồi trở nên thước đo hạnh phúc hay đau khổ của người trên vùng đất lạ tạm cư. Lúc nào "chuyện ở đây" đã trở thành đề tài bình thường thì văn học hải ngoại mới phục vụ được đông đảo quần chúng độc giả. Hiện nay người đọc ít vì chưa có sự đồng bộ giữa người viết và người đọc về đề tài. Nhiều người không đọc và tìm giải trí ở nguồn khác vì thấy truyện ở đây phục vụ không đúng nhu cầu của mình. Nó xa vời, cách biệt làm sao ấy!

Ngoài việc thì giờ rất ít ỏi được cho phép dùng vào việc viết, người làm văn học nghệ thuật ở hải ngoại còn bị những cấm kỵ bất thành văn mà hầu hết không muốn đụng đến, như: chữ tục hay hành động tục, viết về cái xấu của Việt Nam Cộng Hoà, viết về những cái tốt của Cộng sản, vạch ra những điểm có vấn đề của các nhà tu hành, khai thác những chuyện loạn luân, đồng ý với tư tưởng chối bỏ gốc gác Việt Nam...Nếu có người nào khai thác một trong những đề tài này mà bị độc giả (hay người viết khác) phản đối thì thường phải một mình đơn độc chống chỏi (các trường hợp Nhật Tiến, Nguyễn Mộng Giác, Khánh Trường, Đỗ Kh.) Cấm kỵ vì cộng đồng người Việt ở hải ngoại nghĩ rằng viết những điều đó chẳng những không có lợi mà còn có hại cho cộng đồng. Nhưng nhà văn khi chấp nhận "nói đến" những cấm kỵ đó cũng có những luận cứ của mình, chẳng hạn văn chương đứng trên tất cả, không có cấm kỵ gì có thể áp đặt lên văn chương hay giới hạn đề tài của văn chương, văn chương phải bắt đầu bằng tự do , không tự do thì đừng nói tới văn chương.

Thế là tranh luận nổ ra giữa hai phái thuận chống trên các vấn đề này. Cả hai đều có lý phần nào. Không ai đúng cũng không ai sai. Tùy theo "tính khí" của mỗi cá nhân, mà một thái độ nào đó được lựa chọn. Như vấn đề "tục, thanh" chẳng hạn. Chữ "tục" không được đúng vì đã mang giá trị phê phán, phải dùng chữ "cái giống", "tính phái" mới đúng.Tôi cho rằng thái độ đúng nhất của mình là mình không viết quá cụ thể về tính phái, nhưng ai viết gì là quyền tự do lựa chọn của họ. Tôi cũng tin rằng

những vị này khi viết như vậy, đã thành thực tin rằng sự lựa chọn đó sẽ chuyên chở được những ý tưởng mà họ muốn truyền dẫn đến độc giả. Do đó không có sự phản đối hay tán thành nơi tôi. Không phải chỉ trên vấn đề tính phái thôi, mà trên tất cả các vấn đề cấm kỵ bất thành văn đang luôn luôn đè nặng người cầm bút ở đây. Nhà văn không có nhiệm vụ phải mang áo giáp làm chiến sĩ bảo vệ cho xã hội hay hướng dẫn xã hội đi theo chiều hướng của mình. Nhà văn chỉ có nhiệm vụ viết để diễn tả ý mình về cuộc đời, về xã hội. Nhìn trên bài viết, người đọc biết sự lựa chọn thật sự của nhà văn rồi, hà tất phải nói ra!

Có thể cả hai phái đều không thích thái độ "không dấn thân" này của tôi. Nhưng biết sao! Tôi trọng sự tự do của cả hai bên. Một vấn đề văn chương mà liên quan đến xã hội thì không bao giờ có đúng sai. Chỉ có lúc nào xã hội - ở đây là cộng đồng VN - chịu tương nhượng mà thôi. Vấn đề thanh hay không thanh chắc chắn sẽ được xã hội tương nhượng trong tương lai. Nhưng chắc chắn không phải là tương lai gần!

• Võ Đình, nhà văn-họa sĩ, ở Hoa Kỳ

1. Câu hỏi thật khó trả lời.Ai yêu thích? Quần chúng hay người trả lời?

2. Tôi nghĩ ngay đến hai "hiện tượng" hay "sự kiện" đã xảy ra:

Một: Những đại tác gia như Joyce, Lawrence, Nabokov, Miller đã từng bị coi như viết tục và tác phẩm của họ bị cấm lưu truyền

Hai: Năm xưa, có hồi vấn đề "tục" đã được đưa lên tới Tối Cao Pháp Viện Mỹ. Vị trưởng lão của TCPV (nếu tôi không lầm, đó là cụ Earl Warren) đã phát biểu: "Khó định nghĩa thế nào là *tục*. Cứ thấy tức khắc biết là tục hay không. I know it when I see it)

3. Nhà Văn Nghệ đã in xong cuốn *"Lầu Xép"* của tôi, và đã phát hành rộng rãi. Tác phẩm đánh dấu năm tôi được 64 tuổi (Tây). Và 40 năm cầm bút cầm cọ.

4. Tôi chú ý đến một cây viết trẻ, nhiều cá tính: Chị Lê Minh Hà, thường xuất hiện trên *Văn Học*.

5. Một ngày sẽ không còn cái gọi là Văn học Việt Nam Hải ngoại nữa. Tuy nhiên, ngày nào nó còn sống, tức là quí vị bạn đọc, là anh là chị, là chúng tôi còn sống, bản thân tôi vẫn tiếp tục viết.

• Đặng Phùng Quân, nhà văn, ở Hoa Kỳ

1. Sự phát triển mọi mặt của những bộ môn văn học nghệ thuật về

chất lượng vẫn là điều đáng mừng. Tuy nhiên, tình trạng phát hành sách báo nói chung vẫn khá bi quan, cần phải cải thiện. Việc xuất bản thơ chẳng hạn, thơ rất khó phổ biến làm nản lòng những người muốn in tác phẩm mới.

Mặt khác, việc trao giải thưởng văn chương Nobel có tầm vóc quốc tế năm nay cho kịch tác gia Dario Fo làm phấn khởi những người viết kịch (trong đó, tôi nghĩ có những kịch tác gia trẻ người Mỹ gốc Á châu), tuy bộ môn này gần như hoàn toàn vắng mặt trong văn chương Việt Nam hải ngoại.

3. Sau quyển *Tự Truyện* ra mắt vào tháng 9 năm 1997, tôi dự tính cho xuất bản hai quyển *Phê phán hệ tư tưởng Mác-xít* và *Cơ sở tư tưởng thời quá độ* (đã cho đăng tải một vài chương trên các tạp chí) trong năm 1998.

5. Văn chương lưu vong của người Việt là một thực tại lớn mạnh. Trong số ra mắt tạp chí *Thế Kỷ 21* tháng 5 năm 1989, tôi đã viết: "*Sự lưu dày của văn chương chứng thực sáng tạo vươn lên khỏi những hư ngụy của khung cảnh xã hội với tính đặc thù lịch sử của nó; nó không đồng hành với thế lực chính trị, chờ đợi sự cởi mở của chính sách văn hóa, văn nghệ để mỗi lần có dấu chỉ nhân nhượng là phục hồi được những giá trị đã mất*".

Việc giới thiệu văn học Việt hải ngoại bên cạnh những nền văn học của người di dân các dân tộc khác là điều cần thiết, đòi hỏi phương tiện và khả năng nhận thức văn chương nghiêm túc của những người làm công việv dịch thuật. Tuy nhiên cho đến nay chưa có công trình nào có giá trị, đáng nói tới. Phần lớn người làm công việc này thiếu nhận định hiểu biết chân xác về những thông tin văn học (lấy ví dụ điển hình về sự nghèo nàn này như bài *Essays on Literature and Society in Southeast Asia*, Edited by Tham Seong Chee, Singapore University Press cho thấy tác giả tiểu luận này thiếu những thông tin văn học cập nhật và chính xác)

• Hoàng Xuân Sơn, nhà thơ, ở Gia Nã Đại

1. Theo câu hỏi anh đặt ra: bộ môn văn nghệ nào được ưa thích nhất? Họa chăng chỉ có sau khi làm tổng kết các cuộc thăm dò dư luận rộng rãi mới đo lường được. Tuy nhiên, trong năm vừa qua, theo tôi "sự kiện khá nổi bật" trong sinh hoạt văn học nghệ thuật có lẽ thuộc về bộ môn hội họa. Rất có nhiều cuộc triển lãm của các họa sĩ thuộc nhiều thế hệ diễn ra khắp nơi đã gây được nhiều tiếng vang đáng kể. Ngoài ra, sự biến chuyển quan trọng trong họa pháp của các họa sĩ như Nguyên Khai, Trịnh Cung...và nỗ lực khai phá của tầng lớp họa sĩ trẻ, mới đáp ứng được sự mong mỏi

của giới thưởng ngoạn.

2. Thanh, Tục trong văn chương? Nhiều người bàn lắm rồi. Tạp san *Hợp Lưu* có nguyên một số về chủ đề này (số 36, tháng 8&9.97). Xin miễn tán rộng. Chỉ có một suy nghĩ nhỏ như vầy: mình quen nghĩ những gì thuộc về văn chương đều cao đẹp cả nên chi nói thẳng, nói trắng "những cái đó" ra...ngượng mồm lắm.

3. Có hai đứa con èo uột đã nặn hình mà chưa cho ra được (kẹt hết mấy niên ở nhà xuất bản). Đang phân vân không biết cho cô cậu nào chào đời trước:

Một: *Thơ Quỳnh*. bản thảo hoàn tất năm 1990

Hai: *Lục bát Hoàng Xuân Sơn* - 1994

Ôi!! Thơ mà anh!!

4. Hơn mười năm trước, nhân dịp phỏng vấn của báo Làng Văn, tôi có trả lời là tôi yêu thích tất cả những gì của văn nghệ sĩ VN làm ra, sáng tác ra (ba phải quá không anh?), nay tôi vẫn giữ nguyên ý đó. Tuy nhiên theo từng giai đoạn, tôi đọc và khoái một vài tác giả cá biệt. Gần đây, tôi thích truyện của Trần Công Sung, Trần Doãn Nho, Nguyễn Trung Hối..., thơ của Quan Dương, Hoa Thi (mới đọc hai bài đăng ở Khởi Hành)..

5. Phải nói là văn chương hải ngoại ngày càng nở rộ. Nhưng chưa có những thành tựu đáng kể. Hãy biểu dương thành tích của những tay công lực thâm hậu chạy đường trường, lúc nào cũng có mặt: Hồ Trường An, Triều Hoa Đại, Võ Đình, Du Tử Lê, Luân Hoán, Trần Long Hồ, Nguyễn Ngọc Ngạn, Hồ Đình Nghiêm, Lưu Nguyễn, Hồ Minh Dũng, Song Thao, Xuân Vũ...Tôi tin tưởng ở một tương lai xán lạn nhất là dòng văn chương của thế hệ trẻ Trần Vũ, Y Chi, Nguyễn Quý Đức, Andrew Lâm...

• Hoàng Liên, nhà văn, nhà thơ, ở Hoa Kỳ

1. Những buổi ca hát được khán thính giả yêu thích nhất trong năm qua, và được liên tiếp tổ chức tại những địa phương có đông người Việt cư ngụ. Những trung tâm sản xuất băng nhạc, dĩa CD và băng vidéo hoạt động khá rầm rộ. Tuy nhiên, ít thấy những buổi hòa tấu nhạc thính phòng, có lẽ vì hình thức nghệ thuật này đòi hỏi ở thính giả một trình độ thưởng thức cao hơn.

2. Cần phải định rõ thế nào là Tục. Nếu phải chấp nhận cái Tục, thì cái Tục chỉ nên được sử dụng như một yếu tố cần thiết để xây dựng tác phẩm nghệ thuật, chẳng hạn như trường hợp họa sĩ vẽ những bức tranh khỏa thân. Cái Tục được thăng hoa và mất đi tính chất Tục.

3. Tôi đang dự định xuất bản một tập truyện ngắn

4. Trong năm qua, tôi thích đọc truyện ngắn của Hoàng Nga và thơ của Trần Mộng Tú.

5. Số độc giả giảm sút nên chúng ta hiểu sự dè dặt của những nhà xuất bản. Đối với tác giả, việc ấn loát và phổ biến tác phẩm không phải lúc nào cũng dễ dàng. Đó là một trở ngại chưa vượt qua được.

Một điều đáng mừng: Trong năm qua, chúng ta hân hoan đón nhận sự đóng góp của một số nhà văn, nhà thơ mới đầy hứa hẹn.

Về mặt thành quả, cũng trong năm vừa rồi, chúng ta có được một số tác phẩm có giá trị trong lãnh vực sáng tác, nghiên cứu và phê bình văn học. Trong những điều kiện ấy, chúng ta tin tưởng vào tương lai của nền văn học Việt Nam ở hải ngoại.

• Hồ Trường An, nhà văn, ở Pháp quốc

1. Theo tôi, trong năm qua mọi bộ môn nghệ thuật đều hoạt động chậm lại, do sự suy thoái của nền kinh tế toàn cầu. Có lẽ ngành âm nhạc (về ca hát chứ không về nhạc phẩm) tuy lung lay nhưng chưa mất thăng bằng. Thơ bị thiệt thòi nhất, kế đó là hội hoạ và nhiếp ảnh. Về sách, chỉ có các quyển hồi ký của cựu đảng viên cộng sản mới ăn khách. Truyện dài, truyện ngắn của các nhà văn ở hải ngoại bán chậm, ít có độc giả chiếu cố. Đó là tình trạng tôi đã trả lời trong cuộc phỏng vấn do anh Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện. Bài này có nhan đề là "Phỏng vấn nhà văn Hồ Trường An" đã đăng trên tạp san *Văn Học* số 126, tháng 10 năm 1996.

Có nói thêm chăng là văn chương tố cộng dường như đã lỗi thời. Có lẽ độc giả đã từng đọc những bài tố đó trên 20 năm, riết rồi họ nhàm. Văn chương viết về quê hương đất nước của các cây bút gốc miền Nam cũng khựng lại.

2. Trước hết, tôi cảm ơn bạn hiền Khánh Trường đã thực hiện *Hợp Lưu* số 36 (tháng 8 & 9.1997) với chủ đề "Thanh và Tục trong Văn chương". Chủ đề này làm sáng tỏ cái nhân bản trong văn chương, mà bọn đạo đức giả và những kẻ có cái hổ thẹn giả hiệu (fausse pudeur) không dám nói tới.

Bấy lâu nay tôi ít đọc sách báo Việt ngữ nên không có theo dõi văn chương thi phú của Đỗ Kh. và Nguyễn Hoàng Nam. Nhờ bạn hiền chuyển lời biết ơn của tôi đến hai anh ấy giùm tôi. Những danh từ chân thật trên thân thể con người vì cái fausse pudeur nên tôi không dám gọi chúng và không dám dùng chúng trong văn chương, giờ đây đã có hai anh ấy gọi thay cho tôi, đem danh từ nguyên sơ của chúng vào văn chương.

Cũng như đa số người thuộc thế hệ cũ, tôi có nhiều mấu chốt trong

nếp sinh hoạt, nếp suy nghĩ. Thời đại mới vốn giản lược các mấu chốt đó để cho cuộc sống được thanh thản, thoải mái và hồn nhiên hơn. Mọi cấm kỵ vô ích cần được bỏ đi. Mọi mấu chốt cần phải bứng hết. Văn chương có vậy mới chân thành, sống động và gợi cảm bội phần.

Nhưng tôi hơi buồn là tác giả Thương Nguyên quá hằn học cay cú với chị Trần Mộng Tú qua bài "Trở về Hiện tại: Thơ văn cho ai?". Có lẽ Trần Mộng Tú không có ác ý, không giả hiệu khi chị ấy còn bỡ ngỡ bàng hoàng trước những danh từ bộc trực, thẳng thắn mà Đỗ Kh. đã dùng trong thơ văn.

Đỗ Kh. và Nguyễn Hoàng Nam là những người tiên phong sử dụng ngôn ngữ nguyên sơ chân thật và tràn đầy sinh lực trong văn chương VN hải ngoại. Nhưng hai anh bạn trẻ ấy còn đi sau nhà văn Pháp Tony Duvert chừng... hai chục năm. Vào những năm cuối của thập niên 70, trong cuốn *"Journal d'un Innocent"* (Nhật ký của anh chàng ngây thơ), Tony Duvert đã dùng những tiếng c.., l.., đ.. thẳng thừng. Cuốn đó là một tác phẩm văn chương, không ai có thể chối cãi điều đó. Nó được nhà xuất bản Minuit xuất bản (Minuit đã từng xuất bản những tác phẩm của Michel Butor, Alain Roble Grillet, Claude Simon...)

Tôi rất thích viết về sex. Trong các tác phẩm *Hợp Lưu, Tình Trong Nhung Lụa, Tình Đẹp Đất Long Hồ, Vùng Thôn Trang Diễm Ảo, Bóng Đèn Tà Nguyệt...*đều có những pha làm tình rất dài. Tuy nhiên vì sợ độc giả làm dữ và sợ sách bán không chạy, nên tôi không dám dùng ngôn ngữ nguyên sơ mà Tony Duvert, Đỗ Kh., Nguyễn Hoàng Nam đã dùng. Thế có nghĩa là tôi không dám dùng chứ không phải tôi không muốn dùng.

3. Sách đã giao cho các nhà xuất bản gồm có:

- *Hiền Như Nắng Mới* (truyện dài) do nhà Văn Khoa California nhận xuất bản

- *Theo Chân Những Giọng Hát* (biên khảo về ngành tân nhạc từ thuở sơ khai cho đến năm 1975) do Cành Nam ở Virginia nhận xuất bản.

Hiện còn 4 truyện dài và hai tập truyện chưa tìm được nhà xuất bản nào để gả chúng. Lo quá!

4. Những văn nghệ sĩ tôi ưa thích:

- Văn: Trần Long Hồ ở các truyện ngắn hướng về tâm cảnh và tâm linh. Một vài truyện ngắn của Hồ Đình Nghiêm, Trần Diệu Hằng, Y Chi, Hoàng Nga, Lê thị Thấm Vân

- Thơ: Khế Iêm, Lưu Hy Lạc, Thế Dũng

- Hoạ: Khánh Trường, Thái Tuấn, Võ Đình, Đinh Cường, Nguyên Khai, Nghiêu Đề, Lê Tài Điển

- Nhiếp ảnh: Lê Quang Xuân, Huỳnh Tâm

- Nhạc sĩ: Lê Uyên Phương

5. Xin miễn trả lời câu 5. Trong năm qua, vì có nhiều chuyện đau lòng, tôi đọc sách báo Việt ngữ quá ít, nên không dám có ý kiến.

• Nguyễn Tấn Hưng, nhà văn, ở Hoa Kỳ

1. Nếu nói bộ môn nào đó được ưa thích nhất trong năm qua thì, theo tôi, quả không công bằng và phù hợp cho lắm. Vì mỗi bộ môn, ngoài những người thưởng thức chung chung, còn có những người thưởng thức chuyên nghiệp. Và, lẽ dĩ nhiên, chính những người thưởng thức chuyên nghiệp này mới hiểu biết tường tận ngành chuyên môn của mình. "Văn mình vợ người", làm sao tôi dám đụng tới? Nhưng tôi là người thưởng thức chung chung nên tôi có một vài nhận xét chủ quan như sau đây.

Về văn thơ thì tác phẩm tự xuất bản ngày càng nhiều, tuồng như lạm phát. Nhất là từ khi có những người viết cũ, qua Mỹ theo diện HO, đã ồ ạt vác bút xuống đường. Không biết sự đón nhận về phía độc giả ra sao, nhưng thông thường thì thiên hạ vẫn nhắm vào các nhà xuất bản chuyên nghiệp như *Văn Nghệ, Đại Nam, Xuân Thu, Thế Giới, Làng Văn*... vì qua đó, chắc chắn đã có sự chọn lựa, thanh lọc. Cũng có thể nhằm bảo vệ uy tín của mình, các nhà xuất bản này in ít đi, vì không tìm được các tác phẩm xuất sắc, có giá trị lâu dài. Nói gì thì nói, qua sự bàn thảo với anh Võ Thắng Tiết (giám đốc nhà xuất bản Văn Nghệ), tôi được biết sách bán chạy bây giờ, ngoài những cuốn dâm thư bọc kín trong bao ni-lông, là những cuốn hồi ký chính trị, những cuốn nghiên cứu về tôn giáo (đặc biệt là đạo Phật). Còn tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện dài, thơ... thì kể như độc giả không ai còn đoái hoài tới nữa.

2. Ô hay, lại thanh với tục. Hình như chuyện này đã được mổ xẻ nhiều rồi mà! Thật đúng như câu anh hỏi, mà cũng là câu trả lời: Độc giả cũng như văn giới mỗi người một ý. Mà tôi cũng đã bàn thẳng trong bài dẫn nhập cho truyện ngắn *Tuyệt Lộ* của tôi, truyện đầu tay đụng chạm đến vấn đề taboo. Để tôi nhắc sơ sơ anh nghe nhen...

- Thế bạn nghĩ sao nếu có người bảo, đại khái, "khi sáng tác truyện ngắn tác giả rủ độc giả làm tình, nếu cả hai đã đời thì truyện ngắn thành công, nếu chỉ có một bên đã đời thì truyện ngắn thất bại, nếu không có bên nào đã đời thì truyện ngắn thảm bại." (Kiệt Tấn)

- Cái này lại khác. Ý bạn muốn bàn đến những truyện tình mang nhiều dục tính, những quyển dâm thư, những "bảy đêm khoái lạc thời đại"?

- Điều đó cũng tùy theo quan niệm người đọc. Về phần tác giả thì có

người trình chiếu phim R nhưng cũng có người dựng lên phim X. Có người bảo đó là cái ý chính, nhưng cũng có người bảo đó chỉ là cái cớ. Có người lấy làm cứu cánh nhưng có người cho là phương tiện. Tuy nhiên, nói gì thì nói, tôi đã có kinh nghiệm một điều, viết dâm bôn dâm đãng là đi vào tuyệt lộ, mất độc giả.

- Bạn nói sao? Tuyệt lộ? Này bạn, xin hãy thêm một lần nữa. Tôi mời, xin hãy cùng tôi lang thang đi vào tuyệt lộ, nếu bạn không chê, không trách..

Đại cương như vậy. Kể cũng vui, vì nhờ vào "tuyệt lộ" mà tôi tìm ra "sinh lộ". Bởi, có lẽ đây là một trong những truyện ngắn phổ biến nhất của tôi, nhiều báo đã xin đăng lại. ..Tuy nhiên, như tôi có lần đã từng nói, từ viết dâm đến viết dơ chỉ là một đường tơ kẻ tóc. Và những người làm văn nghệ chân thật không mấy ai dám viết dơ đâu.

3. Sau khi hoàn tất tập thượng của bộ trường thiên *Một Giấc Mơ Tiên*, gồm 4 cuốn, tôi ngưng viết để tạm nghỉ xả hơi. Giờ thì cứ lai rai làm thơ, viết nhạc, vẽ tranh vui chơi mà không nhất thiết phải có một nhu cầu nào cần đáp ứng. Bao giờ có hứng thì tiếp tục viết *Một Giấc Mơ Tiên*, tập hạ. Cũng như hoàn tất bộ trường thiên *Một Trời Một Biển*. Chỉ vậy thôi.

4. Tại sao chỉ trong năm qua? Mà không là tất cả? Thú thật, tôi chỉ yêu thích các nhà văn, nhà thơ, hoạ sĩ, nhiếp ảnh gia, nhạc sĩ nào...trẻ hơn tôi thôi. Vì dạo sau này, có lẽ giống như những ai đã làm văn nghệ trong thời gian trên dưới mười năm qua, khi đi lạc vào "cõi không" - cyber-space - tôi mới thấy tuổi trẻ chịu khó học hỏi và cặm cụi với văn hóa, văn học nước nhà nhiều hơn là mình tưởng. Tôi muốn nói đến những người không rành tiếng Việt lắm mà vẫn thiết tha mong muốn đóng góp vào kho tàng chữ nghĩa, văn chương. Đó, tôi yêu thích những nhà văn, nhà thơ, hoạ sĩ, nhiếp ảnh gia, nhạc sĩ...không tên tuổi đó. Và xin anh đừng hỏi tôi là ...tại sao.

5. Văn học Hải ngoại, theo tôi, là một nền văn học đáng được ca tụng và đề cao. ở chỗ, tuy là vàng thau lẫn lộn, nhưng là một nền văn học hầu như...hoàn toàn tự do, độc lập. Không bị gò bó, cung đình, bè nhóm nhiều như nền văn học miền Nam trong nước trước 1975, hoặc không bị biến thành hoa vạn thọ như ở ngoài Bắc. Già trẻ, lớn bé chung nhau trăm hoa đua nở mà không bị án "Nhân Văn, Giai Phẩm". Đủ mọi khía cạnh, thể tài, trường phái. Chỉ cần nhìn sơ qua, có một hai triệu người mà mức độ sáng tác, in ấn phát hành, triển lãm, trình bày có thể nói ngang ngửa hoặc hơn những trên ba chục triệu người trước 75, và luôn cả 70 triệu người trong nước hiện nay. Mới hay...độc lập, tự do là những gì thật sự quí giá, hiểu theo ý nghĩa trung thực của nó.

Tuy nhiên, trong những ngày tháng sắp tới, nền Văn học Hải ngoại có lẽ sẽ chuyển hướng. Sẽ đi vào "cõi không" (*cyperspace*) như tôi vừa nói. Hiện thời, không riêng gì văn học nghệ thuật mà hầu như tất cả mọi ngành đều tập trung vào "cõi không". Với đầy đủ tiện nghi cá nhân. Nào tiếng nói, *audio*, nào hình ảnh , *video*, in ấn, *print*, màu mè, *color*...đều nằm trong tầm tay với và được đón nhận tức thì qua vận tốc ánh sáng. Trên lãnh vực sách báo nói riêng, có thể từ giấy trắng mực đen - *hard-copy* - sẽ chuyển dần sang màn ảnh - *screen*.

Thêm một điều nữa là số độc giả ở hải ngoại càng ngày càng ít đi. Ngoài một số người lớn tuổi lần hồi qua đời, lớp trẻ học đọc và viết tiếng Việt lại càng ngày càng giảm. Rồi những người am hiểu tiếng Việt thấu đáo còn lại, bây giờ, họ cũng thờ ơ với chữ nghĩa, văn chương. Một phần vì không có thì giờ, một phần do bởi tình trạng lạm phát báo chí, lạm phát nhà văn nhà thơ, đem đến tình trạng nhàm chán, xem thường. Nhiều lúc tôi có cảm tưởng hình như chỉ những người viết là những người còn chịu khó bỏ thì giờ ngồi đọc với nhau mà thôi. Có phải đây là trường hợp "nạn nhân sự thành công của chính mình" (*victims of our own successes*)? Nhiều báo quá thì biết đọc báo nào? Lắm nhà thơ nhà văn thì biết đọc nhà thơ nhà văn nào? Có thể như thế lắm, anh nghĩ sao?

● Hoàng Dụ Thụy, nhà văn, ở Gia Nã Đại

1. Theo tôi, bộ môn hội hoạ lên nhất trong năm qua. Bằng cớ là các tạp chí Sóng Văn, Văn...đều chọn những bức họa làm bìa dù chuyện in ấn rất phức tạp và tốn kém. Các cuộc triển lãm cũng được tổ chức thường xuyên hơn. Gần đây là cuộc triển lãm tranh sơn dầu của họa sĩ Nguyễn Quốc Tuấn ở thành phố Brossard, Québec, Canada. Cuộc triển lãm được ghi nhận là thành công. Về nhiếp ảnh và âm nhạc tôi không rành cho lắm nên xin miễn bàn.

2. Nói chuyện thanh tục là nói đến chuyện đạo đức thật và đạo đức giả. Tôi xin nhận tiếng đạo đức giả để giữ sự hào nhoáng của văn chương. Nói tục, lời nói qua tai đi mất. Viết tục, ý lời vẫn còn ở mãi trong văn chương. Nếu thiếu sự thanh thoát thì văn chương sao gọi là văn chương. Có nhiều nhà văn quan niệm "đẹp xấu tùy người tùy đối diện" nên trong sự tùy nghi đó, nhiều bài viết làm người phụ nữ bị tổn thương vì phẩm giá của họ bị đánh giá qua những lời nói mà các nhân vật nữ nói giùm nhà văn.

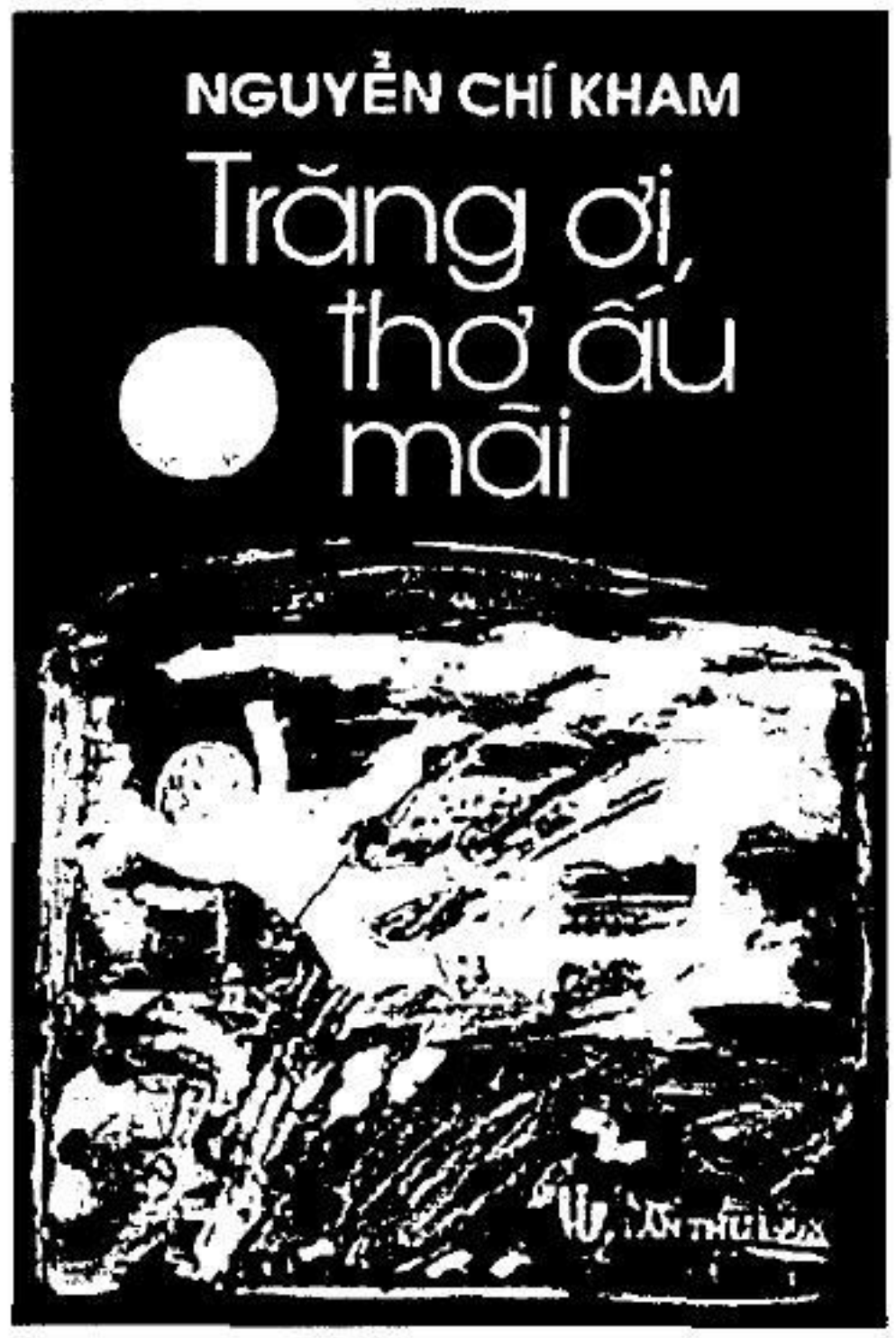
3. Chuyện văn chương tôi cứ để mặc dòng đời đưa đẩy, không tính trước được. Có nhiều bản thảo nằm trong tủ từ sáu, bảy năm nay chưa tìm

được nhà xuất bản. Có bản thảo chưa xong, đã có nơi nhận in. Tất cả các tác phẩm đã xuất bản của tôi, không có tác phẩm nào tôi dự tính trước cả. Tất cả chỉ là sự giúp đỡ của bạn bè và thời cơ đưa đẩy mà thôi.

4. Câu này khó trả lời. Nhà văn nào thì tôi cũng thích, nhưng nhà văn tôi mến là Trần Long Hồ. Nhà thơ, tôi quí Trần Mộng Tú. Họa sĩ, tôi "kết" anh Nguyễn Quốc Tuấn. Nhiếp ảnh gia, tôi ái mộ ống kính Lê Quang Xuân. Còn nhạc sĩ thì tôi chịu nhất Lê Tín Hương.❐

"...Khó có ai còn lành lặn , sau một cuộc chiến như thế. Sau những ngày học tập dài như thế. Tuy vậy, vết thương của anh, có vẻ không nặng nề, qua những truyện ngắn kế bên. Anh mang theo vầng trăng qua những trại tù, và nó cứ thơ ấu mãi, như một cậu học trò ở trong anh. Cái cậu học trò ngày xưa, chỉ mong được cô giáo gõ cho một vài cái vào tay, sau này, bắt chước Anatole France, nhẹ nhàng an ủi cô giáo, khi cô nằm trên giường bệnh: "Hãy ngủ đi, ngày mai chúng ta sẽ lên đường".

...Tôi không hiểu tại sao cậu lại có mãi một vầng trăng thơ ấu như thế, trong một cuộc chiến như thế.
(Nguyễn Quốc Trụ)



Tìm đọc

trăng ơi, thơ ấu mãi

tập truyện đầu tay của Nguyễn Chí Kham

Tân Thư xuất bản, nhận định của Nguyễn Quốc Trụ, Phạm xuân Đài
Bìa Nguyễn Đồng & Nguyễn Thị Hợp
Sách dày 180 trang, giá 10 Mỹ kim

Sách hiện có bán tại các hiệu sách. Bạn đọc ở xa xin liên lạc
Nhà Xuất bản Văn Nghệ

Hồng hạc
KHOA HỮU

đêm nụ dưới trời chưa kịp nở
ta nhìn lên dậy gió mười phương
Khoa Hữu

Một

Ta ném cuộc đời ta vào lửa
cháy lên nào, ánh sáng trăm năm
cháy lên, để ta không còn nữa
để ta còn một bóng thiêu thân.

Ngọn lửa tình yêu ta, chưa tắt
thế giới còn đây nỗi cỏ hoa
cùng mặt trời sớm mai ta thức
chiều mây hoang dạt bóng quê nhà.

Ta cạn lòng ta không biết khóc
hãy như hoa nở báo tin mừng
như tảng đá xanh núi bất khuất
như lời vô tận sóng biển đông.

Mấy mươi năm mòn trong hơi thở
ta, con hồng hạc lỡ xa bầy
trong đôi cánh mang mùa đông cũ
vượt vạn dặm trường, mỏi cánh bay.

Hồng hạc ơi ngày trông đất xám
đêm nghe mưa đại nước đầm hoang
nhớ bắc phương mịt mù tuyết trắng
tiếng kêu, xơ xác ngọn lau vàng.

Nhả hạt dau thương thành cỏ mọc
chờ tin chim di xú trở về
thân chết rũ, hồn vừa mãn kiếp
tha nắng vàng hối hả bay di.

Bầy hạc cũ năm sau trở lại
vũng dầm hoang hẹn ước còn dây
chiếc lông trả ngọn lau oan trái
hòn dá rêu bỏ vết chân bày.

Hồng hạc ơi dưới gầm trời nhỏ
linh hồn sao thoát cõi phù du
những mùa dông, những không gian lạ
cánh cô đơn suốt dải mây mù.

Hai.

Quê hương ơi, nhà ta mấy núi
nước đổ nguồn ngang dọc mấy sông
Xuân-hạ-thu-đông về mừng tuổi
sắc lúa vàng ươm, ngát mấy đồng.

Ngọn khói, bếp cơm chiều mong ước
lửa đun rạ mới thức đêm dài
dất nhớ mùi hương mùa bưởi trước
mùa sau, cỏ khoác áo hoa phai.

Ngụm nước giếng-thơi ngày hạn khát
mua kiệt cơn đồng dất chuyển mùa
da bí xanh, ngô vàng vấn tóc
vẫn cầu trời cho nắng tốt dua.

Mùa sen nở ngày xanh, tháng đỏ
nón nghiêng vai nắng chạm má hồng
trên ngọn cau sáo về làm tổ
tơ trời, kết lại mối long dong.

Mắt trẻ thơ rung cành nhãn chín
lũ dơi tung cánh tối mịt mùng
chờ vụ gặt tháng mười chưa đến
gió lạ về chát quả hồng ngâm.

Nạn đói miền xuôi, sốt mạn ngược
thủa lên non dẫn gỗ, tìm trầm
buộc mảng cây thả theo dòng nước
gốc tre già nhớ cũng thương măng.

Gió Tiên-Kiên mềm lòng dất khách
sớm sương muối trắng ngọn Ba Vì
suối đá, đồi gianh chân Tam Đảo
tiếng gà gô đuổi bóng chim đi.

Trà Thái Nguyên cam sành Bố Hạ
bàn tay thuê phá núi, mở rừng
dứa Vĩnh Yên vải thiều Phú Thọ
bóng theo người lưng nặng bước chân.

Sông Lô sủi bóng xanh ghềnh thác
vói trông theo sáu khúc Việt Trì
sông Thao ngược Đoan Hùng nước bạc
núi cánh buồm mây gió cuốn đi.

Mười năm nữa đào đường, vỡ đất
liếm mồ hôi mặn xót quê nhà
trồng nương sắn, rẫy khoai trước mắt
nỗi nhọc nhằn thân tải đường xa.

Quê nhà ơi, mười năm thất tán
người oan, đất oán, cỏ hoang đồng
khói đốt nhà ai lên lửa loạn
hồn tre, lòng lúa vẫn thúc mong.

Mẹ ta, một nửa trời quê ngoại
một nửa dòng máu nóng ta mang
tuổi thơ ta cũng dòn như sậy
chen cõi buồn đau đến bạt ngàn.

Tập dứng lên, tập đi, tập nói
học viết vần đầu nét chữ hoa
đi dọc, đi ngang, chân trời mỏi
trang giấy nhăn trán mẹ, thấy già.

Mưa dồn lũ ngập trũng đồng thấp
còn nghe nước lớn réo sông Hồng
cánh-giại thua ngăn lùa gió bấc
rét lòng ta, lạnh thấm mênh mông.

Đêm mơ thấy ta làm mục tử
buồn nhu cỏ dặm nuốt đàn trâu
lao đao một chiếc thuyền phi xứ
giọt lệ nào cay mắt, ta dâu.

Lớp người ấy đi làm lịch sử
ta thấy đời nhu đã lớn lên
mười năm, chớp mắt, cơn mộng dữ
chia nhớ thương nắng bãi, trăng thềm.

Chị ta, vạt khói chiều quê nội
em ta, khoai sắn bếp lửa tàn
nhà ta, gạch ngói xưa thành bụi
dưới cỏ vàng, ngậm nỗi ly tan.

Ba.

Ta chỉ là tên tù không số
là con hồng hạc - cánh chim bằng
trăm năm sau cũng dừng hỏi khó
hãy nhìn trời, hỏi ánh sao băng.

Căn nhà di động

Nguyễn Bá Trạc

(1)

Mùa đông thứ hai mươi ba, một đêm thức dậy. Tiếng đàn bầu vạch ra từng mảng mầu như một tấm tranh trừu tượng. Không. Không phải là tiếng khóc. Không phải là tiếng than. Mà là như thế. Như thế. Với những ký hiệu của bản nhạc làm cho thức dậy. Làm vệ sinh. Bước ra vườn ướt sũng. Lá vàng rơi ép nhẹp. Pha trà. Hút thuốc. Một mình nói chuyện với những vì sao xếp hàng lấp lánh trên trời. Vĩnh biệt Việt Nam. Vĩnh biệt.

Sáng nay bảo cụ ạ có ba loại người ở đây còn đọc sách Việt, báo Việt, chữ Việt. Thứ nhất ở tù mới sang. Thứ hai cao niên như cụ. Thứ ba trật đường rầy như tôi. Tại sao trật đường rầy ạ? Là tại vì đi không đi đường chính. Giòng chính. Chính lưu. Hai chân chàng hảng. Một bánh lăn trên rầy. Một bánh lọc cọc trên tà vẹt. Sỏi. Đá. Một nửa cõi này. Một nửa cõi khác. Một nửa cho quá khứ. Một nửa cho hiện tại. Một nửa cho một tỉ ngân hà, mỗi ngân hà một tỉ hành tinh. Mà trong tôi là vũ trụ của một tỉ sinh vật khác chông chênh giữa sinh tử. Phần tôi là khách ngao du trên quả đất cho tới ngày ra đi. Cho nên đó là vì sao hôm qua tôi chạy như ngựa cố tìm một cái mobile home để giải quyết một lần cho xong cái chỗ ở, rồi hôm nay lại chán phè. Hôm qua còn hăng hái lăn vào bàn chuyện quốc gia cộng sản, đêm nay chỉ có tiếng đàn bầu và vệt mầu trên tấm tranh trừu tượng.

Tôi như bóng mây bay. Tuổi già đang khắc khoải. Tiếng nói sắp bằng thừa. Chữ viết kém tha thiết. Một đêm khuya tỉnh dậy. Lá ngoài vườn rụng đầy. Trận bão vẫn chưa qua. Trên trời sao đã rạng. Nói gì hơn tiếng đàn?

Nhưng tôi vẫn sống như thế, như thế, giữa cái này một tí, cái kia một

tí. Có hôm tưởng nhìn con mắt lịch sử là xong: nhìn bằng cả chiều dài nhân loại thì bớt bị chông đâm gai xóc bởi những mâu thuẫn hiện tại. Nhưng có hôm lại lo lắng 5 xu lương bấp bênh. Ôi chính tôi chứ không phải là vũ trụ đã lâm cơn trọng bệnh.

Thế đấy. Thấm thoắt mà đã mười năm kể từ lúc rời Mỹ đi Mã Lai. Ký ức như mặt biển. Có hôm nổi sóng rồi lại im ắng không rung chuyển. Như một món ăn không gia vị. Nhưng vẫn là du khách. Dẫu buồn ngủ, vẫn quan sát. Mình. Quan sát mình. (Thở dài).

Dẫu ôn lại quá khứ. Để đau hay để vui. Để lòng còn ân hận. Hay để lòng ngậm ngùi. Quá khứ là quá khứ. Tương lai là tương lai. Quá khứ thì như thế. Tương lai cũng biết rồi.

Cho nên cụ ạ hôm kia có một chú nhỏ đến bảo tôi rằng ông Kiệt ông Khải ông Phong có phải là những người kém cỏi đâu. Có phải là vô học đâu. Tôi hỏi thế thì Mỹ đòi cái gì. Chú ấy bảo bỏ ta ríp. Tôi bảo ừ ừ. Nhưng không chừng là quân sự. Nhưng cũng phải dân chủ nhân quyền chứ. Đa nguyên chứ độc quyền mãi sao. Hôm qua chú ấy lại gọi điện thoại. Bảo chưa được đâu chú ạ. Tôi bảo tôi ốm. Hai hôm rồi. ốm thật đấy. Đang phải lo chuyện mua cái mobile home để giải quyết một lần cho xong cái chỗ ở, cho nên ốm. Này mượn trước một năm lương. Bạn bè mỗi người một tí. Thiếu bao nhiêu mượn nhà băng. Mười một chấm rưỡi tiền lời. Tiền đất năm trăm. Không lo tiền nhà lên xuống. Vợ bảo phải, nhưng phải tìm chỗ cho nuôi con chó. Tôi bảo ừ. Một con chó hai con mèo, cô ấy nói thêm. Còn mấy con gà thì thôi đi. Tôi bảo từ từ. Từ từ. Cũng phải suy nghĩ chứ. Mà còn tiền bảo hiểm. Tiền bảo trì. Hư cái ống nước hay cái nhà cầu từ nay phải lo lấy. Vay ba mươi ba ngàn. Trả mười lăm năm mỗi tháng ba trăm bốn mươi hai đồng. Ông Đỗ Mười năm nay đã trên tám chục. Chín mươi lăm mới trả xong. Mà tháng Chín này đã thay thế, hoặc là ông Lê Khả Phiêu, hoặc là ông Nguyễn văn An. Một ông, Reuter bảo có chân trong ban Thường Vụ bộ Chính Trị, đông đảo quần chúng biết. Một ông, bảo là thiên về cải cách, được giới cải tổ ủng hộ mạnh mẽ. Như thế tức là mỗi tháng trả có tám trăm rưỡi. Nhưng coi chừng nhà mobile home mỏng manh, không bền. Những hôm trời bão thế này, vợ tôi nói, cũng phải suy nghĩ kỹ. Tôi bảo tất nhiên, tất nhiên, không có nghĩa phải làm ngay. Nhưng 7 giờ tối mai có hẹn với hãng địa ốc. Cứ đi xem. Chỗ này 49 ngàn. 431 đồng tiền đất, xem thử cho biết. Suy nghĩ kỹ rồi hãy quyết định kẻo sau này lại hối.

Vì em cứ tưởng tượng một hôm chúng ta sẽ muốn ra đi. Chả lẽ lại đeo cái mobile home trên lưng ra ga Copenhagen lóng ngóng chờ tầu lên Thụy Điển. Rồi làm sao sang Phần Lan, sang Nga hay đi Ấn Độ. Vì tôi đã

hứa với em rồi. Chúng ta sẽ đi Ấn Độ. Cho tôi lại được cạo đầu, cạo cái đầu cho mát mẻ. Để lội xuống sông Hằng một lần nữa ở Bhodgaya chỗ Phật thành đạo. Nơi ấy sông rất cạn. Bờ thoai thoải lan ra một dãy núi xa. Phật từng ngồi đó 49 ngày. Bên này bờ là ngôi chùa Miến Điện. Ở đó có lần gặp mấy cô Mỹ hỏi anh sắp đi đâu. Thái Lan. Ôi chỗ ấy thật ngọt ngào. Cô ấy nói. Tôi bảo đúng vậy. Nhưng ngày nay sợ lắm. Bệnh AIDS. À, lại chạm tới sinh bệnh lão tử. *Tuổi già như tóc bạc, cứ cắt lại dài ra* (thơ Phan Khôi).

(2)

Giải quyết bằng Thơ.

Có một ngày em buộc tóc cuốn cao trên gáy
mặc quần thô, đi giầy vải
sẵn sàng chiếc túi deo lưng
Tôi vác trên vai căn nhà di động
đưa em về bản Mậy
xem con trâu thở phì phò bên dám rạ
tới Nong Khai nhìn giòng nước Mê Kông
Từ Thái Lan, tôi đưa em về Mã Lai
chỉ cho em mặt biển vùi thây
những thuyền nhân đã chết
Có thể tôi sẽ mỉm cười bảo
nhưng trước sau có ai mà không chết
nhất là khi ta ở trong thơ
Này đây là đảo Pulau Bidong
chỗ này ngày xưa là khu F
chỗ này là nghĩa địa
ngày xưa có hàng thánh giá
chôn những người vượt biên xác giạt vô bờ
Ngày xưa, tôi nói
bên này là trại đảo, bên kia là Tự Do
Mà Tự Do và Bình Đẳng
là những ngọn thủy triều lên lên xuống xuống
trong lịch sử
với đôi ta là chuyện mơ hồ.
Như Tư Bản với Cộng Sản.
Nước với Lửa lúc ướt lúc khô lúc bật lúc tắt.

Nhu miếng cơm ăn và những giấc mơ.

Em hãy theo tôi di Ấn Độ
di Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản
mon men quanh nước Việt Nam
Vì về phần tôi: Vĩnh Biệt Việt Nam
Vĩnh Biệt những người bạn nhỏ
Vĩnh Biệt chiến tranh và những trại tù
Vĩnh biệt những ngày mưu toan bao gạo
hộp sữa nuôi con
Vĩnh biệt khu vườn nước lụt

Tôi sẽ đưa em đi cưỡi lạc đà
nhìn mặt trời lặn trong sa mạc Rajasthan
xem Taj Mahal trong tiếng đàn sithar
hay là sang Bali ngắm hoa dâm bụt nở
và Vĩnh Biệt Việt Nam

Vĩnh Biệt Việt Nam
nơi tôi ra đời trong một mùa nước lụt
ba năm sau hai triệu người chết đói
bạn tôi 15 năm lính, 14 năm tù
Vĩnh Biệt Việt Nam.

Em ạ, có thể tôi nói
Tôi sẽ đưa em đến bảo tàng viện Kuala Lumpur
xem những chiếc trống đồng to hơn chiếc
trống Việt Nam
hay sang Nam Dương nhìn những bà già
nhai trầu bỏm bẻm
ngồi chia thịt lợn trong làng

Ta sẽ ngủ trong căn nhà di động
nhìn trăng sao từ chỗ bình an
Vĩnh Việt Việt Nam
Vĩnh Biệt
tôi sẽ nói
Vĩnh Biệt Việt Nam
Vĩnh Biệt

Có thể tôi sẽ nói
Vĩnh biệt Việt Nam
Vĩnh Biệt

vân vân và vân vân...

(3)

Thế là với Thơ, tôi có thể nói là tôi đã giải quyết gần xong vấn đề mobile home, tức là căn nhà di động. Tức là nhìn ra xa, rồi lại nhìn gần, soi kính hiển vi vào những phản ứng tâm lý bất thường - *abnormal psychology* - rồi lui lại, trộn lẫn những đồng tiền vào trăng sao và giấc mơ. Sẵn sàng quên, quên, quên hết, quay trở về giường ngủ. Sáng ra lại đến quán cà phê quen thuộc, lấy tờ báo Việt ngữ, đọc lại những cái tin chính mình đã dịch ra từng chữ về ông Đỗ Mười, ông Phan văn Khải, ông Võ văn Kiệt, ông Nguyễn xuân Phong. Bạn tôi bảo là thôi không chừng trong đó có 2, 3 ông CIA đã mua đứt rồi. Tôi nghĩ cha này sâu sắc, mà thiệt không chừng đúng như thế. Hoa Thịnh Đốn có thể đã đi với Bắc Kinh. Chính trị khó hiểu lắm ông ơi. Nhưng cuộc đời dễ hiểu hơn. Sinh ra, lớn lên, già đi, về cõi chết. Cái gì đầy lại vơi. Cái gì vơi lại đầy. Sáng lại tối. Tối rồi lại sáng. Tôi thú thật: *Tôi là người ba phải. Giữa hận thù và giữa yêu thương. Giữa lẳng lặng dửng dưng không giận ghét. Tôi vẫn bơ vơ giữa ngã ba đường*. Còn Tết này đã hai mươi mấy cái Tết rồi. Ông chủ bút nói báo Tết ông viết một bài. Đã có bài của anh Phan Nhật Nam. Tôi bảo vâng hắn là bạn nhỏ của tôi. Mười lăm năm lính, mười bốn năm tù. Trước kia chúng tôi học một trường một lớp. Cùng biết yêu một đứa bé con. Có nhuận bút đàng hoàng. Viết gì ạ, năm Cọp kể chuyện cọp. Năm nay hội Bảo Vệ Thiên Nhiên kêu gọi không dùng cao hổ cốt. Hay là viết chuyện Chết Cha Lại Đám Cưới. Nhân dịp đầu năm cũng nên bàn về văn hóa Việt Nam trên đất Mỹ. Đi ăn đám cưới nên đi đúng giờ. Bốn nghìn năm văn hóa như thế người ta cười cho. Mà xin nhớ về các cụ già và những người viết báo, khi gửi thiệp mời nên ghi rõ: Miễn Tiền Mừng. Miễn Quà Cưới. Không đi thì không được. Mà đến cũng không xong. Tháng lương vài trăm bạc. Bốn đám là sạch bong. Và cũng chớ nên tiếp tục làm giầu cho các tiệm ăn Tàu. Cần phải xây dựng cộng đồng Việt Nam. Tại sao không thuê chỗ rộng rãi rồi gọi thức ăn Việt Nam. Lại Việt Nam. Chi ra ít thôi, dành tiền cho tụi nhỏ xây dựng tương lai. Lại tiền. Lại đòi thay đổi. Thay đổi bản thân không xong, đòi thay đổi ai. Thay đổi chuyện nhỏ không xong, mơ gì đến thay đổi tương lai đất nước. Ghê nhỉ, thế cậu mơ à. Không, tôi không mơ. Tôi ngủ. Ngủ không mơ. Sắp vào lại giường ngủ. Mấy hôm

nay gió bão El Nino. Không ai chết như bão Linda. Chỉ vừa đủ lạnh, đủ ướt, đủ để trùm mền cảm ơn Trời, *cảm ơn Chúa, Phật*, vẫn còn một chỗ nằm dưới mái nhà ấm áp, dẫu là nhà thuê. Mà mua mobile home cũng được. Không mua cũng chẳng sao. Nhà cao cửa rộng chết đi có mang theo được hay không. Còn chuyện vác căn nhà di động trên lưng mà đi du lịch...Ôi đó chỉ là chuyện trong thơ.

Nhưng trong câu chuyện này tôi nhất quyết sẽ mua một căn nhà di động, một lần cho xong cái chỗ ở, rồi tôi sẽ vác căn nhà di động đưa đến dựng dưới chân một chiếc cầu vồng, nơi ánh sáng vui tươi của mặt trời chiếu qua làn hơi nước ảm đạm. Ở đó tôi và em sẽ bình an đi đứng nằm ngồi:

Nhìn cầu vồng, cầu vồng
Mặt trời và nước mắt
Niềm vui trộn lẫn với đau thương
biến thành những đường cong bẩy sắc.❐

tìm mua

bảy năm trên đất tây tạng

Trần Viết An Cựu

phóng tác

* Đã xem phim "Bảy năm trên đất Tây Tạng" không thể không đọc "Bảy năm trên đất Tây Tạng"
* Một chuyện đường rừng hấp hẫn, lý thú có một không hai, lại thấm mùi đạo vị, giải thoát.
* Đọc để hiểu thêm về Đạt Lai Lạt Ma và đất nước Tây Tạng ngàn đời tuyết phủ
* Giá **18 Mỹ kim**, sách dày 370 trang.

Thư từ tiền bạc xin gửi về:
Mr TRAN
4343 W. 142 St., Apt # F
Hawthorne, CA 90250, USA

Đọc... chơi vài bài ca dao

Nguyễn Hưng Quốc

Tặng Đỗ Minh Tuấn

Ca dao, ai cũng biết là hay. Tuy nhiên, có nhiều bài ca dao chúng ta đọc đi đọc lại cả trăm lần, mơ hồ cảm nhận là chúng hay, mà chả hiểu chúng hay ở chỗ nào cả. Chỉ đến một lúc nào đó...

Ví dụ bài ca dao rất quen thuộc này:

Mình nói dối ta mình hãy còn son,
Ta đi qua ngõ thấy con mình bò.
Con mình những trấu cùng tro,
Ta đi xách nước tắm cho con mình.

Tôi thuộc bài ca dao này từ nhỏ. Nhưng chỉ gần đây, tôi mới bắt đầu loé thấy một ít cái hay của nó. Trước hết, chúng ta biết ngay bài ca dao này được làm theo thể lục bát. Bình thường, trong thơ lục bát, câu sáu chữ nằm trên câu tám chữ, lục rồi mới đến bát. Tuy nhiên, trong bài này có điểm lạ: là thơ lục bát, nhưng thay vì mở đầu bằng một câu lục thì nó lại mở đầu bằng một câu bát phá thể. Hệ quả là gì? Hệ quả là hơi thơ của câu thứ nhất dài hẳn ra. Dài và thiết tha vô hạn: tấm lòng của anh thanh niên mở ra bao la với những nguyên âm 'o' và nguyên âm 'a' rộng rãi và khép lại ở nguyên âm 'i' thầm thì trong chữ 'mình', một chữ được dùng để gọi người yêu, lặp lại đến hai lần ở câu thứ nhất. Thành ra ở đây, ngay câu thứ nhất, đã có một nghịch lý: ý câu thơ là tố cáo một sự dối trá ('Mình nói dối ta...') mà giọng thơ thì lại rất mực ngọt ngào và ấm áp: anh thanh niên biết mình bị lừa mà lại sẵn sàng chấp nhận bị lừa, sung sướng để chịu bị lừa.

Hay nhất trong bài ca dao vẫn là chữ 'mình'. 'Mình' là cách xưng hô đầy âu yếm để gọi người mình yêu. Chữ 'mình' ấy lại lặp đến lại năm lần,

mang hai ý nghĩa hoàn toàn khác nhau: bốn lần đầu, 'mình' là em, chỉ người con gái, ngôi thứ hai số ít: 'con mình' là con của em, là 'your child'. Đến lần thứ năm, cũng là 'mình', nhưng 'mình' ở đây lại là ta, là chúng ta, ngôi thứ nhất số nhiều, bao gồm cả người con trai lẫn người con gái: 'con mình' ở câu cuối là 'our child'. Người thanh niên chấp nhận đứa con riêng của người yêu làm con của mình.

Bài thơ mở đầu bằng chữ 'mình', kết thức cũng bằng chữ 'mình'. Từ chữ 'mình' đầu bài đến chữ 'mình' cuối bài, cách nhau chỉ có 28 từ mà thực ra là cả một quá trình chuyển hoá của mối quan hệ giữa người con trai và người con gái, là lịch sử của một mối tình vừa ngang trái lại vừa cảm động. Trước là hai, sau chỉ là một: người thanh niên chấp nhận người tình ngay cả khi bị chị đánh lừa.

Cuối cùng, vì lặp đi lặp lại nhiều lần từ 'mình', chứa đựng nhiều âm 'm' vốn là một phụ âm môi, nhẹ nhàng và ngọt ngào, bài ca dao mang đầy giọng tâm tình. Như một lời thủ thỉ, thầm thì. Hiếm có bài ca dao nào của Việt Nam mà có cái giọng ngọt và ấm đến như vậy.

Hay bài ca dao này, còn nổi tiếng và quen thuộc hơn nữa:

Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc;
Em có chồng rồi, anh tiếc lắm thay...

- Ba đồng một mớ trầu cay,
Sao anh không hỏi những ngày còn không?
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng, như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ;
Chim vào lồng, biết thuở nào ra.

Bài ca dao này đã được khá nhiều người phân tích. Phần lớn đều tập trung ở khía cạnh hình tượng và ngữ nghĩa. Những sự phân tích ấy ít khi khác nhau cho nên tôi không muốn nhắc lại làm gì. Tôi chỉ xin lưu ý đến khía cạnh ngữ âm, một khía cạnh ngờ như có khả năng tiết lộ khá nhiều điều thú vị, đặc biệt là cảm xúc của người con gái.

Bài ca dao được cấu trúc bằng hai ngôn ngữ: ngôn ngữ của người con trai và ngôn ngữ của người con gái. Bài ca dao giống như một vở kịch với hai lời đối thoại. Nhưng lời nói của người con trai không hẳn là một lời

nói, có vẻ như là lời kể của ai đó, một nhân vật thứ ba, ở ngoài. Tại sao? Không có gì khó hiểu cả: người con trai đang ở trong một trạng thái bất ổn, phân thân, hồn một nơi mà thân xác một nơi. Nhiều người ngạc nhiên tự hỏi: không hiểu anh loăng quăng, líu quíu trèo lên, trèo xuống để làm gì vậy? Thật ra, có gì lạ đâu. Nhớ, trong một bài ca dao khác, một người con gái cũng có cái dáng điệu loăng quăng líu quíu như thế: *"Khăn thương nhớ ai / Khăn rơi xuống đất / Khăn thương nhớ ai / Khăn vắt lên vai..."*. Sự loăng quăng líu quíu ấy chỉ là một cách để làm nguôi ngoai một tâm trạng bời bời, đồng thời cũng là một dấu hiệu cho thấy anh không còn tự chủ được mình nữa, anh bị thất lạc tâm hồn. Anh bàng hoàng. Anh thảng thốt. Anh chấn động trước sự việc người anh yêu thầm đi lấy chồng.

Ngắm nụ hoa tầm xuân xanh biếc, người con trai ngẩn ngơ: *"Em có chồng rồi, anh tiếc lắm thay."* Một câu hỏi quan trọng mà người đọc thơ không thể không đặt ra: có quan hệ gì giữa nụ tầm xuân và việc người con gái lấy chồng, từ đó, dẫn đến niềm tiếc nuối, xót xa kia? Ngỡ như không có. Mà lại có. Ở cái vần 'iếc' trong chữ 'biếc' cuối một câu thơ vốn có thật nhiều nguyên âm mở. Nó như một sự khép lại. Nó mảnh. Nó sắc. Như một sợi khói bay lên, bay lên, xa hút: nó hình tượng hoá một sự mất mát, một cái gì vuột khỏi tầm tay.

Người con gái chắc cũng yêu bạn mình. Chị đã từng chờ đợi. Hoài công vì sự nhút nhát của anh. Chị vừa thông cảm lại vừa giận. Chị đay nghiến: *"ba đồng... một mớ...."*. Sở dĩ đay nghiến là vì còn yêu, còn thương. Nhưng dẫu sao thì cũng đã lỡ: chị đã có chồng. Người con gái ý thức rất rõ điều đó, cho nên, giọng chị cứng lại:

Bây giờ em đã có chồng
Như chim vào lồng...

Vần hai câu thơ rơi vào âm 'ông' sang sảng, ngân vang. Mạnh, rất mạnh. Dứt khoát, rất dứt khoát. Nhưng tôi ngờ là chị chỉ cao giọng để lừa dối chính chị. Bởi, nói chưa hết câu ấy, giọng chị đã trầm xuống, thổn thức:

....Như cá cắn câu
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra.

'Câu', 'đâu', 'gỡ', 'thuở': những chữ kết thúc bằng nguyên âm 'u' và 'ơ', nửa khép nửa nhẹ, bềnh bồng, rưng rưng, không chừng là một tiếng

khóc.

Một ví dụ khác:

Em như cục cứt trôi sông
Anh như con chó chạy rông trên bờ.

Từ trước đến nay, bài ca dao này thường chỉ được đọc trong những lúc nói chuyện phiếm, như một bài ca dao trào lộng. Đọc cho vui, đọc để cười chơi, vậy thôi. Trong ý nghĩa ấy, bài ca dao được nhìn nhận như một cái gì khá tục và khá nhảm.

Tuy nhiên, theo tôi, không chừng đó là một bài ca dao hay.

Vấn đề là: nó hay ở chỗ nào?

Trước hết là nó bạo và nó mới. Nó không có một chút sáo ngữ nào cả. Dĩ nhiên, nói thế, chúng ta cần thận trọng. Không phải cứ hễ viết tục là thoát sáo. Từ trước đến nay, ở đâu cũng có những người khoái viết tục và viết bạo. Hiện nay, người ta lại càng viết tục và viết bạo. Nhưng chưa chắc đã hay. Dù sao, theo tôi, cái tục của câu ca dao này quả là hay thực. Nó không phải chỉ bạo để bạo, chỉ mới vì mới mà còn là một sự sáng tạo hầu vẽ nên một thế giới gần hiện thực hơn. Chúng ta hãy nhớ lại xã hội Việt Nam ngày xưa. Đâu phải ai cũng như là Thuý Kiều và Kim Trọng, cũng là *"người quốc sắc, kẻ thiên tài"*, là "trai anh hùng, gái thuyền quyên" cả. Trong xã hội thời xưa, đặc biệt là ở nông thôn, đại đa số các cặp tình nhân là những anh thợ cày và những chị đầy tớ. Anh đi làm mướn, chị đi ở đợ. Anh giống như Chí Phèo, chị giống như Thị Nở. Đời sống của họ cơ cực, tối tăm. Cho nên, không có gì lạ khi họ tự ví

Em như cục cứt ...
Anh như con chó ...

Cái tục của ngôn ngữ, cái thô của hình tượng ở đây lại là những cái thực và là một sự sáng tạo. Nó phá đổ những khuôn sáo cũ kỹ và giả tạo trong văn chương bác học. Nó vứt bỏ những son phấn những mũ mão đai hia của sân khấu cải lương trong văn học để làm hiện hình lên những con người gần gũi với cuộc đời hằng ngày.

Hơn nữa, điều đáng cảm động ở đây là cặp tình nhân tự biết thân phận của người họ yêu và của chính họ chẳng ra gì. Em không ra gì. Mà anh thì cũng chẳng ra gì. Thế nhưng họ vẫn cứ yêu nhau, thương nhau. Chúng ta nhớ trong truyện *'Chí Phèo'*, Chí Phèo và Thị Nở cũng từng có lúc yêu nhau như tất cả mọi cặp tình nhân khác trên đời này. Và trên đời

này, tất cả những con người bất hạnh khác, khi yêu nhau, thì cũng yêu nhau như tất cả những con người bình thường hay may mắn khác yêu nhau. Cách biểu hiện tình yêu có thể khác nhau nhưng những rung cảm những những xao xuyến những quyến luyến những ngây ngất trong lòng thì chắc chắn là không có gì khác nhau cả.

Ở giữa câu lục là hai từ bắt đầu bằng phụ âm 'k' ('cục cứt') mạnh, gắt, như một nỗi đau uất. Ở giữa câu bát là hai từ bắt đầu bằng phụ âm 'ch' ('chó chạy') mềm mại, ngân vang, như một nỗi buồn tênh. Câu ca dao, như thế, không phải chỉ tả mối tình giữa hai người khốn khó bất hạnh tự ví mình với những gì hèn mọn, thậm chí hèn hạ nhất trên mặt đất. Điều đáng đau xót, toát lên từ câu ca dao này là ở chỗ, mặc dù họ tự biết thân phận của mình, mặc dù họ hoàn toàn an phận, chấp nhận cái số kiếp làm phân, làm chó, họ vẫn không được gần nhau. Em vẫn lênh đênh giữa sông và anh vẫn chạy rông trên bờ. Anh vẫn không bắt được em, vẫn ở từ xa mà nhìn em một cách thèm thuồng. Giữa hai người vẫn có một khoảng cách vời vợi. Không cùng.

Bài ca dao, do đó, mặc dù có một số chữ có vẻ tục, có vẻ sỗ sàng lại chứa đựng một ý nghĩa hết sức thâm trầm, gợi lên hình ảnh hàng triệu triệu cặp thanh niên nam nữ nghèo khó, lam lũ và bất hạnh trong cuộc đời, nhất là cuộc đời ngày xưa.

Còn một câu ca dao khác cũng rất đáng bàn. Đó là câu

Vân Tiên ngồi dưới gốc môn
Chờ cho trăng lặn bóp l... Nguyệt Nga

Xin nói ngay: tôi không có ý định khen đây là bài ca dao hay.

Không hay, nhưng nó không hẳn chỉ là một cách nói tục tĩu, nhảm nhí, và chắc chắn không phải là những câu vần vè vô nghĩa lý như lâu nay chúng ta vẫn thường tưởng.

Chỉ cần đặt câu hỏi: tại sao người ta lại không nói Kim Trọng hay Từ Hải hay Sở Khanh hay Mã Giám Sinh *'ngồi dưới gốc môn'*? Trả lời câu hỏi ấy, chúng ta sẽ thấy ngay tác giả của câu ca dao này chính là những độc giả của Nguyễn Đình Chiểu. Thế nhưng, ở đây lại nảy ra một câu hỏi khác: tại sao, trong truyện Lục Vân Tiên, người ta không chọn nhân vật nào khác, như Bùi Kiệm, một nhân vật được Nguyễn Đình Chiểu mô tả bằng những lời lẽ rất nặng nề, rất thích hợp với vai trò của kẻ 'ngồi dưới gốc môn': *"Còn thằng Bùi Kiệm máu dê / Ngồi chề bê mặt như sề thịt trâu"?* Tại sao?

Tại sao người ta lại chọn ngay chính Lục Vân Tiên, một nhân vật được xem là nghiêm trang, nghiêm túc, thậm chí nghiêm khắc, có thể xem như một khuôn mẫu về đạo đức, để bắt làm cái chuyện phàm phu tục tử ấy? Tại sao người ta lại chọn cái nhân vật không dám nhìn cả phụ nữ *"Khoan khoan ngồi đó chớ ra / Nàng là phận gái, ta là phận trai"*, không dám lần khân lâu bên phụ nữ *"Vân Tiên ngó lại rằng: Ừ / Làm thơ cho kịp chừ chừ chớ lâu"* lại làm cái việc 'công xúc tu sỉ' ấy?

Tại sao? Chắc chắn là có lý do. Và lý do cũng không có gì khó hiểu: Chúng ta dễ dàng thấy được câu ca dao trên là một cách phản ứng chống lại thái độ đạo đức khắt khe, có phần giả tạo của Lục Vân Tiên, và phần nào cũng là của Nguyễn Đình Chiểu. Chế diễu thái độ đạo đức cứng nhắc ấy, dân chúng đã cho Lục Vân Tiên làm cái việc nhảm nhí là 'ngồi dưới gốc môn, chờ cho trăng lặn...'. Trong cách nhìn này, câu ca dao trên có cùng trường nghĩa với một câu ca dao khác, từ lâu vẫn được xem là có 'lập trường tiến bộ' và 'đứng đắn' hơn:

Ban ngày quan lớn như thần,
Ban đêm quan lớn tần mần như ma.

Nói cách khác, tôi nghĩ, chúng ta hoàn toàn có lý để xem câu 'Vân Tiên ngồi dưới gốc môn...' như một cách đọc truyện Lục Vân Tiên. Đó là một lời phê bình cuốn Lục Vân Tiên. Trong vô số những lời phê bình truyện Lục Vân Tiên, không chừng cách phê bình này của dân gian là một cách phê bình hay. Hay và sắc sảo. Nó nhắm vào một trong những vấn đề trung tâm của tác phẩm là quan niệm đạo đức cũng như cách thức xây dựng nhân vật của cụ Đồ Chiểu nói chung.

Cũng vậy, chúng ta có thể đọc những câu:

Vân Tiên cõng mẹ chạy ra,
Đụng phải cột nhà, cõng mẹ chạy vô.
Vân Tiên cõng mẹ chạy vô,
Đụng phải cái bồ, cõng mẹ chạy ra.
Vân Tiên cõng mẹ chạy ra...

như một sự phê phán quan điểm đạo đức của Nguyễn Đình Chiểu: ông một mực đề cao những chuẩn mực đạo đức cổ điển và cổ kính như trung, hiếu, tiết, nghĩa với hy vọng là chúng sẽ giúp duy trì sự ổn định trong xã hội, tuy nhiên, một là, xã hội Việt Nam vào nửa sau thế kỷ 19,

trong sự cọ xát dữ dội với văn minh Tây phương và thế lực thực dân, cứ ngày một rạn nứt, vô phương hàn gắn; hai là, bản thân những chuẩn mực đạo đức tưởng đâu là chân lý vĩnh cửu ấy thật ra rất đáng ngờ, và với sự lung lay của Nho học, càng ngày càng đáng ngờ thêm. Con thuyền 'chở đạo' của Nguyễn Đình Chiểu, do đó, không phải chỉ trôi trên một dòng nước ngược mà còn, hơn nữa, trên thực tế, chỉ loay hoay mãi trong một vũng nước tù, không có lối thoát, hết 'đụng' cái này thì 'đụng' cái kia, cứ quanh quanh quẩn quẩn mãi trong sự tuyệt vọng và bế tắc. Nói cách khác, đó là những lý tưởng ở đường cùng. Biện pháp dựa trên nguyên tắc đạo đức mà Nguyễn Đình Chiểu đề xuất, hay đúng hơn, cổ vũ, đã không giải được bài toán hiểm của thời đại.

Theo tôi, chỉ với cách hiểu như thế, chúng ta mới giải thích được một hiện tượng nghịch lý: một nhân vật chính diện trong một tác phẩm nặng dụng tâm giáo huấn của một tác giả thuộc loại tiêu biểu nhất cho dòng văn học giáo huấn lại biến thành - không phải một lần mà là nhiều lần, ít nhất là hai lần như vừa nêu - một nhân vật hài trong nền văn học dân gian.

Một ngày nào đó, nếu tôi đủ hứng thú và can đảm làm một tuyển tập phê bình về Nguyễn Đình Chiểu, có khi tôi sẽ chọn in những câu ca dao trên ngay ở trang đầu. Ở đâu đó, bên kia thế giới, đã xa lắm lắm những lời dạy lẩm cẩm kiểu '*trai thời trung hiếu làm đầu / gái thời tiết hạnh làm câu trau mình*', đọc những lời phê bình thông minh và hóm hỉnh ấy, không chừng cụ Đồ sẽ cả cười.❐

Melbourne ngày 11.12.1997

tìm mua

những chiếc mặt nạ cười

tập truyện của Kinh Dương Vương

Tập truyện ngắn viết về chiến tranh Việt Nam với cái nhìn độc đáo, với những tình cảm nhân bản ngay trong hận thù, những số phận tang thương khốc liệt, những mâu thuẫn trong thân phận dân tộc.

Sách do Văn Mới xuất bản, bìa của Rừng, Nguyễn Mộng Giác viết giới thiệu, dày 170 trang, giá 8 Mỹ kim.
Sách do Văn Nghệ phát hành.
Mua thẳng nơi tác giả xin liên lạc:
Nguyễn Tuấn Khanh, 4160 W- 134 St. Hawthorne CA, 90250
Phone (310) 644-5260 Email: kinhdvuong@aol.com

Nghe Đàn

Trúc Chi

Dạo ấy, đời đẹp thiệt, đẹp hơn bây giờ...(1) Câu hát đó, thỉnh thoảng nó lại trở về với tôi như một con nước ngầm luân lưu đâu đó dưới đáy biển chợt xoáy ngược lên đầu ngọn sóng mà nhắc cho cái mênh mông của đất trời rằng nó vẫn còn sống đó, âm thầm mà mãnh liệt. Vì là một câu hát trong một bài thu ca, nên tôi có nhớ đến nó cũng là chuyện dĩ nhiên trong giòng liên tưởng những lúc tản bộ quanh nhà mà đã thấy cần phải mặc thêm một cái áo len. Những chiều hơi lành lạnh, có một làn sương thật mỏng, chỉ vừa đủ cho cảnh vật hơi mờ đi một chút thôi. Lá cũng mới úa, chưa vàng. Nhiều khi hít mạnh vài cái, thấy thiếu cái mùi khói tỏa ra từ những đống lá ẩm mà ở một vài xứ khác người ta gom lại mà đốt khi thời tiết trở lạnh. Thơm quá. Mà đẹp ơi là đẹp: từng đợt khói bàng bạc tan dần trong ráng chiều thoi thóp. Nghĩ đến những làn khói dật dờ lơ lửng quyện lấy tà huy, tôi lại lấy làm bực mình vì cái luật cấm đốt lá và rác ở cái tiểu bang này. Khói của người ta thơ mộng như vậy, hay ít ra, những chiếc lá gợi cảm như vậy, mà lại bị xem là rác. Luật lệ gì mà không lãng mạn (?) chút nào cả. Nhưng mà *"trước Tết mai là hoa, sau Tết mai là củi"* (2) Sống qua một trận nồi da xáo thịt rồi - xáo kỹ đến nhừ cả lịch sử - ít nhất cũng phải hiểu cái lẽ tương đối của sự vật chứ. Tôi tự chữa nỗi bực dọc của mình bằng cái thứ triết lý đó, một thứ triết lý vẫn hay đến với tôi, mỗi khi tôi nghiệm ra rằng, khi bắt tay vào một việc mà tôi xem trọng - dù rằng chỉ có một đôi chuyện lặt vặt là tôi xem trọng - lòng mình không còn được hăm hở như dạo ấy.

Triệu chứng của tuổi tác chăng? Cũng không hẳn. Nhiều khi, cao hứng, cũng muốn bắt chước Triệu Tử Long về già rồi mà còn ra oai giết luôn sáu tướng sau khi bị Khổng Minh nói khích, nhưng mà lực bất tòng tâm. Muốn là một chuyện. Từ ngày qua Mỹ đến nay cũng đến hai mươi

năm chứ không ít, tôi vẫn chưa học được cái *agressiveness* của người dân bản xứ, tôi vẫn không chịu học đòi theo cái lối phô trương nhuệ khí của họ. Sống chứ có phải đánh đấm gì với ai đâu mà hung hăng vậy. Đành rằng vi nhân nan, làm người vốn khó, nhưng mà đằng nào thì vẫn còn là người chứ đâu có phải là bọ xít. Thằng con của một người bạn đã nằm xuống trong một trại cải tạo ở miền bắc Việt Nam được tôi dạy cho lái xe hơi hồi mới vượt biên qua đây, được tôi chỉ dẫn cho cách đọc địa đồ trong quyển Thomas Guide, nay là một thương gia làm ăn rất phát đạt, đã từng thành thật khuyên tôi rằng "bác phải tích cực mới được." Đứa con trai mà bạn tôi đã gửi gắm cho tôi trước khi trợn ngược mắt lên mà chết (theo lời thuật lại của mẹ nó), thằng cháu rất thông minh, dễ thương ấy muốn nói gì, tôi biết rồi. Của đáng tội, nó còn trẻ. Nhưng mà trời đất ơi! Ai mà biết được cái "tích cực" của lòng ai.

Ai mà biết được cái sống rạt rào trong lòng một người tự lãnh lấy cái nghiệp dĩ của chuyện viết lách những lúc loay hoay với một ý nghĩ, một câu chuyện cần được sắp xếp lại theo cái trật tự riêng của chính mình. Ấy là chưa nói đến cái bực dọc, cái uất, cái trói buộc vô hình cũng như hữu hình nó vẫn khiến cho một số người cầm bút cứ phải lấm la lấm lét, mắt trước mắt sau trong những thời kỳ, những hoàn cảnh sinh hoạt mà trong đó chữ nghĩa không phải là muốn để cho chúng muốn nhảy nhót múa may theo kiểu nào cũng được.

Hôi nãy, tôi nhớ đến câu hát nọ không phải vì cái không khí thu xung quanh mình, mà vì chán. Chán là vì nghĩ đến Tết, nhớ đến Tết khi nẩy ra ý định viết một bài cho số Xuân con Cọp, mà xung quanh mình không có gì là xuân cả. Thật ra, cả cái thu cũng không có nữa. Mà kể cũng chán thật. Cái chuyện thời tiết không cũng đủ chán rồi. Dù không lạnh đi nữa thì ít ra Tết phải mát, phải dịu. Đàng này, trời cuối tháng mười mà chỉ giống bên nhà ở cái điểm chưa cười đã tối. Còn thì thời tiết cứ nhự như là cuối hè. Cái nhiệt kế treo ngoài bao lơn năm giờ chiều ngày hôm qua chỉ đúng 85 độ Farenheit, nghĩa là suýt soát 3O độ thập phân, nghĩa là chỉ còn có 4 độ nữa là đủ gây hứng cho thi sĩ Nam Trân Nguyễn Học Sĩ viết ra bài *Huế, Đêm Hè*. Báo chí, ti-vi ở đây mấy tháng nay cứ thi nhau mà hù thiên hạ về cái mức giông to bão lớn của hiện tượng El Nino. Mưa dầm đâu không thấy, cái lạnh của mùa đâu không thấy, chỉ có nóng đổ mồ hôi hột.

Ra về sau buổi tiệc cưới tối hôm qua, anh bạn ngồi cùng bàn bắt tay tôi rồi nói:

"Tiện đây cũng xin chúc anh chị một năm con Cọp được dồi dào sức

khỏe. Sống đến tuổi anh em mình bây giờ thì điều cần nhất là sức khỏe. Có sức khỏe là may mắn rồi. Khỏi chúc may mắn."

Tôi chưa biết nên đáp lễ ra sao cho phải cách trước lối nói chắc nịch như giọng của một ông thầy toán đọc định đề Euclide thì bạn tôi đã tiếp:

"Là tại vì hồi chiều tạt vào chợ ở khu Bolsa, thấy thiên hạ đã bắt đầu quảng cáo mứt bánh trong dịp Xuân mà bây giờ cho đến Tết không chắc có dịp gặp lại anh chị nên chúc trước như vậy, cho nó chắc ăn."

Thật tình, nói mấy câu xã giao cám ơn cám huệ qua quít cho xong chuyện kể không khó gì, chúc lại vợ chồng bạn bằng một câu sáo cũ rích cũng dễ. Nhưng mà tôi khựng lại như người lái xe rẽ lầm vào một ngõ cụt. Tôi cười theo kiểu An Nam ta vẫn cười gặp lúc kẹt. Rồi đâm ra bực với chính mình khi nghĩ rằng cái kiểu cười đó của tôi đã từng được/bị người Pháp gọi là nụ cười vàng (le rire jaune): một loại nhăn răng mà người ngoại quốc họ không tài nào mà đoán được hết ý nghĩa, nếu quả có nó một ý nghĩa! Ngồi trong xe trên đường về sau buổi tiệc cưới, tôi hỏi vợ tôi:

"Hôm nay là mấy ta rồi?"

"Mới hăm mấy tháng mười."

"Sớm hơn vua Quang Trung hai tháng."

"Anh nói chi?"

Vợ tôi vừa hỏi vừa đạp nhẹ vào chân thắng để nhường cho một cái xe tạt qua trước mặt với tốc độ cỡ 140-150 cây số một giờ trên một đoạn xa lộ khá nhiều xe. Tôi chỉ kịp nhìn thấy một thanh niên người Á (Đại Hàn, Trung Quốc, Việt Nam? Không tài nào đoán được) trong cái xe Porsche màu đỏ đang phóng với cái tốc lực bạt mạng ấy. Có cái lạ là người trẻ, còn cả một cuộc đời trước mặt họ, thì lại hấp tấp vội vàng như thể là chỉ còn có mấy ngày nữa để xây dựng tương lai. Còn người già, đáng lẽ sống ngấu nghiến chụp giựt cho thỏa thích kẻo chóng lụn hết những ngày tàn, thì lại chậm lụt, rù rờ, trong số có cái thằng tôi, tuy chưa già nhưng cũng không còn non chi cho lắm. Nhớ có một lần nói chuyện này với một ông thầy thuốc Bắc, ông ta cho rằng khí huyết người trẻ nó vượng, qua đến lão niên, nó suy đi, cho nên nó ra như vậy. Không có chi là nghịch lý như điều thắc mắc của tôi. Dịch lý trong Đông y nghe cũng hay!

"Chưa chi mà đã có người chúc Tết vợ chồng mình. Như vua Quang Trung cho lính ăn Tết mấy ngày trước Tết. Không biết Tết năm nay nhằm ngày thứ mấy?"

Tôi hỏi vợ tôi cho có lệ vậy thôi, chứ thật ra bà xã cũng chưa biết, chưa có một hiệu tạp hóa nào biếu lịch cho khách hàng cả. Mà riêng tôi thì tự ngày lỡ cầm đồng tiền đem tiêu vào nhiều thứ mà nay nghĩ lại

không đáng, không đúng chỗ, kể cả những món mà không cần phải bắc thang đi đâu, tôi biết cũng không đòi lại được, tự những ngày ấy tôi chưa bao giờ bỏ tiền ra mà mua một quyển lịch cả. Ngày tháng là chuyện con người đặt ra để giải quyết vấn đề của mình cho nó gọn gàng cho nó tiện, còn cái xoay vần trong vũ trụ, ai tạo ra thì tôi không biết, chứ tự nó, nó vốn không có ăn nhập gì, không đếm xỉa gì đến chuyện vui buồn, đến tiếng cười, đến nước mắt của giống động vật đứng thẳng - *homo erectus* mà!

Ngày trước , ở trong nước Tết là Tết, không cần biết cái ngày Nguyên Đán vào ngày thứ mấy cả. Nghỉ ngơi, bài bạc, rượu chè, cả nước tha hồ mà bắc cầu. Nhưng mà từ ngày qua đây rồi thì hình như là mọi thứ lễ nghi đều tùy thuộc vào dương lịch cả. Thậm chí, Phật đản, kỵ giỗ, nhất nhất đều được tổ chức vào ngày thứ Bẩy hoặc Chủ Nhật. Ông bà có về hay không là chuyện của lĩnh vực siêu hình, nhưng mà cứ cho là có về được thì như vậy cũng tiện.

Hồi mới chân ướt chân ráo đến cái nước Mỹ này, tôi được mời đi ăn một đám giỗ tại nhà một người bạn rất nhiệt thành với đạo thờ cúng tổ tiên. Hồi ấy, cả nhà bạn tôi nhờ thất nghiệp mà tổ chức được đúng vào ngày húy nhật, đâu thứ Tư thứ Năm gì đó. Người gia trưởng, anh họ của bạn tôi, khi rầm rì khấn vái trước bàn thờ có đầy đủ thức ăn Mỹ (sườn bò *barbecue*) và Việt Nam, đã thành khẩn chỉ cho tổ tiên cách đổi đường sao cho nó khỏi kẹt vào giờ mà cả triệu chiếc xe hơi đủ loại đủ cỡ đang bò trên xa lộ, để mà về với con cháu cho đúng giờ cúng. Người gia trưởng xuýt xoa: "...Đi từ đường số 2, hướng Nam, đổi sang đường 134 hướng Tây..." Ông khấn như vậy là vì bàn thờ tổ đặt ở nhà ông mà hôm ấy lại làm đám giỗ ở nhà bạn tôi. Trong cái không khí trang nghiêm ấy, tôi dọn một bộ mặt sắt nguội vì không muốn ai đoán được ý nghĩ của mình lúc đó, nhưng mà hôm ấy tôi băn khoăn tự hỏi không biết tổ tiên qua đây bằng hãng EVA hay Singapore Airlines. Mấy năm sau đó, khi cả nhà tất tả chạy theo *job* rồi, khi cái áng đô-la đã trăm đường rộn rã, thì cũng đám giỗ ấy, năm nào cũng được tổ chức vào chiều thứ Bảy.

Cơ mầu này rồi thì đến thế hệ thứ ba, thứ tư của người Việt di cư sang đây, con cháu tưởng là cha mẹ yêu con cái, không muốn làm phiền chúng nó vào những ngày trong tuần, nên đồng ý rủ nhau về với tổ tiên vào đúng weekend. Lỡ sau này con cái nó còn nhớ đến núi Thái Sơn hoặc Nước Trong Nguồn, mà có muốn tưởng niệm thì cũng tiện cho chúng nó.

Với ai thì tôi không biết, chứ riêng đối với tôi, viết một bài đặc biệt nhân dịp Tết, hay là một dịp nào khác trong năm, đòi hỏi ở chính tôi một cố gắng phi thường mà nhiều khi kết quả vẫn không được như ý muốn.

Nhất là từ ngày qua đến cái nước Mỹ này! Xung quanh mình không có một chút gì nhắc nhở đến Tết cả ngoài quyển lịch treo trong bếp. Quyển lịch của một cô bạn người Hoa kiều trong ngành địa ốc biếu từ năm ngoái. Nó có đủ ngày tháng của âm và dương lịch. Một loại lịch "song ngữ" ghi ngày tháng bằng tiếng Anh. Khu này lại cũng khá đông người châu Á mà đa số là Hoa kiều, vì vậy mà lịch còn có văn tự do ông Phục Hi chế ra, viết lối chữ lệ. Hôi nãy, vào trong bếp nấu nước để pha trà mà tự phụng, tôi đưa ngón tay đè lên tờ giấy, lần mò theo cái tính toán, sắp xếp của người làm lịch và in lịch mà thấy rằng Đông và Tây có khác nhau thật. Đêm Trừ Tịch của Tây Phương rơi đúng vào hàng chữ "thập nhị nguyệt sơ nhị." Đúng là khác nhau như mặt trời và mặt trăng.

Vì nó như vậy đó, vì xung quanh mình, đến cả một cánh đào nở sớm cũng không có, nên cảm cho được cái không khí Tết ở vào cuối tháng mười này quả là một điều thiên nan vạn nan. Óc tưởng tượng phong phú cỡ tác giả mấy bộ *Tây Du Ký* và *Phong Thần Diễn Nghĩa* chưa chắc đã nặn ra được chút gì có vẻ Tết ở địa điểm và thời điểm này.

Thôi thì phó mặc giai tiết cho đất trời. Hôm nào Tết rồi hay. Hơi đâu. Tính không ra ngày Tết vì còn chuyện tháng thiếu tháng đủ lung tung, tôi cầm chén trà ra ngoài bao lơn ngắm chậu cúc mầu tím Huế, nở vào tháng mười kể là chậm. Nghĩ vơ vẩn mãi không ra một cái gì cho có vẻ Xuân mà viết, tôi đâm hoảng. Đâm ra hoài nghi cả khả năng viết lách của mình, nếu quả mình có cái khả năng ấy thật. Tôi lật đật tự trấn an mà bằng một cái tứ thơ chữ Hán:"hoàng hoa vãn tiết hương". Bình tĩnh lại rồi mà vẫn còn lo rằng cả cái "hương cuối mùa" e cũng không có nữa. Nhảm nhí quá, chán ơi là chán.

Hiện tại không những không giúp gì cho chữ nghĩa của mình, mà lại còn làm cho mình cụt hứng nữa. Đất trời vào một buổi chiều oi ả như hôm nay không có gì nhắc nhở đến Xuân cả. Mà cái điệu này rồi thì đến ngày mồng một Tết chắc lại phải đi làm như mấy cái Tết trong những năm vừa qua.

Cho nên câu hát trong bài thu ca nọ trở về với tôi như một cứu tinh, dọi một tia sáng dẫn đường cho tôi ra khỏi một thế bí hiểm hóc. Cái giọng thật truyền cảm của Yves Montand mà đã đến mấy chục năm nay tôi không hề có dịp nghe lại, chợt vọng về đâu đây từ những ngày xuân cũ...."*En ce temps là, la vie était plus belle...*". Ngồi lẩn thẩn soát lại những chiếc pháo chuột, những nắm hột dưa đầy túi, những cái áo vải dù mới ngày còn nhỏ, đến muôn nghìn những thứ khác trong dịp Năm Mới, tôi thấy mình may mắn không phải sống qua một cái Tết nào sầu thảm cả, trừ cái mùa xuân kinh hoàng ở Huế năm Mậu Thân (1968). Năm ấy, chưa

nói chi đến bạn bè quen biết, riêng trong đại gia đình tôi có đến bảy người bà con bị hại trong một cuộc thảm sát mà sách vở ngoài Hà Nội (thuộc vào loại sử liệu hẳn hoi) nói rằng Cơ Quan Tình Báo Trung Ương Mỹ là thủ phạm! Đọc sách mà cứ tin hết cả một trăm phần trăm những điều trong sách thì thà đừng đọc,người trước (ở đâu tận bên Tầu) có dặn mình vậy.

Nhưng mà thôi, nhớ là nhớ đến những làn khói lặng lẽ tỏa ra từ những nén hương chở nặng cái u uẩn, cái oan khuất trên những cái bàn thờ rải rác khắp tỉnh Huế vào những mùa Xuân sau đó, những sớ điệp không ghi rõ ngày chết của nạn nhân của trang lịch sử rùng rợn ấy. Còn thì, nghĩ cho lắm, lại đâm ra hoài nghi đối với một cái chân lý mà mình đã được gặp gỡ từ ngày nhỏ, ngay câu đầu của quyển *Tam Tự Kinh*. Sách dạy rằng *"nhân chi sơ tính bản thiện."* Càng nghĩ mình càng buộc phải kết luận, rằng từ thủa sơ sinh, không hẳn cái tính đã vốn lành ở nơi tất cả mọi người, nhất là ở cái số người Việt Nam tự nắm lấy quyền sinh sát trong tay vào những ngày đen tối ấy. Ôi lịch sử! Nghĩ đến đây, tôi muốn bắt chước các nhà thuyết khách đời Xuân Thu Chiến Quốc, ngửa mặt lên trời mà cười ba tiếng, xong rồi lại phải khóc ba tiếng.

Cái dấu ngoặc để nhắc đến Tết Mậu Thân ở Huế tự nó mở ra, chứ tôi không muốn, nhưng mà đóng lại ở đây cũng vừa, bởi vì hồi nãy lúc nhớ lại những kỷ niệm về ngày Tết, thật tình tôi đang nghĩ đến tiếng đàn của Hương Cơ, vợ của một người bạn học: anh Phấn, nay không biết đích nằm ở đâu trong những nấm mồ bên ngoài một trại cải tạo ngoài Bắc.

Hương Cơ, bây giờ là bà của bốn đứa cháu ngoại và hai cháu nội, ngày trước thuộc vào hạng nhan sắc vẫn buộc đàn ông phải ngoái đầu mà nhìn lại một lần nữa nếu gặp đâu đó trên đường phố, trong số đàn ông ấy có tôi. Một lần, sau khi tráng miệng xong bằng một trái kim quất ngào dẻo, và một chén trà đậm, chát và ngọt mà tôi rất thích, trong một bữa ăn vào ngày mồng năm Tết tại nhà Phấn ở Đàlạt, tôi đã tò mò hỏi Hương Cơ về lai lịch cái tên có vẻ như nhắc nhở đến cố đô, đến Phượng Thành. Hương Cơ cười qua một dáng hơi e thẹn:

"Gia đình tôi thật ra là gốc trong Nam. Lúc mẹ tôi sinh ra tôi thì ba tôi đang làm việc ở Huế. Thật ra ba tôi đặt tên tôi là Khương, vì ba người anh của tôi đã là Phước, Lộc và Thọ rồi. Phước Lộc Thọ Khương Ninh mà. Tôi nghe má tôi kể hồi đó ba tôi kết nghĩa anh em với một ông quan ở Huế, trong nhà chúng tôi gọi là bác Tham. Ba tôi có hỏi bác Tham là nếu sinh con gái thì nhờ bác chọn sẵn cho một cái tên. Ông lựa cho cái tên Hương Cơ, có nghĩa là con gái của sôngHương, của xứ Huế."

"Mấy tháng trước khi má tôi sinh ra tôi thì bác Tham mất. Khi đi khai

sinh ba tôi cũng quên mất cái tên mà bác Tham tôi đã chọn. Sau đó, má tôi nhắc nên ba tôi đi làm lại giấy khai sinh, nhưng hình như là không đổi được hay sao đó mà chỉ thêm cái tên Hương Cơ đàng sau. Trong giấy khai sinh từ thời Tây, tên tôi là Trần thị Khương **dite** Hương Cơ. Khi đi học, cô giáo chép tên trong sổ là Hương Cơ rồi thì lũ bạn cũng cứ vậy mà gọi tôi, thành ra cái tên Khương bị bỏ quên mất. Bây giờ , chỉ có mấy anh tôi kêu tôi là Khương."

Phấn xen vào:

"Thật ra anh thích cái tên Hương Cơ hơn, nó hợp với tên của anh. Cái tên coi vậy mà do trời định đó. Hương thì phải đi với Phấn là đúng lắm rồi."

Hương Cơ âu yếm lườm chồng:

"Xì. Phấn của anh là phấn đấu, phấn khởi, chớ đâu có phải là phấn son. Bộ tưởng em dốt lắm sao"

Phấn vừa châm thêm trà cho tôi vừa cười:

"Thôi thì phấn nào cũng được. Uống thêm *chén trà nữa đi*, đến cái nước thứ hai này trà nó mới ra hết chất ngọt. Mà loại trà Bảo Lộc đọt non này không có bán ngoài phố đâu. Của một người làm trong đồn điền dưới đó họ cho mình đó. Dọn lòng cho thanh tĩnh chốc nữa nghe Hương Cơ đàn chứ. Sau đó rồi tôi mới cho ông uống digestif. Hương Cơ dặn mình là đàn xong mới cho ông uống rượu. Rượu vào nó làm cho tai mình nó ...đục đi. Phải không em?"

Hương Cơ đáp:

"Đó là em nói vậy chớ nếu anh K. *muốn uống thì cứ để* cho anh ấy uống chớ."

Tôi khua tay:

"Xin tuyệt đối tuân theo cái lệnh cấm tửu đó. Tiếng đàn của chị mới hiếm chứ rượu thì lúc nào chẳng có."

Phấn quay sang bảo vợ: "Em vào lấy đàn ra đi."

Tôi vốn nặng tình với tiếng đàn, câu hát. Lòng không tài nào dửng dưng trước cái buông, cái bắt, cái nhấn, cái vuốt của tiếng đàn thập lục, cái trầm cái bổng cái khoan cái nhặt *của một điệu sáo trúc*. Trời đất ơi: *"...Bể tình sông ái...i...i...nhiều kẻ chơi vơi..i...i...con thuyền Bát Nhã nhã mô rồi...i...i...ở mô rồi...i...i...bến mê sao không tế độ cho người...i...i..."*, câu Nam Bình đó sao mà thấm thía vậy! Nhiều khi ngay ở cái nước Mỹ này vốn có một nhịp sống vội vã đến độ không có thì giờ cho người ta ngân dài một tiếng hát, cái câu ấy, đôi khi tôi vẫn âm ư để mà thấy rằng cái sở thích của mình quả không có ăn khớp chút nào, lệch lạc nữa là khác, với một nếp sống trong đó ngay cả cái lao tâm và lao lực của một số

nhạc công, đôi khi cũng được trả theo giờ.

Nhiều đêm ở đây, trong lòng chợt thấy trống vắng, thèm một tiếng đàn tranh, một tiếng đàn nguyệt, một giọng ngâm, một nhịp phách, một lư trầm, những thứ nó giúp cho mình vun xới lại một ý nghĩa nào đó cho cuộc sống, cuộc đời giữa lúc chợt thoáng thấy cái vô nghĩa của mọi hành động, toan tính của chính mình, những đêm ấy, tôi vẫn nhớ đến ngón đàn của Hương Cơ. Ngón đàn ấy, tôi đã có dịp nghe lại **một lần thứ hai** ở California này, nhưng mà...trong một hoàn cảnh khác.

Bây giờ, phút này tôi đang nhớ đến cái dáng trang trọng của Hương Cơ khi nàng bưng một lư trầm nhỏ ra đặt trên cái bàn con trong phòng khách, khẽ nhắc Phấn:

"Anh tắt bớt đèn đi."

Xong, nàng đỡ lấy cây đàn tranh trên chiếu, thong thả ngồi xuống, rồi bắt đầu vặn trục so dây. Vẻ đẹp của một người đàn bà vốn có sẵn nhan sắc thiên phú, lúc dịu dàng kéo lại tà áo cho thẳng thớm trước khi đem tấm lòng của mình ra mà ngỏ với một người mà nàng cho là biết nghe nhạc cổ của đế đô, tôi không đủ tài mà tả ra hết. Nhưng mà tôi cảm động lắm, cảm động đến độ vọt miệng nói ra một câu thật ngớ ngẩn:

"Nãy giờ, chưa thấy chị ăn uống chi cả. Để chị dùng cơm xong rồi mới đàn chứ."

"Dạ không, thưa anh bụng có trống thì tiếng đàn mới thanh thoát được, mới hư được. Thầy tôi dạy tôi vậy. Là vì tiếng đàn, cái nhấn phải để cho nó một phần thực thôi, còn thì phải là chín phần hư mới trúng cách."

Rồi thì cả cái phòng khách nho nhỏ ấy chìm hẳn trong những lớp sóng âm khi lanh lảnh đến rợn người, khi vuốt ve đến đê mê, sát phạt đến rùng rợn mà dịu nhẹ cũng vô vàn. Chữ vốn không ghi hết được ý nên tôi cũng không tự làm nhọc mình làm gì khi nghĩ đến chuyện phải tìm thí dụ cụ thể để mà tả cái vô hình. Hương Cơ bắt đầu bằng *Cổ Bản*, rồi qua *Hành Vân* rồi *Phú Lục Chậm*, *Phú Lục Mau*. Giữa hai bài, nàng không nói một lời, chỉ thở mạnh vài cái, đẩy nhẹ một đôi con ngựa trên mặt đàn mà so dây cái rồi đàn tiếp. Khi mấy ngón tay điêu luyện của Hương Cơ nhảy múa theo cái vui vẻ, rộn rã của một bản *Kim Tiền* thì bất giác tôi cũng lẩm bẩm: "Cống... liu cống...xê xàng họ xự xàng xê...(cống xê) xàng cống xê...xàng xê cống xê (cống xê) xàng xự...". Là vì cả mình tôi đã đẫm âm thanh rồi, là vì tôi không còn nghĩ đến chuyện xoi mói vào nghệ thuật trình diễn nữa, chỉ lặng người mà thưởng thức. Đến một lúc nào đó, nhạc nó sống hộ cho mình, chứ mình không còn là người nghe đàn nữa.

Dứt bản *Kim Tiền*, Hương Cơ lặng lẽ đặt đàn lên bàn, rút bộ móng ra để cạnh đấy, ngước mắt nhìn tôi. Tôi không vỗ tay. Chỉ nói vỏn vẹn có ba

tiếng: "Cám ơn chị". Khi một nghệ sĩ có chân tài, nổi tiếng là khó tính trong việc chọn lựa người thưởng thức ngón đàn của mình, đã vì mình mà sửa soạn một bữa cơm giữa ngày Tết thật tươm tất, tự tay pha một ấm trà đặc biệt rồi rất tế nhị để cho chồng chuyên trà ra chén trước khi cầm lấy cây đàn, khi người ta đã quí mình đến độ ấy rồi thì "một tràng pháo tay" lại rẻ tiền, mà không khéo lại đâm ra bất lịch sự..

Thật ra tôi vừa mê tiếng đàn, vừa sững sờ nhìn thẳng vào khuôn mặt xinh xắn của Hương Cơ, lúc ấy vừa nở một nụ cười thật duyên dáng, khiến vẻ mặt nàng rạng rỡ hẳn, sau gần nửa tiếng đồng hồ giữ lấy nét trang nghiêm đến lạnh lùng trong khi đàn. Tôi vừa tháo kính vừa đưa tay bóp nhẹ vào mắt mình như mọi người vẫn thường làm mỗi khi mỏi mắt. Quả tình, mắt tôi không mỏi nhưng thầm hy vọng rằng cái dụi mắt ấy nó giúp tôi xua đuổi được một ý nghĩ thuộc vào loại bất chính, có thể gây tổn thương cho tình bạn giữa Phấn và tôi. Tôi xoay sang nói với Phấn:

"Cũng đến bảy tám năm nay mới được nghe lại tiếng đàn của chị. Mới có được một buổi nghe đàn như hôm nay. Thấm thía lắm. Đẹp thiệt. Mấy năm gần đây, nghe tiếng đại bác nhiều hơn là tiếng đàn...thứ thiệt. Quí quá."

"Ấy, từ cái hôm nhận được thư ông đòi nghe Hương Cơ đàn khi lên Đàlạt ăn Tết chuyến này, bà ấy tập kỹ lắm."

Hương Cơ cười thật tươi. Nhưng trong vẻ xinh tươi ấy, đôi mắt thật đa tình lần này nhìn tôi rất nhanh rồi nàng quay sang nói với Phấn:

"Thật ra, cũng đến mấy năm nay, có đàn cho người ngoài nghe đâu mà phải tập cho kỹ. Cái tật của tôi xưa nay vậy đó. Tôi chỉ thích ngồi đàn một mình. Không phải nghĩ đến chuyện dở hay. Đặc biệt lắm, chỗ thân tình lắm, mà lại thiết tha với tiếng đàn lắm như ...tối nay ...tôi mới...À mà để vào lấy rượu mời anh chớ. Bây giờ thì anh muốn uống bao nhiêu cũng được."

Khi Hương Cơ nói câu đó, nàng nhìn chồng mà không nhìn tôi, nhưng tôi nghe rõ nàng nhấn mạnh mấy tiếng thân tình...thiết tha với tiếng đàn.... Tôi lẳng lặng bước ra thềm nhà châm lại cái tẩu thuốc mà tôi để cho tắt ngấm từ lúc Hương Cơ ngồi xuống đàn. Sương đêm đã xuống. Trời khá lạnh..Tôi nhìn xuống những bóng đèn lù mù quanh hồ, nhà thủy tạ trông giống như một con rùa lớn nổi trên mặt nước. Xa xa, cái tháp cao trên đỉnh trường Yersin thấp thoáng sau một dải sương bạc. Tôi hơi ngây ngất vì tiếng đàn, vì cái nhìn đăm đăm của Hương Cơ khi nàng cầm chai cognac ra mời tôi rồi nói:

"Anh ngồi lại chơi uống rượu với anh Phấn. Lâu ngày không ngồi đàn nhiều như tối nay. Không hiểu sao tôi hơi nhức đầu. Anh tiếp anh K.

giùm em. Xin phép anh."

Tôi nhìn theo Hương Cơ khi nàng vén bức sáo tre có vẽ long phụng mà bước vào phía trong nhà. Hương Cơ quay lại nhìn chồng rồi mỉm cười chào tôi, khẽ cúi như xin lỗi vì phải đi nghỉ sớm. Cái nhìn đăm đăm hồi nãy vẫn còn trên đôi mắt. Hay là tôi tưởng tượng ra những điều vốn không có trong đôi cái nhìn thật tình tứ dưới cặp lông mày hơi nhíu lại? Sóng đàn làm tôi say rồi chăng? Đôi mắt đa tình trên gương mặt hiền hậu ấy khiến cho tôi chới với chăng? Tại sao Hương Cơ cáo mệt mà tránh tôi? Nàng sợ cái nhìn của tôi chăng? Hay là sợ chính nàng? Cho đến bây giờ tôi vẫn không biết chắc. Mà tôi biết là sẽ không bao giờ tôi biết chắc. Đời có những thoáng rung như vậy. Nó để lại trong lòng mình chút vui pha với tiếc nhớ, chút buồn trộn với ít xao xuyến dịu nhẹ.

Cái buổi tối ở Đàlạt hôm ấy vậy mà cũng đã giật lùi vào một cái quá khứ khá xa, ngót ba mươi năm rồi. Từ dạo ấy tôi cũng có nhiều dịp nghe đàn tranh "sống", khi thì tại một đêm họp mặt của bạn bè còn sót lại sau cơn bão khốc liệt của đất nước, khi thì nghe giữa chợ, với một số thính giả thuộc mọi giới trong cái thứ tự thượng vàng hạ cám. Nhưng cái không khí của buổi tối hôm ấy...Phấn ơi...Hương Cơ ơi..

Phấn, bạn tôi, đã nằm xuống rồi. Người sĩ quan thiện chiến và tài hoa ấy vào phút cuối cùng đã trối với một người bạn tù rằng nếu có gặp được tôi thì nhắn với tôi rằng anh mong tôi xem mấy đứa con của anh như là con của tôi. Nhờ tôi giúp đỡ cho gia đình anh. Người sĩ quan vốn làm thơ rất có hồn ấy cũng là một tay guitare xuất sắc những khi gửi lòng vào một đôi khúc dạo của Tarrega, của Villa Lobos..Người sĩ quan có một tâm hồn nghệ sĩ ấy lúc còn sống rất cưng chiều, yêu vợ, mê tiếng đàn của vợ ("Anh biết không, có một hôm, cơm dọn rồi mà anh Phấn anh ấy nổi lên cái hứng nghe đàn, anh bắt tôi đem đàn ra cho được. Kỳ quái thiệt. Dĩ nhiên là tôi đàn, mà đàn say sưa nữa là khác. Hôm ấy tôi chỉ bực có một chuyện là nồi canh chua cá lóc phải đem hâm lại. Thành ra cá nó chai đi, mất ngon cả! Con cá lóc chỉ có một lửa thôi, hai lửa là hết ngọt." đó là lời Hương Cơ vừa kể tội vừa trìu mến nhìn chồng trong một lần tình cờ tôi gặp vợ chồng Phấn tại một quán bán hủ tiếu ở Vĩnh Long, non nửa năm trước buổi nghe đàn ở Đàlạt) người sĩ quan ấy cũng có trối cho Hương Cơ một điều...

Ngồi vào bàn với ý định viết một bài cho báo Tết mà cứ rặt những trối trăng chia lìa mãi thế này thì ông chủ bút nào mà nhận đăng bài của mình. Thế nào gọi là Xuân? Nhưng mà khi một hình ảnh đẹp nó đang sống với mình, dù Tết hay không Tết, dù có buồn đi nữa, tôi cũng không thể tự dối lòng mình mà gạt nó sang một bên để rồi lại phải miễn cưỡng

mà chọn, mà tìm một câu chuyện vui, hay ít ra cũng là một chuyện có hậu cho nó phù hợp với nỗi hoan lạc của ba ngày Tết. Mà miễn cưỡng thì đố mà viết cho ra câu ra kéo. Tiếng đàn của Hương Cơ nó đang ám ảnh tôi, khó mà đuổi nó đi lắm. Mà đuổi được rồi thì đầu sẽ rỗng tuếch, bóp cho đến méo cũng không ra một ý. Phải mất đến vài hôm may ra mới có hứng mà sờ đến giấy bút. Con người tôi nó vậy đó."Biết sao trái được tính trời"(3)

Mà hình như cũng vì cái tính trời mà Hương Cơ chịu sống (hay là vui sống?) trong chỗ không tên không tuổi, dù nàng thừa biết rằng tài nghệ của mình đem ra mà phô với người đời thì chả mấy lúc mà nổi danh. Hồi nàng mới mười sáu tuổi, Hương Cơ trình diễn trước công chúng lần đầu tiên trong một đêm văn nghệ vào dịp Xuân. Trong số bốn người học trò ưu tú của một nhạc sư vương giả nơi đế đô, Hương Cơ là người xuất sắc nhất. Ông kỳ vọng ở Hương Cơ, ông nghĩ rằng người con gái gốc miền Nam ấy, sau tám năm khổ luyện với ông, có đủ cả cái tài và cái hồn để ông truyền hết kỹ thuật của ngón đàn trong gia đình ông, vốn được khen là "tuyệt đến độ ma cũng phải dậy mà nghe."

Nhưng chuyện trời cho đủ cả một trăm phần trăm là chuyện không có trên cuộc đời này. Trong số những bài báo viết về Hương Cơ sau buổi trình diễn ấy, có một bản tường thuật mà tác giả, vì một chút ân oán với ông thân sinh của Hương Cơ, không những chê ngón đàn của nàng một cách vô ý thức, mà nhân dịp ấy còn bới ra một cái tỳ vết đã cũ trong gia đình nàng, đặt nó chình ình ở trang đầu trong một bài chạy dọc đến gần hai cột trên một nhật báo đông độc giả. Sau đó là một vụ kiện tụng tuy sôi nổi, nhưng vì những biến cố trước hiệp định Genève năm 54 thành ra dạo ấy cũng ít người chú ý đến. Bên cạnh cái vết chém chia đôi đất nước lúc ấy còn có một vết thương trầm trọng trong tim một tâm hồn nhạy cảm. Tòa xử ra sao, tôi không biết, nhưng mà bài báo ác hại nọ đã khiến cho Hương Cơ nguội lạnh hẳn đối với chữ danh. Nước mắt của một thiếu nữ ở tuổi mười sáu, cái tuổi mạnh dạn tin tưởng ở cuộc đời, ở chính mình, không lăn xuống má, mà xoáy ngược vào tim Hương Cơ. Xem xong bài báo đó, Hương Cơ thề độc với chính mình là sẽ không bao giờ đàn trước công chúng nữa.

"Chuyện xảy ra trước khi mình quen Hương Cơ, nhưng mà trong hoàn cảnh đó, mà tính bà ấy thì như vậy đó, mình cũng chịu". Phấn thuật lại cho tôi nghe đầu đuôi câu chuyện đó một lần khi tôi tỏ ý tiếc cho tài nghệ của Hương Cơ không có cơ hội phổ biến cho rộng rãi.

Cái thuyết tài mệnh tương đố, tôi không biết do ai xướng ra, nhưng chắc là của một người Tầu nào đó. Bởi vì cứ nói đến thuyết này thuyết nọ

là hình như người mình thường cứ phải dùng đến hàng nhập cảng. Tôi vốn rất hãnh diện được làm hậu duệ của Rồng Tiên nhưng ngồi mà nghiệm cho kỹ, mà mở cái kho tư tưởng của nước mình, tôi nhận thấy rằng trên cái sạp chủ thuyết, hàng nội hóa có vẻ lèo tèo, so với cái nhan nhản của hàng ngoại quốc, kể cả một đôi thứ mà hiện nay trên năm châu, thiên hạ người đã xem là đồ phế thải.

Ngoại trừ cái chuyện ghen tuông giữa ông Trời và khách má hồng. Cụ thể mà gần đây nhất là cuộc đời của quận chúa Diana. Một người đàn bà nhan sắc như vậy, giàu có đến thế, danh vọng cao đến thế mà rồi ra thế...huống hồ là Hương Cơ, trót sinh ra với một cái tài, vốn là một thứ nó khiến cho ông Trời ổng không để mình yên thân. Cứ như lời cụ Nguyễn Tiên Điền thì sự việc nó phải như vậy.

Thành thử, khi nghe thằng con trai của Phấn **vượt** biên qua đây, liên lạc với tôi mà kể rằng, trong những ngày đói khó sau khi cha nó bị đem ra ngoài Bắc để cho người ta sửa đổi mà tạo ra một cái gì mới đó (tôi cũng không biết rõ) mẹ nó ở nhà xoay sang mở một quán ăn để độ nhật .Trong khi nấu nướng, củi lửa dầu mỡ ra sao đó mà Hương Cơ bị phỏng nặng, hỏng mất ba ngón tay. Cứ như ngày trước thì chắc cũng không đến nỗi, nhưng mà sau tháng Tư năm 75, thuốc men đã không có mà thầy bà ở ngoài ấy vào thì lạng quạng. Phỏng nặng rồi nhiễm trùng, rồi dây thần kinh ở một đôi chỗ trên bàn tay hỏng luôn, khiến cho ba ngón tay chết cứng. Khi nghe tin ấy, tôi sửng sốt kinh ngạc thì ít, mà ái ngại cho số phận của Hương Cơ thì nhiều, tiếc cho một ngón đàn từ nay bặt tiếng lại càng nhiều hơn nữa. Được tin, tôi ghi lại số điện thoại của Hương Cơ tại một tiểu bang khác, nhưng mà sau mấy lần do dự, tôi quyết định không liên lạc với Hương Cơ. Nói gì bây giờ? Mọi khó khăn, tai biến trong đời nàng, tôi đã biết cả rồi. Lòng con người đa cảm ấy chắc gì đã nguôi ngoai. Hỏi thăm, lại chỉ làm cho người đàn bà góa bụa ấy thêm buồn thêm tủi?

Nhưng mà, cái duyên của tôi với tiếng đàn hi hữu ấy, với người nghệ sĩ rủi ro ấy hình như vẫn chưa hết hẳn, cho nên, tôi lại đã có dịp ngồi nhìn Hương Cơ sống với cây đàn tranh. Lần ấy, thằng con của Phấn gọi điện thoại mời tôi đến nhà nhân ngày giỗ Phấn. "Má cháu từ miền Đông qua thăm vợ chồng cháu được mấy bữa nay. Má cháu ở lại lo kỵ ba cháu luôn."

Và tôi đã đến gặp Hương Cơ, đến giỗ chồng của nàng. Mái tóc bạc gần hết một nửa bây giờ đã được cắt theo một kiểu ngắn, không còn xỏa xuống như ngày trước. Hương Cơ gầy và già đi nhiều, nhưng cái nét xinh xắn cũ, nhìn vào là tôi nhận ra ngay.Và tôi cũng chú ý ngay đến bàn tay phải có đeo một chiếc găng trắng. Trước giờ cúng, chúng tôi chuyện trò

thân mật, nhưng mà lạt lẽo lạ. Bởi vì tôi không muốn nhắc đến cái hai cái tang lớn trong đời nàng: tôi không muốn nói quá nhiều về Phấn, tôi không đả động gì đến bàn tay đã tàn phế. Tôi hỏi thăm con cháu của Hương Cơ cho có lệ và cũng chỉ trả lời cho có lệ khi nàng hỏi về cuộc sống của tôi ở đây. "Dạo ấy...cuộc đời đẹp hơn bây giờ" nhưng mà chúng tôi không muốn, không dám nhắc đến nữa. Hương Cơ lễ chồng xong, quay sang mời tôi. Tôi thắp ba cây hương cắm vào chén gạo trên bàn thờ, không thành khẩn cúi đầu mà nhìn thẳng vào bức ảnh của Phấn, khôi ngô và mạnh khỏe trong bộ quân phục tác chiến. Sực nhớ đến cái thói quen của Phấn ngày còn sống vẫn thích nói tiếng Pháp, tôi lẩm bẩm: *"Bonjour et...Au revoir."* Rồi tôi im lặng bước lui ra khỏi cái chiếu nhỏ trước bàn thờ mà trong bụng mong sao cho cái bữa kỵ này nó chóng hết, vì thật tình, ngồi lâu bao nhiêu thì tôi biết câu chuyện giữa Hương Cơ và tôi càng thêm lạt lẽo bấy nhiêu. Giữa lúc đang tìm một cái cớ để xin về sớm, tôi bỗng nghe giọng của Hương Cơ:

"Con vào lấy cây đàn ra cho má."

Tôi giật mình quay sang nhìn Hương Cơ đang đứng bên cạnh bàn thờ. Hương Cơ hơi mỉm cười bí mật trước cái ngạc nhiên của tôi rồi giải thích:

"Trước khi nhắm mắt anh Phấn có trối lại, có nhờ một người bạn tù nhắn lại là đến ngày giỗ, tôi nhớ đàn cho anh ấy nghe."

Người con dâu của Hương Cơ mang ra một cây đàn tranh còn mới:

"Con mượn đỡ của nhỏ bạn dưới Santa Ana, chính nó cũng chê đàn xấu lắm. Không biết má đàn có được không."

Tôi xen vào:

"Đàn xấu mấy mà vào tay má cháu thì cũng thành đàn tốt cả. Phải không chị?"

Hương Cơ nhìn tôi ra chiều cám ơn rồi vui vẻ đáp:

"Ngày trước kia, may ra thì có thể như vậy thật. Nhưng mà bây giờ anh coi tay chân như thế này..."

Lúc đó tôi mới thấy bàn tay trên đó chiếc găng đã được tháo ra tự bao giờ mà tôi không để ý. Tôi liếc nhìn thật nhanh cái sẹo lớn nổi cộm lên trên một mảng da nhăn nheo. Hình như chỉ còn có ngón cái và ngón chỏ là còn cử động được. Ba ngón kia quắp hẳn lại. Chờ cho đứa cháu lễ mễ đặt một lư trầm lên bàn thờ, Hương Cơ khoan thai ngồi xuống với cái dáng trang trọng tự nhiên ngày trước, rồi đeo móng - chỉ có hai cái -rồi vặn trục, rồi khẽ xê xích mấy con ngựa.

Tôi hồi hộp chờ đợi. Tôi nhìn chòng chọc vào bàn tay đã tàn phế. Thầm mong rằng mấy ngón bị hủy kia không ảnh hưởng chi đến bản *Phú*

Lục Chậm mà Hương Cơ đang bắt đầu dạo, đến tài nghệ của Hương Cơ. Nghe được hai câu thì tôi hiểu. Cái ngón giữa có cựa quậy được một chút, nhưng không chạm dây. Vuốt vẫn còn gọn, nhấn vẫn còn hư mà không thực, còn đấy cả. Bản đàn ấy có những cung không thành tiếng, những cung mà cái ngòn giữa KHÔNG gảy được,vậy mà bàn tay trái của Hương Cơ vẫn nhấn dây phía bên kia con ngựa, nhấn vào cái không có của âm ba. Trong tiếng phách mà tôi thầm gõ theo bản ấy, tiếng đàn theo sát, không sai một nhịp nào cả. Hương Cơ không bỏ một cung nào. Tôi hơi rợn người, vì tôi vẫn cảm được, nghe được những cung không hiện hữu đó. Có thể là nhờ tôi thuộc bản *Phú Lục* ấy. Nhưng tôi nghĩ rằng mình nghe được cái nhạc của những chỗ hụt hẫng ấy chính là nhờ vào tấm lòng, vào tâm hồn của người trình diễn. Tôi nhìn Hương Cơ đang tụ hết tinh thần vào mười sáu sợi dây kim loại, nàng không có một mảy may cố gắng nào bất thường, cử chỉ động tác vẫn tự nhiên thoải mái như ngày trước.Tôi hiểu: bản đàn què quặt nhưng mà ngón đàn, cũng như lòng người nghệ sĩ vẫn nguyên vẹn. Ở một chốn nào đó, Phấn vẫn thưởng thức được cái trọn vẹn, cái chân tình của Hương Cơ.

Đàn xong, Hương Cơ ngồi lại ngay ngắn, lễ chồng ba vái, rồi mời tôi qua bàn ăn.

"Từ khi nghe được lời trối của anh Phấn, năm nào đến ngày giỗ tôi cũng đàn cái bản *Phú Lục* ấy. Anh Phấn thích bản đó lắm.Con lấy bia ra mời bác. Bây giờ thì anh uống rượu được rồi." Hương Cơ cười rất kín đáo khi nói câu đó vì nàng biết là tôi không còn lạ gì cái "lệnh cấm tửu" trong gia đình Phấn những khi muốn nghe đàn.

"Thường ngày chị có đàn không, hay là chỉ vào dịp đặc biệt như hôm nay?"

"Có chớ. Không có đàn thì, anh coi, tôi sống với cái chi bây giờ. Lúc đầu, tôi định tập lại với hai ngón, nhưng mà không xong. Thà bỏ một đôi cung xàng, cung líu dây đó, mà đàn đúng theo ý tôi muốn. Mình chạy theo nhạc là ở giai đoạn học tập lúc đầu thôi. Sau đó, nhạc nó phải theo mình. Tay tôi què chớ tinh thần của bản đàn không què được. Mà đã từ lâu rồi như anh cũng biết, trừ một vài dịp đặc biệt, tôi có đàn cho ai nghe đâu. Tôi chỉ đàn cho tôi, không phải để nghe mình đàn mà để sống với tiếng đàn."

Đưa mắt nhìn ảnh Phấn trên bàn thờ, Hương Cơ hạ giọng:

"Thật ra, từ ngày xẩy ra cái vụ kiện tụng ấy, thành thật mà nói, tôi chỉ thích đàn cho ba người nghe thôi. Người thứ nhất là thầy đàn của tôi. Một hôm sau một buổi tập, ông rót cho tôi một chén trà, nhỏ chút xíu, chén hột mít, rồi bảo tôi đàn cho ông nghe, muốn lựa bản nào cũng được. "Con cứ

coi như là không có thầy ngồi đây. Đờn đi." Tôi đánh bài *Hành Vân*. Khi tôi đàn xong, ông vừa châm một điếu thuốc Cẩm Lệ vừa khen: "Thầy mừng cho con đó. Khi thầy còn ở tuổi con, thầy còn bị cây đờn, bị mấy sợi dây hấn đưa mình đi. Còn con, chừ là con đã biết sai khiến cây đờn rồi.Giỏi lắm.Giỏi thiệt."

Khi kể lại lời người nhạc sư khó tính ấy, Hương Cơ chuyển sang giọng Huế đặc sệt. Thằng con trai của Hương Cơ nóng ruột, xen vào:

"Còn hai người kia là ai má?"

Hương Cơ cười nhìn con:

"Để má kể hết chuyện cho bác nghe đã. Anh phải nghe cái giọng thiết tha của thầy tôi khi ông khen tôi, anh phải thấy cái vẻ đắm đuối khi ông lim dim đôi mắt gật gù, không nhìn tôi mà nhìn ở đâu xa, mỗi khi tôi nhấn được một cung, hoặc khảy được một tiếng mà ông vừa ý, anh mới hiểu rằng ông thành thật thích ngón đàn của tôi, và những lời khen đó thốt ra từ tâm can chớ không phải là khen kiểu khách sáo, cho có lệ...Giữa thầy với trò, mình đàn dở thì ông cứ chê, cứ nói thẳng rồi sửa cho mình. Thầy tôi đâu có sợ gì tôi mà phải nói quanh."

Hương cầm đũa đút cho đứa cháu nội bụ bẫm một miếng chả tôm rồi nói tiếp:

"Người thứ hai là nhà tôi. Anh Phấn tuy chơi đàn guitare, nhưng mà cũng chịu khó sưu tầm và nghe nhạc cổ của mình. Hồi mới quen nhau anh Phấn thích tôi một phần cũng là qua cây đàn tranh. Anh ấy mê..."

Hương Cơ chợt ngừng lại, bỏ dở câu nói. Tôi biết Hương Cơ đang nhớ đến Phấn. Hồi lâu, nàng xoay sang nói với con:

"Người thứ ba là bác đây. Bác cũng nghe được cái hồn, bắt được cái thần trong tiếng đàn của má."

Tôi hơi bối rối, lúng túng nói:

"Thật ra, tôi rất thích tiếng đàn của chị, mê nữa là khác. Nhưng mà mê vậy thôi. Về nhạc thì tôi dốt lắm. Còn như nắm được chỗ tuyệt vời trong nghệ thuật của chị thì tôi cũng không chắc là mình..."

Hương Cơ ngắt lời tôi:

"Nhưng mà tôi biết. Vì vậy nên nay tay tôi đã què mà tôi còn mời anh đến để cùng với anh Phấn nghe tôi đàn. Chắc anh cũng đã biết rồi...người ngồi thưởng thức cũng phụ họa với cung đàn, với tiếng hát đó anh à. Cái hôm ở Đàlạt, tôi đàn xong, anh cám ơn tôi. Bây giờ đến phiên tôi. Cám ơn anh."

Trời đất ơi! Còn có phần thưởng nào xứng đáng hơn nữa đối với tôi. Cái lòng tự hào của một người thích nghe nhạc, được một nghệ sĩ tặng cho mấy tiếng cám ơn ấy, dẹp nó sang một bên đi. Cái phần thưởng mà

Hương Cơ trao cho tôi trong mấy tiếng cám ơn ấy, tôi trân trọng giữ lấy. Những khi lang thang tìm trong cung đàn trong tiếng hát một chút gì đó nó giúp cho mình giàu thêm một phút say sưa, hiểu chính mình thêm chút nữa, tôi đâu có ngờ rằng tôi đã sống được trọn vẹn đến thế. Những xúc cảm, nỗi lòng mà Hương Cơ gửi vào cây đàn thập lục không biết tôi có cảm được hết hay không, nhưng mà câu nói của Hương Cơ như tấm gương phản chiếu lại cho tôi thấy cái đam mê của chính mình đối với thanh sắc, cái đam mê một phần nào đã giúp gợi cảm cho người so dây, nắn phím.

Năm ấy, Hương Cơ tặng cho tôi một tiếng đàn. Gần ba mươi sau, nàng tặng cho tôi môt câu nói chí tình.

Ngồi giữa cái nước Mỹ này, cái nước Mỹ vốn có nhiều thứ mà tôi không lấy gì làm mê lắm, nghĩ đến những ngày đầu Xuân đã đi tuyệt tích, đến những mẩu đời đẹp hơn cái lẩn quẩn loanh quanh của những ngày tháng không làm cho mình thích thú chút nào, mà lại còn phải nặn cho ra một bài cho số Xuân giữa lúc trời nóng bức, oi ả! Cái ấy mới thật là rắc rối. Tôi lấy làm tội nghiệp cho những người bạn làm báo có định kỳ. Tội nghiệp cho tôi. Thơ mùa thu đâu phải cứ thấy lá vàng rồi bấm máy là chữ nó ra. Tình thủa học trò đâu phải là cứ chờ cho phượng đỏ rồi mới chớm. Lễ Tạ Ơn còn hơn nửa tháng nữa mới đến mà người ta quảng cáo gà tây quay rồi. Quay ngược quay xuôi đủ kiểu. Con nào con ấy vàng rụm, ngon mắt không kém gì gà, vịt, thịt heo lủng lẳng ngoài mấy cái tiệm và quán ở Chợ Cũ, gần đường Tôn Thất Thiệp.

Nhưng mà hình như có những mẩu đời, nay đã là kỷ niệm, nhớ đến có buồn thật, nhưng cùng với tiếc nuối, chúng gửi về chút rộn rã loáng thoáng như gì nhỉ...như nỗi hân hoan khi chợt gặp một nụ đào hé nở giữa vườn Xuân chăng?.Để hôm nào, thử gò câu chuyện của Hương Cơ, thêm bớt chút đỉnh, sắp nó vào một khung cảnh có ông đồ già, câu đối đỏ, dưa hành dưa hiếc, pháo phiếc mà viết một cái truyện ngắn cho ra vẻ Xuân xem sao. Khổ quá! Tết ơi là Tết! Không biết có kịp cho số Xuân hay không!❐

(1) "En ce temps là, la vie était plus belle..."Jacques Prévert, trong bài Les Feuilles Mortes, nhạc của Joseph Kosma.
(2) Thơ Quách Tấn.
(3) Thơ Lưu Trọng Lư.

cung chúc tân xuân

Nỗi nhớ câm

VY

*Tết này con vẫn không về được,**
Ai tỉa cho thầy mấy nhánh mai?
Cúc vàng bên ngõ, không người hái,
Ai ướp trà thơm buổi sớm mai!

Đêm vắng giao thừa nghe sóng biển
Mình thầy đầu bạc nhớ con xa
Chẳng ai ngồi kể, nghe thầy kể
Chuyện buồn nay trộn nỗi vui xưa!

Lò trầm hắn lạnh chờ hương mới
Thầy nhớ khơi thơm để ấm nhà.
Con không về được, tim bạc bẽo.
Thầy ơi ! đừng khóc tủi con xa.

*Tết này con vẫn không về được!**
Mộ mẹ dìu hiu, hương khói bay.
Lạnh lắm không me, đêm nguyệt tận?
Giữ kín giùm con tiếng thở dài.

Ngọc lan che mát bên chân mẹ,
Đã có hoa chua những búp ngà
Ai sẽ lau giùm con mộ chí,
Nắng mưa, hình mẹ dã nhoà chua.

Con thắp trong con nén hương thầm,
Lớn khôn, không mẹ vẫn tủi thân!
Mồ mẹ trong tim con vẫn ấm.
Mẹ ơi! xú lạ, gió căm căm!

*Tết này chị vẫn không về được.**
Lời hứa cùng em mãi chẳng tròn,
Đã hẹn chia nhau ly rượu đắng,
Nửa tưới mồ em, nửa nhấp môi!

Chẳng dọn cho em cỏ úa vàng,
Ai thắp thêm giùm nến trắng tan
Ai dọc em nghe lời thơ cũ,
Ai khóc cho em kiếp lỡ làng?

Cây đàn trên vách chắc buồn lây,
Bụi của lãng quên, đã phủ đầy
Chị vẫn ngó về năm tháng cũ.
Em ơi! đừng tiếc chuyện riêng tây!

*Tết này ta vẫn không về được.**
Người chẳng nợ ta, xin chớ mong
Giàn thanh long có sai oằn trái?
Cây mận cuối vườn chắc trắng hoa?

Lũ bạn thân sơ nay còn mất?
Chợ hoa, có gặp những người xưa?
Đã phôi pha hết thời thơ ấu.
Này! Nhớ dừng quên pháo giao thừa.

Mùng một có còn thơm áo mới,
Hãy cất cho ta chút nắng trong.
Đóng chặt lại đi vườn ký ức,
Tình thơ, người xa còn chi trông.

*Tết này con vẫn không về được! **
Thầy nhớ, đừng chờ con trước sân.
Mẹ, em, thôi dụ phiên chợ tối,
Đông khuya, lạc lõng chẳng người thân.

*Tết này lại vẫn không về được.**
Hồn mãi còn đau nỗi nhớ câm.
Ai thở giùm ta mùi hương cũ,
Ai khóc cho ta tiếng nấc thầm.

* *"Tết này em chắc không về được"*
thơ Nguyễn Bính.

Ba Bài Thơ Xuân của Thi phái Mông Lung

Tạ-quốc-Tuấn

Tiếp nối truyền thống của các thi sĩ tiền nhân cũng như đương thời, các thi sĩ mông lung Trung-hoa cũng làm những bài thơ Xuân. Tuy nhiên, trong khi các thi sĩ xưa và nay làm thơ Xuân để ca tụng vẻ đẹp của thiên nhiên do Xuân mang lại, để nói về ảnh hưởng của Xuân đối với con người, hoặc để gởi gấm tâm sự cá nhân của mình, các thi sĩ mông lung đã mượn Xuân để diễn tả nhận xét hay ý nghĩ của mình đối với tình trạng xã hội đương thời, nói lên sự thống khổ của dân chúng nói chung và thanh thiếu niên nói riêng sống dưới chế độ trong đó con người lại không được coi là con người mà chỉ là những công cụ sản xuất, những cái máy chỉ biết nói theo lệnh của nhà cầm quyền, biết suy nghĩ theo đường lối do nhà cầm quyền chỉ định, biết hành động theo kế hoạch hay chương trình do nhà cầm quyền vạch ra. Con người hoàn toàn không có chút tự do nào.

Như chúng tôi đã trình bày trong bài "Thơ Mông Lung: Thi Ca Phản Kháng Hiện Đại Trung-hoa"[1], thi phái mông lung đã xuất hiện vào cuối thập niên 1970 đầu thập niên 1980, lúc phong trào Vô Sản Giai Cấp Văn Hóa Đại Cách Mạng, gọi tắt là Văn Cách, mới chấm dứt sau 10 năm (1966-1976) hoành hành. Cơn ác mộng Văn Cách đã đem lại không biết bao nhiêu là đổ vỡ, tan nát, phân tán, về vật chất cũng như tinh thần. Đó là những ngày đen tối nhất của người Trung-hoa trong hơn 5.000 năm lịch sử, đen tối hơn cả dưới những triều đại độc đoán nhất trong thời quân chủ. Các thi phẩm của nhóm mông lung này đã phản ảnh tâm trạng của những thanh thiếu niên yêu nước thương nòi trong giai đoạn Văn Cách và

hậu Văn Cách. Trong bài này chúng tôi chọn ba bài thơ của thi phái mông lung: ""Tuế Mạt"" của Bắc-Đảo (s. 1949), "Sơ Xuân" của Cố-Thành (1956-1993), và "Xuân Dạ" của Thư-Đình (s. 1953).

Qua bài thơ ""Tuế Mạt"", "Bắc-Đảo," con chim đầu đàn của thi phái mông lung, nói lên cuộc sống cơ cực của người Trung-hoa.

Trong quá khứ, khi Trung-quốc còn ở trong chế độ quân chủ, và ngay cả dưới thời dân quốc (cộng hòa), đến cuối năm người dân ai ai cũng đều náo nức, nhộn nhịp, chuẩn bị tiễn đưa năm cũ và nghênh đón năm mới. Ngay cả những người ở giai tầng thấp nhất trong xã hội, những con người có số phận hẩm hiu, cũng vẫn hăng hái đón mừng Xuân. Trong lòng tất cả mọi người đều tràn đầy hy vọng là với Xuân sang mình sẽ được thấy những ngày tươi vui hơn, hạnh phúc hơn, ấm no hơn. Tất cả như có được một sức sống mới mãnh liệt mới, trẻ trung ra, đầy đủ sinh khí để tranh đua với đời.

Trái lại, xã hội Trung-quốc hiện tại chỉ là một xã hội trong đó con người bị áp bức, đè nén, bách hại, đe dọa, khủng bố liên miên vô tận. Họ sống quằn quại dưới bàn tay sắt máu, không sức chống cự, không sao đứng thẳng người, không sao vùng lên được để tranh đấu cho sự sống còn, cho nhân phẩm, cho tự do của mình, mà chỉ còn biết cúi mình khuất phục, cong mình như những cây cung, để phục vụ một thiểu số tự coi mình là lãnh tụ, là cứu tinh của họ. Tình trạng này đã được Bắc-Đảo diễn tả bằng mấy câu thơ sau:

Tùng nhất niên đích khai thủy đáo chung kết,
Ngã tẩu liễu đa niên,
Nhượng tuế nguyệt loan thành liễu cung.
(Từ khởi đầu một năm cho tới cuối cùng,
Tôi đã qua nhiều năm,
Để năm tháng uốn thành cây cung)

Hơn nữa, con người hầu như không còn một chút sinh khí nào. Họ chỉ là những con người đã già nua quá sớm, những con người ốm o quặt quẹo, giống như những chiếc giày cũ rích, nhăn nheo, mòn xẹp của những người già về hưu, và, tệ hơn nữa, đó là những chiếc giày của những kẻ về hưu mà không đủ phương tiện, không đồi dào tài chính để có thể thay đổi giày khác, chứ không được là những đôi giày mới, những đôi giày bóng lộn, những đôi giày còn nguyên vẹn hình dáng của những kẻ còn mạnh chân khỏe tay, còn nhiều sức lực để làm việc. Họ cũng không còn chút giá trị nào nữa, mà chỉ là những đồ phế thải như bụi bậm, rác rưởi mà thôi.

Đáo xứ thị thoái hưu giả đích hài,
Tư nhân đích trần thổ,

Công cộng đích lạp ngập.
(Đâu đâu cũng là giày kẻ về hưu,
Là bụi bậm tư nhân,
Là rác rưởi công cộng.)

Điều đáng buồn là trong cái xã hội ấy con người trở nên vô dụng, không có cơ hội để sinh sống, bởi vì tất cả đều phải làm việc theo những chương trình, những kế hoạch không tưởng, phí phạm nhân lực, tài lực, để rồi cuối cùng tất cả đều kiệt quệ, không sao hoạt động hữu hiệu được. Họ đã trở thành những chiếc búa nhàn rỗi. Dù con người mong tương lai có ngày tươi sáng nhưng lại chẳng thấy có chút hy vọng nào, mà chỉ thấy cuộc sống vẫn bất động, vô dụng như những cây thước bạch kim bị bỏ quên, nằm bất động trên đe sắt.

Giá thị tịnh bất trọng yếu đích nhất niên.
Thiết chùy nhàn trước, nhi ngã
Hướng dĩ hậu đích nhật tử tá quang,
Miết kiến nhất bả bạch kim xích
Tại thiết châm thượng.
(Đó là một năm chẳng chút gì quan trọng.
Búa sắt nhàn rỗi, nhưng tôi
Mượn ánh sáng ngày hướng về tương lai,
Thoáng nhìn thấy cây thước bạch kim
Nằm trên đe sắt.)

Cái khéo của Bắc-Đảo trong bài thơ "Tuế Mạt" này là, thay vì trực tiếp đề cập tới tình hình xã hội và chính trị ở Trung-quốc, đã xếp đặt các hình tượng vang động và rất trong sáng kế cận nhau một cách nổi bật: hình ảnh con người bị năm tháng uốn cong như những cây cung bên cạnh hình ảnh những đôi giày của những kẻ về hưu, hình ảnh bụi đất bên cạnh hình ảnh rác rưởi, hình ảnh chiếc búa nhàn rỗi bên cạnh hình ảnh cây thước nằm trên đe sắt. Tất cả cốt để tái tạo một kinh nghiệm rất vụn vặt, cái kinh nghiệm mà ngôn ngữ qui ước thông thường không được đầy đủ để diễn tả: đó là kinh nghiệm về cảm giác mỗi người có được, thấy được, vào lúc năm cùng tháng tận.

Bên cạnh bức tranh Xuân ảm đạm, buồn sầu, vô hy vọng của Bắc-Đảo đó, bài thơ "Sơ Xuân" (Đầu Xuân) của Cố-Thành, nhà thơ mông lung nhất của thi phái mông lung, lại đưa ra những mối hoài nghi, thắc mắc về cuộc sống trong xã hội Trung-quốc hiện tại, qua ba hình ảnh.

Hình ảnh thứ nhất là bầu trời u ám. Khi thấy trời mới chỉ u ám thôi, chứ chưa có một hiện tượng nào tiếp theo, như thể là trời còn đang do dự chưa quyết định nên giáng xuống thêm hiện tượng nào nữa, Cố-Thành tự

hỏi không biết là trời sắp đổ hoa tuyết hay mưa xuống trần gian.

Âm trầm đích thiên không tại do dự;
Thị tuyết hoa? hoàn thị vũ trích?
(Trời u ám hãy còn đang do dự;
Là hoa tuyết? hay là giọt mưa?)

Hình ảnh thứ hai là nước sông vẩn đục đang chảy ầm ầm. Khi thấy cảnh này thi sĩ tự hỏi là chẳng hay con sông đó đang chạy theo đuổi hay đang chạy trốn tránh.

Hỗn tục đích hà lưu tại tật tẩu;
Thị truy cầu? hoàn thị đào tị?
(Nước sông vẩn đục đang ầm ầm chảy;
Là theo đuổi? hay là trốn tránh?)

Hình ảnh cuối cùng là ở đằng xa có một cặp tình nhân đang chia tay nhau. Khi nhìn thấy cảnh này, tác giả tự hỏi phải chăng sự chia tay đó chỉ là màn giáo đầu hay là hồi kết cục.

Viễn xứ đích tình lữ tại phân biệt;
Thị tự mạc? hoàn thị kết cục?
(Nơi phương xa đôi bạn tình chia tay;
Là giáo đầu? hay là kết cục?)

Muốn hiểu bài thơ này, chúng ta phải nhớ rằng đặc điểm của thơ mông lung là dùng rất nhiều hình tượng dày đặc, nghĩa là dùng với nghĩa bóng nhiều hơn là nghĩa đen, mặc dù đó là những hình tượng tự nhiên và hiện thực, cùng là những hình tượng gián tiếp, những lời nói bóng gió, những ẩn dụ để tránh gặp rắc rối với chính quyền[2]. Trong các thi sĩ mông lung, Cố-Thành là người hay dùng các hình tượng mông lung nhất để gián tiếp nói về một vấn đề gì.

Bài "Sơ Xuân" nói lên sự hoài nghi, sự thắc mắc chẳng những là của Cố-Thành mà còn là của mọi người đương thời trước cảnh đời. Tâm trạng hoài nghi, thắc mắc này càng sâu đậm hơn ở trong một xã hội, như đã nói ở một đoạn bên trên, nơi con người chẳng những là bị áp bức, bách hại, cưỡng chế, khủng bố quá nặng và quá lâu, mà lại còn phải sống trong giả dối, giả dối với người cũng như giả dối với chính mình, cũng như là hàng ngày phải thở hít không khí tuyên truyền láo khoét, đảo lộn, không có có không, trắng đen đen trắng, khiến người ta không biết đâu mà sống, mà hành động, mà suy nghĩ. Trong cái xã hội mà hôm nay được tôn là anh hùng dân tộc nhưng ngày mai có thể bị kết tội là tên phản quốc, năm nay là tả sang năm là hữu, lâu dần con người đâm ra mất hết tin tưởng vào quốc gia, vào xã hội, và còn vào cả chính mình nữa.

Bầu trời u ám ở đây biểu tượng cho bầu không khí đen tối và nghẹt

thở bao trùm khắp nước do cuộc Văn Cách đem lại, mà tuy rằng nó đã chấm dứt năm năm trước đó (cuộc Văn Cách chấm dứt năm 1976 và bài "Sơ Xuân" được sáng tác năm 1981), nhưng hậu quả của nó vẫn còn tồn tại, dù cường độ đã giảm một phần nào. Người dân vẫn còn sống trong phập phồng lo sợ, sống ngày nào biết ngày đó, hôm nay không biết ngày mai sẽ xảy ra chuyện gì. Chúng ta không nên quên rằng trước khi có cuộc Văn Cách, từ năm 1949 ở Hoa-lục đã xảy ra rất nhiều biến cố mà biến cố nào cũng đem lại vô vàn tang tóc, đau khổ cho người dân nói chung và các văn nghệ sĩ nói riêng, nhất là các phong trào (người Trung-hoa gọi là vận động) Chỉnh Phong, Tư Tưởng Cải Tạo, Thổ Địa Cải Cách (gọi tắt là Thổ Cải), Bách Hoa Tê Phóng Bách Gia Tranh Minh (mà người Việt-nam gọi là Trăn Hoa Đua Nở), Phản Hữu Khuynh (còn gọi là Phản Hữu Phái), Phản Khổng (hay Phê Khổng), v.v. Tuy người dân không rõ trời u ám như vậy là điềm báo hiệu sẽ có tuyết hay có mưa, nhưng thực ra, đối với họ, tuyết hay mưa cũng chẳng có gì khác biệt, vẫn chỉ là cái họa muôn thuở theo dõi họ, bám sát họ, hết năm này qua năm khác. Nếu có khác thì cũng chỉ là khác ở cường độ, ở sức tàn phá mà thôi. Cũng vậy, các phong trào do nhà nước tung ra hết đợt này đến đợt khác, liên miên bất tận, tuy tên có thay đổi (giống như nếu không là tuyết thì là mưa) nhưng bản chất vẫn như nhau, vẫn là tai họa cho người dân.

Mặt khác, nước sông vẩn đục chảy ầm ầm tượng trưng cho một hình ảnh rất quen thuộc mà người dân Trung-hoa đã phải chứng kiến hàng ngày kể từ năm 1949: đó là đám cán bộ, công an, nhân viên nhà nước, cùng là những kẻ theo voi hít bã mía, lợi dụng quyền thế. Chúng thuộc nhiều thành phần tạp nhạp, táp nham, chẳng khác gì nước sông vẩn đục, đầy cát bụi, đầy rác rưởi. Chúng cũng có thể là đám Hồng Vệ Binh, những đứa trẻ ở lớp tuổi học sinh tiểu học và sơ trung (tức trung học phổ thông), đã hoành hành trong thời Văn Cách. Mỗi khi chúng ồn ào, rầm rộ xuất hiện ở đâu – chẳng khác nào dòng sông vẩn đục sau cơn giông bão chảy ầm ầm tới một nơi nào – người dân tự hỏi mình hay hỏi nhau là không biết chúng định giở trò gì. Phải chăng chúng đang theo đuổi ai hay những ai để bắt bớ, đàn áp? Cũng có thể là chúng chạy đuổi theo họ để nịnh hót, bợ đỡ, cầu xin một ân huệ nào, một món lợi nào. Trong cuộc Văn Cách chúng là những kẻ đã hoành hành từ năm 1966 đến khoảng năm 1973. Mặt khác, chúng cũng có thể là những kẻ đã hết thời, đã bị bỏ rơi, không còn giá trị lợi dụng đã phải chạy trốn để khỏi bị bắt bớ, làm những con vật tế thần, bị hy sinh vì lợi quyền của kẻ khác. Hiện tượng này xảy ra đối với những kẻ nói trên từ năm 1973 cho đến những năm đầu thập niên 1980. Hình ảnh thứ hai này có lẽ đã đến với Cố-Thành vào lúc trong nước đang

có các vụ thanh toán những cán bộ cao cấp nhất và quá khích nhất của đảng Cộng sản Trung-quốc là Tứ Nhân Bang (gồm có vợ Mao Trạch-đông là Giang-Thanh, Vương Hồng-văn, Diêu Văn-nguyên và Trương Xuân-kiều) cùng các thuộc hạ của họ, sau khi Mao Trạch-đông qua đời năm 1976.

Lại nữa, Cố-Thành dùng hình ảnh thứ ba, cảnh chia tay của một cặp tình nhân, để đưa ra một thí dụ về tích cách bất nhất của bất cứ một chính sách nào của nhà nước. Sự chia tay của cặp tình nhân tượng trưng cho sự chấm dứt một chính sách cố hữu của đảng là kiểm soát nhân dân. Ngay từ khi nắm chính quyền ở Hoa-lục, đảng Cộng sản Trung-quốc luôn luôn kiểm soát rất chặt chẽ các hoạt động, nhất là tư tưởng của nhân dân. Công cụ để thực hiện sự kiểm soát này là công an. Công an và kiểm soát đi liền với nhau như hình với bóng, không bao giờ tách rời nhau, hệt như một cặp tình nhân vậy.

Sau khi Mao Trạch-đông qua đời, chính quyền đương thời đã nới tay trong việc kiểm soát nhân dân. Đó là thời kỳ thường được các nhà Hoa học quốc tế gọi là thời kỳ Trăm Hoa Đua Nở thứ hai, mà cao điểm là ngày 5.3.1978 khi chính sách đó được chính thức hóa trong bản hiến pháp thứ ba của chế độ[3]. Mặt khác, đại hội lần thứ ba của Trung Ương Ủy Viên Hội (tức trung ương đảng bộ) thứ 11 của đảng cũng công bố một bản tuyên cáo hô hào giải phóng tư tưởng và đi tìm chân lý bằng các sự thật[4].

Tuy nhiên, dù có sự cởi mở đó, Cố-Thành lại thắc mắc không biết sự chia tay này là giai đoạn mở đầu của chính sách cởi mở, hay lại giống như trong vụ Trăm Hoa Đua Nở thứ nhất đây chỉ là giai đoạn cuối cùng mà sự chính thức hóa trong hiến pháp là một hành động chậm trễ, làm gọi là để có, khi chính sách cởi mở sắp chấm dứt. Sự thắc mắc của Cố-Thành đã được chứng minh. Chỉ mới ngót một năm sau khi chính sách cởi mở được chính thức hóa, từ đầu năm 1979 nhà nước đã bắt đầu ra tay xiết chặt sự kiểm soát nhân dân trở lại, bóp nghẹt những tư tưởng, những hoạt động chống lại chế độ. Rồi đến đầu năm 1980, chính Đặng Tiểu-bình đã tuyên bố xóa bỏ bốn tự do tư tưởng nêu trong Hiến pháp 1978. Tiếp theo đó, từ mùa thu 1980 nhiều báo không chính thức bị đóng cửa và đến mùa xuân năm 1981 không còn một tờ báo nào thuộc loại này ra được nữa. Hơn nữa, các văn thi sĩ nào phản kháng chính sách và sự cai trị của đảng đều là mục tiêu chỉ trích, trong đó có cả các thi sĩ mông lung, đặc biệt là Cố-Thành[5].

Trái với hai bài thơ Xuân của Bắc-Đảo và Cố-Thành mang màu sắc chính trị, bài thơ "Xuân Dạ" (Đêm Xuân) của Thư-Đình (s. 1953), nữ thi sĩ mông lung duy nhất được đảng chiếu cố, lại mang màu sắc triết lý, tuy

cũng mang giọng điệu ảm đạm, u buồn, như hai bài thơ kia.

"Xuân Dạ" mở đầu bằng cảnh một cặp tình nhân ngồi tựa cửa sổ mạn thuyền trong một đêm xuân dưới ánh trăng lờ mờ như sương mù sắc xanh và con thuyền đang trôi trên dòng sông nước thực dịu hiền. Tuy cảnh tượng thơ mộng như vậy, nhưng trái tim người con trai như bị khóa chặt, không gì có thể len lỏi vào được. Ngã hoàn bất tri đạo hữu giá dạng đích ưu thương.

Đương ngã môn tại xuân dạ lý kháo trước huyền song,
Nguyệt quang tượng lam sắc đích vụ,
Giá thủy nhất dạng đích nhu tình
Cánh bất năng lưu tiến nễ,
Trọng môn khẩn tỏa đích tâm phòng.
(Em vẫn không biết lại có sự đau buồn như thế.
Lúc chúng mình trong đêm xuân tựa cửa sổ mạn thuyền,
Ánh trăng như sương mù sắc xanh,
Con nước cũng dịu hiền như vậy
Vẫn không thể chảy vào anh,
Những lớp cửa buồng tim khóa chặt.)

Sở dĩ người con trai ở trong tình trạng như vậy là vì anh ta cảm thấy đời người thật đau khổ như uống phải chén rượu đắng.

Nễ cảm thán:
Nhân sinh chân thị nhất bôi khổ tửu.
(Anh thở than:
Đời người thực là một chén rượu đắng.)

Anh nhận thấy mình đã hai mươi tám tuổi rồi mà vẫn chưa được hưởng chút gì tươi đẹp, như ý, may mắn. Cuộc đời anh vẫn chẳng có hoa, có sương.

Nễ sám hối:
Nhị thập bát cá xuân thu vô hoa vô sương.
(Anh ân hận:
Hai mươi tám cái xuân xanh không hoa không sương.)

Người con gái hỏi tại sao người anh cường tráng nhưng lại giống như cây dương liễu yếu đuối run rẩy trong gió.

Vi thậm ma nễ cường kiện đích thân tử
Khước tượng phong trung đẩu sách đích nhược dương?
(Vì lý do gì thân thể anh cường tráng
Lại như cây dương yếu run rẩy trước gió?)

Hỏi như vậy nhưng người con gái cũng hiểu được lý do. Người yêu của cô đang ở trong tình trạng bối rối, không biết phải có hành động nào

cho thích hợp. Anh ta như chiếc buồm tuy khao khát cầu mong có cơn giông bão thổi để cho mình được đi xa, nhưng lại không muốn lìa bỏ hải cảng đã nuôi dưỡng mình.

Ngã tri đạo nễ thị khát cầu phong bạo đích phàm,
Y y nan xả dưỡng dục nễ đích hải cảng.
(Em cũng biết anh là chiếc buồm khát cầu giông bão,
Lưỡng lự không nỡ lìa hải cảng nuôi dưỡng anh.)

Biết vậy, nên cô khuyến khích người yêu không nên ngã lòng, bởi vì dù thế nào đi chăng nữa, cuối cùng anh sẽ được toại nguyện, như là sẽ có cơn sóng cuồng mùa xuân nâng đỡ anh để anh đủ can đảm ra đi.

Đản xuân thiên đích cuồng đào chung yếu bả nễ thác khứ.
(Tuy nhiên sóng cuồng mùa xuân cuối cùng sẽ nâng đỡ anh.)

Cô chỉ mong anh hãy thoát ra khỏi ngục tù do chính anh tạo nên để cho lòng mình được phong phú rộng lớn cùng với thế giới.

Ha, hữu nhân,
Kỷ thời nễ bất tái họa địa tự ngục,
Tâm tiện đồng thế giới nhất dạng phong phú khoan quảng?
(Hỡi anh bạn,
Bao giờ anh không vẽ lại ngục tù mình,
Để cho lòng mình cùng thế giới phong phú rộng lớn?)

Cô còn hứa rằng nếu anh làm được như vậy, cô nguyện sẽ là ngọn gió thổi thuận cánh buồm cùng anh lãng tích thiên nhai.

Ngã nguyện thị na thuận phàm đích phong,
Bạn nễ lãng tích tây phương.
(Em nguyện là gió thổi thuận buồm đó,
Cùng anh phiêu bạt phương tây.)

Giống như Bắc-Đảo và Cố-Thành đã diễn tả đúng thực trạng xã hội Trung-hoa cũng như của lớp thanh thiếu niên đương thời, với những đau khổ, những tuyệt vọng, những thắc mắc, những hoài nghi do chế độ tạo nên, Thư-Đình qua bài "Xuân Dạ" cũng nói lên tâm trạng của những người cùng lứa tuổi. Tuy nhiên, quan niệm của Thư-Đình về nguyên nhân và cách giải thoát khỏi sự đau khổ, tuyệt vọng của con người khác hẳn với hai nam thi sĩ bạn.

Thực vậy, Bắc-Đảo và Cố-Thành đã cho rằng chính quyền là nguyên nhân chính của mọi sự đau khổ, tuyệt vọng của con người, với ẩn ý là muốn giải thoát con người thì điều quan trọng là phải gạt bỏ cái chính quyền đó đi. Ngược lại, Thư-Đình cho rằng sự đau khổ, tuyệt vọng đó do chính con người tự tạo nên. Con người đã có quan niệm bi quan yếm thế, cho rằng đời là đau khổ, là chén rượu đắng, đời không có gì thú vị, không

có gì tươi đẹp. Với quan niệm sai lầm như vậy, con người đã tự giam mình trong cái ngục tù do chính mình tạo nên, khóa chặt lòng mình lại, không chịu cởi mở đón nhận những cảnh đẹp thơ mộng, những làn sóng, những dòng nước của thế giới xung quanh đổ tới, dù chúng có dịu hiền đến thế nào đi chăng nữa. Từ đấy, tuy con người có thể là cường tráng, đầy sinh lực về phương diện vật chất, nhưng tinh thần lại rất yếu đuối, lúc nào cũng sợ hãi, không dám đương đầu với mọi thử thách, không chịu phấn đấu, lúc nào cũng như cây dương liễu yếu đuối run rẩy trong gió. Hơn nữa, con người tuy khát khao cầu tiến nhưng lại không có tinh thần mạo hiểm, lại bảo thủ, lại cố chấp, không nỡ lìa bỏ những ràng buộc tình cảm với quá khứ, chẳng khác gì chiếc buồm khao khát có được gió bão thổi đẩy mình đi xa nhưng lại không nỡ lìa bỏ hải cảng đã nuôi dưỡng mình.

Vì thế, Thư-Đình cho rằng muốn được sống, muốn được thăng tiến, muốn được hạnh phúc, con người cần phải phá vỡ cái ngục tù do chính mình tạo nên để tự giam mình lại, phải có tấm lòng cởi mở, sẵn sàng đón nhận bất cứ cái gì đến với mình cũng như sẵn sàng đương đầu với mọi biến cố, mọi thử thách. Có làm được như vậy con người mới có thể cất cánh tung bay cùng với thế giới xung quanh. Con người không nên sợ hãi trước bất cứ sự gì vì lúc nào cũng sẽ có người khác ủng hộ mình, nâng đỡ mình, hợp tác với mình, cùng mình chia sẻ những thất bại cũng như thành công.

Do nhan đề của ba bài "Tuế Mạt", "Sơ Xuân" và "Xuân Dạ" người ta có cảm tưởng rằng đây là những bài thơ nói về Xuân, nhưng thực ra cả ba chẳng nói gì về Xuân hay ảnh hưởng của Xuân đối với con người hoặc cảm nghĩ của con người. Đặc biệt hơn nữa là chỉ có bài "Xuân Dạ" một lần dùng từ "xuân" (câu 2 đoạn 1), hai bài kia hoàn toàn không dùng từ này một lần nào cả. Các hình ảnh của bài "Tuế Mạt" có thể thấy trong bất cứ một khung thời gian nào, không nhất thiết chỉ có ở khung thời gian cuối năm, đầu năm. Còn đối với bài "Sơ Xuân", hình ảnh hoa tuyết có thể đặt vào khung thời gian đầu xuân lại cũng có thể đặt vào trong khung mùa đông. Mặt khác, các hình ảnh trời u ám, giọt nước mưa, nước sông vẩn đục, cặp tình nhân chia tay, cũng là những hình ảnh có thể thấy ở bất cứ thời gian nào trong một năm, không cứ chỉ thấy ở mùa xuân. Sau hết, các hình ảnh và cảm nghĩ của bài "Xuân Dạ" tuy được đặt trong khung cảnh đêm xuân nhưng lại không phải là do cảnh đêm xuân đó tạo nên.

Nói cách khác, thực chất của ba bài "Tuế Mạt", "Sơ Xuân" và "Xuân Dạ" là những bài thơ nói về tình hình xã hội và nhất là tâm trạng con người đương thời. Tuy nhiên, điểm khác nhau là trong khi hai bài "Tuế Mạt" và "Sơ Xuân" đi chung một con đường là gián tiếp qui kết trách

nhiệm về tình hình và tâm trạng con người đó lên đầu chính quyền đương thời, bài "Xuân Dạ" lại cho rằng tình hình, tâm trạng đó do chính con người tạo ra, chứ không thể đổ lỗi cho chính quyền được. Thực vậy, bài "Tuế Mạt", cũng như biết bao bài thơ khác của Bắc-Đảo, đã nói lên hậu quả tai hại của chế độ độc tài đảng trị, đã biến Trung-quốc thành một nước nghèo nàn, già nua, vô dụng, không chút sinh khí, không còn hoạt động, không còn vị thế nào trong cộng đồng quốc tế. Tuy bài thơ này không phải là một tuyên ngôn chính trị nhưng thực ra nó chính là một tuyên cáo chính trị cực mạnh vì những hình ảnh quá phũ phàng và quá thực của nó.

Mặt khác, bài"Sơ Xuân" tuy dùng những hình ảnh thực là dịu dàng, có thể nói là lãng mạn, nhưng cũng là một tuyên cáo chính trị mạnh không thua gì bài "Tuế Mạt". Nó nói lên một hậu quả khác của chế độ đương thời là tạo nên tình trạng con người lúc nào cũng sống trong lo sợ, thắc mắc, nghi kỵ. Hơn nữa, cái xã hội đó không chút vui tươi, trong sáng, mà chỉ toàn là u ám đen tối, vẩn đục, chia ly, buồn sầu, và nhất là không có cái gì là chắc chắn cả.

Trái lại, bài thơ "Xuân Dạ" đối nghịch với hai bài "Tuế Mạt" và "Sơ Xuân". Nó không qui kết trách nhiệm vào chế độ mà lại vào chính con người. Mọi đau khổ, mọi tuyệt vọng là do con người tạo ra. Do đó, bài thơ có ý muốn hướng dẫn con người đi theo một con đường khác để tự giải thoát mình: không thể đổ diệt mọi sự cho chính quyền, và việc gạt bỏ chính quyền đương thời đi không phải là giải pháp đúng, mà con người phải biết tự mình xóa bỏ những gông cùm do chính mình tạo nên.

Tiện đây chúng tôi cũng xin nói thêm là bài "Xuân Dạ" báo hiệu một đường hướng mới Thư-Đình sẽ theo đuổi và đường hướng đã đẩy nữ thi sĩ càng ngày càng xa dần các đồng bạn trong nhóm thi sĩ mông lung. Thư-Đình thôi không còn chỉ trích chính quyền nữa, dù những lời chỉ trích của nữ thi sĩ trong những bài thơ trước bài này cũng đã rất nhẹ nhàng, nhẹ nhàng đến nỗi nhiều người nghĩ là không có. Nó còn là một trong những bằng chứng cho thấy tại sao Thư-Đình là thi sĩ độc nhất trong các thi sĩ mông lung được mời làm tác giả chuyên nghiệp, hội viên của Trung-quốc Tác Gia Hiệp Hội (gọi tắt là Trung-quốc Tác Hiệp), một tổ chức các nhà văn học do đảng Cộng sản Trung-quốc điều khiển; hơn nữa, nữ thi sĩ còn được cử giữ chức Lý Sự (tức Phó Chủ tịch) phân hội Phúc-kiến, được chính phủ cấp lương hàng tháng (cho đến những năm gần đây mới thôi), và là người duy nhất trong nhóm đã chọn ở lại Hoa-lục sau biến cố Thiên-an-môn tháng 6/1989, đến nỗi có người phê bình là Thư-Đình đã bán mình cho chế độ.❐

CHÚ THÍCH

(1) Đăng trong *Văn Học*, số 119, th. 3/1996, tr. 3-23; số 120, th. 4/1996, tr. 25-41; và số 121, th. 5/1996, tr. 25-40.

(2) bđd, số 119, tr. 19-23.

(3) Từ khi đảng Cộng sản Trung-quốc nắm chính quyền ở Hoa-lục ngày 1.10.1949 tới nay Trung-quốc đã có bốn bản hiến pháp: đó là các hiến pháp ban hành ngày 20.9.1954, ngày 17.1.1975, ngày 5.3.1978, và ngày 4.12.1982. Ngoài ra, ngày 29.9.1949, nghĩa là hai ngày trước khi chế độ Cộng sản được chính thức công bố thành lập, đảng đã ban hành ba văn kiện có giá trị như hiến pháp (thường gọi là Tam Đại Hiến Chương). Đó là: (a) Trung-quốc Nhân Dân Chính Trị Hiệp Thương Hội Nghị Cộng Đồng Cương Lĩnh; (b) Trung-hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc Trung Ương Nhân Dân Chính Phủ Tổ Chức Pháp; và (c) Trung-quốc Nhân Dân Chính Trị Hiệp Thương Hội Nghị Tổ Chức Pháp. Ba văn kiện này có hiệu lực cho đến khi hiến pháp thứ nhất được ban hành.

(4) bđd, số 119, tr. 4.

(5) bđd, số 121, tr. 31-34.

báo cũ

Trên mười hai năm hiện diện trên diễn đàn văn chương hải ngoại, Văn Học đã trở thành một tài liệu quí giá để tìm hiểu tâm tình của tập thể người Việt sống lưu vong ở nước ngoài. Vì thế càng ngày càng có nhiều bạn đọc hoặc các thư viện, viện nghiên cứu viết thư về Tòa soạn tìm mua những số báo cũ để có Văn Học Toàn Bộ.

Văn Học xin trả lời chung những lá thư đó như sau:

Hiện Tòa soạn Văn Học còn lưu trữ những số báo cũ sau đây:

* **Giá 3 Mỹ kim**: Các số Văn Học Nghệ Thuật 6.

Các số Văn Học: 42, 44, 53, 54, 59, 60.

* **Giá 3.50 Mỹ kim**: các số Văn Học 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 & 71, 72 & 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80 & 81, 82, 83. 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107.

* **Giá 4 Mỹ kim**: Các số Văn Học 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 119, 120, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140

Tòa soạn sẽ chịu bưu phí gửi báo theo hạng bookrate và surface.

Suối Yến

PHAN NI TẤN (N.D.)

Suối Yến, mẹ dã gánh em qua
một dầu thúng em, một dầu hoa quả
nhún nhẩy, dong dua, nhịp nhàng, chân tất tả
gánh hương thơm ra chợ sớm đầu ngày.

Suối Yến, vốc nước chứa mây bay
vốc suối trong ngần tiếng con cá quẫy
tiếng dò trôi, tiếng mềm mái dẩy
thầm tiếng đời em đi từ suối nên người.

Lớn dần lên theo gió sương rười rượi
mẹ thôi gánh em qua Suối Yến hiền hòa
đời cõng em đi, anh dắt em qua
có lần quá bước, Cầu Yến xa ngút bóng.

Tên Suối Yến mà dáng hình sông
con suối con sông nối một dòng sâu cạn
đời người quanh dây nhu những đàn mây trắng
gió thổi bay đi từng kiếp, xa nghìn trùng.

Xa Suối Yến chỉ một dòng sông
rồi suốt đời vói không sao tới
ra đứng ngõ sau hút tầm mắt mỏi
lòng theo xuân sang một cõi quê nhà.

Nhủ lòng cuối năm

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Thôi em
chuyến metro cuối dã về trạm
bao giờ
anh ta cũng là người đến muộn
dã quá nửa dời trên trái dất khô
dã thử bao lần làm tình nhân dúng dợi
dã toan yêu một người,
nhiều người trong dời sống
cuộc dời dâu cách chi giải mã nổi
phần số của những con tàu dắm
dưới biển sâu cơn mộng
em cũng không cách chi biết dược
chuyến xe nào di về hư không

Vẫn là những ngày cuối năm
trống rỗng
mở toang mọi cánh cửa
căn phòng lạnh lẽo
bóng tối ký úc
cành hoa trắng ướp giữa dòng thu cũ
áo trắng. sáng nắng
mùa xuân quê nhà, môi cười chim hót

quanh sân trường màu xanh rất xanh
Cho em nhủ lòng
thôi thì cũng một lần
mở toang mọi cánh cửa
duổi hết những tuyết giá mùa đông
những cảm giác lạc lõng
dù sao
cũng sắp bước qua một ngày của năm mới
ở một nơi
không còn những dóa mai
và em đang phát hiện
mọi người đang hối hả sống

Còn anh dúng là một kẻ luôn luôn đến muộn
khi chúng ta
dã không bao giờ còn trẻ nữa
khi em
cũng dã chìm lỉm quá sâu
trong đời sống
mênh mông
và khi không ai
còn đủ sức chở mùa xuân về...

Văn hoá rối nước

Trần Nguyên

Gần đây, khi đoàn múa rối nước Thăng Long của Hà Nội được trình diễn tại đại học UCLA ở Los Angeles, một anh sinh viên phát biểu trên một đài phát thanh của miền Nam California rằng trò múa rối nước này có vẻ Tàu quá, nên không phải là một bộ môn nghệ thuật truyền thống của Việt Nam.

Anh sinh viên nọ có thể còn trẻ nên khó biết về những gì gọi là truyền thống hay không, và cái gì của Tàu cái gì của ta. Vấn đề này vượt quá sức anh. Nhưng phụ huynh của anh và nhất là các vị trưởng thượng lãnh đạo cái phần hồn, cái phần văn hoá của cộng đồng này, thì không thể không biết rằng múa rối và múa rối nước là những nghệ thuật sân khấu bình dân đã từng có tại Việt Nam từ khi Hồ Chí Minh chưa ra đời. Nếu mình không biết, thì gần đã có sách của ông Toan Ánh, xa có các bài viết của cụ Phan Kế Bính về phong tục hội hè đình đám của dân ta để tham khảo...

Tôi cũng có những người bạn trẻ gọi là đã thành công ở hải ngoại - nếu coi rằng việc dạy học trong đại học Mỹ, hay được các công ty siêu kỹ thuật Mỹ tuyển dụng với lương hậu... là tiêu chuẩn thành công. Từ nhiều năm nay họ đã lần mò về nước để khôi phục lại phần nào nền văn hoá và những bộ môn nghệ thuật cổ truyền của Việt Nam. Họ làm trong tinh thần vô vụ lợi và không mấy ai biết, cho nên vẫn chưa bị nhiều người ở ngoài này kết tội là về tiếp tay Việt cộng. Nỗi khổ tâm lớn nhất của họ là nhìn thấy sự mất mát lặng lẽ của nghệ thuật truyền thống trong xã hội thời nay. Trong những năm chủ nghĩa cộng sản còn hung hăng mê muội và chế độ còn xua dân lên chiến hào, thì những bộ môn đó chẳng giúp ích gì cho sự nghiệp cách mạng, nên bị bỏ rơi. Một chế độ duy ý chí và sùng chuộng

khoa học một cách xuẩn động thì gọi điệu chầu văn là mê tín, ca trù hát nói là nghệ thuật phong kiến phục vụ bọn tư sản... Người ta được lên dây thiều để chạy vào nghệ thuật có tính chất hiện thực xã hội chủ nghĩa. Từ mươi năm nay, cùng với thời mở cửa, khi tiếp xúc với nước ngoài và được nhiều xứ Đông Á tìm tới thăm hỏi, chế độ kinh ngạc vì thấy Nhật Bản, Đại Hàn hay Đài Loan lại quan tâm tới nghệ thuật cổ truyền Việt Nam. Họ bỏ tiền rất nhiều để tìm hiểu, nghiên cứu và giúp đỡ những nghệ sĩ già lão của ta đã bị chế độ hạ phóng từ mấy chục năm. Đến lúc đó, chế độ mới giật mình khám phá là cái bát sành vứt xó nhà suốt thời kỳ toàn dân ăn bát nhôm để chống Mỹ lại là cái bát cổ. Và chế độ lật đật "đổi mới" cái bát cổ bằng ba lớp sơn loè loẹt. Họ cách tân nghệ thuật cổ truyền một cách kệch cỡm, để đem ra đón khách lấy tiền lẻ... làm các xứ Á Châu kia lắc đầu ngao ngán.

Những người bạn trẻ của tôi đã về nhiều làng hẻo lánh xa xôi, tìm gặp những nghệ sĩ nay đã mù lòa bệnh tật, để hỏi han, ghi chép và cố gắng gìn giữ lại những gì chưa mất. Bằng những kỹ thuật hiện đại hơn, và với phương tiện riêng, họ đang làm công việc lẻ loi của một viện bảo tàng nghệ thuật, khi cả nước đang túa ra ôm lấy kinh tế thị trường và coi việc làm của họ là ngược đời, lạc lõng. Trên con đường thực sự là về nguồn này, họ gặp không thiếu cường hào ác bá cộng sản và tốn kém rất nhiều cho các ông quan văn nghệ ở thành phố trước khi đi được tới xã ấp. Họ rất mừng mỗi khi thấy một bộ môn nghệ thuật truyền thống của ta được nước ngoài để ý tới. Lý do là nhờ sự quan tâm đó của thế giới, chế độ không thể nhắm mắt chôn sống những ngành nghề đã có trên xứ ta từ cả ngàn năm nay, và điều đó còn đem lại không khí dễ thở cho những nghệ sĩ chân chính ở trong nước. Những người bạn trẻ này nghĩ sao về anh bạn sinh viên ở California đã chẳng biết gì về rốt nước, cái bộ môn mà biết đâu họ đang cố khôi phục ở trong nước?

Tại sao với cùng một thiện chí mà tuổi trẻ ta lại đi vào hai con đường trái ngược như vậy?

Lý do là chúng ta bị cái bệnh tai hại là tự xoá mất ký ức văn hoá, và hì hục xoá bằng cục tẩy chính trị.

Tôi sợ rằng chúng ta phê phán cộng sản là chính trị hoá mọi việc mà có lẽ đang làm y như họ...

Tôi không khỏi có cảm nghĩ buồn bã, là chúng ta rất cực đoan trong việc nhỏ, mà ơ hờ với việc lớn, nghĩa là thanh toán mâu thuẫn chính trị bằng viên đạn văn hoá sau cùng, cho tới khi văn hoá nước nhà sẽ thành

bãi trống... Thực ra, cảm giác buồn bã đó đã có ở nơi tôi, khi vài tháng trước đây, qua tờ *Văn nghệ* của Hội Nhà văn Việt Nam ở trong nước (số ra ngày 20 tháng 9) tôi được theo dõi cuộc thảo luận do tuần báo này tổ chức về đề tài *'Văn hoá và chiến lược văn hoá'* ...

Theo lời giới thiệu của tờ báo, người mở đầu cuộc gặp mặt là nhà thơ Hữu Thỉnh, Phó tổng thư ký trường trực Hội Nhà văn Việt Nam, tổng biên tập Tuần báo Văn nghệ, đã *nhấn mạnh* (xin trích nguyên văn) *đến tầm quan trọng của đề tài mà mọi người đang quan tâm là vấn đề văn hoá và chiến lược văn hoá, một vấn đề mà Đảng ta, ngay từ khi chưa có chính quyền và suốt chặng đường dài của cách mạng và kháng chiến đã sớm quan tâm; một vấn đề mà Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã nhiều lần đề cập. Nay bước sang chặng đường mới, chặng đường công nghiệp hoá và hiện đại hóa đất nước trên định hướng xã hội chủ nghĩa, bên cạnh việc xây dựng chiến lược phát triển về giáo dục, khoa học, về kinh tế, việc xây dựng chiến lược văn hoá được Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm.* Vì Đảng và Nhà nước quan tâm như vậy, tờ *Văn nghệ* mới góp phần vào công việc này và mở ra mục *Bàn về văn hoá* từ đầu năm nay. Ngày 13 tháng Chín, báo *Văn nghệ* tổ chức cuộc gặp mặt với cộng tác viên là các giáo sư, các nhà nghiên cứu và các nhà văn. Trong cuộc họp mặt, có chừng 25 người tham dự, kể cả ông Trịnh Đình Khôi, được tờ báo giới thiệu là thay mặt Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương tham gia thảo luận.

Tôi tin rằng trong số người tham dự chắc chắn có nhiều người có thiện tâm thiện chí. Trong hoàn cảnh mà bệnh *cynic* đã quá phổ biến thì cất công thảo luận về văn hoá là một việc đầy thiện chí. Nhưng, tôi e rằng người ta vẫn còn quen với nếp cũ là đảng xướng thì ta tùy; cho nên có thảo luận về văn hoá thì cũng nhằm đáp lời kêu gọi của đảng - y như ông Hữu Thỉnh đã mào đầu. Và vì vậy tôi cho rằng đây là một việc thiếu văn hoá ngay từ đầu. Tôi xin giải thích tại sao...

Đọc trên tờ báo đó, ta được biết là trong lịch sử của phong trào cộng sản Việt Nam, từ đầu năm 30 đến nay, trước sau người ta đã có hai hội nghị văn hoá toàn quốc: lần đầu vào ngày 24 tháng 11 năm 46 tại Hà Nội; lần sau là từ 16 đến 20 tháng Bảy năm 48 tại Đào Dã, Phú Thọ. Sau hội nghị Đào Dã đó, không có một hội nghị nào của giới văn hoá nữa, và, như nhận xét của ông Vương Trí Nhàn trong buổi thảo luận của báo *Văn nghệ*, không có một tổ chức chung của những người làm văn hoá, mà chỉ có những hội chuyên ngành như Hội Văn, Hội Âm nhạc, Hội Sử học, Hội

Ngôn ngữ... Mãi cho tới những năm 86-87, khi Việt Nam đi vào đổi mới thì người ta mới bắt đầu nói trở lại về văn hoá. Đây là một điều đáng để cho chúng ta ghi nhận...

Nhiều người đã phân tách vì sao trong vụ đấu tranh quốc-cộng, trực tiếp hay ủy nhiệm, từ 1930 đến 1975, cuối cùng phe cộng sản đã thắng. Một nguyên nhân đã được nói tới là văn hoá, nhất là nhìn từ quan điểm của những người Mỹ không am hiểu về xã hội và văn hoá nước ta. Đối với kẻ ngoại cuộc, Sàigòn với hình ảnh bị Mỹ hoá khi được so sánh với Hà Nội thì quả là kém văn hoá. Nhưng, sau thời mở cửa, hình ảnh của Hà Nội ngày nay bắt đầu giống Sàigòn ngày xưa, mà lại căng chắp vá hơn, nên nhiều người trong nước mới lo âu trở lại với đề tài văn hoá, và bảo nhau đi tìm một chiến lược văn hoá cho đất nước, để cứu lấy cái phần hồn của dân tộc như đang bị kinh tế thị trường làm cho tha hóa đi... Đây là một sự ngộ nhận khôi hài đến đáng thương.

Đầu tiên, cần nói rằng trên thế giới, hai hệ thống lý luận tư bản và cộng sản đã giống nhau ở một điểm bất ngờ: cả hai đều không coi văn hoá là quan trọng. Những người cực đoan nhất trong hệ thống tư bản tin rằng con người ta bị quy luật khách quan của thị trường tác động y như nhau, cho nên có phản ứng trong cung cầu giống như nhau. Những người cộng sản thì tin rằng xã hội con người bị những quy luật lịch sử chi phối như nhau, chủ yếu là bởi kinh tế, cho nên các xã hội đều phát triển theo từng giai đoạn để tiến lên hình thái cao nhất là cộng sản chủ nghĩa... Về căn bản, trong cả hai hệ thống lý luận này, văn hoá không là yếu tố quyết định, ít nhất là không quan trọng bằng kinh tế. Điều đau buồn nhất cho văn hoá là chúng ta đang muốn ôm lấy cả hai...

Nói một cách thuần lý, Việt Nam hiện cố dung hợp cả hai hệ thống này, tức là '*thiết lập cơ chế thị trường*' - và từ trên chí dưới đã nói tới '*quy luật khách quan của thị trường*' mà có lẽ đa số không hiểu gì cả - nhưng lại '*theo định hướng xã hội chủ nghĩa*' - mà chưa ai định nghĩa được cho rõ ràng. Cho nên, văn hoá cuối cùng vẫn không có chỗ đứng. Đó là về lý. Về sự, thì tôi e rằng văn hoá cũng chưa bao giờ được coi là quan trọng. Điều đó không chỉ phản ảnh qua con số vỏn vẹn có hai hội nghị toàn quốc về văn hoá trong hơn nửa thế kỷ. Điều đó được phản ảnh qua lịch sử đảng cộng sản.

Ngược với lý luận của Marx, chế độ cộng tại nước ta không xuất hiện

từ một cuộc cách mạng xã hội, theo ý nghĩa tự phát mà Mác tiên đoán. Nó thành hình nhờ một đảng chuyên nghiệp về quyền bính (gần với lý luận và phương pháp của Lenin hơn của Marx) và được lãnh đạo bởi một thiểu số ưu tú ở trung ương có biệt tài về chiến thuật và thời cơ chính trị. Trên một đất nước trải dọc hai ngàn cây số, thiếu phương tiện thông tin liên lạc và thường xuyên đấu tranh trong thế cài răng lược với kẻ thù trong ngoài (trong và ngoài đảng, người Việt và ngoại quốc), đảng cộng sản Việt Nam không thể nắm vững tình hình xã hội, tâm lý hay văn hoá của từng địa phương mà bắt buộc phải duy trì một hình thái tản quyền thực tế. Tức là cơ sở đảng ở các địa phương phải tự túc về kinh tế (thuế và gạo), quốc phòng (vét lính và nhân công), nhiều khi cả chiến thuật quân sự lẫn chánh sách dân vận hay kiều vận. Đây là một đặc tính giải thích rất nhiều thành công lẫn thất bại của họ trong thời chiến ngày xưa lẫn thời bình sau này.

Trong điều kiện đó, đòn bẩy duy nhất mà trung ương có thể sử dụng để trên dưới chấp hành mệnh lệnh và nghị quyết như nhau là khủng bố chính trị, và bạo lực trần truồng. Điều này giải thích vì sao máu đã đổ quá nhiều, đổ từ trong đảng ra tới thường dân. Trong suốt thời kỳ tranh đấu đó, người ta có để ý tới văn hoá, nhưng trong tinh thần 'văn hoá cũng là một mặt trận'. Tức là một phương tiện đấu tranh chính trị. Thế thôi. Ngoại giả, thì từ căn bản ý thức hệ tới kiến thức, những người lãnh đạo đảng không biết, và cũng không cần biết, về văn hoá như phần vô thức mà sinh động của cả một cộng đồng xã hội. Về căn bản ý thức hệ, những người lãnh đạo là những người nói nhiều nhất về chủ nghĩa Mác-Lenin mà hiếm ai có cơ hội hay khả năng hiểu rõ hay đọc rõ văn bản của Marx hay Lenin hay của nhiều nhà lý luận cộng sản khác. Về kiến thức, lãnh đạo chỉ ra vẻ quý trọng người làm văn hoá để xã giao tuyên truyền chứ chưa khi nào kiểm điểm một cách có hệ thống, xem văn hoá Việt Nam đã được người xưa nghiên cứu ra sao, thành tựu đến đâu, gìn giữ những gì và, như ông Vương Trí Nhàn có nhận xép trong buổi thảo luận, *thậm chí đến nay có một số công trình của người nước ngoài nghiên cứu về văn hoá Việt Nam, ta cũng không biết.*

Những người lãnh đạo chỉ lờ mờ khai thác những lý luận vu vơ của một loại văn hoá nửa Việt Nam cổ truyền nửa Khổng Mạnh tôn nho trọng đạo, với điển hình Hồ Chí Minh được bản thân ông ta và người khác tô vẽ như một ông già nửa tiên nửa tục, một cụ đồ yêu nước, người cha già của xã hội truyền thống... Cho nên, ở bên dưới cùm gông chính trị, xã hội Việt Nam vẫn giữ trạng thái nửa truyền thống nửa lạc hậu, và những đặc trưng

văn hoá thì coi như được hạ phóng, trừ phi xâm phạm vào quyền bính của trung ương thì bị diệt trừ đến nơi đến chốn. Cũng vì vậy mà vụ cải cách ruộng đất hay vụ đàn áp văn nghệ sĩ thời Nhân Văn Giai Phẩm đã có những biểu hiện khốc hại tới văn hoá và tình người, trong khi ông đồ già Hồ Chí Minh vẫn điềm nhiên thủ vai cha già hiền hòa của một xã hội nông nghiệp thuần phác. Vì vậy, tôi nghĩ rằng một trong những mâu thuẫn lớn lao và kỳ lạ nhất của hiện tượng cộng sản ở nước ta là nó đề cao văn hoá trên bích chương mà không đóng góp gì cho văn hoá, và còn hủy diệt nhiều điều cao đẹp của văn hoá dân tộc vì chúng chẳng giúp ích gì cho mục tiêu tranh đoạt quyền lực của đảng.

Văn hoá là cái gì đó vô hình và có thể là bất thành văn nhưng khiến cho đa số những người trong cùng một cộng đồng đều suy nghĩ và hành xử giống nhau. Nói cho đơn giản và vì vậy cực đoan hơn, văn hoá là cái gì đó làm ta thấy xấu hổ khi có hành vi hay suy tư không giống với đa số trong cộng đồng. Thí dụ như, dù chẳng có luật lệ gì cấm đoán hay bắt buộc, đeo bông tai ở trên vành mũi có thể là thời thượng ở nơi này mà dị hợm ở nơi khác, vì văn hoá mỗi nơi mỗi khác.

Sau khi bị mất quyền tự chủ và còn ngơ ngác chưa hiểu là ta mất chủ quyền vì thua kém văn hoá hay kỹ thuật, thì hơn nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng đã khiến cho đa số người Việt lại tiếp nhận một nét văn hoá chung, rất mới mà rất tệ. Đó là không thể làm ngơ với chính quyền, nhưng cũng không còn thấy xấu hổ. Không thể làm ngơ với chính quyền vì không tin vào đảng thì phải sợ đảng mới được yên thân, dù yên thân một cách nhục nhằn, nhiều khi nhục nhã. Và vì mọi người đều hiểu sự thể như vậy nên không còn thấy xấu hổ ở những việc làm kỳ cục khác, miễn là việc đó không gây họa chính trị. Bao người đã nói về hiện tượng phụ nữ ta văng tục như đàn ông, và ngay ven hồ Hoàn Kiếm có thể bình thản làm công việc bài tiết như ở trong nhà. (Tôi nhắc đến điều này trong nỗi ngậm ngùi cho mảnh đất ngàn năm văn vật, chứ không để nhiếc móc những người dù sao cũng chỉ là nạn nhân, và tin rằng những điều đó đang hết dần).

Vì cái chính trị thô bỉ đó, dân ta có thể chọn lựa giữa sự ngây thơ để tin vào điều hàm hồ mà chính kẻ nói cũng không hiểu, hay sự hèn nhát để dù có bán tín bán nghi, hoặc không còn một chút tin tưởng, vẫn cứ làm như mình tin, để sống cho qua ngày. Điều tiêu cực đó làm cho thui chột rất nhiều những đức tính văn hoá khác, và nhất là làm cho người ta không

còn biết hay còn muốn phân biệt thiện ác, và nói chung, ít thấy xấu hổ vì những điều thấp kém của mình nữa.

Thế rồi, sau khi hãnh diện lây với đảng là mình ở vào phe chiến thắng, ngày nay, chẳng còn mấy ai tin vào chủ nghĩa cộng sản nữa, mà nỗi sợ cũng nguôi ngoai dần. Người ta chợt thấy hụt hẫng vì không biết giờ đây phải hành xử thế nào là phải lẽ, là hợp đạo đây. Do vậy mà chủ nghĩa cynic mới nảy sinh, và đồng thời nhiều gia đình đang cố xây dựng lại một nếp giáo dục mới, để con em biết phân biệt phải quấy và biết xấu hổ vì những việc làm không đẹp. Chúng ta đang ở vào buổi giao thời, một thời kỳ quá độ mới, để khôi phục lại một số giá trị tinh thần đã bị hy sinh, bị chà đạp, bị phê phán. Cho nên, tôi rất thông cảm với nỗi lo âu của nhiều người có thiện tâm trong nước, khi người ta nói trở lại về văn hoá. Cũng như thông cảm với nhiều gia đình cách mạng đang viết lại gia phả và dựng lại từ đường để nói chuyện tổ tiên ông bà cũng từng có nền nếp gia phong mãi từ thời vua Lê chúa Trịnh...

Quả thực là giữa những xoay trở của lãnh đạo ở trên, và chụp giựt ở dưới, văn hoá là vấn đề khách quan của xã hội ta. Ngược với lý luận của cả cộng sản lẫn tư bản, văn hoá là yếu tố chi phối rất mạnh mọi sinh hoạt kinh tế và xã hội của đất nước. Vì vậy mà cùng theo chủ nghĩa kinh tế tự do, kinh tế tư bản của Nhật có khác với của Đức, Mỹ, chưa nói gì tới từng xứ Á Châu khác. Và vì vậy mà nếu không có một nền tảng văn hoá vững chắc, lề lối kinh tế thị trường của chúng ta sẽ phát triển theo kiểu hỗn loạn vô tổ chức, và thiểu số quý tộc đỏ có thể sẽ thành giàu sang và ăn nói ngang dọc, trong khi đa số vẫn lầm than đói khổ. Chúng ta không thiếu thí dụ về những nền kinh tế tự do dưới chế độ độc tài tham nhũng chỉ vì người dân và cả tầng lớp trí thức đã mất căn bản văn hoá và quàng xiên chạy theo quy luật thị trường trong lối tính toán tiêu cực nhất.

Nhưng, khi họ tới một chiến lược văn hoá cho đảng, tôi không khỏi rùng mình. Thà là cứ hạ phóng như xưa thì may ra... đèn nhà nào nhà ấy sáng, chứ để đảng vẽ ra con đường văn hoá cho cả nước, thì có khi cả nước đi vào ngõ cụt.

Thực ra, điều lo lắng đó có khi cũng quá đáng. Hiện nay, đảng là một tổ chức cầm quyền khá chặt, mà không lãnh đạo, trong ý nghĩa là đảng không có khả năng vạch ra một dự kiến lớn lao cho dân tộc và huy động toàn dân thực hiện dự kiến cao đẹp đó một cách hài hoà và thanh bình.

Đảng hiện có một thiểu số lãnh đạo vì ở vào vị trí điều khiển guồng máy nhà nước nên phải suy tính mạch lạc hơn những người còn lại; ở ngoài chúng ta lầm lẫn gọi thiểu số này là nhóm đổi mới. Đảng có một thiểu số khác thì lo sợ cho quyền lãnh đạo chính đáng, từ tư tưởng đến hành động, nên có khuynh hướng lui về những lý luận quen thuộc cố hữu; ở ngoài chúng ta gọi là cánh bảo thủ. Đảng cũng còn nhiều nhóm nhỏ phân tán trong những trung tâm quyền lợi, và tùy từng vấn đề mà ngả theo tả hay hữu. Điều duy nhất mà các xu hướng này đồng ý với nhau là đừng để bị mất quyền có khi mất lợi, cho nên họ nhất trí trên mẫu số chung nhỏ nhất. Vì vậy mà xứ sở không thể có một dự kiến lớn và xã hội không thể tiến được.

Trong điều kiện đó, đảng có nói về một chiến lược văn hoá thì cũng chỉ để cho vui, hoặc cho các nhóm thanh toán lẫn nhau về lý luận, chứ có lẽ sẽ còn lâu ta mới thấy thành hình bất cứ một kế sách nào, dù là kinh tế hay giáo dục hay xã hội. Đảng nắm quyền mà lại tách rời khỏi quần chúng, không biết gì về thế giới bên ngoài và xã hội bên dưới, cho nên lãnh đạo còn chưa xong, nói chi tới văn hoá là một vấn đề của nhiều thành phần và nhiều thế hệ cùng phải vun trồng... Sau những tàn phá của đấu tranh và chính trị, tôi e rằng người ta sẽ lại quay về vòng lẩn quẩn khi trông đợi đảng giương ngọn cờ văn hoá và phát động chiến dịch xây dựng nền văn hoá 'đậm đà bản sắc dân tộc' đó. Nếu điều đó là xây dựng 'con người mới xã hội chủ nghĩa', thì con người cũ xã hội chủ nghĩa thời tiền đổi mới sẽ đi đâu? Đây là mối quan tâm thực tế của một số những người đang tự hỏi là đất nước sẽ đi về đâu với lối bóc lột sặc mùi tư bản man rợ của thế kỷ trước ở dưới, được biện minh bởi lý luận xã hội chủ nghĩa công bằng và tiến bộ ở trên.

Người ta càng tự nêu câu hỏi khi thấy rằng người Việt chưa biết nên hành xử thế nào với những yếu tố ngoại nhập: những gì thuộc về nước ngoài là mới, là tiến bộ hơn chăng? Thế còn bản sắc văn hoá và truyền thống dân tộc, chúng có là trở lực cho nhu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá chăng? Mà cái bản sắc văn hoá đó là gì? Chúng ta sẽ khó tìm ra câu trả lời trong những nghị quyết chính thức hay những phát biểu của mấy cái lưỡi gỗ, quen nói theo khẩu hiệu bất cần tới nội dung thực tế. Một cách rất thô kệch, tôi tin rằng văn hóa là kết quả tự phát của một số lãnh vực sinh hoạt như giáo dục, văn học nghệ thuật, kinh tế và xã hội, và nó không thể là sản phẩm dù có thiện chí và khả năng của lãnh đạo chính trị. Bản chất của lãnh đạo chính trị là đóng khuôn văn hoá để tiện việc ổn

định xã hội và nó thường ở vào vị trí đối lập với văn hoá, hơn là lực phát triển văn hoá. Nền văn hoá do lãnh đạo chính trị tạo dựng lên, nếu có, chỉ làm xã hội thêm sơ cứng và không phát triển được; nền văn hoá chính thống đó là phương tiện thống trị, và có thể đã là nguyên do sâu xa khiến dân ta mất chủ quyền vào tay thực dân trong thế kỷ trước.

Tại nước ta, từ hơn nửa thế kỷ nay, cây cổ thụ chính trị đã ớm bóng lên văn hoá, làm văn hoá bị thui chột và tật nguyền như ngày nay. Trong khi lãnh đạo vẫn mơ tưởng rằng văn hoá là cọng rau đảng đã trồng là phải mọc. Cho nên, muốn giúp cho sự hồi sinh và phục hoạt của văn hoá, người ta phải dẹp bớt vùng ảnh hưởng của chính trị. Một cách thiết thực, tôi tin rằng người ta nên khôi phục lạii tinh thần học hỏi để biết yêu cái đẹp vật chất và tinh thần ở ngoài sự phê phán của chính trị. Và chính trị phải coi văn hoá là mệnh lệnh thay vì ngược lại. Trong tinh thần đó, câu nói chiến lược văn hoá tự thân đã là điều phản văn hoá, vì còn nói tới chiến lược là nói tới đấu tranh và lãnh đạo, và càng bức xúc tìm chiến lược văn hoá người ta càng rời xa văn hoá.

Phải chi là các nhà văn hoá, giáo sư hay nhà văn trong nước tự động gặp nhau nói chuyện văn hoá, hoặc than vãn về nền văn hoá dị dạng của thời đổi mãi mà chưa mới, và không cần có sự hiện diện của Ban Tư tưởng Văn hoá Trung ương... may ra ta còn thấy được một chút ánh sáng le lói. Nhưng, làm sao có thể gặp nhau nói chuyện về văn hoá mà không tự nằm dưới lăng kính dò xét của lãnh đạo, vốn đã đặc như đáy chai và tối hơn hũ nút? Mà không có sự hiện diện của mấy ông quan văn hoá thì còn ai dám tổ chức nói năng cái gì? Phải chăng, cái đó cũng là nét văn hoá của những nhà làm văn hóa trong nước?

Khi nghĩ đến cái vòng luẩn quẩn đó, tôi không còn giận anh sinh viên nhẹ dạ đã hiểu lầm về trò rối nước, mà chỉ thấy buồn cho những việc rối nước. Việc rối nước tệ lậu nhất là để cho cái chính trị nhất thời nó tiêu diệt cái văn hoá nhiều đời. Những người ở bên ngoài có điều kiện khách quan để tự giải thoát khỏi lăng kính chính trị nhất thời thì nên can đảm nói ra điều đó thay cho bên trong, chứ không nên hành xử cũng thiếu văn hoá y như cái chế độ đáng bị chê trách kia...❐

Nguyên nhật tống hữu chi Nũu Ước

Tống quân ngã cảm lạc hoa hận
Hồng trang dối ẩm tuyết phân phân
Xuân nhật hốt văn Chiết liễu khúc
Sơn trùng vân diệp cách Sở Tần

Nghĩa:

Ngày Tết, tiễn bạn đi Nũu Ước

Đưa người ta cảm sầu hoa rụng
Rượu mời son phấn tuyết rơi rơi
Xuân đến chợt nghe bài Chiết liễu
Núi mây trùng điệp Sở xa Tần

Đàn hương sơn xuân tiết hoài cảm

Bạch vân bạch phát cận bạch âu
Nhất phiến hồng tảo thấp hàn châu
Độc thi hải thượng hoài hương lệ
Tương tri duy hữu Kim cương đầu

Nghĩa:

Đàn hương sơn, Xuân hoài cảm

Mây tóc bạc pho, hải điểu trắng
Đỏ, một cành rong lạnh bãi xa
Thơ ngâm biển vắng tình quê cũ
Biết nhau chỉ một Kim cương đầu

TRẦN HỒNG CHÂU

Đàn hương Sơn (Honolulu) và Kim cương đầu (Diamond Head) là những địa danh quen thuộc ở Hạ Uy Di

Trích Tiên

Tâm Thanh

Căn cứ không quân Banak trong một ngày hè uể oải. Dưới nắng chói chang, đường bay trải dài loang loáng như có ai khéo tạt một vũng nước vuông vức ra tận vịnh Porsangen. Ba dãy trại sơn trắng, ghép thành hình chữ U nằm buồn như chợ chiều. Cái hăng-ga khổng lồ đóng cửa im ỉm. Tôi ngồi "gác kiểng" trên đài quan sát, mường tượng cảnh những chiếc máy bay F-16, F-5 tấp nập lên xuống hồi Nato còn đóng ở đây. Bây giờ chỉ còn đàn hải âu lười biếng lượn trên bầu trời trong. Giá tôi có thể thả cho đời trôi như thế. Tiếng chuông điện thoại reo. Tôi hấp tấp bắt máy:

- Đài quan sát, phi trường Banak, tôi nghe đây ạ.

- Thân đấy hả? Nghe đây: Có một người Việt Nam, đang ở phòng cảnh sát Tana, không biết một chữ Na-uy. Họ cần người dịch. Cậu có muốn giúp họ không?

Tôi nói như trẻ con xí đồ chơi:

- Dạ, muốn chứ, thiếu tá.

- Muốn chứ -ông thiếu tá nhái, rồi tiếp- Nửa giờ nữa có người lên gác thế, anh xuống văn phòng gặp tôi. Có trực thăng tới đón.

Bỏ điện thoại xuống, tôi mới bắt đầu tự hỏi: tại sao lại có người Việt nào lạc loài lên miền địa đầu giới tuyến này? Tưởng chỉ có mình tôi điên. Chắc là một du khách người Việt đi coi mặt trời đêm, quên đường về? Hay là một người từ Nga nhảy rào xin tịn nạn chính trị? Ôi! Nếu là một vụ tị nạn thì thật hấp dẫn. Tôi nhìn cây kim đồng hồ treo dưới chân dung Vua Harald nhích đi chậm chạp.

Tôi thay đồ dân sự xong lên trình diện. Ông thiếu tá thấy vẻ hăng hái khác thường của tôi, tò mò hỏi:

- Tại sao anh -tay tổ làm biếng- lại sáng mắt lên nhận việc này?

- Lâu quá tôi không được gặp người đồng hương.

Vâng, tôi đang phục vụ ở một nơi hẻo lánh cỡ như Lạng Sơn của Việt Nam, nhưng trong vòng 1000 cây số hình như chỉ có một người Việt. Và lý do tôi vận động đi quân dịch, mặc dầu đã quá tuổi bắt buộc, là vì sau khi ra trường, tôi xin việc mấy chục chỗ không được, đâm buồn chán, trống rỗng, muốn đi thật xa một phen. Hơi quá xa.

Từ bãi trực thăng đi vào phố chỉ chừng 2 km. Tana là một xã nhỏ cực bắc của Na-uy, giáp giới Phần-lan, và là một trong những con đường chính từ Nga sang. Từ vài năm nay, mùa hè ở đây tràn ngập du khách, nhiều nhất là người Nga và Phần-lan. Người địa phương, phần đông là thổ dân Same, nghe nói cũng giòng giống Mông-cổ, nhưng so với dân Viking, không gần gũi với tôi gì hơn. Xe chở tôi chạy qua một khu chợ trời náo nhiệt. Sau ngày Liên bang Xô-viết sụp đổ, người Nga tuôn cả núi quân nhu, quân cụ ra bán. Nào là "mũ nơm gà" Hồng quân Liên xô, huân chương, áo giáp, ống dòm, la bàn, nào là quần áo nhà binh, tượng Lê-nin, Xít-ta-lin, bao cao-su ... được bày la liệt trên lề đường, như một cuộc chiến vừa tàn. Ở vài góc đường, những cô gái Nga -rất dễ phân biệt với gái Na-uy nhờ nét mặt thanh tú, thân người thon nhỏ- ăn mặc phong phanh, mời mọc. Có lẽ đây là mấy cô mà bọn con trai trong trại thường to nhỏ, xuýt xoa mỗi lần đi phép về, và ông thiếu tá cũng đã cảnh cáo, nhưng vẫn không yên tâm, bắt cả trại thử máu thường xuyên.

Ty cảnh sát nằm sau nhà thờ. Người đón tôi là một ông trung sĩ cảnh sát, nhưng người điều tra lại là một cô sĩ quan xinh đẹp, tóc ngắn, da dẻ đỏ như đồng, chắc suốt mùa hè này chỉ tắm nắng. Cô tự giới thiệu là Marianne. Vào phòng thẩm vấn, tôi vừa ngạc nhiên vừa mừng, không hiểu tại sao, khi thấy "đối tượng" thông dịch là một cô gái. Cô đang ngồi quay lưng về phía cửa ra vào, khi cô đứng lên, quay lại, tôi hoa cả mắt vì vẻ đẹp khác thường. Bị hớp hồn, tôi mở lời bằng một câu u mê:

- Cô người Việt?

Nàng cũng thẫn thờ:

- Anh người Việt?

Trong lúc chờ Marianne tìm thêm ghế, tôi nhìn trộm đôi môi hồng vừa thốt ra những âm hưởng Hà Nội ấm và sang, và nghĩ cái câu *"Anh người Việt?"* có thể dùng để chào nhau, thay cho câu *"Bác xơi cơm chưa?"* của miền bắc Việt Nam. Khi người nữ sĩ quan cảnh sát bắt đầu gài mẫu biên bản lấy cung vào máy đánh chữ, tôi hiểu đây không phải chỉ là vụ cớ mất bóp hay du khách lạc đường, và trong tâm trạng của một người chín tháng nay chưa thấy mặt người Việt Nam, tôi nghĩ bụng cô gái xinh đẹp này ... oan, dẫu chưa biết sự cố liên quan tới việc gì. Người sĩ quan bắt

đầu:

- Cô tên gì?

- Natasja Jakusjok.

Tôi không nghe kịp tên họ, phải chìa tờ giấy, xin cô gái viết. Trong lúc Marianne so mảnh giấy cô gái viết với tờ thông hành, tôi so nét mặt thuần túy Việt Nam với cái tên Nga Natasja, lòng đầy nghi hoặc. Marianne tiếp:

- Cô sang Na-uy làm gì?

- Du lịch.

- Từ bao giờ?

- Chiều thứ sáu.

- Bằng phương tiện gì?

- Xe buýt.

- Khởi hành từ đâu?

- Murmansk.

- Ai mời cô sang Na-uy?

- Tôi tự sang.

- Không có ai từ Nga tự sang Na-uy được. Phải có người từ Na-uy mời, lãnh sự quán của chúng tôi ở Murmansk mới cấp phép nhập cảnh.

- Tôi mà được *mời*?

Marianne tỏ vẻ nửa ngạc nhiên, nửa thất vọng. Tôi tự nhiên đâm thông minh hơn thường lệ một chút, dịch chữ ""mời'' thành ""bảo lãnh'', và nhắc lại câu hỏi. Quả nhiên người đồng hương hiểu ý, trả lời:

- Tôi không biết tên người bảo lãnh.

- Cái tên đó cô phải biết để viết đơn xin chiếu khán.

- Tôi không viết đơn.

Marianne như sắp chụp được con mồi:

- Đó. Tôi muốn hỏi người nào viết đơn giùm và tổ chức chuyến đi cho cô?

- Tôi không biết. Tới phiên thì tôi mua vé xe. Người bán vé chỉ cho tôi đi xe nào, tôi lên xe đó.

Người nữ cảnh sát thất vọng, xoay mặt lại cái máy chữ từ nãy đến giờ nằm thất nghiệp, lùa tay vào mái tóc nâu. Tôi quay sang Natasja. Tia mắt tôi chạm phải bàn tay cô trắng nuột nà đặt trên đùi, tôi quay đi chỗ khác. Nhưng rồi trong lúc dịch tôi không thể tránh nhìn vào một trong hai người. Tôi nảy ra một so sánh: lúc mới gặp cô cảnh sát, tôi thấy cô đẹp như một nữ tài tử đóng trong các phim James Bond; lúc này ngồi cạnh cô gái Việt, cô trông như một nữ tì. Nhưng người "nữ tì" đã quay phắt lại, nghiêm nghị, dằn từng tiếng:

- Chúng tôi bắt được quả tang cô bám dâm.

Tôi hụt hẫng, bàn tay co giật, loại co giật mà tôi thường gặp khi rơi từ cơn chập chờn vào giấc ngủ sâu, hoặc như khi đi đường băng trơn với em gái, mà nó bị trượt. Tôi sượng sùng, dịch "bán dâm" thành "tiếp khách". Nhưng hai tiếng này cũng đủ như một tảng đá tròng vào cổ, cô gái Việt cúi đầu xuống. Đầu tôi cúi theo. Một tiếng nhỏ, khàn đục bật ra từ khóe môi lợt lạt:

- Phải ...

Cô thú nhận với người cảnh sát Na-uy, nhưng theo thói quen, cô quay sang người thông dịch tội nghiệp. Mắt cô mở lớn, trong vắt, van lơn. Lồng ngực tôi đòi lấy hơi để trút một tiếng thở dài, nhưng tôi cố nín, và càng khó chịu hơn. Và khoảng cách giữa tôi và người con gái đồng hương trở nên bồng bềnh như một mạn thuyền với một cánh bèo trên biển sóng, lúc xa, khi gần. Tôi không làm nghề thông dịch, nhưng hồi còn đi học, thỉnh thoảng tôi có đi dịch để kiếm tiền tiêu vặt. Trước khi được nhận làm, tôi phải học mấy giờ về luân lý chức nghiệp. Hình như tôi nhớ được đôi điều, và bây giờ tôi nhủ lòng mình "Đây không phải việc của tôi". Cuối cùng cô gái "Natasja" tiếp:

- Nhưng ... luật pháp Na-uy không cấm việc này ... có phải không?

Phản ứng bớt buông xuôi của Natasja khiến tôi ngạc nhiên. Marianne nghe vậy, lại trở nên hăm hở:

- Đúng. Luật pháp Na-uy không cấm việc mãi dâm, nhưng cấm hoạt động ma cô. Chúng tôi cần biết ai làm ma cô cho cô?

- Không ai làm ma cô cho tôi cả.

- Thôi. Xin hỏi câu khác: Cô vừa nói luật pháp Na-uy không cấm mãi dâm, mà cấm ma cô. Ai nói cho cô biết điều này vậy?

- Bạn bè.

Quanh đi quẩn lại, rõ ràng là cô cảnh sát chỉ muốn tóm cổ mấy thằng ma cô. Nhưng có gái giang hồ nào giám chỉ điểm ma cô của mình? Hôi nãy khi đi qua khu chị em ta, tôi cũng thấy những bộ dạng khả nghi, chẳng phải người địa phương, cũng chẳng phải du khách hay người thập phương tới buôn bán. Cảnh sát cũng dư biết như thế, có lúc gặp tên ma cô nhâng nháo quá, họ ngứa mắt quá, đã bắt thử, nhưng rồi luật pháp buộc phải thả. Cơ hội duy nhất cho biện lý cuộc là lời khai của các cô gái giang hồ. Nhưng các cô ấy, nhất là cô gái lạc loài ngồi trước mặt tôi đây, làm sao dám nói? Tôi ngước lên nhìn Natasja, gặp đúng lúc cô cũng ngước lên nhìn tôi - trong đôi mắt thăm thẳm diệu vợi ấy cô đang chới với. Marianne dòm lăm lăm vào tờ biên bản gài trên máy chữ như để moi ra câu hỏi mới. Cuối cùng cô ta chuyển đề tài:

- Cô có quốc tịch Nga, nhưng sanh tại Việt Nam?
- Vâng
- Cô lấy chồng Nga?
- Vâng.

Marianne ráng tỏ ra kiên nhẫn:

- Cô Natasja ạ, chúng tôi không bao giờ làm gì hại cô. Chúng tôi chỉ muốn biết tên và có bằng chứng truy tố bọn ma cô. Vậy cô cứ nói cho tôi biết ai đã đưa cô tới đây?

Natasja ngơ ngác:

- Đưa tới đâu cơ?

Marianne nói muốn nghỉ giải lao mươi phút, trong khi đó tôi phải ra văn phòng làm thủ tục tính thù lao. Marianne gặp tôi ở phòng khách lúc tôi định lấy tách cà phê cho tôi và có lẽ một tách cho co gái. Cô hỏi chuyện lính tráng của tôi, về người tị nạn Việt Nam ở Na-uy. Câu chuyện lan man sang việc, vào năm 93, cô tham gia chiến dịch vĩ đại chuẩn bị cho trường hợp một triệu người Nga tràn vào Na-uy tị nạn chính trị hoặc nạn đói. Một nhà báo nổi tiếng dí dỏm gọi chiến dịch đó là *"cuộc chuẩn bị đón tiếp các công dân của Thiên Đường đổ vỡ"*. Việc đó may không xảy ra, nhưng lại xảy ra một cuộc xâm thực dưới hình thức khác. Cô hỏi tôi có biết về các tệ nạn biên giới? Tôi nói có đọc loạt phóng sự của nhật báo Aftenposten và Verdens gang về việc người Nga sang đây buôn bán ma túy, rượu mạnh, quân nhu quân dụng, và mãi dâm. Tôi hỏi:

- Nghe nói có thể mua bất cứ thứ gì?
- Đúng. Từ sau khi Liên-xô sụp đổ, người ta có thể mua mọi thứ, thứ dữ như bom nguyên tử, súng máy, xe tăng, tầu ngầm... Thứ hiền như đồ chơi. Đồ chơi rẻ tiền có huân chương Anh hùng Liên-xô, huân chương Lê-nin, Anh hùng dân tộc, Anh hùng lao động. Và đồ chơi đắt tiền là các cô này.
- Bao nhiêu mà đắt?
- Từ 200 tới 500 kroner một đêm.

Tôi nghĩ tới Natasja. Theo cái giá mà văn chương Trung Hoa và Việt Nam đề ra, cô ta phải đáng "ngàn vàng" là ít. Tại sao xuống tới mức này?

- Giá đó tương đương với 2 tới 5 giờ làm việc của một người thợ Na-uy. Có gì mà gọi là đắt?
- Chỉ một cuối tuần các cô gái buôn hương kiếm được số tiền bằng lương một năm của một người thợ trung bình ở Nga.
- Vậy sao quí vị không để cho người ta kiếm ăn?
- Chúng tôi không muốn làm khó dễ các cô gái. Chỉ muốn trừ khử

bọn ma cô.

- Nghĩa là nếu các cô ấy làm ăn độc lập thì được phép?

- Được.

- Cô thử hỏi cô gái tại sao không làm ăn độc lập?

- Cần gì hỏi. Tôi biết họ không thể nào làm ăn độc lập được. Người dân Nga tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa. Họ vừa thoát ách độc tài cộng sản, đã rơi vào nanh vuốt Mafia. Báo cáo của hội đồng an ninh kinh tế (NSR) cho biết 4/5 xí nghiệp Nga phải trả tiền bảo vệ cho Mafia. Ta không cần hỏi đồng hương của anh câu đó.

Marianne nhìn đồng hồ, ý muốn chấm dứt giờ giải lao, nhưng lại đứng thêm một lát hỏi về người Việt ở Nga. Tôi không biết gì ngoài những bài phóng sự về tình cảnh những người được chính quyền Việt Nam gởi đi nước ngoài lao động trả nợ chiến tranh, và công thức trả lương: một phần phát cho công nhân, một phần Nhà Nước Việt Nam "lấy thảo''. Sau đó khi bức màn sắt sụp đổ, nhiều người ở lại phải xoay xở chật vật để sinh sống, kể cả việc phi pháp và mãi dâm.Và tới phiên người khác lấy thảo.

Tôi mang cà-phê vào cho Natasja, nhưng cô để nguội tanh không uống. Marianne tiếp tục lại cuộc thẩm vấn. Nhưng câu chuyện về sau biến thành một cuộc mạn đàm nhiều hơn. Sau cuộc thẩm vấn, Marianne tự động nói với tôi:

- Chắc anh muốn nói chuyện riêng với người đồng hương? Cứ ngồi đây mà nói. Anh không phải thông dịch viên chính thức, chúng tôi nhờ vả anh trong trường hợp đặc biệt, nên đền công đặc biệt. Nhân tiện, tôi nhờ anh nói cho cô ấy biết theo luật pháp Na-uy cô ấy không làm điều gì bậy cả. Cô ấy đẹp và hiền quá.

Tôi ngồi lại, không hiểu vì động lực nào - vì tò mò hay tội nghiệp, vì đây là một người con gái đẹp hay một đồng hương? Marianne đã khép cửa văn phòng lại. Bỗng nhiên tôi hoang mang, không biết tại sao ngày hôm nay, giờ này mình ngồi đây với một cô gái lạ. Tôi nghĩ có thể Natasja cũng có cảm giác đó, khi cô loay hoay sửa lại thế ngồi, rồi lại trở về thế cũ. Gò má cô từ từ ửng hồng. Cô mở lời rụt rè:

- Anh là người tị nạn ra đi từ miền Nam?

- Dạ.

- Nghe cách ăn nói đủ biết.

- Còn cô? Chắc từ Hà Nội?

- Vâng.

- Nghe giọng nói đủ biết.

Lần đầu tiên chúng tôi cùng cười nhẹ. Cô tiếp:

- Ở đây đông người Việt không?

- Chỉ có mình tôi đi quân dịch lên đây. Cách đây 500 cây số có một ông bác sĩ lên phục vụ để lấy thâm niên. Ngoài ra nhóm người Việt gần nhất ở cách đây chừng 1000 cây số.

Khi nêu những khoảng cách xa xăm, bỗng tôi cảm thấy cô gần lại một chút. Cô nói, do dự:

- Tôi ... e..m tên Quỳnh Hương.

- Tên đẹp quá. Tôi tên Thân.

- Anh có trách em không?

- Tại sao lại trách?

- Em làm xấu hổ chung.

Tôi cảm thấy mình vụng về, không tìm được lời, chỉ biết nói:

- Cô cảnh sát nhắn tôi nói lại: Cô không làm điều gì bậy cả, theo luật pháp Na-uy. Cô ấy còn khen chưa thấy ai đẹp và hiền như cô.

"Chưa thấy ai'' là ba chữ quá giang, nhưng thực tình không quá tải. Quỳnh Hương cảm động, nét mặt bớt căng thẳng. Nhưng giữa chúng tôi có cái gì thiếu tự nhiên, câu chuyện không hào hứng như tôi tưởng tượng lúc ngồi trên trực thăng đáp xuống Tana, và nhất là giây phút đầu tiên thấy mặt cô gái.

Vì lịch sự tôi vẫn cho cô địa chỉ và số điện thoại, dặn cần gì có thể liên lạc. Tôi ra ngoài móc hết tiền bạc trong túi -hình như dăm trăm- bỏ vào một phong bì, viết mấy chữ an ủi nhờ Marianne đưa cho cô gái.

Quỳnh Hương thất thểu theo một người nữ cảnh sát khác ra khỏi bót. Tôi đứng nhìn cô đi về phía nhà thờ, lủi thủi. Tôi tưởng tượng ra cô gái làng chơi Magdalena trong Thánh kinh trên đường đi tìm Chúa Giêsu để thú tội.

Nhưng cô có tội tình gì? Câu hỏi thành hình từ khi tôi ngồi lên trực thăng, và nó cứ lớn dần từng ngày khi tôi trở về trại. Tôi càng mong đợi càng bặt tin Quỳnh Hương. Tôi đinh ninh thể nào cô về cũng viết thư ngay cho tôi để cám ơn nghĩa cử, để tôi có thể nói những lời tốt đẹp, kể cả lời hứa giúp đỡ. Tôi còn tưởng tượng ra câu chuyện về một chàng thanh niên hào hoa, đóng ở "tiền đồn heo hút'', tình cờ gặp một cô gái giang hồ và cảm hóa được nàng đi tu thành ma sơ thánh thiện. Không ngờ một tuần, hai tuần, rồi một tháng trôi qua, không có tin cô. Rõ ràng cô đã nhét địa chỉ tôi cho vào bóp. Ngoài ra, trên phong bì tiền tôi cũng quen tay ghi tên và địa chỉ một lần nữa.

Chờ đợi, băn khoăn, cuối cùng là hối hận. Tôi đã quá lạnh lùng, đã thay đổi thái độ quá nhanh từ trước và sau khi biết cô là gái giang hồ. Tất

cả chỉ xảy ra trong lòng tôi, nhưng tránh sao cô chẳng linh cảm được. Nét mặt thông minh ấy. Vì tiềm thức trịch thượng, tôi không nghĩ tới việc xin địa chỉ cô.

Năm tuần sau, tôi nhận được lá thư đóng dấu bưu chính Murmansk. Tôi mừng như được thư người tình, leo lên tháp canh đọc cho ... thấm. Nhưng đọc thư xong tôi vô cùng thất vọng. Nét chữ xấu xí quê mùa, lời lẽ tình nghĩa giả tạo, kết luận xin gởi tiền về địa chỉ v.v. Tôi nổi giận, xé lá thư vất vào sọt rác. Không thể ngờ được bộ mặt xinh đẹp như thế lại mang tâm hồn bần tiện như vậy. Dù cố thử biện hộ cho cô gái bằng lý luận "cái khó bó cái khôn'', tôi chán ghét cô gái, chán ghét tình đời, tôi chán ghét cái vùng đất mất hết tình người. Đau nhất là con người lãng mạn của tôi bị "quê'' nặng quá. Hết phiên gác, việc đầu tiên là tôi về phòng để hủy cái dấu vết cuối cùng về cô gái bất xứng - miếng giấy viết hai chữ Natasja Jakusjok. Đó là miếng giấy mà cô gái viết tên trong bót cảnh sát, đi dịch về tôi gắn trước bàn viết để kỷ niệm. Nhưng khi tôi gỡ miếng giấy, cầm trên tay, bỗng tôi giật mình - nét chữ này thanh cảnh tinh anh, khác xa một trời một vực với nét chữ trong thư tôi vừa nhận được. Tôi tức tốc chạy lên đài quan sát, lục lại lá thư bị xé. Chẳng cần so lại tuồng chữ, tôi cũng biết thư này không phải do Quỳnh Hương viết. Tôi "sang'' hết mấy lời xỉ vả hồi nãy cho bọn bất lương, và bắt tay vào việc tìm tung tích Quỳnh Hương.

Sau buổi thông dịch, tôi thỉnh thoảng có điện thoại cho cô cảnh sát Marianne, vừa để tán gẫu chơi, vừa thăm dò xem "ngựa có về đường cũ không''. Bây giờ muốn biết địa chỉ thật của Quỳnh Hương tôi chỉ việc hỏi Marianne. Nhưng tôi không được phép làm như vậy. Tôi thử làm điệp viên si tình một phen. Một mặt tôi ra ngân hàng gởi 300 kroner cho bọn làm tiền, tất nhiên dưới tên Natasja Jakusjok. Na-uy đang mở rộng việc làm ăn với Nga, để biến đổi bán đảo láng giềng Kola thành một vùng bớt nghèo đói và ô nhiễm, nên có rất nhiều hãng xưởng và ngân hàng Na-uy mọc lên hai bên đại lộ Lê-nin. Tôi chọn gởi tiền qua ngân hàng Kirkenes, vì nó nằm đối diện với một khách sạn. Gởi tiền đi hôm trước, hôm sau tôi đáp xe đò đi Murmansk và thuê khách sạn đó, phòng có cửa sổ quay ra mặt đường. May mắn quá mong đợi, ngày rình chực thứ ba tôi đã thấy bóng Quỳnh Hương ra ngân hàng. Tôi không cần ngụy trang nhiều, chỉ cần cái quần soọc, cái mũ lưỡi trai, và cái máy Nikon là ra dáng một anh triệu phú Nhật Bổn rồi. Phải thêm cái kính mát to để che mặt. Vào ngân hàng tôi đứng xa xa, thấy Quỳnh Hương đang xếp hàng quay lưng lại, tôi cẩn thận không lộ diện, nhỡ có tên cô hồn nào đi kèm nàng không. Khi nàng lãnh tiền xong quay ra, tôi đau nhói tim thấy mặt nàng tiều tụy, và

có vết bầm xanh. Một tên đàn ông mặt mũi bất lương ở đâu sán lại kè nàng, chưa ra khỏi cửa, nó đã giằng lấy tiền, chửi thề "Đ.M. có mấy đồng ranh mà nàm nhọc công ông''. Quỳnh Hương không trả lời, tôi lén theo dõi hai người, nhưng tới ngã tư thì họ lên một chiếc xe hơi do người thứ ba lái chạy mất tăm, tôi đón taxi không kịp.

Tôi thất vọng trở về Na-uy, viết thư làm bộ nói nhớ thương Natasja và mong gặp nàng, bóng gió cho biết sang sẽ dễ dàng mang tiền về hơn.

Nàng sang thật. Vết bầm trên mặt đã biến mất, nhưng vẫn còn tiều tụy. Tôi đưa nàng thẳng vào một khách sạn đàng hoàng cho nàng nghỉ ngơi. Chúng tôi ăn ngay trong khách sạn. Nàng ngạc nhiên vô cùng khi tôi nói tôi biết hết trò giả mạo thư và làm tiền của bọn vô lại. Nhưng tôi thắc mắc:

- Tại sao chúng biết cô có liên hệ với tôi?

- Em vừa từ biên giới về, chúng nó lục lọi khám xét ngay, và tất nhiên thấy phong bì tiền của Anh cho, địa chỉ nằm đó. Chúng bắt em viết thư vòi tiền, em không làm, chúng đánh đập, bắt trở lại đứng đường. Em xin làm mọi việc trâu ngựa để hầu hạ cả bọn miễn đừng bắt em làm việc đó. Chúng chấp thuận nhưng vẫn giả mạo thư tống tiền Anh. Em xấu hổ quá.

Tôi hỏi một câu mà định hỏi mấy lần nhưng chưa có dịp:

- Cô sang Nga theo diện nào?

- Nghiên cứu sinh. Nghiên cứu sinh sử học.

Tôi kinh ngạc:

- Nhà Nước Việt Nam gởi đi?

- Vâng.

- Xong tiến sĩ chưa?

- Thưa, rồi ạ.

- Vậy cô chỉ việc trở về phục vụ đất nước.

- Trễ rồi.

- Sao vậy?

- Truyện dài lắm. Em chỉ vắn tắt thế này: Khi em đang chuẩn bị về nước, thì bố em bay sang nói bất cứ giá nào đừng về.

- Tại sao vậy? Ở Việt Nam bây giờ thay đổi khá lắm, và bắt đầu đãi ngộ những người có trình độ.

- Lợi dụng thì có, đãi ngộ không.

- Ngoài ra bố cô nêu lý do gì để khuyên cô đừng về nước?

- Là lý luận gia lâu năm của Đảng, khi thấy bức tường Bá-linh rạn nứt và thiên đàng Liên-xô sắp bốc lửa, Bố em dự kiến Đảng cộng sản Việt

Nam sẽ biến từ một tổ chức cách mạng thành một guồng máy tư bản.

- Vậy càng tốt chứ sao?

- Anh không hiểu đâu, cũng như em hồi đó không hiểu. Vì thế Bố phải đích thân bay sang. Gặp Bố em vừa mừng vừa ngạc nhiên hết sức, nhưng run sợ khi ông nói nước Việt Nam sẽ không còn là nơi dung thân của con người nữa.

- Sao vậy?

- Bố hỏi em "Chị xem - cái thiên đàng kiểu mẫu mà sắp sụp đổ nay mai, thì cái thiên đàng mô phỏng sẽ ra sao?" Em không trả lời, bố nói "Các ông ấy là những kiến trúc sư chuyên vẽ thiên đàng. Kiểu này đổ vẽ kiểu khác. Mà mỗi lần đổ, mỗi lần đổi kiểu là hàng vạn người chết vì cột kèo đè." ... Bố em về, tự vẫn chết, để họ không còn gây sức ép với em được, trước khi bị cột kèo đè.

Nghe đến đây, tôi lạnh toát xương sống, khô cổ họng, mãi mới thốt lên được câu gần như vô nghĩa:

- Khủng khiếp quá!

Quỳnh Hương mím môi để khỏi bật ra tiếng khóc, nhưng giọng ướt lệ:

- Người ở ngoài không hiểu nổi sự khủng khiếp tới mức nào đâu. Người trong cuộc, đa số khi hiểu thì trễ quá rồi.

- Với cô, có quá trễ chưa?

- Em không biết. Nhưng để em kể em đã sa xuống chỗ nào. Lúc đầu em may mắn trên con đường tị nạn. Ông giáo sư đỡ đầu cho em li dị vợ để cưới em. Anh đừng trách em. Vì ông ta li dị xong mới cho em biết đã có vợ và mới li dị. Ở Nga, li dị là chuyện cơm bữa, cũng như chuyện trai gái chung chạ. 30% các cặp vợ chồng li dị. Việc làm tình hổ lốn trở thành phổ thông là vì tình trạng ăn chung ở chạ, nhà cửa chật chội. Chồng em là một tên ghiền rượu, đánh đập em mãi, em vẫn chịu đựng được. Nhưng hai ba lần em bị anh họ chồng, em chồng, rồi cả bố chồng cưỡng hiếp, thì anh bảo sao em chịu được? Em phải ra đi, và sa vào tay Mafia.

Chúng tôi im lặng uống một thứ rượu kem gì đó khá ngon. Tôi quyết định ngày mai ra lãnh sự quán bí mật làm giấy bảo lãnh cho Quỳnh Hương sang Na-uy. Điều làm tôi do dự là cái giấy hôn thú. Khuya chúng tôi trở lên phòng ngủ. Tôi đắp mền cho Quỳnh Hương như một đứa em gái và nói:

- Ngủ ngon. Đừng mộng mị gì cả, dù thiên đường.

Quỳnh Hương sang chơi Na-uy lần kế tiếp vào ngày lễ Sankt Hans, ngày dài nhất, đúng hơn, không có đêm. Nàng từ xe buýt Murmansk bước xuống, ăn mặc đơn giản, càng xinh đẹp hơn. Nàng tha thướt đi giữa những

huân chương và mũ áo Hồng quân bên vệ đường, tàn tích của một thiên đường vừa đổ vỡ, diễm lệ như một nàng tiên, tôi đặt tên cho nàng là "Trích Tiên". Khi tôi nói ra, nàng cười tươi, chấp nhận.

Từ đó cuối tuần nào nàng cũng qua. Thường tôi đưa nàng về căn chòi thuê của xã ở sườn núi trông ra biển, rất thơ mộng. Từ mùa thu không còn mặt trời giữa đêm nữa, nhưng rừng thu biến thành những tảng màu đỏ, vàng tuyệt diệu. Vài cánh buồm trắng nhẹ trôi trên mặt nước xanh lộng bóng núi. Ban đêm trời trong, trăng sao vằng vặc chiếu xuống vịnh bao la. Chúng tôi ngồi bên nhau ngoài hiên nói chuyện tới khi sương ngập thềm. Tôi gọi căn chòi này là "Động Tiên", muốn vĩnh viễn ở lại không về trần gian. Nàng "trích tiên" thỉnh thoảng lại khóc làm tôi lo lắng. Nhưng nàng nói:

- Xin lỗi Anh, em khóc chỉ vì quá hạnh phúc.

Tôi uống những giọt hạnh phúc này từ mắt nàng, và nói:

- Đây là nước mắt hạnh phúc. Nhưng nước mắt đau khổ của Em, anh cũng xin uống.

Chúng tôi chỉ ước có phép mầu cho thời gian và không gian ngừng ở đây.

Lạ lùng là những lúc tôi gần gũi Quỳnh Hương trên chòi nghỉ mát, tôi chỉ say sưa nhìn ngắm, lắng nghe, ngửi hương nàng, không xàm xỡ. *Tôi sống sự hiện diện nàng*. Sự sống nồng nàn, ngây ngất mà thanh khiết. Tạo hóa đã khắc cho nàng một chân dung kỳ diệu - từng nét thì đối chỏi mà toàn thể thì hài hòa. Các nhà giải phẫu thẩm mỹ không bao giờ làm được như vậy. Chỉ có Nhà Điêu khắc tối cao, thừa thương yêu và tinh quái mới nắn nên khuôn mặt và thân thể Quỳnh Hương - để tặng riêng tôi, cho riêng mỹ cảm mà Ngài tạo cho tôi. Và Ngài gởi tặng phẩm tới cho tôi qua con đường sầu thảm quá. Con đường các phép lạ thường đi.

Khốn nạn thân tôi (tiếng Bắc của Quỳnh Hương), nỗi đam mê lành thánh kia, tôi chỉ giữ được khi có sự hiện diện của nàng. Khi nàng qua lãnh thổ Nga, tôi trở về trại Banak, thì xác thịt tôi giần vặt, réo gọi. Tôi quằn quại trong giường lính độc thân, thèm khát thân hình nuột nà cô gái giang hồ Natasja. Xác thịt tôi trách móc tôi đã dại dột bỏ qua cơ hội nọ, cơ hội kia trên Động Tiên. Cho tới khi tôi ngủ thiếp đi. Có vài lần trong mơ . . . Nhưng thường trong mơ tôi thấy nàng Trích Tiên mặc áo dài trắng tinh khiết trồi lên từ giòng nước trong xanh vẫy gọi tôi. Phải chờ tới buổi sáng, khi mặt trời mọc, rọi sáng vào những góc tăm tối trong tâm hồn, tôi mới thực tỉnh táo, và hãnh diện cuối tuần trước mình đã giữ mình đứng ngoài cái giòng đục lềnh bềnh những xác bố chồng, xác anh, xác em chồng nàng, và những thiên đường mà nàng đang vùng vẫy thoát ra. Đúng hơn,

chúng đẩy nàng ra như một vật lạ trong cơ thể.

Chỉ có một lần tôi táo bạo, khi tôi đưa nàng đi thăm Nordkapp. Nordkapp hay "Mũi Bắc" nằm trên vĩ độ cao nhất nước, có lẽ là kỳ quan Na-uy thu hút nhiều du khách nhất. Mỗi năm, hàng vạn người từ khắp thế giới, nhất là Nhật, Đức, Mỹ mua vé máy bay lên đây, chỉ để coi mặt trời đêm. Lúc tôi đưa Quỳnh Hương đi thăm Mũi Bắc, trời đã sang đông, không còn du khách nào nữa, cũng không còn mặt trời đêm. Tôi nắm tay Quỳnh Hương đứng trên ghềnh đá vách dựng đứng. Nước biển vẫn thăm thẳm. Gió lạnh buốt. Nhưng chúng tôi càng thích thú. Bỗng nhiên, mây trên trời biến thành màu xanh như lân tinh, và quay tít như đèn kéo quân, hào quang lấp lánh rực rỡ, những luồng điện nổ tí tách trong mây như hàng ngàn tràng pháo chuột ngày Tết. Quỳnh Hương kinh sợ nhưng lại reo vui vì có tôi bên cạnh. Tôi giải thích:

- Đó là nordlys (bắc quang). Hiện tượng huy hoàng này không phải lúc nào cũng xảy ra. Hôm nay nó xảy ra đúng lúc Em tới đây. Đó là dấu hiệu Trời cũng muốn chào đón Em đó.

Quỳnh Hương tựa lưng vào ngực tôi. Giọng nàng mật ngọt:

- Còn Anh, Anh cho em dấu hiệu gì?

Không cầm lòng được, tôi xoay người nàng lại, và hôn vào đôi môi nồng nàn. Đó là lần đầu tôi hôn một người con gái. Trên mỏm đá lịch sử Nordkapp, dưới ánh bắc quang.

Chỉ còn một tháng nữa là Tết ta. Thu An gọi điện thoại nhắc thế nào tôi cũng phải xin về phép cho đúng ngày Tết. Thay vì nói trong điện thoại, sợ không đủ mạch lạc và không đối đáp được con em lí lắt, tôi viết cho nó một thư dài 6 trang trình bày ý định mời Quỳnh Hương về Oslo ăn Tết. Tất nhiên trong thư tôi giấu một số chi tiết về thảm cảnh của Quỳnh Hương, nhưng tên "Trích Tiên" thì không thể không khoe. May quá con bé chấp thuận liền, còn hào hứng chuẩn bị đón "chị dâu". Tôi nói tuyệt đối nó không được ... lạc quan. Gia đình chúng tôi đã nhận bao nhiêu tai họa bất ngờ, đúng trong những lúc tưởng là hạnh phước nhất. Tết Mậu Thân Ông Nội đang công tác ngoài Huế bị cộng sản Bắc Việt bắt đi chôn sống, đúng lúc ông được điện tín về mà coi mặt và đặt tên cho cháu đích tôn là tôi; Bà Nội đi bốc xác Ông, về phát điên rồi mất. Năm 75 con Thu An vừa sanh ra, để trong cái biệt thự thơ mộng Ba Má mới mua ở Chí Hòa mấy năm sau "có một tiểu thư ra vào", thì cộng sản tràn vào "giải phóng"; Ba đi tù, Má bị sa thải. Ba trốn học tập về, đúng lúc Má đặt được chỗ vượt biên chính thức, tưởng vĩnh viễn thoát khỏi cái thế giới điêu ngoa, hận thù, gian manh, thì tầu do tỉnh ủy Đồng Nai đóng bị vỡ, Ba Má chết đuối.

Từ đó, cứ thấy bóng dáng hạnh phúc là tôi giật mình. Lần này, với Quỳnh Hương, tôi lại lăn xả vào, không phải như con thiêu thân nhào vào lửa nhan sắc, mà như muối gặp biển mặn. Nàng là hiện thân của tôi -phần nước mắt, và cả gia đình, dân tộc tôi, phần ước mơ và bất hạnh. Tôi đón nhận hết. Một lần, trong Trích Tiên.

Tôi thu xếp cho Quỳnh Hương sang đúng dịp tôi và Thu An nghỉ phép mùa đông. Và để tránh mọi dị nghị, tôi trình bày nội vụ với ông thiếu tá. Ông dễ thương tặng Quỳnh Hương cái vé máy bay. Thu An bày đặt mang hoa ra phi trường Fornebu đón khách. Vừa giáp mặt Quỳnh Hương, nó đã reo ầm lên:

- Eo ơi! Chị Quỳnh Hương đẹp dễ sợ.

Quỳnh Hương bật cười vì những từ ngữ kỳ cục của con bé, cảm động nhận hoa. Tôi giới thiệu với khách:

-Đây là đứa em gái thua tôi tới sáu tuổi, nhưng từ ngày chúng tôi mồ côi, nó nhảy tót lên ngôi chị hai, "kềm kẹp'' tôi từ miếng cơm tới manh áo.

Thu An cong cớn:

- Từ nay em không thèm kềm kẹp nữa, em sắp bàn giao "chủ quyền Trường Sa'' cho người khác.

Quỳnh Hương chỉ biết đỏ mặt. Tôi huých nó một cái làm nó chạy giạt sang bên kia, núp bóng Quỳnh Hương.

- Ê ê! Từ nay có chị Quỳnh Hương che chở, anh Hai không được ăn hiếp em nữa.

Thu An vừa lái xe vừa giới thiệu thành phố cho khách. Chị em nói chuyện líu lo. Tôi ngồi băng sau, nhắm mắt nghe giọng Hà Nội và giọng Sài Gòn quấn quít. Quỳnh Hương như thơ trẻ lại. Tôi ngả người tận hưởng hạnh phúc của một gia đình, lần đầu tiên sau 15 năm cô độc, lạc lõng nơi xứ người.

Đêm giao thừa, cúng vái, ăn cơm xong, Quỳnh Hương dọn trà mứt, Thu An bưng ra một cái bánh bông bơ, thắp 30 ngọn nến. Quỳnh Hương trầm trồ:

- Người Việt tại Na-uy có tục lệ riêng để đón xuân? Đẹp quá!

Thu An trả lời:

- Không phải đâu, chị. Năm nào chúng em cũng ăn Tết, đồng thời mừng ngày sanh anh Hai. Nhưng năm nay đặc biệt hơn, vì đúng năm tuổi của anh Hai.

Quỳnh Hương kinh ngạc:

- Thế tức là Anh sinh năm 1968?

Tôi nói:

- Ừa, năm Mậu Thân.

Thu An hớt:

- Vì thế Ba Má mới đặt tên ảnh là Thân. Ba Má nói "Thân'' đây có hai nghĩa là "yêu mến'', "thân thiện'' chứ không phải "con khỉ''. Nhưng em thấy ảnh "mậu thân'' với em lắm. Từ nay ảnh "mậu thân'' là ảnh chết.

Quỳnh Hương cười ngặt nghẹo. Chưa bao giờ nàng cười nhiều như vậy. Tôi nói:

- Năm đó con khỉ con này chưa sinh ra, sao bây giờ khoọc khẹc dữ vậy?

- Chính anh Hai nghe lóm Ba Má kể rồi khoe với em hết chứ bộ. Cũng như Anh, năm Mậu Thân đâu có biết gì về chuyện Ông Bà Nội, bây giờ cũng kể vanh vách.

- Chuyện gì vậy?

Quỳnh Hương hỏi. Tôi chần chờ. Thu An lần lượt kể về những thảm cảnh gia đình. Thảm cảnh nào nó không trực tiếp trải qua, nó kể lể rành mạch như chuyện cổ tích; đến thảm cảnh Ba bị công an vào nhà còng tay, cảnh đấm đầu thì nó kể lộn xộn như cơn ác mộng. Cuối cùng tôi kết luận một câu mà trong những dịp thiêng liêng thường nói với em gái, như bổn phận nhắc lại một gia qui đơn giản, Quỳnh Hương là người dưng đầu tiên nghe:

- Ba Má chỉ dạy chúng tôi một điều: lòng *trắc ẩn.*

Một làn khói hương từ trên bàn thờ bay là đà xuống đầu Quỳnh Hương. Nàng lên tiếng:

- Hai Bác thật là nhân hậu, từ những khủng khiếp của năm Mậu Thân và bao năm sau đó, chỉ rút ra chữ "Thân'' đặt tên cho con trai và hai chữ "Trắc ẩn'' khắc trong lòng hai con.

Không muốn hai người con gái thấy ngấn nước trong mắt tôi, tôi bèn đứng lên thắp thêm nhang trên bàn thờ ông bà. Nghĩ tới "Trích Tiên'' và mấy chục triệu người đáng thương xót ở ngàn dặm xa, tôi khấn thầm:

"Lạy Trời Phật! Hai chữ *trắc ẩn* Ba Má khắc trong lòng chúng con, cũng là lẽ sống bàng bạc trong lòng Trời Đất. Xin Trời Đất nhỏ xuống lòng mọi người ở bên kia một giọt trắc ẩn. Riêng tình yêu của con dành cho Quỳnh Hương, đã khởi đầu do lòng trắc ẩn, nhưng bây giờ kết thúc là tình yêu. Xin Trời Phật, Ba Má chứng kiến và chúc phúc cho chúng con».

Im lặng một lúc, Thu An hỏi:

- Anh Hai vừa ăn mảnh, lén xin Ba Má thêm cái gì, phải không?

Tôi nửa đùa nửa thật:

- Anh không xin xỏ gì cả, chỉ hỏi ý kiến thôi. Ba tháng nữa anh Hai hết thời hạn quân dịch, và có quyền bảo lãnh một người ngoại quốc sang

thơ ngũ an

1. ngủ một giấc không mộng
tỉnh ra xuân vẫn còn
hỏi thăm hoa lá cỏ
bao giờ xanh nước non

2. về chào nhau năm mới
khi tình đã cũ rồi
ngập ngừng nâng ly rượu
thấy bóng hoa đào rơi

3. chạnh nhớ người năm cũ
thầm gọi giữa mênh mông
một chút tình nhu khói
chiều nao bay qua sông

4. chỉ một lần chia tay
mà bao năm biền biệt
người về ta dâu hay
giữa mộng đời hoang tiếc

5. xanh đi tự thuở nào
hoa tầm xuân lại nở
tình không như ca dao
ngát hương mùa hoa bưởi.

Na-uy. Anh hỏi Ba Má muốn con dâu là một người trần hay tiên.

Quỳnh Hương mắc cỡ gục mặt xuống, trong khi Thu An nhảy lại ôm vai nàng, reo:

- Em thay mặt Ba Má trả lời: Tiên. Trích Tiên!

Nhưng còn Quỳnh Hương, nàng có ưng thuận vào trong cái mà tôi cho là "thiên đường" của chúng tôi không? Một con người suốt đời bị số phận đẩy đưa và người khác định đoạt, lần này quyết định phải thuộc quyền nàng. Vì thế lúc bạn đọc tới giòng này, tôi vẫn đang ở trong giây phút thiên thu chờ đợi nàng trả lời.❐

Xuân Về Giữ Lửa

NGÔ NGUYÊN DŨNG

những ngôi nhà xiêu - đồi sạm nắng
mùa xuân cất tiếng cười hoa đào
thời gian trong vắt - khung kính dọng lắng
chim gõ kiến dụng tổ từ hôm nào

những di dân vừa trở về - hớn hở
nồng nàn hơi thở đại dương và tuyết băng
ác mộng quá khú tuôn theo cánh cửa mở
về sơn lại tường nhà - dắp lại những tháng năm

những hành trình - tay không - đi về đâu
dánh mất nơi nào kỷ vật thơ ấu
quì xuống cỏ - đất phập phồng huyết mạch
những chồi non rạo rực suốt đêm thâu

những mộ tro còn ấm - xòe tay sưởi
bụi mờ gọng kính - mặt bàn bỏ quên
ngày ra đi mua sụt sùi tất tưởi
giờ đứng đấy - lệ ứa giữa giao thừa

những trang thu cất ngăn - chưa hoàn tất
mực lạnh dòng - ý rỗng hoang mang
suốt mùa xuân tìm lại điều đã mất
chữ nhạt nhòa - ghế trống hai hàng

những vòm cây dón - vạm vỡ - ấm áp
bóng mát thênh thang rắc pháo hồng
họ ngồi dó - chỗ này mươi năm trước
người giữ lửa về càng lúc càng đông.

Ngọn lửa nhỏ mùa Đông

Phùng Nguyễn

Tôi gặp Huyên lần đầu trong một tiệc cưới. Huyên đi với chồng, còn tôi thì đi với một người bạn, cũng là em họ của nàng. Tôi vốn không quan tâm lắm về những phụ nữ có chồng, họ không cần sự chăm sóc của tôi! Trong một trong những câu chuyện trao đổi với nhau một cách lịch sự giữa những thực khách cùng bàn, tôi biết dược Huyên làm cùng ngành với mình. Điều này cũng chẳng có gì đặc biệt, và cũng chẳng gây thêm chút chú ý nào ở tôi về người thiếu phụ tên Huyên. Vào lúc cô dâu và chú rể nhảy xong bản nhạc mở đầu cho chương trình khiêu vũ, chồng Huyên kéo tay nàng đứng dậy cáo từ. Tự dưng tôi có cảm giác là Huyên chưa muốn ra về vào lúc đó. Cảm giác này được thằng bạn tôi xác nhận khi hắn lầm bầm so sánh chồng của Huyên với một bộ phận không lấy gì làm sạch sẽ lắm của cơ thể, *an asshole!* Chắc Huyên không có nhiều dịp vui chơi. Rồi tôi quên ngay. Đã bảo là tôi không có thói quen quan tâm đến đàn bà có chồng mà.

Tôi gặp Huyên lần thứ hai trong một buổi hội thảo có liên quan đến công việc tôi đang làm. Trông Huyên thoải mái hơn nhiều trong bộ đồ *jeans* và không có chồng bên cạnh. Chúng tôi rủ nhau đi ăn trưa và tôi nhận ra Huyên không ít nói như tôi tưởng. Khi tôi đưa ra nhận xét đó, Huyên cười thẹn thùng giải thích tại vì tôi là người quen duy nhất trong đám người ở đây. "Bình thường Huyên rất sợ phải tiếp chuyện đàn ông lạ," Huyên thêm. Tôi cười ngất vì cụm từ "đàn ông lạ" mà Huyên dùng, và hỏi nàng đã có được bao nhiêu "đàn ông quen" trong đời. "Một thôi," Huyên trả lời. Gã đàn ông đó nhất định phải là chồng của Huyên, tôi nghĩ.

Chúng tôi liên lạc với nhau khá thường xuyên sau đó. Vào thời gian

đầu, cuộc điện đàm thường bắt đầu với những câu chuyện có liên quan đến ngành nghề của chúng tôi, cho đến khi Huyên nhận thấy chúng không còn cần thiết nữa. Dạo sau này Huyên thích tâm sự với tôi về cuộc đời nàng. Tôi đã không còn là "đàn ông lạ" của Huyên nữa, mà là một người nàng có thể tin cậy. Thực ra thì cũng chẳng có gì khó khăn lắm để chiếm được lòng tin cậy của một người đàn bà, có chồng hay không. Trong những lần đối thoại với họ, tôi luôn luôn ở tư thế áp đảo một cách kín đáo, đủ để họ không cảm thấy khó chịu. Những câu đối đáp của tôi luôn luôn đưa họ vào vị trí phải bộc lộ cảm nghĩ của mình trong một cách thế mà họ cho là tự nguyện. Tôi không có ý định tìm hiểu cặn kẽ về Huyên, những điều tôi biết được về nàng chỉ là thành phẩm tất nhiên của thói quen khó bỏ của tôi thôi.

Huyên lập gia đình rất sớm, và tôi không chắc nàng đã biết yêu là gì. Cứ theo như lời Huyên, nàng đã có lần "yêu" say đắm người đàn ông đã cưới nàng làm vợ. Tôi cho rằng Huyên lẫn lộn lung tung giữa một mớ hỗn độn của những nụ hôn đầu tiên, những lời âu yếm đầu tiên, căn phòng riêng đầu tiên, những lần làm tình đầu tiên, những ràng buộc đầu tiên và cho đó là tình yêu. Huyên đâu có gì khác để so sánh đâu! Tôi không hề nói ra nhận xét của mình. Có gì sai nếu một người đàn bà cho rằng mình yêu chồng? Nhưng cậu chuyện của Huyên không dừng lại ở đó. "Huyên đã không còn yêu anh ấy từ lâu rồi!" Nàng tuyên bố. Những ứng xử thô bạo, những cấm đoán nghiêm ngặt, và những nhận xét khinh mạn về nàng từ phía người chồâng qua bao năm tháng đã làm rạn vỡ cái "khối tình" mà Huyên đã dành cho người bạn trăm năm. "Bây giờ thì anh ấy lại lo mất Huyên! Còn Huyên thì không thể nào thương anh ấy được nữa! Chẳng còn rung động gì hết!!" Tôi hy vọng là Huyên chỉ nói về trái tim nàng!

Tôi không biết những người đàn bà sẽ muốn gì, làm gì một khi họ thôi yêu chồng, hoặc cho rằng đã không còn yêu chồng nữa. Tôi vốn không có kinh nghiệm gì về họ. Tôi, dựa trên số kinh nghiệm có được với một số phụ nữ khác –những người chưa lập gia đình, đi đến kết luận là Huyên cần ... tình yêu, thứ tình yêu mà nàng chưa hề trải qua lần nào trong đời! Tôi bắt đầu tán tỉnh Huyên trong lần điện đàm sau đó. Phải nói ngay là tôi không yêu Huyên, và không hề có ý định làm cho Huyên yêu tôi. Tôi chỉ muốn tặng nàng một món quà nhỏ làm bằng những câu nói lững lơ bóng gió, những cái nhìn dịu dàng, và những cử chỉ săn đón xa hơn một lịch sự cần thiết. Tôi chỉ làm công việc của người nhóm lửa, và đàng sau vẻ bối rối ngượng ngập và nụ cười thẹn thùng của Huyên là ngọn lửa leo

lắt ban đầu đã dần dần có sinh khí. Trông Huyên đẹp hẳn ra, mắt long lanh hơn, và nụ cười quyến rũ hơn. Và tôi nghĩ nàng xứng đáng trở nên như vậy sau bao nhiêu năm thui chột trong khoảnh đất tù túng của một cuộc hôn nhân thất bại.

Vào một lúc nào đó trong mối quan hệ với Huyên, tôi nhận ra nàng đang cháy lên như một ngọn đuốc rực rỡ, và tôi thì không muốn lao vào đó. Tôi có thật nhiều cảm tình với Huyên nhưng tôi không thể để mình bốc cháy vì ngọn lửa nàng. Tôi đang bị thiêu đốt bởi một ngọn đuốc khác từ một người khác, và i không hề có ý định muốn ra khỏi hỏa ngục huy hoàng của mình. Huyên không hề biết được điều đó, và chắc hẳn nàng đã ngạc nhiên lắm khi tôi cứ mãi lỡ dịp mở lời tỏ tình công khai với nàng. Huyên sẽ còn phải chờ lâu lắm nếu trên thế gian này chỉ có mỗi mình tôi là đàn ông. Cũng may là "đàn ông lạ" thì đầy dẫy chung quanh Huyên, và người nào cũng đủ sáng suốt và nhiệt tình để nhận ra sự thay đổi của nàng. Những con thiêu thân bắt đầu tìm đến, bay lượn rộn ràng chung quanh ngọn lửa rực rỡ mang tên Huyên. Đã có một vài con thử lao vào, cháy cánh, bỏng chân, rụng lộp độp! Tôi biết được điều này qua những lời than phiền của Huyên về đám đàn ông "vô duyên" cứ bám lấy nàng như đỉa đói! Tất nhiên tôi có thể nhìn thấy được Huyên đang cố gắng che dấu nỗi thích thú đằng sau nụ cười thẹn thùng rất dễ thương của nàng khi nói về những phiền toái nàng đang phải gánh chịu trong thời gian gần đây.

Vào một ngày mùa Đông, Huyên hẹn tôi đi ăn trưa. Nàng có vẻ bối rối. Có một người đàn ông nào đó đã đề nghị một điều gì đó làm nàng vô cùng bối rối. Tôi thì không bối rối chút nào. Tôi chúc mừng Huyên, và với vẻ mặt cố tình làm ra rầu rĩ, tôi bảo nàng là tôi nghĩ mình không nên gặp nàng nữa. Sự hiện diện của tôi bên cạnh nàng đã trở nên không còn cần thiết, và tôi thì nhất định không để mình trở nên một chướng ngại trên con đường mưu cầu hạnh phúc của nàng. Huyên ngạc nhiên, xúc động, và thêm phần bối rối. Nàng hỏi tại sao chúng tôi lại không thể tiếp tục làm bạn với nhau như chúng tôi đã từng trong thời gian qua. Tôi cúi xuống hôn nhẹ lên trán Huyên và bảo nàng là tôi chưa hề xem nàng như là một người bạn đúng nghĩa. Khi chúng tôi chia tay, tôi thấy mắt Huyên long lanh ướt. Chắc hẳn là quyết định của tôi đã khiến nàng buồn lắm.

Tôi không yêu Huyên, điều này tôi đã nói rồi. Tôi muốn tặng nàng một món quà với cái giá có thể chấp nhận được. Món quà đã thành hình

Ý chỉ
NGUYÊN LANG

Trong nhân gian
Ta muốn góp một bài thơ
Nói về ý của đất trời

Người nghìn xưa nói ta không biết
Cái ta biết không phải không giống nghìn xưa

Như trăng trên trời
Mỗi lúc, mỗi nơi, mỗi người thấy khác
Nhưng trăng có thật trên đầu
Nghìn năm miên viễn...
Tỉnh ra trong chiêm bao
Chìm vào chiêm bao để tỉnh
Nhạc vàng tiếng hạc
Thánh thót bay vào cõi vô cùng.

khi Huyên rung động vì lời tỏ tình của một người đàn ông may mắn nào đó. Tôi chỉ việc gói quà và thêm vào đó một chiếc nơ xinh đẹp. Và tôi đã làm như vậy trong lần gặp gỡ cuối cùng với Huyên. Chắc hẳn nàng đã buồn khi mất một người bạn, nhưng chắéc hẳn trong cùng một lúc, nàng đã có thêm một lý do để cảm thấy hạnh phúc hơn. Đã có hơn một người đàn ông yêu nàng, và sẽ có ít nhất một người đau khổ vì mất nàng. Tất nhiên là tôi không phải là người đàn ông đau khổ đó, nhưng Huyên sẽ không bao giờ biết được điều này.

Trong những ngày sắp tới, tôi sẽ phải vô cùng bận rộn dọn dẹp căn *apartment* bừa bãi của mình để tiếp đón người tình. Nàng đã hẹn sẽ đến với tôi trong những ngày Tết. Có thể nàng sẽ hỏi tôi đã làm gì trong những ngày Đông băng giá không có nàng. Tôi sẽ nhẹ nhàng trả lời, anh đã đốt lên một ngọn lửa nhỏ.❐

Nguyên thủy
MẠC HOÀI

Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ.
Vũ Đình Liên

Đi phất phơ giữa chốn địa cầu
Lìa quê lạ xứ chắc buồn lâu
Hành tinh bất chấp niềm dâu bể
Mất hút hồn xưa, xuân tới mau

Vạn dặm vong hương nghịch hướng về
Xóm quen, người cũ hiện trong mê
Ngát êm nhang ấm nghênh trù tịch
Pháo đuối mưa mờ phố lạnh tê.

Cửa ô ngày ấy vui xuân Bắc
Bước ngọc băng dường vóc mảnh mai
Trai tơ ngó sững bùng tha thiết
Run chân pháo biếc liệng nhằm ai.

Tấp nập sân chùa dèn nến sáng
tưng bừng. Đua bói quẻ mừng xuân
Mõ chuông khua tụng mênh mang khói
Lộc phúc lan đều khắp thế nhân.

Vườn yêu mơn nở dóa đầu tiên
Bẽn thẹn cầm tay dóa dịu hiền
Khát khao hò hẹn trao khăng khít
Giục chiếc hôn chờ cháy tự nhiên.

Sao đã tan lìa? Vạn dắng cay
chúa chan chua xóa trải lưu đày
Hiển linh! Đôi mắt người yêu dấu
đẫm lệ nhìn nhau nhu mới đây!

Ôi ban sơ thắm thiết trong đời
Chia tay tàn tạ tiếc thương thôi
Đêm nay mộng tưởng mùa xa khuất
Độc ẩm say mềm vẫn chẳng nguôi.

Cớ đâu ray rứt xuân về lại
Nguyên thủy xanh tươi úa lạt màu
Vần xoay vũ trụ ngàn e ngại
Giật trú trần gian mãi nhớ nhau!

Kịch ngắn ba màn

Hai Người Bạn

Nguyễn Thị Hoàng Bắc

NHÂN VẬT:

Karl Vương và John Nguyễn, hai thanh niên Mỹ gốc Á, tóc đen, mắt đen, khoảng từ 20 đến 25 tuổi, vóc người hơi gầy, công nhân làm việc tại một nhà hàng Seafood ở một thành phố nhỏ ven biển, đại loại như thành phố Norfolk, Southeastern Virginia.

MAN 1:

Trong một bar rượu, khi John và Karl đã uống say mèm

John: Mày biết gì không?

Karl: Biết gì?

John: Con bồ của tao mất tích, con Xinh...là do tao giết nó.

Karl: Cái gì? Mày xỉn quá mạng rồi, thôi đi về.

John: Nè con, nghe đi, tao không phải thằng hèn, làm rồi không dám nhận đâu nhen. Thiệt là tao đã làm chuyện bí mật dàng trời đó, tao giết con Xinh .

Karl: Thôi, đi về!

(Karl kéo xốc John lên, cả hai lão đão khuất sau màn sân khấu.Tiếng xe rồ máy chạy, tiếng rú dữ dội của chiếc xe gầm lên, đèn loá sáng, rồi tiếng vọt bánh. Hậu trường trở lại vắng tanh, im ắng.)

MÀN 2:

Tại phòng thẩm tội. John và Karl nói chuyện qua máy điện thoại. John mặc áo đỏ tội nhân, chân mang xiềng, Karl mặc áo ca rô sọc đen quần xanh đậm. Hai đứa nhìn nhau qua tấm kiếng cách ly. Sau lưng Karl,

giám thị tù đứng chắp tay sau đít.

John: Mày báo cảnh sát bắt tao?

Karl: Tao không có. Cảnh sát gọi tao tới hỏi tao bữa đó trong bar rượu...

John: Mày biết là bữa đó tao say quá mạng mà.

Karl: Nhưng tại mày nói tới chuyện đốt cái thùng, nghe sao, tao chỉ kể lại cho cảnh sát y như vậy thôi, (im lặng), tụi cảnh sát nó tìm ra cái thùng. Nó còn tìm được hai mảnh xương, DNA, đúng là của con Xinh.

John: Làm sao kết luận được là tao giết?

Karl: Tại mày nói tới cái thùng.

John: Xin lỗi mày, tao đã nói bữa đó tao say rượu. Tao nói thứ giống gì, tao đâu có nhớ? (im lặng) ủa, mà tại sao mày lại biết có cái thùng? Mày lại biết con Xinh bị đốt trong đó? ũa, sao cảnh sát không bắt mày mà lại bắt tao?

Karl: Tại Xinh là bạn gái của mày.

John: Lỡ mày ghen với tao vì nó yêu tao mà không yêu mày? Con Xinh mét với tao mày theo nó hoài không được...

(Karl cúp phone theo sự ra hiệu hết giờ của người giám thị. John vùng lên, chỉ mặt Karl qua tấm kiếng hét theo: Mày về kêu cảnh sát bắt cha mày đi!)

MÀN 3:

Cũng ở phòng thăm tội. John vẫn mặc áo đỏ tội nhân, mặt lạnh lùng khó hiểu. Karl mặt mày xanh xao, râu tóc rối bời, áo sơ mi xanh nhàu nát.

Karl: Tao xin lỗi mày, tao chỉ có một thằng bạn thân từ bển qua đây là mày. Mày tha lỗi cho tao...

John: Tới thăm tao lần cuối hả? Mai mốt tao lên ghế điện rồi chắc mày hả hê? Giết người, đền mạng, nghe khoẻ gọn quá hả?

Karl: Sao trong thùng sắt đốt người lại có hột nhãn ở trỏng? Mấy thứ đó, tao với mày hôm đi New York, mày mua về cho con Xinh mà.

John: Mày kê cho sát cái ống nghe vô trong lỗ tai mà nghe cho hết cái ngu của mày nè: Tao không có giết con Xinh, nghe rõ không? Mà mày về hùa với tụi mũi lõ mắt xanh giết tao để làm gì? Cho dù mà tao có giết con Xinh đi nữa, trên ghe tao cũng đã từng nhịn khát để đổ nước vô họng cứu sống cái mạng mày mà! Trời không tha cho thằng phản bội như mày đâu, Quang à!

Giêng. Hai Mấy Thuở
TRIỀU HOA ĐẠI

đội xuống trăng ngậm ngùi
mà chiều lay. gió gọi
ngày xanh hình như mỏi
chấp chới vịn hoa xuân

thôi người phiến đá xanh
u tình nhau còn đợi
tỏa khói mặt trời xa
lan man cùng cây cỏ

một cõi. ở, rất riêng
mấy ai đà quên lãng
bước ngày kia dã chín
quên lối về cùng ta

bình minh. bình minh nở
phai, tàn phai chốn nào
bữa trăng lên buốt mặt
thương lá về hôm sau

em với núi đá xanh
võ tan mùa chim gió
giêng, hai đà mấy thuở
dã dạt vào nơi đâu.

(John ném phone, quay phắt vào phòng giam, bỏ mặc Karl đứng đó)
Karl: Dân ơi, Dân ơi!

(Nhạc cất lên bài Auld Lang Syne, có thể hát theo lời Việt "Vì sao *anh em chúng ta ngày nay sắp cùng bùi ngùi xa cách...*" *hoặc "ò e cây me* đánh đu Tạc Dzăng nhảy dù, Zôrô bắn súng..." rồi màn từ từ hạ)

Tình khúc của Trương

Quỳnh Giao

Isaiah...

Isaiah Goldstein là một nhà phê bình âm nhạc độc đáo trong thế giới của ông. Ông được trời cho nhĩ quan bén nhạy nên cảm nhận được những âm thanh tế vi nhất, và lại có một vốn liếng văn hoá đồ sộ ngoài nhạc học, cho nên các bài viết của ông trên New York Times và một nguyệt san chuyên khoa âm nhạc đều được giới âm nhạc để ý tới và tranh luận sôi nổi. Những ai yêu quý ông - họ không nhiều, và hiếm người trong giới trình diễn lại ở vào thành phần này - cho rằng Goldstein là người Do Thái cô đơn vì xuất hiện nhầm thời. Đáng lẽ, ông nên trở về thời Trung cổ xa xưa, khi mà âm nhạc có thể biện giải là sản phẩm của lớp thiểu số quyền quý chọn lọc. Những người còn lại chỉ nhấn mạnh chi tiết là Goldstein đã ba lần chuẩn bị ba luận án tiến sĩ khác nhau về cổ sử Cận Đông, về văn minh đối chiếu Trung và Nam Á, và về tâm lý học, mà đều bỏ dở đi lính, trước khi được nhận vào trường Juilliard ở Nữu Ước, sau chiến tranh Cao Ly.

Tốt nghiệp trường đào tạo thời danh này với cây kèn 'tù và' kỳ dị, Isaiah chỉ đi trình diễn có vài năm với một ban nhạc cũng kỳ dị không kém, mà khá thành công vào đầu thập niên 60 đó. Về sau, không biết là vì công chúng đã chán lối nhạc nhiệt đới lạ tai, hay Goldstein đã chán chơi nhạc cho người nghe, ông giã từ sân khấu đi buôn ngọc ở Viễn Đông và về chơi nhạc cho người ta đọc. Ông phê bình âm nhạc từ đó, một tay phê bình với cái tai thiên phú, với ngôn ngữ mới lạ của người uyên bác và lưỡi dao sắc bén của một nhà giải phẫu. Bài viết của ông có khả năng làm người đọc say mê trầm trồ hoặc điên tiết giận dữ vì chọc sâu vào thế giới kỳ bí của âm thanh và làm nổi lên điều hiểm hóc trong tâm tư tác giả và nhất là

tâm lý của nghệ sĩ trình tấu. Ông hay làm các nghệ sĩ nổi giận vì những phê phán đại loại như "... tới hành âm thứ ba thì cố gắng của nhạc công đã được nhạc trưởng vứt tung toé trên sàn khi ông ta điều khiển dàn nhạc với cái đầu của người khác", "ca khúc Wagner đã được nàng hát lầm với trái tim của Satie"...

Goldstein coi phê bình âm nhạc là bộ môn khoa học bị trượt thi vì lạc đề. Nó không là khoa học vì âm nhạc không là khoa học. Nhưng, nó phải cố tiến dần đến khoa học, để tìm ra một loạt biết bao hình dung từ đầy màu sắc như cây cọ thần tình của một họa sĩ, hầu phân biệt và ghi nhận được từng chi tiết mong manh nhất trong tác phẩm, và đưa được tới người nghe hay người đọc những cảm nhận tế vi đó... Trong một bài viết mới đây, Isaiah Goldstein làm một số độc giả thuộc loại khá giả của New York phải ngẩn người với câu viết về Felix Marlove.

"Tôi có thể nói gì về tiếng hát của người trẻ này? Quý vị có nếm rượu bao giờ chưa? Cái lưỡi chúng ta đã quen với một số mùi vị nào đó, cái tai của tôi cũng vậy. Làm sao tôi có thể diễn tả được cho người khác những mùi vị quá lạ nếu tôi không có chữ để diễn tả? Tôi có thể là tay sành rượu có cái lưỡi của người nếm rượu nhà nghề, nhưng vẫn thiếu ngôn từ để nói về điều quá mới cho vị giác của mình, và của người nghe tác phẩm này của Marlove như uống ly rượu hiếm lạ... Cũng vậy, trên giá sơn tôi không có đủ màu để vẽ ra âm sắc kỳ lạ của Marlove. Người nghệ sĩ trẻ này có thể thành một tài năng lớn cho chúng ta, hoặc sẽ chìm trong bóng tối trước khi trở thành một ngôi sao. Với nhĩ quan còn quá thô của nhiều kẻ thẩm âm trong thành phố này, tôi e rằng trường hợp thứ hai sẽ xảy ra cho Felix Marlove."

Mặc dù viết như vậy, Isaiah Goldstein vẫn không muốn tin vào lời tiên đoán của mình.

Felix...

Ông đã mua được đĩa nhạc của Felix Marlove trong quán nhạc tồi tàn của những nghệ sĩ nghèo. Nghe đi nghe lại nhiều lần, Goldstein nhất quyết viết một bài thật hay về giọng hát mà ông cho là quá sức độc đáo này, và mất hai tuần cho bài viết có 700 chữ đó. Chỉ vì ông quả thật thiếu chữ diễn tả cho người đọc cảm được điều ông nghe. Felix Marlove có tiếng hát làm người nghe, dù chỉ một lần, cũng đủ bàng hoàng sửng sốt. Dù vậy, bài viết của ông đã gây bất ngờ là mấy tuần liền, hai đài phát thanh địa phương liên tiếp chạy đĩa nhạc Felix Marlove với lời giới thiệu nồng nhiệt. Họ không muốn bị chê là có mỹ quan quá thô để bắt được

những đoạn ngân tròn đầy mà êm mượt như nhung của Felic trên âm vực rất rộng. Nhờ đó đĩa nhạc bán chạy hơn dự tưởng.

Goldstein biết nhiều về những nghệ sĩ đói rách mới ra đời này. Họ bỏ tiền thực hiện lấy tác phẩm của mình, rón rén đưa ra cho công chúng rồi kín đáo chờ đợi những âm vang không hề có. Như những nghệ sĩ vẽ trên vỉa hè rồi lẩn vào đám đông nghe lời bàn tán của khách lại qua với âu lo phập phồng và vui mừng hiếm hoi, Felix Marlove sản xuất lấy đĩa nhạc và lặng lẽ trở về căn gác xép của mình, để nghe nhạc của mình, một mình. Goldstein khám phá ra điều đó sau ba bốn cú điện thoại hỏi vòng quanh, để tìm tới Felix. Buổi tối mà Golstein gọi cho Felix đề nghị gặp nhau, ông phải nhắn tin trong máy. Tối đó, sau khi được nhà chủ đồng ý, Felix liều mạng đem xe đi gắn thêm máy nghe CD trong xe. Đành rằng khoản tiền bán đĩa là nguồn thu bất ngờ cho Felix, anh còn muốn có dịp được nghe tiếng hát của mình tại nơi mình làm việc, hơn là thấp thỏm trông đợi đài phát thanh sẽ cho anh nghe qua ra cái radio cũ mèm trong xe.

Felix Marlove chạy taxi và sống một mình trong thế giới của anh, với các ca khúc bán cổ điển của Duparc hay Ravel, Poulenc hay các vở nhạc kịch cổ điển của Puccini, Verdi và Wagner...

Hai tuần sau, Isaiah Goldstein, tay phê bình âm nhạc và người tưởng như lão luyện việc đời đã bị một cú sốc lớn khi gặp Felix Marlove. Ông chẳng những thiếu chữ để diễn tả âm sắc phong phú và nghệ thuật luyến láy tuyệt diệu của Felix. Ông còn không đủ ngôn ngữ để viết về những tai họa mà con tạo đã giáng cho người ca sĩ này. Felix có thể được các phim trường mời thủ diễn trong một phim khoa học giả tưởng. Anh chạy xe taxi với cái mũ rộng vành sùm sụp trên đầu và khăn len quấn cổ bất kể hè đông. Anh đeo thêm cặp kính quá khổ trên cái mũi quá dày, để che được phần nào khuôn mặt của anh. Bao nhiêu hay đẹp trời cho anh trong tiếng hát đã bị đổi lại với diện mạo quá xấu. Felix có khuôn mặt làm chính anh phải tránh nhìn trong gương.

Tối hôm đó, nhà phê bình nghiệt ngã, ông già Do Thái già cổ quái, đã nói chuyện với một nghệ sĩ còn cổ quái hơn. Họ nói về âm nhạc mà cả hai đều ngồi nghiêng để tránh nhìn mặt nhau. Felix mời ông Goldstein dùng ly rượu Ý trút ra từ một vò rượu loại rẻ có bọc cói, và ý tứ ngồi lui vào khoảng tối của căn phòng chật hẹp vốn đã mờ tối giữa khu lao động. Goldstein cất lại cây bút và bỏ cuốn sổ tay vào túi để anh ta được tự nhiên hơn, nhưng chính ông lại không mấy tự nhiên khi phải bắt mình cố nhìn thẳng vào khuôn mặt dị hình của Felix. Ông biết rằng với khuôn mặt đó, Felix Marlove chẳng có hy vọng gì xuất hiện trên sân khấu. Nhưng, câu truyện càng già Isaiah càng thấy cảm mến sự đam mê của Felix với

âm nhạc.

Anh nói về những cảm xúc của mình với âm nhạc, từ những ngày còn bé khi được hát trong ban hợp xướng của nhà thờ, và lớn dần thì tiếng hát càng hay nhưng vẻ mặt càng xấu đi... Anh nói về những đêm đứng giữa bãi trống hát vang buồng phổi những ca khúc cổ điển anh đã sưu tầm lấy, và lủi thủi về một mình, trong tai còn đầy dư âm của nhạc. Anh nói về kinh nghiệm đầu đời khi được trình diễn trong gánh xiếc giữa bóng tối của một sân khấu lộ thiên. Tiếng vỗ tay vang dậy của khán giả chợt như cách quãng khi đèn bật. Khán giả bị choáng váng bởi giọng hát quá hay đã không nhịn nổi tiếng xì xào về khuôn mặt quái dị của anh. Lần đầu tiên đó cũng là lần cuối anh trình diễn cho công chúng. Ban quản lý gánh xiếc ái ngại đề nghị anh vẫn hát, nhưng hát trong bóng tối khi khán giả ngửng lên nhìn những người đu bay nhào lộn trên thinh không... Anh mân mê vành mũ vải rồi từ chối ra về. Nước mắt tuôn rơi đêm đó, anh biết là mình hát rất hay, khi nức nở giữa bãi đậu xe bát ngát bài *Chanson triste* của Henri Duparc phổ thơ Cazalis.

Trong tim em, ánh trăng êm ngủ
Ánh trăng dịu hiền của đêm hè.
Và để trốn cuộc đời hẩm hiu
Anh sẽ trầm mình trong vầng sáng đó,
Của em...

Isaiah Goldstein nén tiếng thở dài để khỏi với tay lấy chai rượu đã vơi quá nửa.

Felix Marlove hát lại ca khúc đó cho ông nghe, và khi lời ca diễn tả nguyện ước được người đẹp trìu mến ôm lấy cái đầu bừng sốt của mình, anh đã đứng dậy rũ rượi như người ốm. Đã đành Felix Marlove hát một loại nhạc thời nay càng ít người nghe tại Nữu Ước, loại nhạc cận và hiện đại, phổ thơ từ những tác phẩm lãng mạn Âu Châu, thì có mấy ai nghe. Lại còn nhân dáng xù xì đó, thì làm sao khán giả có thể bình tâm nghe recital của anh mà không nhắm mắt lại vì sợ hãi. Nhưng trong đời, ông già chán chường này ít khi được nghe một tình khúc tuyệt vời như vậy.

Ông đứng dậy rót đầy ly rượu cho hai người và kéo tay Felix ngồi xuống, Isaiah Goldstein nói chuyện âm nhạc tới khuya, và nói về nhạc mà ông quên luôn âm nhạc chỉ nhớ tới cái đẹp tuyệt đối, không âm thanh màu sắc hay hình dạng. Felix Marlove thừa thông minh để hiểu hết điều so sánh của ông về những bí quyết thành công trên thị trường hay sân khấu hay, hơn tất cả, trong nghệ thuật. Anh bình thản với số phận của

mình. Anh cũng biết rằng niềm say mê và sự cảm thông với nhạc đã giúp anh nhìn cuộc đời bằng con mắt khác, nhờ nó anh sống êm đềm trong thế giới khác. Goldstein đồng ý là Felix nên thử lại bài *L' invitation au voyage* với một lối hoà âm Á Đông hơn, để phát huy chủ âm rất Đông phương của bài thơ Beaudelaire. Bài ca nên hát với sự ngây dại mơ hồ của khói thuốc... Felix gật gù đồng ý, rồi than thở rằng đời nay không còn mấy ai viết nhạc như vậy nữa, và lại bật dậy hát như người đang buông neo ra khơi, bồng bềnh trong phòng tối âm u, khi đồng hồ đã chỉ một giờ sáng...

Từ đó, Goldstein viết thêm hai bài cực hay về Felix, giọng hát ông cho rằng ta phải nghe nếu muốn đi tới giới hạn tột cùng của khí cụ âm nhạc tuyệt vời nhất của Thượng đế, là thanh quản con người. Sau đó, Goldstein hết viết về tiếng hát Marlove, để trở thành bạn vong niên của Felix. Cho tới ngày gặp Claudia Grey, ông già này cũng không ngờ rằng hai người đã có lúc gặp nhau mà vẫn chưa biết nhau.

Claudia...

Gia đình Grey có thể thuộc vào loại quý tộc miền Đông Hoa Kỳ đã mấy đời nổi danh trong đại học, chính trị và kinh doanh. Họ vừa giàu lại vừa sang, những điều mà xã hội trẻ này chưa chắc đã coi là đức tính. Chắc chắn là nàng Claudia Grey đẻ bọc điều thì không coi là đức tính. Nàng đi học bình thường, trong các trường tư thục đắt tiền và kỷ luật nhất của Boston. Nàng tốt nghiệp ưu hạng ở Yale như một điều cũng bình thường. Sau bốn năm học nghề về kinh doanh Claudia từ chối việc làm trong cơ sở của cha và anh, mà xuống Nữu Ước mở lấy văn phòng quảng cáo và giao tế của mình với ba bạn đồng nghiệp. Claudia thành công có lẽ vì tên nàng chẳng cần giới thiệu mà Nữu Ước đều biết. Thực ra, nàng còn thành công vì giỏi và đẹp...

Nàng quảng giao, quen rộng và giới truyền thông Nữu Ước vẫn coi nàng là cô gái sinh ra với cái muỗng vàng trong miệng mà nhã nhặn dễ mến. Chỉ có Isaiah Goldstein biết là Claudia không chỉ có tất cả trong trương mục ngân hàng và nhan sắc trời cho. Nàng còn có tâm hồn sâu sắc bên sau vẻ hồn nhiên khả ái. Điều ngạc nhiên nhất cho ông là Claudia vẫn độc thân. Nàng không mấy để ý đến tình yêu, và lao vào công việc với sự say mê của một nhà tu yêu việc thiện.

Một hôm, trong buổi tiếp tân gần như phải có mỗi tuần của giới thượng lưu Nữu Ước, Claudia bước lại Goldstein và theo chân ông ra góc phòng. Nàng thích nói chuyện với ông già Do Thái cầm bút này vì khỏi phải cẩn thận như với các nhà báo hay các bình bút kinh tế. Goldstein hiểu biết

rộng nhưng chẳng soi mói việc kinh doanh của nàng mà chỉ viết về nhạc. Sau câu xã giao thường lệ, Claudia chuyển qua nhạc và hai người luận bàn về mùa trình diễn âm nhạc đầu Thu, và người nhạc trưởng mới của dàn nhạc giao hưởng. Chợt nhớ ra điều gì đó, Claudia bất thần hỏi:

"À này, là người Do Thái, ông nghĩ sao về những *Giai điệu Do Thái cổ* của Ravel? "

Goldstein mất vài giây mới tìm ra mạch trả lời. Phải chăng là tiền định, Goldstein trả lời lại bằng một câu hỏi làm Claudia ngẩn người. Tám mươi năm trước, một giọng ca *soprano* cùng họ với Claudia, là Madeleine Grey, đã nhờ Maurice Ravel viết mấy ca khúc cho bà trình diễn. Lúc đó Ravel đã nổi danh nhưng bà chưa ngờ là mấy tác phẩm Ravel viết cho bà còn diễm tuyệt đến như vậy. Dựa trên dân ca và thánh ca Do Thái, với giai điệu đơn giản mà đầy màu sắc Địa Trung Hải, Ravel dùng dương cầm đưa lời nguyện cầu của tiếng hát lên chỗ tuyệt vời, nhất là với bài *Kaddisch*. Đó là *Mélodies Hébraiques* của Ravel. Nữ danh ca này có họ hàng gì với các cụ nhà chăng?

Làm sao biết được, Claudia tự hỏi lòng và chợt thấy mình biết quá ít về chính mình. "Gia đình tôi hình như gốc Anh Cát Lợi, một số thành danh về ngoại giao, một số khác trên văn đàn, và cũng có người nổi tiếng về sân khấu. Họ lưu tán qua Pháp, Úc, qua Nam Phi và qua cả bên Mỹ này... Tôi sở dĩ hỏi ông vì từ mấy ngày nay vẫn cứ vẩn vơ trong đầu một tiếng hát rất lạ".

Gật đầu chào mấy khách quen đang ghé lại, Claudia xoay lưng ra ngoài kể tiếp. "Hôm đó tôi phải lấy *taxi* từ văn phòng ra nơi tu bổ lại xe của mình cách đó mươi *bloc*, thì nghe thấy một tiếng hát rất lạ trong *taxi*. Gã lái xe đang vặn toáng nhạc trong xe nên không nghe thấy thấy địa chỉ tôi dặn. Hắn lí nhí xin lỗi gì đó rồi tắt âm thanh, ấp úng vài giây mới sang số cho xe ra khỏi bãi đậu. Thấy hắn lúng túng, tôi hơi tội nên hỏi vu vơ, gọi là cho có chuyện. Nhạc đài gì đó mà hay quá vậy? - Dạ không... nhạc trong CD. Ông có tưởng tượng không! Lái *taxi vàng* ở Nữu Ước cũng đủ vàng người ra vì nhức đầu đau gan, mà hắn còn gắn CD nghe nhạc trong xe..."

Isaiah Goldstein mỉm cười với vẻ hứng khởi của Claudia, nhưng ông thoáng ưu tư, vì linh tính gợi nhớ lại một truyện cổ liên quan tới một loại ngọc quý Đông phương, về gã chèo đò người thì thật xấu hát thì thật hay và nàng công chúa tuyệt đẹp, và mối tình tuyệt vọng của họ.

"Tôi hơi ngạc nhiên vì câu trả lời đó, Claudia kể tiếp, không thấy vẻ tư lự của Goldstein. Và tôi cũng thấy tiếng hát quá đẹp nên đòi hắn bật lại cho tôi nghe. Tiếng nghẹn ngào rất hay trong bài *La Comparsa* rộn ràng

của Lecuona, giọng *tenor* lên các nốt cao nhất vẫn dầy và vững, mà nức nở ở những nốt trầm lại không chát. Tôi vừa chồm lên phía trước để nói ra điều mình nghĩ đó thì cái xe như chúi mũi xuống. Anh tài xế yêu nhạc này đáng lẽ nên làm nghề khác thì hơn, tôi định mắng cho một câu thì thấy hắn kéo khăn lên che mặt và đưa tay tắt máy CD. Chắc là sinh viên trường nhạc lái xe kiếm thêm tiền... Chiều Nữu Ước trong giờ tan sở, xe cộ như nêm mà tôi váng vất vì tiếng hát nên đòi anh ta bật lại nghe nốt... Tôi im nghe liền mấy bài và đến khi bình về tiếng hát tôi thấy anh chàng lái xe lại rất am hiểu về nhạc mới khá chứ. Khi xe ngừng hắn mới rụt dè cúi đầu hỏi lại, là bài thứ nhì đó trải trên một âm vực rất rộng và có lúc lên rất cao như một *Giai điệu Do Thái cổ* của Ravel cho giọng nữ, tôi có thấy không... làm mình lại ngẩn người. Tôi khó quên được tiếng hát chất ngất đó và gặp ông thì lại nhớ câu hỏi đó về nhạc của Ravel."

"Hắn đội mũ rộng vành, đeo kính và quấn một cái khăn thổ tả gần che hết mặt?" Goldstein nghiêng đầu hỏi với vẻ sắc mắc làm Claudia ngạc nhiên.

"Đúng vậy đó, ông biết anh ta sao?"

"Tôi ngờ vậy, và có lẽ tiếng hát cô nghe trong xe hôm đó chính là của hắn đấy... Tội nghiệp"

"Hát hay như vậy mà lại đi lái *taxi*. Tội nghiệp thật đấy... mà tại sao ông nói vậy?"

"Tôi tin rằng đây là tiếng hát hay nhất trong thế hệ này, mà ít ai biết đến. Tôi có quen người đó, rất dễ thương và cũng đáng thương, vì hắn sẽ khó thành công trong một buổi trình diễn... Cô không nên gặp hắn... thực ra, tôi cũng chẳng biết nữa... Tên hắn là Felix Marlove. Có mấy đĩa đã ra, cố tìm mua mà nghe."

"Ông quen anh ta? Tôi phải tìm mua về nghe mới được. Mà sao ông lại nói là người ca sĩ đó khó thành công? Tôi gặp anh ta được không?"

Isaiah Goldstein nhìn thẳng vào mắt Claudia, cân nhắc từng chữ. "Cô có xem *The Elephant Man* của David Lynch rồi chứ?... Hắn có thể thủ vai chính trong phim này, mà không cần hóa trang."

Giấc mộng chàng Trương

"Allo! Ông Goldstein đấy hả, Claudia đây. Vâng. Tôi muốn nhờ Isaiah một việc... một việc rất... làm sao nói đây, hơi cá nhân một chút nhưng không gì khó quá đâu. Ông còn nhớ Felix mà mình nói chuyện với nhau tháng trước chứ? Felix Marlove đó, đúng đấy. Không, cám ơn ông, tôi biết về anh ta rồi... Ừ thì mình khua trong giới buôn bán âm nhạc là tìm

ra... Đúng đó, tôi đã nghe hết và đã gặp rồi. Tôi đang như người lên cơn sốt âm nhạc vậy, nên mới có việc nhờ ông đấy..."

Sáu tháng sau, cả Nữu Ước đều say mê *Tiếng hát không Chân dung*.

Isaiah Goldstein đã huy động các tay viết nhạc cự phách từ Âu Châu tới Mỹ Châu và trả bản quyền rất hậu để có mớ ải loạt ca khúc thật mới, những ca khúc mà cái tai sành sỏi của Goldstein tin rằng sẽ giúp Felix thi triển được ma thuật của tiếng hát. Dùng quan hệ kinh doanh rộng lớn với ngành truyền thông, Claudia đã phát động một chiến dịch quảng cáo tinh vi, để tung ra thị trường những đĩa nhạc của Felix Marlove, Tiếng hát không Chân dung. Thính giả khắp nơi đã bị chấn động bởi tiếng hát đó, và càng tò mò muốn tìm hiểu về một giọng ca không bao giờ có mặt. Trên cái đà xôn xao của dư luận, nàng mới tổ chức nhiều buổi trình diễn cho Felix trên những sân khấu lớn. Người ta đi nghe *recital* của Marlove mà không bao giờ thấy mặt ca sĩ... Đằng sau tấm phông đen, trong bóng tối của phòng nhạc, khán giả chỉ có thể nhắm mắt lại, nghe lòng rũ rượi với tiếng hát. Chính là lối quảng cáo lạ kỳ này càng khiến dư luận tìm hiểu, nghe ngóng và bàn tán về Felix Marlove nhiều hơn. Goldstein là người thay mặt cho Felix trong mọi việc giao dịch. Claudia Grey cùng với công ty của nàng đã bố trí từng chi tiết về cách xuất hiện và trình diễn của Felix, với những lời cố vấn tinh ma của ông già Goldstein...

Giới truyền thông ưa thích truyện giật gân đã dày công điều tra mà không ai tìm ra Felix, để có được một tấm hình hay một đoạn tiểu sử dù sơ sài. Vì vậy mà họ càng thêu dệt những chi tiết ly kỳ hơn về "Tiếng hát không Chân dung". Người thì nói về Felix như một Caruso tái sinh, người thì luận bàn về vẻ mặt nghe đồn là khá xấu của Felix, người thì cãi lại, rằng Felix Marlove tuấn tú khác thường, nhưng hình như bị bệnh nan y nên không muốn tiếp xúc với công chúng. Claudia và Goldstein khai thác đúng mức mọi ưu khuyết điểm của truyền thông, để đưa tiếng hát Felix thành hiện tượng. Và được hát như được sống, Felix Marlove đã chinh phục thính giả...

Người bị chinh phục đầu tiên lại là Claudia...

Không biết là tiếng hát không còn được nghe của *soprano* Madeleine Grey có khua dậy bao rung động trong tiềm thức của Claudia Grey không, nhưng nàng say mê uống từng tiếng ngân trong giọng hát Felix và dồn hết nghị lực lẫn sự thông minh để tạo điều kiện thành công cho Felix. "Tiếng hát không Chân dung" lên đến đỉnh cao tuyệt vời thì Claudia càng chìm sâu trong thế giới mộng mị bất thường. Goldstein là người tinh ý nên thoáng ngờ sự bất thường đó. Felix giờ đây đã dọn về một nông trại vắng vẻ ở ngoại ô, và được bảo vệ rất kỹ để tránh sự tò mò của báo chí. Goldstein

ngạc nhiên thấy Claudia lại nhớ từng chi tiết, từng hốc đá ngọn cỏ quanh ngôi nhà đó, như nhớ kỹ từng buổi thu thanh, từng đêm trình diễn của Felix. Nàng tự tay duyệt lấy từng chi tiết của các chương trình diễn ca... Chiều hôm đó, khi Claudia thuyết giải tỉ mỉ về ngành giải phẫu thẩm mỹ thì ông già này đã đoán ra cớ sự...

Điều mà ông không đoán ra là Felix cũng cảm được điều bất thường đó.

Anh trở nên bẳn gắt hơn mỗi khi hai người gặp nhau, và Isaiah Goldstein đầy kinh nghiệm về tâm tính con người đã không hiểu vì sao Felix Marlove lại có những phút trầm ngâm giữa khi luyện giọng. Anh ngồi hàng giờ nhìn ra khoảng trống của cánh rừng trước mặt, và hỏi ông về đời sống, về nhà thờ, trường học, về giáo dục con trẻ thời nay, rồi lắc đầu, vẻ sâu lắng bất động...

Mãi cho tới khi Claudia báo tin cho ông rằng Felix đã bỏ đi rồi, Isaiah Goldstein mới thấy mình có lẽ chưa hiểu gì về con người. Claudia Grey hốt hoảng và khổ đau như con chim nhỏ vừa mất tổ ấm. Felix rời ngôi nhà mà không để lại một dấu vết ngoài mảnh thiệp nhỏ với nét chữ rắn rỏi gửi cho hai người, trên đó chỉ có hai chữ 'Cảm ơn và Xin lỗi". Cùng với Claudia, ông lùng hỏi khắp nơi mà không ai tìm ra tin tức gì về Felix. Claudia sống rất lâu trong một cơn khủng hoảng mà chỉ Isaiah đoán ra duyên cớ. Nàng thơ thẩn giữa ngôi nhà ngăn nắp của Felix và tâm sự hàng giờ với Goldstein qua điện thoại, trong khi tiếng hát của Felix Marlove vang dội từ phòng nhạc ra tới bìa rừng.

Ba tháng sau, một tấm ảnh của Felix Marlove đã đồng thời xuất hiện trên các tờ báo lơn và hệ thống truyền hình, với câu "Chân dung không Tiếng hát" viết trên mép ảnh. Cả hai đều biết đó là chữ của Felix, và tần ngần nhìn nhau mà không để ý đến sự xôn xao của dư luận về biến cố này.

Isaiah Goldstein chỉ có thể đoán rằng Felix đã được hát như sở nguyện, và còn được yêu, nên đã ra đi, đi tới nơi rất xa, để sống trọn vẹn với niềm hạnh phúc đó... Những người còn lại, như chúng ta đây, thì chưa rõ là một truyện tình thần thoại như vậy còn có thể xảy ra vào thời nay không...

Quỳnh Giao
Tháng 11, 1997

Nụ tầm xuân

HOÀI ZIANG DUY

Cứ giả dụ ta làm Từ Thức
Nhớ quê hương lội xuống hồng trần
Bên hông mang món quà cốt nhục
Đã già đâu nói chuyện lập thân

Tâm nhân ái thiên đàng đóng cửa
Bước trở về nhỏ giọt từ tâm
Cổ sử kia quách thành binh lửa
Đất khô đen giữ một chỗ nằm

Khi trở lại sông sâu cạn lắng
Cởi quần ra đứng ngó bên trời
Áo phương xa vắt vai tầm gởi
Thuở nằm nôi câu nói đầu đời

Phải không em ta còn tổ quốc
Bỏ quên đâu chẳng thấy đem về
Em có nhặt nửa hồn sỏi vỡ
Ném lại gần đánh thức quê hương

Pháo ai đốt xua đời kinh dị
Đại bác xưa đâu tiếng nghẹn lời
Dáng bâng khuâng mai đào trước ngõ
Có chút gì khuấy động nổi trôi

Ta nhớ nỗi niềm non nước cũ
Mang trong lòng không nói chào thua
Đâu ai biết tấm lòng biển rộng
Giọt lăn tăn dài ngắn lọc lừa

Đừng hỏi nhau quãng đời còn lại
Dụng nghiệp nầy cửa chắn tiền thân
Mai hay mốt bầy chim lớn vội
Biết về dâu nương náu ân cần

Nụ tầm xuân gieo mầm khổ hạnh
Cứ mỗi mùa cấy luống bâng khuâng
Lòng ta chia một miền tĩnh lặng
Nói hay không chúc phúc ngại ngần.

bài lục bát đêm xuân
HOÀI ZIANG DUY

Nhu câu lục bát hiền lành
Nhu câu hò mẹ dỗ dành năm xưa
Cầm bằng nắng sớm chiều mưa
Mà nghe thương nhớ dong đưa cánh diều
Chỉ se tơ mối trăm điều
Bâng khuâng gió sớm gọi chiều tịch vu
Nhu lời ai ngọt tiếng ru
Long lanh ngấn lệ dã mù tăm khơi
Nghe câu chúc tụng ươm lời
Quê hương dáng dứng một thời dể yêu
Ngàn tay mộng giấc dăm chiêu
Xuân nay bến vắng đò chiều hỏi thăm
Gọi người một tiếng trăm năm
Thiết tha yêu dấu nhu tằm ăn lên
Đêm nay xuân đến bên thềm
Nhớ sông núi cũ môi mềm tỉnh say.

Gió trở.

Lê Minh Hà

Gió trở từ trưa. Trời không nắng. Một sắc sáng xám bình an ngự trị trên bầu trời. Ngõ, phố từ hôm ông Táo về giời lầy lụa vì mưa phùn khô se chỉ trong vòng một tiếng đồng hồ. Sau bữa cơm chiều, mẹ ngồi dựa lưng thành giường, chân co chân duỗi, tay xoa đầu gối liên tục, vừa nhăn nhó vừa hoan hỉ:

- Đã bảo suốt mấy hôm là đổi giời mà. Cái đầu gối này báo cấm có sai. Lại còn sớm hơn cả chương trình thời tiết ở ti-vi nữa. Chân cẳng mẹ thế này, mấy chị em mày liệu liệu chợ búa cho xong đi. Mai đã hai chín tết rồi. Sang tới ba mươi là cập rập lại cái quên cái nhớ... Ấy cái thằng này! Xoa nhè nhẹ cho bà thôi! Đấm thế thì vỡ đầu gối bà ra còn gì! Tao tính thế này: Mai mẹ con thằng Thành mang qùa bố mẹ biếu ông bà ngoại, nhân tiện tạt vào chợ Hoa chọn cho mẹ chục huệ đèm đẹp vào. Đào quất thì năm nay mồng hai bố mày đã về quê giỗ họ, thôi, mua phiên phiến lấy bó chân chim thược dược đồng tiền, cho có, chứ chúng mày tót đi cả còn ai mà ngắm. Con Trang lo mua nốt đồ nấu cho ba ngày tết với đi lấy bánh chưng mẹ đặt trên Mai Hắc Đế. Đấy, mấy năm nay mẹ đổi mới tư duy không luộc bánh cả nhà đỡ vất vả. Bố thằng Thành chiều mai mới ra hử? Thằng Tùng làm cho tây không láng cháng tám giờ vàng ngọc được, miễn, chỉ cần đèo mẹ đi chúc tết chiều mồng một rồi tao giải phóng...

Thằng Tùng chắc chắn là không nghe được cái đoạn mẹ phân công cho nó. Nó đã đóng bộ từ bao giờ và chắc chắn là đã vi vu ngoài phố gió. Chị Hạnh úp bát vào chạn xong quay ra ngồi đối diện với mẹ ở đầu giường đằng kia:

- Để cô Trang đi mua hoa. Cũng tiện đường từ trường cô ấy về. Con mà tha thằng Thành vào đó thì không biết khi nào mới mò ra được. Con lo đồ nấu. Cô Trang đoảng lắm. Nhỡ quên thứ rau cỏ gì thì sáng mồng một

không biết lấy gì ra làm cơm cúng cụ...

- Ừ. Chị em tính sao thì tính. Trang đâu rồi con? Chị vừa bảo có nghe thấy không con?

Trang ngồi bên bàn làm việc kiểm tra bài vở của thằng cháu, lặng lẽ trả lời: "Vâng ạ". "Bao lâu rồi, sao mọi đối thoại của mình chỉ toàn là *vâng ạ* với *không ạ* thế này?"

Gió trở thành khó ngủ. Trang nằm thu lu trong chăn, không làm cách nào cho hai bàn chân ấm lên. Nghĩ lung tung. Mai lên lớp chắc chỉ toàn dặn dò với chúc tụng. Rồi đi nhận hàng tết của công đoàn. Ngày xưa thì vui. Giờ chỉ thích quy hết vào lương. Mấy năm rồi không đi chợ Hoa. Những đứa nào như mình?

Nhớ hồi nào... Chiều hai chín tết, lớp trưởng Hà Linh hớt hải phóng xe tới nhà: "Mai đi chợ Hoa. Toàn lớp cũ mình. Tập hợp ở nhà tớ rồi đi bộ ra chợ. Người yêu được mang theo. Số lượng không hạn chế." Cười xòe một nụ. Cả đêm lòng tưng bừng. "Chứ sao! Mỗi đứa giờ một trường. Sắp ra trường cả lũ rồi. Rồi phải đi làm, rồi đứa một đời bồ đứa hai đời bồ, tự tập không phải dễ."

Sáng ba mươi, mưa phùn rất nhẹ, và ấm. Gần đủ mặt cả lớp. Lớp trưởng Hà Linh mới bị người yêu đá mà trông không thiểu não tí nào, hăm hở xếp xe bạn bè thành một hàng dài trước cửa nhà, giao hẹn với hai thằng em: "Nguyên lành anh về mừng tuổi trước. Đủ mua pháo đốt tới hôm đi học." Và chộp lấy Trang: "Một mình à? Hay! Lát đi cùng tớ với Bá. Cậu đứng kia kìa! Hai thằng con trai cắp tay nhau trong chợ Hoa thì thành "chị ẻn" mất."

Bá? Trông quen quen. Trang ngờ ngợ một hồi. Đúng rồi! Giải nhất toán quốc tế. Cả lũ đứng dậy vỗ tay tưởng vỡ hội trường Ba Đình lúc Bá lên nhận phần thưởng của thủ tướng. Hai đầu gối hai miếng vá. Bé tí teo. "Hồi đó chắc chắn là thấp bé nhẹ cân hơn mình" Trang mỉm cười, lơ đãng. "Khỉ thật! chẳng thấy thi quốc tế môn văn cho mình cố giật xuôi giật ngược một cái giải gì đó. Cho cậu chàng cũng phải biết mình".

Bá bây giờ cao lớn, cao lớn đến nỗi cái xe "cuốc" Liên xô Bá dắt nguềnh ngoàng là thế mà vẫn có vẻ quá thấp. Nhìn rõ ra màu bơ sữa. Lớp trưởng Hà Linh đã làm xong việc xếp xe phát số cho cả lớp nhảy bổ ra cười đầy ngụ ý: "Biết nhau chứ gì? Hả các "tấm gương sáng cũ"? Trang! Ba năm cấp ba với mình. Giải nhất văn toàn quốc. Bá! Cùng lớp tớ từ cấp một sang cấp hai. Dân Lô-mô-nô-xốp về nghỉ tết." Trang tỉnh bơ: "Tớ tự giới thiệu được. Bá cũng thế phải không?"

Vào đến chợ là cả lũ tự động lạc. Người như nước. Hoa trôi trên sóng người. Trang nhìn quanh. Lớp trưởng Hà Linh cũng biến mất tăm. Còn mỗi Bá lơ ngơ đứng bên cạnh. "Cao thế này đội hoa trên đầu thì chắc chắn không bị dập nát. Hay là công kênh trẻ con cũng tuyệt." Và ra vẻ tự nhiên, Trang túm ngay lấy khuỷu tay Bá: ""Đi! Khéo lạc nhau nốt thì tớ chịu không biết ra cửa chợ phía nào cho đúng chỗ để xe:"

Và hai người đi. Một lúc nào đó Trang thấy mình không nắm khuỷu tay Bá nữa. Bàn tay Trang nằm gọn trong tay Bá, ấm sực. Mắt kính hai đứa loang loáng nước mưa. Một lúc khác, Trang ngỡ ngàng thấy mình đang đi trong vòng tay Bá mà chẳng có ý định vùng ra. "Hoa mưa nở từng bông trên mái tóc... Trang biết câu đó không? Mình học toán mà thích thơ lắm. Chắc gien lặn từ ông ngoại mình." "...Em tươi tắn như mùa xuân thứ nhất - Nhưng thủy chung như một sắc mai già - Đôi mắt mở to dịu dàng thấm mát (*)... người ta còn thuộc cả bài ấy chứ!" Trang nghĩ, cười, lắc đầu dứt khoát: " Không! Trang học văn mà tính khô lắm." Bá cúi nhìn, mỉm cười. "Học bằng mình, hồi trước có vẻ còn thấp bé nhẹ cân hơn mình mà giờ ra dáng đàn ông chững gớm!"

Một lúc, hai đứa thấy mình đứng giữa một chỗ quang đãng hẳn. Hàng Mã. Phố dành cho ông bà già. Bày toàn cây thế. Lại bán cả hoa giấy. Trang bối rối bước dấn lên thoát ra khỏi cái quàng vai trìu mến mà không dám chặt của Bá, lại bối rối ngoái nhìn.

- Trang nhìn này! Đẹp không?

Cây mai trắng, ít hoa nhiều lộc. Những lá non bé bỏng đã trở màu xanh sáng. Cánh hoa mỏng manh, trắng xanh, tinh khiết. Lá hoa lấm tấm mưa xuân. Tết, miền Nam chơi mai vàng, dân Hà Nội chuộng đào quất. Cây mai trắng đặt bên hè phố, cô độc, và không gợi một chút gì phong túc. Đẹp lạ lùng. Cái đẹp của thiếu hụt, của đạm bạc. Kiêu sa. Cũng lạ lùng là vẻ say mê của Bá. Bá quàng lấy vai Trang, lơ đãng kéo sát lại. Trang đi chợ Hoa bao lần. Chợ Hoa ban ngày. Chợ Hoa ban đêm. Bao nhiêu lần túm tay bọn con trai, bao nhiêu lần để bọn con trai túm tay rồng rắn lên mây trong chợ. Trang chưa yêu bao giờ. Tim gõ nhịp như những dấu chấm than: Yêu là thế này! Yêu sẽ thế này! Ông cụ bán hoa cau có nhìn. Hai đứa cười, dắt nhau đi, trong mưa, trong mơ. Thấy hoa gì cũng đẹp. Cả hoa giấy xanh xanh đỏ đỏ một cách ngoa ngoắt, vốn chỉ phù hợp với ánh đèn dầu loè nhoè và những bức vách trát rơm với bùn ở nhà quê, không thể thương được dưới ánh đèn điện thô bạo.

Bá đi rồi. Đi hẳn. Lá thư gần nhất Trang nhận được từ Bá cũng cách nay đến năm năm, báo tin Bá bảo vệ đặc cách tiến sĩ, không ở lại Nga

giảng dạy theo lời mời mà sang Pháp làm cộng tác viên khoa học. Những lá thư trước đấy của Bá hay nhắc tới những cơn mưa phùn. Không biết trong đó có cơn mưa xuân năm nào? Mưa rất nhẹ, mưa như sương phảng phất, ta qúa hiền không cảm hết hơi mưa, phải không Bá? Hơi mưa ấy vẫn còn bỏng rẫy trong lòng Trang...

Chuông đồng hồ điểm ba tiếng. Yên tĩnh đến độ nghe rõ tiếng nước chảy róc rách từ vòi nước công cộng ở tít đầu kia của dãy nhà Trang ở, quanh năm mất khóa, chỉ thỉnh thoảng mới được một ông đàn ông mạnh chân khỏe tay thút nút bằng một cái lõi ngô. Trang xoay mình, hai tay thu lại kẹp trong đùi, cảm thấy bàn chân càng ngày càng giá, tưởng đem nhúng vào chậu nước lạnh thì chậu nước lập tức đóng đá. Lại nhớ lá thư cô văn thư trường trước giờ lên lớp vừa ơi ới gọi vừa lạch bạch chạy theo đưa của lớp trưởng Hà Linh. "Bá viết thư cho tớ, than chưa biết bao giờ về được để đi chợ Hoa. Lại còn làm thơ cơ nhé. Tớ chép ra đây để Trang chấm luôn: *"Từng hiểu nhau một ngày - Rồi một đời xa nhau - Người có còn nhớ không? - Người có còn như xưa?"* Nghe cứ như thơ tình ấy nhỉ?"

"Lớp mấy năm rồi không tụ tập được. Giá mà Hà Linh không vào nhận công tác ở Sài Gòn thì còn có đứa đứng ra hò hét. Cái Hằng đã hai con. Đứa đầu năm nay mẫu giáo lớn rồi đây. Trong lúc nào cũng như mẹ bổi. Tường Anh hôm rồi gặp ngay chỗ rẽ vào trường, bước một bước bụng lại văng qua văng lại, mặt phị ra nhìn đăm đăm phát khiếp, cười trông càng chán. "Từng hiểu nhau một ngày - Rồi một đời xa nhau." Chẳng lẽ Bá cũng đã từng có một lần như thế? Như mình? "Người có còn nhớ không? - Người có còn như xưa?" Bên ấy Bá nhớ chợ Hoa. Bên ấy nhiều hoa lắm. Như xưa! Nhưng như xưa thì được cái gì?

Trang nghĩ lan man. Nghĩ sang việc mẹ giao. "Có điên mà một thân một mình xông pha trong chợ Hoa. Mua được chục huệ tha ra thì chẳng cứ hoa đến người cũng nát. Năm nay phiên phiến thôi. Mẹ bảo năm nay phiên phiến thôi." Và quyết định: "Sang năm lấy chồng."❐

* Trích từ Tình yêu và báo động - Bằng Việt.

CÁO LỖI:

Vì bài vở văn hữu gửi về cho Văn Học Xuân 1998 quá nhiều, trong khi số trang có hạn, nên Tòa soạn đành phải gác lại một số bài chưa đòi hỏi thời gian tính, cũng như một số mục thường xuyên như Thư tín, Giới thiệu sách mới. Xin cáo lỗi cùng quí văn hữu và bạn đọc

Tempe.
Thơ qua hoang mạc

NGUYỄN XUÂN THIỆP

hãy vinh danh
vinh danh dôi giày van gogh
hãy vinh danh
vinh danh chuyến xe buýt mang tên sói dồng hoang

tempe
im bóng cây sa mạc
xanh. giấc mơ xanh
giữa ngày nắng diên. mây trời. dá và cát

trua dáp xuống tempe
nhu cánh chim bay vào bóng lá
dẹp bầu trời của những cây xương rồng
ôi. xứ sở đã dựng lên những con dường của trí tuệ
và tho

trua ngồi ở tempe
nhớ những xóm làng của gió mùa. em. và dất nước xa
một mai. nếu thơ anh còn dược dọc ở những hè phố
xua. anh sẽ mang về quê nhà. gió
lãng du.bụi những con dường thẳm vang.
nắng từng cháy trên tóc anh ngọn ngọn
màu hoa xương rồng hung bạo. em. cây
sầu dông trổ bông tím. hãy nhìn thật
sâu hồn anh. bóng những ngọn núi
dá hồng cổ quái. những cồn cát nhẵn
mịn lượn sóng trùng khơi. ôi da thịt

em một đêm xuân nồng. những búi cỏ sa
mạc bay bay trong một hoàng hôn buồn.
và tempe. hàng cọ lao vun vút dưới trời.
trưa nào. nhu trưa ở đây. chuyến xe chở
tù qua rừng gồi yên bái hà giang
và tempe
những quán sách. quán tranh. và tượng
nhớ không. ngày thanh niên. nắng và gió. ngồi trong
quán thua. anh và em. tách trà hương sen
ủ. chợt nghĩ tới ngày chia tay. sợi tóc
rơi trên mặt gỗ sầu. xa rồi. ngày thinh
không. phố của ta
giờ đây tempe
anh ngồi bên trang sách mở. làm thơ
phố nâu. nắng ngoài mái hiên. mùi cà phê tỏa
ôi. con đường lát gạch hồng xưa
trên góc quảng trường
người sinh viên nghèo cuộn tờ báo trong tay.
chờ chuyến xe buýt sang thành
phố khác
tưởng bây giờ là những ngày hồng trong thư viện
anh ngồi với thời gian
bụng đói
tiếng ve đầy trời
rợp những khu vườn nắng đỏ
những trang sách lật qua. lật qua
bóng núi. cát sa mạc. người. bến cảng và than

cuộc nổi dậy. triết thu sấm động
mộ bia. thiền su đi trong dám bụi
giục giã. tiếng gọi của rừng hoa quỳ

trưa ở tempe
phố. quán. những cột đèn thời shakespeare
âm nhạc. mùi bánh. và bia nâu
saigon của những năm đầu 60. thơ thanh tâm tuyền
chiến tranh còn trên những cánh đồng xa
giờ dây tempe. năm chín sáu quê người
không còn nghe tiếng động. thời gian chết xanh.
không gian tím sũng
là lúc ta không nhìn thấy nhau

khuya nay. tempe. trăng lên trên hàng cọ và đồi
hoa xương rồng. người dàn ông đa
màu. đi dưới trăng. áo choàng vai.
hát một khúc ca buồn. bài đoản ca
của khu rừng cánh đồng và những
bông lúa chết
khuya nay. còn ai đọc thơ anh dưới đèn. xứ người.
những cánh cửa đã khép. anh làm thơ.
cho ngọn gió điên. cuốn bay đi. bay đi
thơ qua hoang mạc
tempe

Rừng Phong Dần Đỏ

Nguyễn Trung Hối

Khi lá rừng phong dần đỏ thắm
Anh nghe hương nồng bách diệp thoảng đâu đây
Ôi những hoàng hôn rực rỡ xứ người
Anh vẫn nhớ, vẫn mơ mỗi độ thu vàng phố cũ
Hoàng Xuân Sơn

A.

Hai người chui ra khỏi vòm tối của chiếc cổng gạch nặng nề cũ kỹ, đi rẽ về phía tay trái dọc theo con đường trải đá lởm lói sát bên bức cổ thành rêu phong xám xịt lạnh lùng. Trên bầu trời cao mảnh trăng thượng tuần rải xuống một thứ ánh sáng xanh ướt sương đêm, in loang lổ những bóng lá cành trên quần áo hai người. Ở phía dưới chân họ là hai bóng đen ngắn ngủn, xê dịch quẩn quanh theo bước chân chậm rãi, không hề gây tiếng vang, họa hoằn lắm mới có tiếng xào xạc rất nhỏ của một chiếc lá khô khi chân người này hay người kia chạm phải. Quanh quất đâu đó có tiếng côn trùng kêu ri rỉ rất nhỏ. Thỉnh thoảng người ta nghe tiếng của một chiếc lá khô rơi trong gió. Hai người cứ thế bước đi trong im lặng, cố giữ để không làm nên tiếng động, dầu chỉ là rất nhỏ. Và cho đến bây giờ, có thể qua gần một tiếng đồng hồ, hai người không ai nói với ai một lời nào.

Bỗng nhiên người con gái phát lên một tiếng la nho nhỏ rồi tiếp theo là tiếng xuýt xoa hình như đau đớn lắm. Tà áo dài màu sắc nhờ nhờ sụp xuống phủ lấy mặt đường trong bóng tối của tàng cây cao, một cánh tay của nàng vươn ra quờ quạng tìm một vật gì đó.

Có tiếng hỏi của người con trai :

"Chi rứa em?"

"Em bị trật guốc." Tiếng người con gái trả lời.

"Có can chi không?" Người con trai hỏi tiếp giọng đầy vẻ quan tâm ."Hơi đau một tí thôi . Ủa, chiếc guốc của em văng đi mô rồi."

"Để anh coi." Tuy nói thế nhưng người con trai chỉ nắm lấy bàn chân của người con gái, chứ không tìm chiếc guốc đã văng đi. Bàn chân của người con gái là một bàn chân nhỏ nhắn, mềm mại và lạnh.

"Chân em lạnh quá!"

Người con gái bất chợt rùng mình khi bàn tay người con trai ve vuốt trên da thịt mình, tự cảm thấy một chút rờn rợn tê mê đến quên hết chỗ đau.

"Anh tìm cho em chiếc guốc đi ! Em không thấy mô cả."

"Ừ."

Rồi người con trai cũng tìm thấy ngay chiếc guốc văng ra xa đó.

"Tạm thời, chúng mình ngồi nghỉ một tí đi. Đến chỗ mấy khẩu thần công kia hí ?"

"Dạ."

Người con trai nhẹ nhàng dìu người con gái đến ngồi trên thanh gỗ lớn được dùng làm đế súng. Đây là những khẩu súng đồng khổng lồ được đúc chế từ hai trăm năm về trước, có lẽ đã từng có danh vị và được phong quan tước. Trái với nhà súng đối diện bên kia bãi cỏ rộng còn có mái che, phía bên này chỉ có trời đêm và trăng trên cao, vẫn cứ lạnh lùng soi mói nhìn mãi hai người. Trên nền gạch lở lói còn dấu tích của hai khẩu súng đã mất. Có người nói biết đâu vì hai cổ vật ấy, người ta đã hy sinh một thành phố lịch sử và hàng nghìn sinh mạng của con người...

Người con trai ngồi xuống cạnh người con gái, lời hỏi han vẫn còn vẻ lo lắng :

"Em đã đỡ đau chưa?"

"Đỡ rồi anh."

"Có lạnh không?"

"Hơi hơi lạnh một chút thôi."

"Em khoác chiếc áo của anh đi." Người con trai vội vàng cởi chiếc áo khoác ngoài màu đen hay gần như thế, lên vai người con gái.

"Còn anh ?"

"Anh sẽ lợi dụng một tí (cười). Để được ngồi gần em."

Người con gái lại rùng mình khi một cánh tay của người con trai dè dặt choàng sang ôm nhẹ vai mình.

Để cố quên đi chuyện đó, người con gái lên tiếng :

"Kết cục của phim buồn quá anh hí ? Em thấy tội nghiệp cho ông giáo quá. Sao ở đời lại có con người quảng đại và cao thượng như *rứa*."

"Anh thì thấy tội nghiệp cho người thiếu phụ. Nàng đã nhầm lẫn sự

thương hại và thương yêu."

"Thì cũng tại vì tên sĩ quan người Anh chứ?"

"Không trách họ được. Họ là những người lính thú xa nhà, lại vốn mang dòng máu của những kẻ chinh phục trong người. Họ không bao giờ bỏ lỡ cơ hội. Cũng như giáo sư Smith của em đó (cười). Nếu có trách thì trách người phụ nữ trẻ con, thích làm chuyện bao đồng, thích làm người lớn mặc dầu tâm hồn rất bé bỏng. "Rừng lá" của anh cũng vậy. Hãy coi chừng những kẻ pioneer !"

Người con gái "hứ" một tiếng rồi ngồi xích ra xa, vẻ giận giỗi.

"Em không thèm chơi với anh nữa !"

"Thì thôi. Anh đành chịu kiếp cô đơn suốt đời... Nhưng thôi, chúng ta hãy đi về mau kẻo me chờ."

Tiếng "me" lần đầu tiên được phát ta từ miệng người con trai có lẽ đã xoa dịu phần nào sự hờn giỗi trong lòng người con gái, nhưng nàng vẫn chưa chịu làm lành, vội bước nhanh lên phía trước, không chịu cho bạn mình dìu đi.

Cuối cùng hai người cũng về đến nhà.

Chiếc cổng chỉ khép hờ vừa đủ cho hai người theo nhau len lỏi vào. Hai hàng chè Tầu cắt xén thẳng tắp dẫn đến chiếc sân nhỏ ngập tràn ánh trăng. Hai người ngồi xuống tam cấp trước nhà "bổ cua", chân cẳng của ai cũng như muốn rời lỏng cả ra .

Một cơn gió lạnh phía vườn sau thổi đến mang theo hương vị ngọt ngào quen thuộc của hoa lài quyện lẫn với mùi hăng hắc nồng nàn của mấy cây trắc bá diệp sát bên cạnh.

"Anh khát..." Người con trai lên tiếng trước.

"Để em vô rót nước cho." Người con gái nhanh nhảu cướp lời. "Ai biểu hồi chiều me nói anh không nghe. Me nói anh đừng ăn mắm cà kẻo người ta cười "công anh làm rể Chương Đài, ăn hết mười một, mười hai vại cà" đó. Anh nhớ không?"

"Để yên cho me ngủ. Anh không khát nước mô, mà chỉ khát...yêu thôi. Cho anh hôn em để còn về, mai đi học sớm."

"Không cho. Ai biểu anh..."

"Thì thôi, Tui về. Chào bà giáo sư!"

Vừa nói người con trai vừa đứng vụt dậy đi ra cổng. Người con gái vội kêu nhỏ một tiếng "anh", nhưng người con trai đã khuất vào bóng đêm, không nghe và cũng không thấy người con gái bắt đầu khóc.

B.

Hoàng hôn đến tự bao giờ ở ngoài kia trên thành phố rực rỡ này, cái

thành phố vẫn có biệt danh là *thủ phủ Hollywood* của phương Bắc. Xa xa, nổi bật trên bầu trời màu tím đỏ và vượt lên trên các cao ốc cao nhất vẫn là đỉnh tháp CN *chói sáng*. Trước mặt ông, trên con đường chính chạy về trung tâm thành phố,cũng là chạy về phía chân trời *có màu tím đỏ ấy xe cộ như mắc cửi*. Một nửa lòng đường chói chang ánh đèn vàng kéo dài như vô tận trong khi nửa đường bên kia thì là *màu đỏ*, cũng gần vô *tận như thế*.

Nhưng cảnh trí này đối với ông *gần như vô cảm*. Có thể vì quá làthông thường. Chiều nào, đêm nào cũng chỉ chừng ấy thôi, và cũng chỉ thế mà thôi, cho dầu là những *tháng dài tuyết* giá của mùa đông, hay những ngày nắng ấm ngắn ngủi của mùa hạ. Nhưng ông vẫn thường thấy, hay *đúng* hơn, ông thường *hình dung* trong trí tưởng, rõ mồn một con đường phố cũ mỗi độ thu về...

(*Hình như* có tiếng loa vang lên đâu đó :

" Mời bác sĩ Nguyễn đến ngay phòng *mổ cấp cứu* số 3 !")

...*Đó* là con đường đá loang lổ dọc theo cổ thành và chân kỳ đài cao ngất, là khu vườn cổng bao giờ *cũng chỉ* khép hờ, có hai hàng chè Tàu thẳng tắp và bốn cây trắc bá diệp quanh năm tươi tốt. Và nhất là có người con gái một thời ông *đã yêu, đã nhớ*.

Có tiếng gõ cửa rồi Larisa, cô bác sĩ trẻ người Ukrainian *bước* vào.

"Anh Nguyễn, loa gọi anh không nghe sao? Phòng mổ cấp cứu số 3. Mau lên ! ồ, tại sao anh không bật đèn lên?"

Bây giờ ông mới nghe tiếng loa vang vang :

"Dr. Nguyen...ER Three! Dr. Nguyen *to* ER Three!"

Larisa ôm choàng lấy ông, giọng quan tâm :

"Anh có sao không?"

Hôn phớt lên má nàng, ông đáp :

"Tôi không *sao*."

C.

Chiếc xe đạp thuê của anh bồi tuy cổ lỗ xỉ *nhưng* coi bộ chắc chắn. Đạp hơi nặng một tí mà đi nhanh, không như xe của ông ở bên nhà, đạp nhẹ nhàng, phom phom mà quay *chậm như* rùa.

Ra khỏi khách sạn một đoạn, ông nghe có tiếng người gọi :

"Ê, xe đạp !"

Ông vội dừng lại, tưởng có ai quen đã nhận ra mình. Một cô *gái nón* lá, tay xách đứng *bên kia* đường, hỏi lại :

"Đi không anh ?"

Ông *nhìn* cô gái ngạc nhiên đến thương hại, khẽ lắc đầu. Mới chỉ xa

nhà mười lăm năm không ngờ quê hương đã đổi thay nhiều quá. Cả những nề nếp vốn tốt đẹp nhất của con người ở đây cũng tha hóa đi nhiều. Thậm chí những cô gái đứng đường cũng chào mời khách một cách ngang nhiên và suồng sã.

Ông tìm đến giảng đường trường Y không lấy gì làm khó khăn lắm. Ông vào và ngồi ở cuối phòng, phía sau đám sinh viên nữ nhiều hơn nam. Không ai chú ý đến ông, mặc dầu ông không khoác blouse như họ.

Trên bục giảng, Bách Diệp đang nói về những triệu chứng lâm sàng của bệnh glaucoma. Ông nhìn chăm chắm vào đôi môi của nàng. Nghe nàng nói nhưng không hiểu gì, hay đúng hơn là hiểu rất ít. Một phần là vì những danh từ y học được Việt hóa xa lạ quá đối với ông. Nhưng phần chính là bởi đôi môi duyên dáng của nàng đã thu hút hết thần trí của ông. Chắc chắn có nhiều anh sinh viên chết mê chết mệt vì đôi môi của thầy hơn là những gì thầy giảng dạy.

Diệp vẫn mải mê nói, mắt chỉ tập trung vào mấy hàng ghế sinh viên phía trước, không biết có ông ngồi ở cuối giảng đường.

"Người ta phân biệt glô-côm nguyên phát và thứ phát, bẩm sinh. Hình thái nguyên phát phổ biến hơn cả. Cần tích cực phát hiện những nguyên nhân glô-côm nguyên phát ở giai đoạn sớm và theo dõi đixpanxe tiếp theo làm cho việc bảo vệ các chức năng thị giác và khả năng lao động được dễ dàng. Y tá có vai trò quan trọng trong việc này. Y tá tích cực tham gia vào việc khám sơ bộ và đo nhãn áp cho nhân dân và theo dõi đixpanxe các bệnh nhân. Người ta phân biệt hai hình thái chủ yếu của glô-côm nguyên phát, góc mở và góc đóng..."

Vừa giảng, Diệp vừa vẽ lên bảng đen bảng phân loại glaucoma nguyên phát, gồm có bốn cột. Ở cột thứ nhất, nàng ghi : "Hình thái glô-côm"; cột thứ hai : "Giai đoạn" ; cột thứ ba : "Tình trạng nhãn áp" và ở cột thứ tư : "Biến đổi chức năng thị giác" . Bảng vẽ rõ và đẹp nhờ các đường kẽ ngang dọc thẳng băng, chữ ghi đều nét và đẹp, chứng tỏ người thầy có trình độ sư phạm vững vàng.

Tuy nhiên có điều làm ông lạ lùng vì đây là một lớp dành cho sinh viên, tương lai sẽ tốt nghiệp bác sĩ, sao trong giáo trình ông nghe có nói đến y tá? Ông nghĩ giáo trình mà Bách Diệp giảng dạy có thể đã dịch nguyên văn từ một cuốn sách nào của Liên Xô, vì có lúc ông nghe nói đến nhãn áp kế Maklakôp, rồi phương pháp phân loại theo A.P.Nextêrôp và A.Ia.Bunin...Giáo trình này đã lạc hậu trên vài chục năm là ít! Đấy là chỉ mới so sánh với Liên Xô (cũ). Còn nói chi đến y học phương Tây. Tự nhiên, ông thấy thương cho sự hẩm hiu của đồng bào mình...

Hết giờ học, đám sinh viên còn vây quanh Bách Diệp một lúc lâu. Họ

không hề nêu một thắc mắc nào về bài giảng mà ông nghĩ là phải có rất *nhiều, họ chỉ tranh nhau hỏi nàng về điểm kiểm tra một môn nào đó...* Chờ cho Diệp đi đến cuối phòng, lối ra cửa, ông mới đứng dậy. Nhìn thấy ông, bỗng nhiên mặt nàng bừng đỏ. Ông không hiểu nàng vui hay thẹn thùng, nhưng ông thấy nhờ thế nàng lại càng đẹp hơn. Gái hai con vẫn mòn con mắt !

Nàng hỏi ông :

"Anh ngồi nghe em giảng bài hả? Chết em rồi ! Em lại múa rìu qua mắt... thầy rồi ."

"Không sao! Giáo sư giảng gì tôi có hiểu mô tê gì đâu."

Rồi ông nói nhỏ bên tai nàng : "Vì anh mải nhìn đôi môi của em thôi. Em đẹp quá, Diệp ơi!"

"Anh ..."

Vần chỉ có một tiếng lấp lửng như thuở nào. Và ông thường yêu những lời nói không thành câu như thế của nàng.

Khi thấy ông lúi cúi mở khóa chiếc xe đạp cà tàng của anh bồi khách sạn (anh ta đã dặn đi dặn lại phải khóa cho kỹ), Diệp cười đến gập đôi người xuống. "Đây là xe đạp ôm mà !" Và hỏi ông :" Dọc đường có ai kêu anh đi không?"

"Xe ôm hả? Hèn chi..."

Bây giờ ông mới chú ý đến chiếc yên sau khá chắc chắn và hai chỗ để chân to bành. Gớm cái nhà anh này, anh ta cũng cày hai giốp như ai, làm việc ở khách sạn xong là chạy xe ôm!

Cười rũ rượi một lúc, Diệp mới vẫy một anh sinh viên, giao cho anh ta chiếc xe ôm và mấy lời dặn dò rồi dẫn ông đi về nhà xe. Chần chờ đợi cho đám sinh viên ra về hết, nhất là các cô gái mà mắt lúc nào cũng lộ vẻ tò mò, Diệp mới mở khóa xe gắn máy và chờ cho ông yên vị vững vàng trên yên sau rồi mới cho máy nổ .

"Có muốn lợi dụng một tí thì ngồi sát lại chứ đừng ôm em nghe ! Ở đây...anh biết rồi đó."

"Anh biết rồi. "Rừng lá " của anh."

"Nữa...Mười mấy năm rồi vẫn rứa."

"Không phải mười mấy năm đâu ! Chỉ mấy ngày không gặp em thôi."

...Con đường Lê Lợi như hẹp lại và tối hơn vì những tàng lá xanh um, nhưng vẫn nên thơ và đong đầy những kỷ niệm. Lá rơi đầy trên hai bờ đường ngập nắng. Không có mưa nhưng tóc của Diệp vẫn bay quàng lên mặt ông " cho mưa rối sợi quàng sang vai mềm"...

Cầu Mới rồi Cửa Ngăn. Xe của Diệp lại chạy về trên con đường quen

thuộc ngày xưa, dọc theo bờ thành cổ. Con đường tuy đã đổi thay nhiều lần tên gọi, nhưng vẫn cũ kỹ loang lổ ảm đạm và tiêu điều hơn xưa nhiều quá. Ông có cảm giác như lòng đường thấp trũng xuống, lún sâu hơn và dãy ao hai bên đường như lại được nâng cao hơn, được bồi đắp thêm?

Trở lại vườn xưa lòng ông như trùng xuống. Vẫn cánh cổng ơ hờ khép, tuy đã dặm thêm mấy thanh gỗ mới cũng cứ lạ lẫm làm sao. Hai hàng chè Tàu không còn, cả đến cái nhà "bổ cua" từng chứng kiến mối tình đầu của ông, từng ghi nhận những lời tình tứ của hai người cũng đã sụp đổ, chỉ còn trơ lấy cái nền xi măng. Bốn cây trắc bá diệp mà ông vẫn nhớ, vẫn mơ về bao nhiêu năm qua tuy có lớn hơn, cao hơn, nhưng cành lá lại khô cằn và chi chít những tổ sâu kèn đung đưa trong gió.

Còn biết bao nhiêu là sự đổi thay nữa...

Nhưng may mắn thay, ông còn có nàng !

Cho xe vào nhà xong, Diệp quay ra với ông. Hai người ngồi xuống bên nhau trên tam cấp ngày xưa. Và nàng gục đầu vào vai ông, lặng lẽ khóc.

Tìm mua sách phê bình văn học do Văn Nghệ xuất bản:

VÕ PHIẾN

Văn học Miền Nam Tổng quan 14 MK
Thơ Miền Nam I 6 MK
Thơ Miền Nam II 11 MK
Truyện Miền Nam I 6 MK
Truyện Miền Nam II 10 MK
Truyện Miền Nam III 10 MK
Ký, Bút, Kịch I 10 MK
Ký, Bút, Kịch II 10 MK

THỤY KHUÊ

Cấu trúc Thơ 13 MK

NGUYÊN HƯNG QUỐC

Võ Phiến 12 MK
Văn học VN dưới chế độ cộng sản 16 MK
Nghĩ về Thơ 10 MK
Thơ, v.v và v.v 14 MK

Cây liễu rủ
NGHIÊM XUÂN HỒNG

Hắn trở lại nằm bên bờ liễu rủ
Liễu xanh xanh nghi ngút bóng thời gian
Vài con quạ đen ngòm như tĩnh vật
Bay xạc xào trong vòm lá hoang sơ

Tĩnh hay động? Hắn nhủ thầm ngơ ngác
Chẳng biết nghĩ sao về vũ trụ này
Giữa những cơn lốc xoay tròn dầy cuồng vọng
Bỗng thấy điểm vào một khoảnh khắc thiên thu

Thiên thu thiên thu! Hay chỉ là một khắc
Ngắn hay dài đều là tia-chớp-nháng của Tâm
Cái Tâm ấy cứ phụt lên những tia sáng điên dảo
Và xác thân này lơ lửng lại già đi...

Hắn có cảm tưởng kiếp sống là chơi trò cút bắt
Trò ú tim giữa lồng lộng hoàng hôn
Phụt một tâm niệm lên rồi giơ tay nắm bắt
Bắt được hay không ai là kẻ biết đây?

Nằm trên cỏ xanh hắn co ro thoi thóp
Nghe nhịp tim thổn thức dồ liên hồi
Nghe máu chạy li ti trong huyết quản
Bỗng thấy giật mình như tràn ngập thiên thu.

Thiên Thu

Hoàng Chính

Tiếng gõ cửa nhẹ, thật nhẹ, nghe như tiếng cào của con chó, đi chơi khuya, lúc về rụt rè đánh thức chủ. Vậy mà anh nghe thấy ngay. Anh tắt vội máy truyền hình, chuồi hai chân không vớ vào đôi giày da nâu bóng chuốt, lướt đi vội vàng trên nền thảm đỏ dầy, ra cửa.

Người con gái tóc dài đứng nép một bên cửa. Đôi mắt ngơ ngác như đứa bé đi lạc. Chiếc áo xường xám mầu kem thêu hoa vàng dài tới gót chân. Chiếc áo xẻ thật cao, mãi trên đùi...

Anh lặng người nhìn cô, quên hết cả những câu chào hỏi thông thường. Cô đứng lặng ngắm anh. Cô nghiêng đầu làm duyên. Rồi khóe môi cô nở cho anh một nụ cười.

Bây giờ mới hoàn hồn, anh xôn xao, "Sao biết anh ở đây?"

Cô thở hì hạch như vừa leo dốc, "Em hỏi quản lý khách sạn."

"Đi đâu thế này?" Anh hỏi một câu thừa thãi.

Cô tròn mắt nhìn anh. Con mắt nhìn thăm thẳm làm nhói lên trong anh cái cảm giác bào gan, xát ruột. Và anh bỗng dưng nhớ ra rằng chính anh đã nài nỉ cô cho anh gặp lần cuối.

Cô vẫn nhìn anh đăm đắm, chút bối rối vương trên khóe cười hoa sứ. Anh níu tay áo, kéo cô vào bên trong. Ánh nắng ban mai vạch trên mặt thảm khung hình bình hành gẫy khúc. Bụi nắng chao bay một vệt sắc cạnh trong không gian.

"Em... phòng số mấy?"

Anh rặn mãi mới ra câu hỏi ngặt nghèo.

Cô đọc cho anh nghe những con số. Cô nhìn vu vơ chiếc giường còn rối nùi chăn nệm. Một cuốn sách dầy nằm ơ hờ bên chiếc gối trắng muốt. Cô nhìn lướt qua cái bàn viết, chiếc máy truyền hình nằm sâu trong khoảng trũng mặt tường màu hồng lợt.

Giọng cô hụt xuống một âm vực trầm thống, buồn thiu, "Tăng lầu dành cho người đi *honeymoon* đó anh!" Rồi cô hoảng hốt nhìn anh, tưởng chừng như vừa mới lỡ miệng, nói lên điều cấm kỵ. Cô nhìn anh bằng con mắt vái van, "Đừng lại nghe anh. *Nó* khó lắm!"

Anh lắc lư cái cổ bồng dưng bải hoải, tưởng chừng không còn mang nổi cái đầu nặng trĩu. Anh nuốt nước bọt trong miệng môi khô hạn, xoay qua hỏi cô những câu chẳng đâu vào đâu. "Bữa trước trời xấu quá hở em..."

Anh lảm nhảm chuyện nắng hạn ở Phi châu, chuyện mưa lũ ở Ấn độ, quên cả mời cô ngồi. Thành ra hai người vẫn đứng xớ rớ cạnh nhau; mắt đôi khi còn tránh né tia nhìn trong mắt nhau.

"Thời tiết chi mà ngặt nghèo!"

Anh nghe cô than thầm. Dường như cô chỉ nói cho có; như thể cô cũng đang lắng nghe anh nói. Và anh tiếp tục lải nhải như chiếc máy thu thanh cũ rè những bài dự đoán thời tiết với cuồng phong ở miền trung tây nước Mỹ và lụt lội ở *Quebec*.

"Cũng may bữa nay trời nắng..." Cô nói, rồi nghiêng đầu nhìn anh. Đôi vòng tai lúc lắc, lấp lánh ánh vàng chấp chóa mắt anh. Mùi nước hoa phảng phất không gian. Không còn mùi hoa cau hoa bưởi năm nào. Bỗng dưng cô nắm lấy bàn tay anh. Anh cảm được hơi ấm từ bàn tay mỏng manh thấm vào da thịt mình. Hình như những ngón tay cô run nhè nhẹ.

"Em phải về..." Cô dợm bước về phía khung cửa còn hé mở.

"Khoan!" Anh vội níu lấy tay áo cô. Những ngón tay anh chạm phải vật gì cứng quanh cổ tay gầy guộc. Anh nâng cánh tay cô lên, vạch tay áo, tò mò nhìn chiếc vòng cẩm thạch màu lý. Rồi anh buông tay này xuống, lúng túng nâng cánh tay kia của cô, mắt đếm vu vơ bao nhiêu là vòng vàng lấp lánh. Lòng anh nhấp nhô trong cơn say sóng, nghe ruột gan bào bọt. Anh lắp bắp không ra câu ra kệ, "Em... em... về liền sao?"

"Để khuya nay chờ *nó* uống rượu say, *nó* ngủ, rồi em qua với anh!" Cô nói vội như sợ ai nghe thấy. Rồi giật hai tay ra khỏi những móc sắt của bàn tay anh và hối hả bước đi. Anh xớn xác bước theo. Hai chân xục xịch trong đôi giầy không vớ. Anh nhìn dáo dác hai đầu hành lang. Bức tường trắng hồng rải đều những khung cửa chữ nhật. Khung hành lang thẳng tắp, vắng tanh vắng ngắt.

Anh muốn dặn dò cô một đôi điều nhưng bóng cô đã mất hút phía sau cánh cửa thang máy. Lời hẹn hò vội vã của cô đằm thắm nhưng sao tê tái tột cùng.

Cô chẳng qua với anh như đã hứa. Anh giam mình trong phòng trọ, hết coi ti-vi lại tẩn mẩn đo đếm chiều dài chiều rộng căn phòng lót thảm

đỏ. Căn phòng hình chữ nhật bỗng dưng rộng thênh thang. Anh đi tới đi lui như con cọp bị giam trong chuồng. Rồi anh gọi bồi phòng mang cho anh chai rượu. Buồn cười nhất là lúc hắn ta hỏi anh muốn loại rượu nào, anh hỏi ngược lại hắn ta có bao nhiêu loại rượu. Hắn kể ra một lô. Cuối cùng, anh bảo rượu nào cũng được. Tôi mất ngủ. Cho tôi thứ rượu nào làm cho ngủ ngon mà không nhức đầu.

Nụ cười của anh bồi phòng da đen trắng đến rợn người.

Rồi anh uống một mình. Anh say tối tăm mặt mũi. Anh ngủ vùi từ sáng đến chiều, từ chiều tới cả ngày hôm sau.

Tiếng gõ cửa đánh thức anh dậy.

"Gõ nhẹ như thế thì làm sao mà nghe được!" Anh lẩm bẩm trong miệng. Và mắt nhắm mắt mở, anh lết ra mở cửa. Anh ăn mặc xốc xếch như phu khuân vác ngoài bến tàu. Cô nhìn anh ngỡ ngàng. Tóc đổ xuôi hai vai. Sợi dây chuyền vàng óng vắt ngoài chiếc cổ áo may đứng. Chiếc áo xường xám mầu kem thêu hoa vàng rực rỡ không gian. Cái bóp đen đeo vai lủng lẳng bên hông.

Cô cứ đứng như thế mà nhìn anh đăm đắm. Anh nghe môi mình giật giật, tê tê như lúc nhấp ngụm rượu đầu tiên thời còn đi học.

Bỗng dưng cô nhào đến bên anh. Những chiếc vòng vàng quanh cổ tay cô chạm nhau lẻng xẻng. Cô hôn lên môi anh một lần, hai lần. Bao nhiêu lần anh cũng không nhớ nữa. Men rượu ngày hôm trước có làm tê cứng miệng môi cũng không cách nào tạo được cảm giác anh đang có.

"Em xin lỗi. Lu bu quá trời, không qua anh được. Nhớ em không? Kìa sao hôi mùi rượu quá vậy? Em mệt quá anh ơi..."

Cô tíu tít nói và dịu dàng đỡ cái đầu lắc lư lỏng lẻo của anh trong đôi bàn tay ấm áp. Cô nghiêng đầu nhìn đăm đắm vào mắt anh. Anh thấy hai cái quầng mầu tím nhạt dưới mắt cô. Trái tim anh thắt lại. *Em mệt quá anh ơi!* Còn lời thở than nào xót xa cho bằng. Cô ngọ ngoạy cái đầu như bối rối trước mắt nhìn đăm đắm của anh. Đôi vòng đeo tai lấp loáng dưới ánh đèn phòng mà đêm hôm trước anh đã ngủ mê man, quên tắt. Những viên kim cương chấp chóa con mắt.

"Mai em đi rồi!" Giọng nói bồi hồi của cô vướng cả vào những sợi tóc rối bù trên trán anh.

Anh không gật cũng không lắc đầu. Anh lắng nghe cõi lòng mình đang quất lại như cánh hoa thèm nước.

"Anh về bên đó... nhớ giữ sức khỏe."

Dường như anh khẽ gật đầu. Anh níu tay áo, kéo cô vào phòng, rụt rè đóng cửa, rồi cẩn thận khóa lại. Cô lững thững đi về phía cái tủ áo trống trơn. Anh thành pho tượng, tần ngần nhìn theo. Cô ngồi xuống bàn trang

điểm.

Cô nhìn quanh quất căn phòng. Túi hành lý trống hoác của anh nằm trơ vơ cạnh chân giường. Chiếc áo choàng ngắn vắt ngang thành ghế dựa. Cô nhìn bóng mình trong tấm gương hình bầu dục. Cô liếc anh đang lúi húi kéo tấm khăn trải giường. Bàn tay cô sửa sợi dây chuyền vàng đeo lệch trên cổ, rồi loay hoay gỡ những sợi tóc rối. Cô ngâm nga lời một bài hát quen thuộc. Anh tần ngần nhìn miếng lưng mảnh mai, thon gọn. Anh nghĩ tới thằng chủ nhà hàng giàu có. Tia nhìn anh ủ rũ tuột xuống khoảng eo thon, vướng lại ở lưng hằn vết dây thun của chiếc quần lót mỏng. Cô gỡ đôi bông tai để xuống mặt bàn trang điểm, thong thả đưa hai bàn tay ép nhẹ vạt tóc óng mềm hai bên má để dấu hai tai không đeo đồ trang sức. Anh thấy cô gật gù như hài lòng. Rồi cô lại tần mần đeo đôi vòng vàng có những hạt kim cương lấp lánh vào tai. Cô mở bóp lấy chiếc lược ngà ra chải hờ lên tóc. Cây son môi lấp ló trong chiếc bóp không gài.

"Em làm gì vậy?"

"Em nghĩ hoài không có gì tặng anh làm kỷ niệm, để mỗi lần nhìn nó, anh nhớ tới em..."

"Không có, anh vẫn nhớ."

"Em cũng muốn... giúp anh. Có bao nhiêu, gom hết lại mua vé máy bay gặp em lần cuối rồi phải không?"

Anh cười buồn. Cô biết hết. Cô đọc được cả ý nghĩ của anh. Anh thấy mình kỳ khôi. Khi không nài nỉ một lần hẹn cuối cùng. Mà hẹn hò chi đâu ngay vào cái tuần lễ ngặt nghèo của người ta. Có điều cô không biết được là anh đổ đến đồng bạc cuối cùng vào tấm vé máy bay, bay đến thành phố nghỉ mát của những đôi uyên ương này, gặp cô lần cuối, để cô yên lòng đi xa. Anh đẩy cô đi xa. Anh tiễn cô về một nơi mà hai người cố thuyết phục cho nhau hiểu rằng đó là chốn bình yên. Bởi anh biết *người ấy* có những thứ cô - với mẹ và lũ em - đang cần mà anh không có được.

Cô rời tấm gương soi, tuột đôi giầy cao gót, quăng trên mặt thảm đỏ. Cô bó gối ngồi trũng một khoảng nệm giường nhăn nhúm. Chiếc áo xường xám thêu hoa vàng xẻ ra một khoảng thịt da tối ám.

"Hôi này sao tóc em rụng quá anh ơi!" Giọng cô rên rỉ làm ruột gan anh cồn cào. Cô gỡ những sợi tóc giắt đầy răng lược. Chiếc lược mầu ngà anh mua tặng cô độ nào.

Không nghe anh nói gì, cô tiếp, "Chưa gì em đã thấy mình già!"

"Có anh già thì có."

"Không, em nói thật đó. Buổi sáng thức dậy, em hay tìm những vết nhăn ở đuôi mắt. Làm như mỗi buổi sáng, em thấy thêm một nếp nhăn..."

Anh thấy cô bắt đầu lẩn thẩn như những người đàn bà có tật kể lể

dông dài.

Rồi cô đổ lên người anh cái thịt da mịn màng hâm hấp nóng.

Anh lại ngủ vùi như con gấu miền địa cực dấu mình vào giấc ngủ mùa đông băng giá.

Khi anh thức dậy, cô đã bỏ đi tự lúc nào. Căn phòng hẹp bỗng dưng rộng thênh thang đến rợn người. Anh vạch tấm màn cửa sổ. Ánh sáng làm xốn xang mắt anh. Anh hấp háy nhìn qua khung kiếng. Nắng vắt trên những ngọn cây. Nắng rải mỏng trên những mái nhà. Nắng nhuộm vàng những bức tường cao ốc chấp chới. Anh nheo mắt cố đọc một cái bảng hiệu tiệm dưới phố. Một nhà hàng tàu hay Việt nam gì đó. Anh vén hẳn tấm màn cửa qua một bên. Anh mở ti-vi, nhìn lơ đãng những hình ảnh chồng chập lên nhau trong khung hình. Hai tai anh điếc ù. Tiếng nói chuyện lao xao bị chặn lại bên ngoài khung cửa ý thức bởi những hình ảnh, âm thanh, mùi hương cô bỏ lại đầy trong đầu óc và trí tưởng tượng mụ mẫm của anh, nên anh không hiểu được một chữ nào phát ra từ cái ti-vi Sony đặt vào khoảng chữ nhật đục sâu vào vách tường. Anh ơ hờ tắt máy. Anh ngồi bần thần trên cạnh giường. Anh gọi thầm tên cô. Anh hình dung cô và người đàn ông lạ mặt trong lòng chiếc máy bay Boeing khổng lồ bay vượt đại dương. Ba ngày ở San Francisco. Một tuần ở Âu châu. Năm ngày ở Tokyo. Một tuần ở Đài Bắc, hai ngày ở Đà Lạt. ở với anh dễ gì có nổi chiếc vé máy bay mà đi như thế. Ngay cái thân èo ọt của anh, ngày mai còn không biết kiếm đâu ra tiền để mua tấm vé máy bay mà về lại xứ tuyết. Anh thấy cô nghiêng đầu hỏi anh nhớ cô không. Đôi bông tai có những hột kim cương lấp loáng trí nhớ anh. Có đôi bông tai nhận hột xoàn, anh sẽ mua được bao nhiêu vé máy bay. Nhưng anh làm sao ngửa tay mà nhận của cô cho được.

Rồi anh nằm vật xuống giường. Lưng anh cấn vào vật gì đó cồm cộm. Anh nhổm dậy. Đôi bông tai của cô vùi trong những chăn nệm nhàu nát. Trong một giây, cơn vui ứa ra trong anh, như chất nhựa của một thứ trái cây chín ép.

Anh thẫn thờ gọi người bồi phòng. Hôm nay bồi phòng lại là một người đàn bà.

"Nhớ thứ rượu nào không làm nhức đầu!" Anh dặn dò trước khi nhét tiền thưởng vào tay người đàn bà Trung Mỹ, rồi vẫy tay xua thật vội.

Anh uống quên cả đất trời. Anh ngả nghiêng trên giường với chăn nệm nát nhàu mùi da thịt ngọt ngào, mê đắm. Anh vùi mặt lên chiếc gối những sợi tóc cô đã phủ đầy. Anh chống tay ngồi dậy. Anh hát thầm, rồi anh hát nghêu ngao. Đôi bông tai nhảy nhót trên bàn tay anh. Ánh ngũ sắc lấp lánh mắt nhìn. Giọng cô lẫn vào cái nóng bốc hơi của rượu nồng, thì

thầm bên tai anh. Cứ nhận đi, cho em vui. Về bên đó mua đỡ chiếc xe mà chạy đi làm cho bớt lạnh. Thời tiết Canada kinh khiếp lắm! Cô quen thân với nhóm từ *kinh khiếp lắm*. Cái gì cũng kinh khiếp lắm trong mắt nhìn non nớt của cô.

Anh cười một mình. Ban đầu anh cười thầm, rồi anh cười thành tiếng. Anh ngả nghiêng cười với bóng mình trong gương. Tấm gương ngày hôm trước cô ngồi tỉ mẩn với tóc tai, nhan sắc. Anh cười với bóng cô trong gương. Anh thấy những giọt nước lăn dài hai bên má hóp của mình. Bóng của cô thì thầm rằng thằng này nó giàu lắm. Đôi bông tai hột xoàn nghĩa lý gì. Em nói đi đường rớt mất là huề chứ gì. Cầm lấy cho em vui!

Anh biết cô làm bộ vô tình làm rớt lại cặp bông tai. Bởi vì cô đã dỗ dành, năn nỉ khô rát cả miệng môi mà anh đâu có nhận. Bây giờ cô đi rồi. Bây giờ thì mỗi người một nơi.

Anh ngủ với chai rượu trên chỗ nằm của cô ngày hôm trước. Đôi bông tai trĩu nặng lòng bàn tay mỏi rời. Anh dật dờ đáp chuyến bay xuyên lục địa với cô; với người đàn ông có năm sáu cái nhà hàng, mười mấy tòa chung cư cho mướn. Hôm nay San Francisco, ngày mai Paris, ngày mốt Rome... Cô vật vờ như sương như khói trong màn nước giăng chùng con mắt loang loang.

Thôi thì cũng được đi. ít ra anh cũng có ít tiền làm vốn. Đôi bông tai nhận hột xoàn bán lấy tiền. Mua vé máy bay rồi biết đâu cũng còn đủ cho một chiếc xe làm chân.

Tiếng gõ cửa dựng đầu anh dậy lúc hai giờ sáng. Tim anh thót lại cái cảm giác của người bước hụt những bậc thang chênh vênh.

Cô thất thần, xớn xác như con gà lạc chuồng, hai con mắt đỏ hoe. Chiếc áo choàng nhung tím than khoác bên ngoài bộ đồ ngủ mầu kem mỏng manh may bằng cùng một loại vải với bộ đồ xường xám cô mặc ngày hôm trước. Anh thấy khoảng thịt da xanh xao trên vòm cong khuôn ngực nhấp nhô. Anh sững sờ một giây rồi cuống cuồng nhào đến bên cô. Anh đã ngờ thế nào cũng có phút giây này. Anh đã sợ cô đắn đo lựa chọn, cô khổ tâm suy nghĩ, rồi cô dứt khoát ở lại với anh. Cô từ giã vàng son nhung lụa. Cô chọn lại cuộc sống bấp bênh gian khổ. Cô chọn lại tình yêu bất diệt.

Ngu dại quá, em ơi! Anh than thầm như thế, rồi anh vồ lấy vai cô, lắc mạnh, "Sao còn ở đây?" Những chiếc vòng vàng ở cườm tay cô vỗ vào nhau, lẻng xẻng một chuỗi mừng reo, hoan lạc.

Hai mắt cô hơi nheo lại như đau đớn làm anh vội buông vai cô ra. Bàn tay cô nắm lấy cổ tay anh. Bao giờ cô cũng chỉ nắm lấy cổ tay anh, như thể trên thân thể anh, chỉ có hai cổ tay là có thể tròng vào chiếc còng

sắt oan nghiệt của định mệnh. Bàn tay lạnh lẽo của cô run rẩy. Những giọt nước long lanh lăn dài trên đôi má xanh xao, lăn tăn một sợi gân máu đỏ mảnh như sợi chỉ.

Anh cố gằn giọng, như người thầy nghiêm khắc, "Đừng khùng! Về với *nó* đỡ vất vả."

Hai vai cô rung nhẹ. Anh gỡ tay cô ra, ôm gọn cô vào vòng tay, cố dỗ dành dịu ngọt, "Em phải đi, biết không! ở với anh, tay trắng..."

Bàn tay anh xoa cái lưng thon đang được đắp đổi bằng nhung tím, lụa vàng. Cổ họng anh nghẹn lại. Cơn say váng vất trong đầu. Anh ngửi được mùi thuốc lá ủ trong tóc cô. Anh toan hỏi, nhưng cô đã ném cho anh một câu hỏi lạc đề, "Uống rượu nữa phải không?"

Anh không thèm trả lời. Anh cố dẫn cô về con đường rắc hoa, trải thảm. Anh cố thuyết phục cô trở về với người đàn ông đã giật cô khỏi vòng tay anh.

Anh đẩy cô ra, cộc cằn, "Anh không bảo bọc được em đâu!"

Cô cúi đầu bối rối. Rồi cô ngước lên nhìn anh. Con mắt viền đậm nỗi buồn. Tiếng cô nói chuyện khao khao như tiếng đứa bé đã gào khóc lạc giọng suốt một đêm dài, "Em biết," cô sụt sùi. "Em biết chứ sao không... nhưng em... phải trở lại..."

"Trở lại làm gì?" Anh gắt gỏng.

"Trở lại để hỏi anh..."

Anh nóng ruột nhìn cô bằng hai con mắt cau có.

Cô ngập ngừng, rồi bỗng dưng chữ nghĩa từ đâu trào ra tuôn tuột, "Em muốn hỏi anh xin lại cặp bông tai. *Nó* không thấy em đeo, *nó* nghĩ em gửi cho mẹ em. *Nó* đòi từ hôn nếu em không đem cặp bông tai về cho *nó*. Anh thông cảm..."

Cô chùi nước mắt bằng tay áo. Anh đứng sững ra đó nhìn cô. Rồi cô ngã vào người anh, sụt sùi. Anh không khóc nhưng sao nước mắt anh đổ xuống mặt cô đầm đìa.

Bây giờ thì anh biết cô với anh không còn chọn lựa nào khác.❐

đã phát hành khắp nơi

lầu xép

bảy chuyện, tám truyện của nhà văn

Võ Đình

dày 180 trang, giá 11 Mỹ kim

Văn Nghệ xuất bản và phát hành

Tháng Chạp Quê Nhà

KHÁNH HÀ

Ước chi em được làm chim nhỏ
Bay về đậu đuới mái hiên xưa
Gọi anh. Buổi sáng trời xanh lắm
Nắng trải lụa vàng. Anh thúc chưa?

Thúc dậy cùng em, thuở ấu thơ
Tiếng con tu hú gọi vang bờ
Dòng sông tuổi nhỏ trôi đi mất
Còn bãi sông buồn đứng ngẩn ngơ.

Tháng chạp về đây, mùa gió bấc
So dũa trong vườn trổ trắng bông
Hoa xoài, hoa bưởi thơm ngan ngát
Trời đất se mình đuới gió đông.

Ta ra thăm lại bụi tre già,
Tiếng cu gù đầm ấm, thiết tha
Vẫn đôi chim của ngày xưa đó
Hay là tiếng vọng tự thời xa?

Ta đi tìm lại một thời vui
Cỏ với cây cùng đứng ngậm ngùi
Vườn mai năm cũ ai lảy lá
Đợi xuân về mở cánh vàng tươi.

Quê nhà tháng chạp xa lăng lắc
Mai một đây xuân có về không?
Bởi em chẳng được làm chim nhỏ
Ở đây dài lắm những mùa đông ...

Đưa tay lên tóc

Hoàng Nga

Mấy chị em cô, trừ Tường Vân ra, thì tên người nào cũng có "liên quan" đến thi sĩ Hàn Mặc Tử. Chị kế cô là Mộng Cầm. Cô và cô em út hay lôi nhạc Trần Thiện Thanh ra trêu, "Mộng Cầm hỡi, thôi đừng thương tiếc tủi cho nhau mà chi...". Còn cô là Phượng Trì. Ba cô bảo đó là cái tên đẹp. "Phượng Trì! Phượng Trì! Phượng Trì! Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu", Khi cô lớn, thấy Phượng Trì vừa kiểu cách, vừa chướng tai khó chịu, nên cô chỉ xưng là Phượng. Cô than:

- Con nhỏ Châu gọi em là Mai Liên, tại nó chê nước da của em đen như... Miên lai!

Anh nhớ hồi anh đến nhà cô, hai chị em cô còn nhỏ xíu. Cô em út là Cẩm Châu, Cẩm Châu Duyên. Cô nhăn mặt chê với anh, cái tên của Châu nghe cải lương thấy mồ. Nhưng hai chị em cô cứ chê qua chê lại như vậy, chứ anh thấy hai người coi bộ tâm đắc dữ. Lúc nào cũng khúc khích nói cười với nhau. Nhất là lúc đầy đủ mặt bá quan văn võ, anh và Tường Vân, thì hai cô nói năng còn ăn khớp như đã có dặn dò, bài bản trước vậy.

Anh bảo anh không tưởng tượng được hai người đã lớn đến ngần ấy. Lớn? Châu la lên, trời ơi, tụi em già hết trơn, tụi em ế hết trơn rồi anh ơi. Còn cô thì cười, nhắc lại chuyện ngày xưa cô bị mẹ la vì cái tội vòi tiền lì xì của anh. Anh hỏi cô còn nhớ anh sao. Lúc một mình, cô bắt anh ngoéo tay không được giận, để cô kể cho anh nghe một chuyện. Anh gật đầu đồng ý. Anh ngoéo tay cô. Ngón tay út nhỏ xíu đeo chiếc nhẫn hình trái tim, trông hiền ngoan dễ chịu hết sức, nếu đem so với ngón trỏ trĩu nặng một cái vòng sắt bự tổ chảng trên bàn tay, và cái mặt dây chuyền mang hình đầu lâu người trên cổ của cô em út.

Cô kể, đêm trước ngày anh sang, cô và Châu nằm nói chuyện với nhau, Châu hỏi cô:

- Bà nhớ mặt ổng ra sao không?

Cô thú thật là cô đã quên mất anh râu hùm hàm én như thế nào nên đáp bừa:

- Anh Xiêm có hồi từng đi lính, nên chắc dáng dấp, tướng tá ngon lành.

Châu nhấp nháy mắt hỏi lại:

- Bà nhớ ngày xưa ổng *đi lính* gì không? Không quân? Hải quân? Thủy quân lục chiến? Biệt động hay bộ binh?

Cô ú ớ lắc đầu. Lát sau cô *nói với* Châu, cô chỉ nhớ ra anh thường mặc quân phục màu xanh lá, còn cấp bậc thì không biết cỡ nào, cũng không nhớ lon màu gì, đồng, bạc hay vàng. Châu ba đá bật cười khanh khách:

- Như vậy tui chắc ổng là lính địa phương quân!

Cô không hiểu ý cô em út nên gặng hỏi lại tướng tá của người ta dính dáng gì tới binh chủng; Châu phì cười:

- *Trí nhớ* của bà đúng là nên cho đi bảo tàng viện là vừa. Mới mất nước có... hai mươi mấy năm đã quên mất muốn đi *lính* không quân là phải có *chiều cao*, biệt kích phải có sức khỏe và gan dạ, hải quân thì phải v.v và v.v...

Cô gắt lên *với* em:

- Mấy cái chuyện đơn giản ấy sao lại không nhớ! Tao *còn nhớ* là chỉ có mấy ông "giặc lái" *mới* cao thôi, chứ lính không quân sửa máy bay thì có hàng đống ông kích thước cỡ mét sáu chứ mấy! Nhưng cái điều tao *chỉ* thắc mắc ở đây là tại *sao mày lại* ghép anh Xiêm vô lính địa phương quân kìa?

Nhỏ Châu cười hi hi *nói tại* cô chỉ nhớ anh đi lính, mà không nhớ một chi tiết đặc biệt nào khác ngoài màu xanh lá của quân trang quân phục, thì nếu không phải địa phương quân, *chứ là lính* gì (!). Cô bảo sau đó con nhỏ còn chêm vô, cũng may cô nói anh mặc đồ màu lá, chứ không con nhỏ đã tưởng ngày xưa anh là nhân dân *tự vệ*! Nghe đến đấy, anh có phần hơi nhột nhạt và hơi quê, nhưng lỡ đã ngoéo tay không giận, nên đành ngồi im. Còn cô, chắc cũng đã yên chí mình có *ký hợp* đồng trước, do đó vẫn *tiếp tục* cái giọng kể lể hí hửng, chộn rộn lạ lùng mà anh chưa gặp ở ai khác bao giờ. Cô bảo nhỏ Châu nhận xét, (*không biết* có thật là nhỏ Châu *không nhi*?, anh tự hỏi), như thế thì chắc chắn là "nhan sắc" của anh chỉ đẹp xấu tùy người đối diện, không có gì "gợi cảm", *đặc sắc*, để gây ấn tượng *khiến* cho người ta nhớ đến suốt đời!

Lần này thì anh quê thiệt, không dám ngước lên *ngó mặt* cô, xem cô thành thật *đến cỡ nào*, cũng không dám quan sát "người đối diện" có cảm tưởng ra sao về "nhan sắc" của mình. Cô tiếp:

- Nhưng mà *báo cho anh* biết là gặp anh rồi, nhỏ Châu khen anh đẹp trai dễ thương.

Anh làm thinh. Ai chứ Châu mà khen chắc anh phải coi lại. Ngay tối hôm đầu tiên tao ngộ, cô nhỏ đã ngó anh rồi cười cười, giọng tinh nghịch:

- Cái tên của anh Xiêm nghe ngồ ngộ.

Anh hỏi ngộ sao. Châu nhe răng:

- Anh là Xiêm y là lượt hay sinh tố mãng cầu Xiêm?

Anh muốn la trời. Châu:

- Tên Sim hay hơn. Có vẻ con trai hơn.

Và rồi cô cười khúc khích, hát, những đồi hoa sim ôi những đồi hoa sim tím chiều hoang biền biệt...

Ở nhà cô được mấy ngày, anh nhận ra "niềm vui" của mấy chị em cô khi ngồi lại với nhau là kể chuyện... đời xưa. Châu hay có những câu đố như ăn cái gì ở chợ Đầm Nha Trang là ngon nhất, chè đường nào ở Sài Gòn là hấp dẫn nhất, hoặc đi lên đến bậc thang thứ mấy, thì có thể thấy được ngọn lá dâu tây la đà ngoài cửa sổ nhà cô ngày trước, hay đạp xe về đến đâu là có thể chiêm ngưỡng được anh chàng hàng xóm vẫn có thói quen hay xách cây đàn ra trước hành lang từng tưng mấy bài... dở chưa từng thấy trên đời. Tường Vân chắc bị quê với anh, bèn "nẹt" cô nhỏ:

- Xạo đi. Hồi đó nhà mi còn nhỏ xíu, làm sao mà biết thằng hàng xóm đàn hay hay dở?

Cô nhỏ cười hì hì:

- Xời, bà mới mười hai tuổi đã có người gửi thơ tình tới nhà, bị ba la quá xá cỡ mà dám nói hồi đó tui không biết tới thằng hàng xóm của mình!

Tường Vân đỏ mặt. "Nhân chứng" có vẻ như đang hiện diện sờ sờ trước mặt ba chị em cô. Anh hỏi đỡ cho Tường Vân:

- Lúc đó em bao nhiêu tuổi?

Châu anh dũng trả lời:

- Mười ba. Tuổi của nàng "tui" nhớ chỉ mười ba!

Tường Vân nhìn cô em út bằng cặp mắt nghi ngờ:

- Thôi đừng có xạo!

Đang ngồi cặm cụi nơi góc phòng làm gì đó, cô quay lại, gật đầu:

- Nó nói đúng sự thật. Em xin xác nhận... tình trạng quân dịch của con nhỏ này lúc đó. Em mười lăm, nó mười ba là phải rồi.

Châu được dịp, hí hửng kể lể:

- Lúc đó bà Phượng được đọc báo Tuổi Ngọc, còn tui thì bị cả nhà bắt đọc báo Tuổi Hoa muốn chết luôn.

Cô có nói với anh, nhỏ Châu ba trợn, với ai cũng xưng "tui". Cô lườm em:

- Nhưng mày đâu có chừa cái thứ gì, đọc láng hết chứ bộ.

Cô em út phì cười:

- Đọc lén muốn cận thị nè, bà không thấy sao!

Và rồi Châu lên giọng, tự biểu dương thành tích:

- Biết sao không, bà Phượng mua tờ báo về, đem cất vô trong tủ, khóa lại, chỉ khi nào bà Cầm hỏi tới, mới đưa chìa khóa cho. Mấy bả đâu có dè buổi sáng mấy bả đi học hết, tui ở nhà một mình, tui lấy miếng thép đập đập, ngoáy ngoáy mấy cái là cánh cửa tủ mở bung. Hì hì. Một mình một cõi, tui đâu có thèm đọc báo Tuổi Ngọc không thôi, mà còn đọc cả tác phẩm của bà Phượng!

Bị cô em út lôi cái "cõi văn chương" bí mật của mình ra tố trước công chúng, cô có vẻ mắc cỡ, nên nạt em sau một cái lườm bén ngót:

- Mày thiệt tình! Tác phẩm cái quái gì không biết nữa!

Châu không thèm tỏ ra một chút sợ hãi cho bà chị đỡ ngượng, mà cứ cười hi hi nói tiếp:

- Cũng được lắm chớ bộ! Truyện của bả viết sao thì tui không nhớ, nhưng có mấy câu thơ tâm sự đời... bả, đọc lên nghe cũng xuôi tai ra phết đó chớ. Nhập tâm, tới giờ này mà tui còn nhớ nè bà Phượng.

Rồi không kịp lấy hơi, cô nhỏ đọc một mạch:

- Đưa tay lên tóc ngậm ngùi. Ôi bao nhiêu lệ đã vùi xuống đây. Đời không còn thấy ngày mai. Đưa tay lên tóc thêm dài buồn đau... Hì hì, thấy chưa, cũng... thi sĩ lắm chứ chơi đâu!

Cả anh lẫn Tường Vân đều quay lại nhìn cô một lượt, anh không dám có phản ứng gì khác, nhưng Tường Vân thì kêu lên một tiếng ai oán, đứt ruột:

- Cái gì? Lúc đó nhỏ này mới mười lăm, mười sáu mà lại dám làm mấy câu thơ thâm não dữ vậy hả? Nè, nói thiệt đi, có chép của ai không đó?

Ngay lập tức, bầu trời như chuyển giông, và cô chuyển giọng y hệt cái giọng chanh chua đanh đá của cô em út:

- Thơ tui làm cho tui đọc chớ bộ làm để hù ai mà chép với cóp pí hả bà?

Tường Vân chép miệng:

- Thơ vậy hèn gì mới tới tuổi biết mở mắt ra để yêu thì thấy ngay mấy ông giải phóng quân! Người ta nói thơ nó vận vô người đó nha nhỏ! Thơ buồn thì phận rủi.

Cô la lên:

- Cái gì mà tới tuổi mở mắt? Bà làm như tui... cẩu xực xí quách không bằng!

Châu tiếp lời cô:

- Thơ nào mà không buồn hả bà Vân? Chẳng thất tình cũng nhung nhớ sướt mướt. Thơ mà vui thì chắc chỉ có thơ của mấy ông già làm tặng đám cưới. "Muôn hồng nghìn tía đua chen. Phượng loan hòa hiệp, tơ duyên vui vầy"...

Anh phì cười. Châu tiếp tục léo nhéo:

- Nhưng mà nói vậy chứ tui với bà, hay bà Cầm, đâu có làm thơ làm thẩn gì mà cái "phận" cũng rủi có khác gì bả? Cũng bị đuổi nhà, cũng ăn bo bo dài cổ, rồi cũng trầm trầy trầm trật mới qua được tới đây chứ bộ may mắn hơn sao!

Tường Vân làm thinh. Chắc có lẽ vì không đủ "trình độ" để cãi lại lý lẽ sắc như dao và chữ nghĩa trơn như mỡ của cô em út. Trông mặt Tường Vân có vẻ không vui. Anh coi bộ tình hình sắp sửa nghiêm trọng, nên vội hỏi qua chuyện khác:

- Ủa, Mộng Cầm đâu mà mấy hôm nay anh không thấy nhỉ?

Cả ba người con gái cùng im một lượt. Lát sau cô nói:

- Chỉ lấy chồng ở cách xa tụi em tới mấy trăm cây.

Đến tối, lúc Tường Vân có chuyện phải đi ra ngoài, anh lận la đến giúp cô sửa cái máy rửa chén, cô kể cho anh nghe chuyện Mộng Cầm:

- Chị Cầm phải lòng một anh chàng trời ơi đất hỡi, ở ngoài đường chỉ giải quyết mọi sự bằng vũ lực, còn ở nhà thì có cái miệng của một loài mang tên hến, có cái hồn như linh hồn tượng đá. Một anh chàng chẳng thơ chẳng phú, cũng chẳng học chẳng hành tới nơi tới chốn gì cả. Mười điểm, chắc bị trừ hết chín. Em với con nhỏ Châu chỉ chấm cho ổng được một điểm là chăm chút, hùng hục đi làm, và thương chị Cầm thôi. Nhưng chị Vân thì ghét anh chàng này như kẻ đại thù, nhất định không chịu cho hai người làm đám cưới. Thế là chị Cầm ào ào cãi lại đại tỷ, bị đại tỷ tuyên cho cái án đoạn tuyệt, bèn nổi máu anh hùng cách mạng, bắt chước Lê Văn Tám xách hai cái valy như xách hai thùng dầu tẩm mình đốt đồn giặc, hùng dũng bỏ nhà ra đi khi gà chưa gọi sáng. Mấy năm nay, chỉ có em và con nhỏ Châu liên lạc với chị Cầm, chứ đại tỷ thì đừng hòng. Đại tỷ không thèm đá động, không thèm hỏi han một tiếng. Em với nhỏ Châu hay nói với nhau, chắc chị Vân không biết con chị Cầm con trai hay con gái!

Anh trố mắt ngạc nhiên ngó cô. Cô cười:

- Anh biết không, con nhỏ Châu bảo, anh em như thể tay chân, còn chị em như chó với mèo, như Tào Tháo với Lưu Bị, như cộng sản với quốc gia, trời thì bắt buộc phải đội chung dầu muốn hay không; nhưng mùng, tiền ai nấy mua, nhà, tiền ai nấy mướn, nên nhất quyết không thể che mưa nắng, chống muỗi chống ruồi dưới cùng một nóc được! Từ lúc

lệnh trục xuất được ban hành, em và Châu cứ phải tránh nhắc đến cái tên của chị Cầm trước mặt đại tỷ đó anh.

Anh rụt vai, vờ làm một cử chỉ sợ hãi. Cô kết luận:

- Quyền huynh thế phụ, còn quyền tỷ thì thế mẫu. Tụi em thấy chị Vân la chị Cầm cũng đúng. Nhưng có điều ở bên này mà chị ấy cứng ngắc quá đâm ra mất hòa khí hết trơn.

Anh cười cười:

- Bộ Tường Vân khó tính lắm hả?

Cô quan sát anh một lúc, rồi chép miệng:

- Lúc sau này chị Vân hay đàn lắm anh ơi!

Anh ngạc nhiên:

- Ủa Vân biết đàn sao? Sao anh không biết hén?

Cô làm thinh. Anh tò mò:

- Vân học đàn hồi nào vậy?

Cô ngước lên ngó anh, giọng ậm ờ:

- *Cần gì học. Năng khiếu tự nhiên!*

Anh tròn mắt:

- Thật à?

Đến đấy thì cô phì cười:

- Thật! Mà chỉ có điều là chị Vân nhà em chơi cung "la" không hà. Chuyện gì cũng la nghe muốn điếc hai con ráy luôn.

Anh bật cười theo cô, nhận ra tính tình và cách nói năng của cô lẫn cô em út khác hẳn với Tường Vân một trời một vực. Cô chị càng thục nữ bao nhiêu, thì hai cô em lại càng cà tửng bấy nhiêu. Có điều cô ít bặm trợn hơn Châu thôi. Cũng ngay tối hôm ấy, cô lại kể thêm cho anh nghe một chuyện làm anh giật nẩy người.

- Lúc mới có được địa chỉ của anh, em với con nhỏ Châu xúi chị Tường Vân uống nửa lon coke, ăn nửa trái nho mà đi tìm anh, nhưng chị Vân nói người ta có gia đình rồi, gặp chi cho thêm rắc rối, thêm buồn.

Anh la lên:

- Anh có gia đình hồi nào?

Cô nhăn mày ngó anh, rồi rùn vai:

- *Ai mà biết bà Vân lượm được tin tức khí tượng cho tàu chạy ven biển đó ở đâu! Vậy mà em với con nhỏ Châu tưởng đời sắp sửa có thêm một chuyện tình người trinh nữ tên Vân đó chớ! Chắc anh không biết chứ bà* Vân nhà em xưa nay không yêu ai khác nữa đó nghe anh.

Anh bàng hoàng nín lặng. Ngày xưa anh chơi thân với ông anh họ của cô. Sáng sáng, anh hay đứng trước hành lang ngắm nghía cái dáng hiền lành của Tường Vân, áo dài lụa trắng nội hóa, nón bài thơ mỏng

mảnh, tóc xõa lưng mềm. Tường Vân đi học bằng xe đạp. Cái cặp da cột trên yên sau bằng một sợi dây thun lớn. Hai mí áo dài nhét vô sợi dây thun. Lúc chiếc xe vượt qua nhà anh, vạt áo dài đàng sau lộng gió, bùng lên như một cái bong bóng. Dạo ấy anh chỉ thích hình ảnh tà áo dài "lộng gió", mấy sợi tóc mun đen vờn bay...

Anh không dám tin Tường Vân yêu anh. Càng không dám tin từ ngày ấy đến giờ, người con gái chẳng còn yêu ai khác nữa. Bởi vì thật ra, đâu đã có ai yêu ai, đâu đã có ai hò hẹn gì ai câu nào! Anh muốn nói với cô, giữa anh và Tường Vân "chưa có gì", nhưng anh sợ bị hố. Cái kiểu "cà tửng" của cô lẫn Châu, làm anh không biết khi nào hai cô đùa, khi nào hai cô nói thật. Anh ngồi im rất lâu, cuối cùng mới khe khẽ bảo:

- Em nói chuyện giỡn chơi!

Cô ngước lên ngó anh, hai hàng chân mày tỉa nhổ cẩn thận đâu lại với nhau:

- Em nói thiệt.

Anh lại im. Cô gắt khẽ:

- Không tin, anh thử hỏi chị Vân cho coi.

Tưởng tượng, cô thách anh ra hành lang, nhảy đại xuống một cái xem anh lá gan của anh to cỡ nào, có lẽ anh còn dám thử một phen; chứ khi không mà đi hỏi Tường Vân, bộ ngày xưa em yêu anh và sau đó không còn yêu ai khác, thà anh chịu mang tiếng... hèn cho rồi. Bởi nhỡ như Tường Vân hỏi lại, anh điên hả, thì chắc chỉ có nước... đào địa đạo mà về!

Qua hôm sau, ba chị em cô đưa anh xuống phố mua sắm. Lẩn quẩn một lát, cô và Châu biến mất tiêu. Mãi chiều tối, hai cô mới tay xách nách mang, kiệu về một mớ áo quần mới. Bị Tường Vân la, Châu cười cười:

- Trời ơi, tụi em "tế nhị" mà cũng không chịu nữa à.

Còn cô thì nheo mắt nói khơi khơi:

- Ngày mai anh Xiêm về rồi, "người ơi", xin đừng để lại ấn tượng xấu trong lòng "kẻ lạ"!

Châu làm bộ hỏi, Ủa mai anh "Sim" về rồi hả, xong ư ử hát:

- Lên xe tiễn "ai" đi, chưa bao giờ buồn thế...

Tường Vân đỏ mặt, la thêm hai cô mấy câu. Anh cũng quê một cục, ngồi im. Ba chị em chen chân nhau vào bếp lục đục một hồi rồi mời anh xuống ăn cơm. Cô khoe món canh chua là "tác phẩm hàng đầu" của cô. Cái món canh chua, trời ơi, chẳng những không chỉ chua hơn dấm mà còn cay xé họng! Như chỉ có me, và ớt. Ăn một miếng muốn ê cả hai hàm răng. Anh sặc sụa mấy lần. Châu an ủi anh:

- Anh chỉ cần rán một lần này cho đỡ mích lòng bà Phượng thôi. Mai

mốt thành họ hàng bà con với nhau rồi, nếu không ăn nổi thì cứ dũng cảm và cương quyết từ chối. Như em nè, nãy giờ em đâu có dám đụng tới cái món này!

Miếng cơm nghẹn cứng ngang cổ anh. Anh không nghe được câu trả lời của cô, nhưng nghe hai chị em cười dòn, còn Tường Vân lại đỏ mặt, lí nhí la hai cô cái gì đó. Ăn chưa xong bữa, có điện thoại, cô lật đật chạy đi. Châu nghiêng đầu lắng tai nghe, xong cười:

- Rồi, bà Phượng sắp sửa đi làm bà Tùng Long gỡ rối tơ lòng!

Tường Vân giải thích:

- Phượng nó có cô bạn, hễ gặp rắc rối, buồn phiền gì là lại lôi nó ra tâm sự, kể lể.

Châu nói:

- Coi chừng lát nữa bả lại khăn gói ra đi cho coi.

Quả nhiên, khoảng chừng mười phút sau, cô vào bếp nói với Tường Vân:

- Em xuống nhà Christine ngủ lại.

Châu và Tường Vân tíu tít hỏi thăm về cô bạn của cô. Anh "out of service", ngồi im. Ba chị em đối đáp như mưa rào. Lát sau, cô tiến tới bắt tay anh:

- Ngày mai em sẽ từ nhà con bạn đi làm luôn, nên có lẽ là không được gặp anh trước khi anh về. Nên chắc bây giờ phải chào từ giã anh ở đây vậy.

Anh chưng hửng không biết phản ứng hay nói câu gì với cô. Châu nghịch ngợm:

- Có ai cần khăn mùi xoa hay đầu khuynh diệp không, tui đi lấy cho!

Cô cười, mặt hiền lành:

- Chúc anh về bình yên.

Và rồi cô nheo mắt:

- Nhưng chắc thế nào anh em mình cũng còn gặp nhau mà, phải không?

Anh chưa kịp đáp, Châu lại chen vào:

- Chắc chứ sao không!

Và Châu lao nhao hát, "người ơi, người ở đừng về, người về thì em nhớ...". Xong cả hai cô cùng quay sang nhìn anh và Tường Vân, rồi bật cười dòn dã. Anh ú ớ không biết trả lời thế nào, chỉ bối rối đưa tay lên vuốt tóc. Tự dưng anh chợt nhớ đến câu thơ của cô hôm nọ nghe Châu đọc, đưa tay lên tóc ngậm ngùi..., mà nghe mặt mình nóng ran, khó chịu.

Vậy mà anh cứ tưởng ngày mai ra phi trường, thế nào cũng lựa được dịp để nói với cô, rằng anh và Tường Vân đâu đã có gì với nhau.❐

Lục bát Nguyễn Khánh Hòa

KHAI KHẨU
Ra sân nhặt chiếc lá vàng
Nhớ người năm cũ, nhớ hàng hiên xưa
Run theo tiếng pháo giao thừa
Nói sao dây nhỉ cho vừa tim em?

KHAI BÚT
Chúc em môi thắm xuân hồng
Con tim độ lượng ru vòng tay quanh
Chúc em con mắt trong lành
Con mơ, con mộng, con dành riêng nhau

XUÂN QUÊ NGƯỜI
Quê người, rượu uống phừng phừng
Hú lên một tiếng chúc mừng xuân sang
Làm tên hàng xóm ngỡ ngàng
Thấy người dón Tết hai hàng lệ rơi.

XUÂN QUÊ NHÀ
Quê nhà, anh gửi thiệp mừng
Chúc em có một mùa xuân xứ người
Gởi kèm tấm ảnh anh cười
Đếm đi, đếm lại còn mười cái răng

CHÚC HOA
Dịu dàng em thả xiêm y
Thấy trong vô lượng từ bi đất trời
Trăng-sao-gió-mộng-mua-vời
Êm rơi nhỏ nhẹ giữa lời buớm, hoa

DIỄN TUỒNG
Ngủ quên, nên té xuống đời
Thấy em ỏng ẹo hát lời...cải lương
Mới hay: tiên giới quá...buồn
Theo em ở lại diễn tuồng...nhân gian

VỀ TRẦN
Dẫu say, rồi cũng phải về
Tự nhiên nhà cửa bốn bề...nín thinh
Nhón chân, kẻo em giật mình
Thương trao trăm trượng bể...bình rượu ngon

MƯA Ở NEW ORLEANS
Sông. Mưa xõa tóc bạt ngàn
Đêm. Cây lá khép. Khẽ khàng bóng. tôi
Dốc ly cạn-khổ. Im. Ngồi
Thả hơi thuốc ướt. Nghe trời xuống thơ

ĐỢI CON NƯỚC CHUYỂN
Xuống ghe. Chèo. Chống. Loay hoay
Xẻ con nước ngược, ra ngoài biển khơi
Ngoảnh trông sông núi tơi bời
Rồng tiên bay giữa đất trời thở than:
Trăm con của mẹ, tương tàn
Đầy nhau xuống biển, lên ngàn đọa thân...

Đành thôi, ngẩng mặt nhìn trăng...
Đợi con nước chuyển mùa sang quay về

HỎI LÒNG
Gặp em. Trời, Phật độ phù?
Hỏi lòng, lòng nhủ: rán tu kiếp này
Gặp em, con lũ con bầy
Hỏi lòng, lòng khóc: kiếp này khỏi tu.

TỎ TÌNH
Lai rai cũng độ vài chai
Mong trời trợ lực chàng trai si tình
Oai nhu Từ Hải ra binh
Vào nhà em thét: Hết mình yêu em

LÔI THÔI
Biết em, dời đã nửa chừng
Cái vai thì mỏi, cái lưng thì còng
Lôi thôi chỉ có cái lòng
Thấy em muốn tặng đóa hồng làm quen

HẸN HÒ
Thơm nhu cánh hạc Nội thành
Em thoa má phấn, tô vành môi xinh
Áo vàng hoa lụa hương trinh
Nam Giao, em đứng đợi tình đón đưa.

MƯA SÀI GÒN
Mưa từ...ngã sáu, ngã năm
Mưa ra ngã bảy, mưa nằm ngã ba
Mưa từ...em bước chân xa
Anh rơi ngã nhớ, mưa qua ngã sầu
Mưa từ...em bước qua cầu
Mưa tuôn nước mắt, trắng mầu biệt ly

TÓC CHIỀU
Xưa, anh con chí trây lười
Rong chơi quanh quất tóc người dấu yêu
Nay, em tóc úa mầu chiều
Soi gương: hai đứa tiêu điều nhu nhau.

Khoảnh khắc mùa xuân

Hồ Nhu

Bà Nghị nghiêng người nhìn ra cửa sổ. Tám giờ sáng, nắng đã lên rực rỡ mà vẫn chưa thấy bóng Liên và bé Tammy. Đôi mắt nheo của bà Nghị lướt qua con đường nhỏ từ cổng vào vắng ngắt. Nó đi đường còn mệt, bà nghĩ, và chưa đến tuổi thức dậy sớm như bà.

Những vòi nước phun tưới cỏ vừa ngưng, những giọt nước lóng lánh đọng trên lá cỏ sáng lên như ngọc vụn. Sát hàng rào tít ngoài kia, bà Nghị biết có vài bông blue bonnet nở thầm lén, khiêm nhường báo tin mùa xuân về. Theo lệ, cô điều dưỡng đã cho bà Nghị hay lúc cô vừa thấy những nụ hoa nở sớm trên lối mòn nào đó hay dọc đường xa lộ, và bà Nghị gọi điện thoại cho Liên tối hôm ấy: con ạ, bluebonnet nở rồi. Theo lệ, Liên lo thu xếp công việc, mua vé máy bay dắt con gái về thăm mẹ. Mỗi năm, khoảnh khắc đẹp nhất của bà Nghị đến theo mùa xuân, theo đóa hoa Liên yêu thích. Từ nhỏ nó đã yêu màu xanh, bà Nghị nghĩ với nụ cười thoáng qua. Bà đoán lý do chính là vì đó cũng là màu hay chọn của người cha Liên yêu mến hết mực. Không có mấy người thoát khỏi sự quyến rũ của ông. Sâu thẳm trong trí nhớ của mình, bà Nghị còn nhớ những buổi chiều ông ghé qua nhà rủ bà đi dạo phố. Chiếc mũ hơi lệch, dáng cao thẳng của chàng phi công kéo theo bao tia nhìn đến căn nhà sâu hút trong ngõ của bà Nghị. Nụ cười và đuôi mắt nheo của ông thời trẻ đã làm bà gạt hết những sự lo ngại của gia đình, gạt hết những đưa đón của người khác, bỏ cả học hành để theo ông làm người vợ hiền.

Lát nữa đây, Liên sẽ lái xe đưa mẹ đến bên sườn đồi, nơi hoa blue bonnet phủ kín khoảng đất trống, và họ sẽ ngồi dưới tàng cây quen thuộc, nói chuyện, ngắm bé Tammy chạy chơi trong nắng. Có khi trời mưa, Liên giữ bà trong xe, hai mẹ con nhìn những sợi mưa bay nhoè cửa kính, nhoè màu xanh dương nhàn nhạt. Thường họ không có gì nhiều để nói với

nhau, ngoài những mẩu chuyện quá khứ. Bà Nghị không thích con rể lắm, và Liên biết thế, tuy cô không hề giấu giếm những lúc hạnh phúc cũng như khó khăn trong cuộc sống vợ chồng. Bà Nghị im lặng nghe, mắt nhìn đi nơi khác. Bà chưa bao giờ bàn bạc điều gì trong mối quan hệ của con gái. Vả chăng, mọi chuyện lục đục chỉ nhỏ nhặt và mau qua. Không ưa con rể, bà cũng không thể không nhận thấy người đàn ông đó yêu con bà thật lòng.

Cánh cửa sau lưng bà Nghị mở ra sẽ sàng, và hai bàn tay ấm của Liên ôm lấy vai bà. Bà Nghị quay lại, mắt chớp vội như thể bị chói nắng. Một năm trời không gặp, con gái bà hình như ốm đi nhiều. Miệng cười không xoá được quầng thâm dưới mắt. Bà Nghị ôm lấy tay con, nhưng không hỏi. Như Liên sẽ không hỏi về những nếp nhăn, những thớ thịt nhão chùng từ mùa xuân năm ngoái. Ngoài cửa, Tammy rụt rè bước vào. Cuộc thăm viếng thông lệ và ngắn ngủi không giúp cô bé cảm thấy gần gũi hơn với bà ngoại. Cô giơ tay nhận món quà bà Nghị đưa cho, một hộp kẹo hình con thỏ bà nhờ cô điều dưỡng đi mua hộ. Liên nhắc con cám ơn bà. Bà Nghị vuốt mái tóc mềm của cháu gái. Con nít lớn nhanh quá, bà nghĩ. Mỗi lần gặp nó bà lại cảm thấy mơ hồ hối tiếc không được gần gũi nó nhiều hơn. Nhưng bà chỉ là gánh nặng mà thôi. Bà Nghị vòng cánh tay gầy ngang lưng con bé. Bà mang máng nhớ lại những ngày nào xa lắm, Liên còn bé, chạy a vào lòng bà, mái tóc mềm như thế này, đôi mắt mở rộng như thế này. Tammy đứng yên một chút, rồi lách người, chạy ra hành lang. Liên đỡ bà Nghị dậy:

- Mình đi mẹ nhé. Nắng lắm rồi.

Dưới gốc cây cũ, bà Nghị mặc thêm chiếc áo len mỏng, quàng khăn vào cổ. Liên hỏi: Mẹ không khoẻ à? Bà Nghị cười, nụ cười chậm rãi, không né tránh, như thể tự cười mình. Liên quay đi, dấu một tiếng thở dài. Phải rồi, tuổi ngày càng chồng chất, sức khoẻ chỉ tàn lụi dần, sao còn phải hỏi? Bà Nghị dịu dàng:

- Còn con thì sao? Con hơi xanh.

Liên im lặng, mắt nheo lại nhìn Tammy nhảy chân sáo giữa cánh đồng hoa, màu hồng của chiếc áo thung dịu ngọt trên nền xanh của hoa và màu xanh nhẹ hơn của bầu trời. Bà Nghị nhìn theo mắt con gái:

- Tammy ngày càng giống con.

Liên ngập ngừng:

- Con đôi khi chỉ mong được như Tammy.

Liên quay nhìn bà, mắt đã rướm lệ. Bà Nghị như thấy lại ngày nào Liên hỏi bà: Sao lại phải lớn lên, hở mẹ? Bà vừa trả lời câu hỏi về kinh

nguyệt của con bằng câu nói: Tại con lớn lên đấy. Trong đôi mắt cô, lúc ấy như bây giờ, có cơn đau, và nỗi sợ hãi vì không hiểu tại sao cơn đau đến. Ai hiểu được đau khổ, hỡi con? Bà Nghị giơ tay ra, theo bản năng người mẹ. Bà đã định rút tay về, nhưng Liên nhích lại gần, úp mặt vào vai bà, giọng vỡ ra theo giọt nước mắt ướt nóng thấm xuống vai áo bà:

- Mẹ ơi, con khổ quá.

Bà Nghị luôn cám ơn Thượng Đế bà không phải nghe câu này nhiều từ lúc Liên ra đời. Mỗi lần nghe, bà luôn hy vọng lý do chỉ là một chuyện nhỏ nhặt nào đó như giận bạn gái hay thiếu áo đi dự dạ vũ. Lần này, bà biết bà không còn mong gì có thể cười xoà an ủi cô hoặc cho cô tiền đi mua áo. Nỗi đau ở tuổi lớn không còn là vết xước lành lại sau hai ba ngày, mà thường bám chặt vào xương tủy như chứng tê thấp bà cảm thấy mỗi khi trở trời. Những ngón tay bà Nghị tìm những lọn tóc loà xoà của con, đã thưa và khô dần từ lúc dậy thì. Bà không hỏi, chỉ im lặng chờ đợi. Cạnh ngay mạch máu nhỏ phập phồng bên cổ bà, Liên thì thào kể chuyện. Chồng cô, người cô rất đỗi yêu thương và tin tưởng, vừa ngoại tình. Người phụ nữ kia đã có thai, ra sức kéo buộc Thái tuy anh thề thốt nhiều lời sẽ không bỏ vợ. Nếu em muốn, anh sẽ bắt nó phá thai. Anh nói thế khi khẩn cầu sự tha thứ của vợ. Trong bóng tối của căn phòng ngủ, Liên lặng lẽ khóc, người lạnh băng trong vòng tay chồng. Phản ứng đầu tiên là phủi bỏ tất cả những rắc rối, người phụ nữ kia, đứa con trong bụng cô ta. Sau đó, nỗi đau thấm vào mạch máu: người chồng yêu thương đã có ít nhất một phút giây quên lãng mình, và sự nồng thắm vợ chồng không còn nữa. Khi Thái chạm vào Liên, hơi ấm quen thuộc chỉ làm cô nghĩ đến người phụ nữ chưa biết mặt. Thái nói anh chỉ yêu mình em, cô ta chẳng qua là chuyện sinh lý. Nước mắt Liên tuôn xuống nhiều hơn. Lời giải thích nào cũng cắt xẻ cô ra từng mảnh. Không đáp ứng được với chồng về mặt tinh thần, tình cảm hay thể xác là những thất bại người đàn bà không muốn. Năn nỉ một lúc lâu không thấy Liên tỏ thái độ nào rõ ràng, Thái bắt đầu bực bội. Anh vốn nóng nảy, thiếu kiên nhẫn, và dễ quá trớn khi giận. Cho nên giữa đêm, anh mặc quần áo bỏ đi đến nhà nhân tình, ném lại sau lưng câu nói lạnh lẽo: Em phải biết anh có người sẵn sàng chào đón.

Bà Nghị run lên theo tiếng nức nở của con. Mắt nhìn ra ánh nắng ấm, nhưng bà lại thấy bóng tối sâu hun hút trong câu chuyện của con, chắc hẳn không khác bao nhiêu bóng tối trong căn phòng vợ chồng của bà, thứ bóng tối nặng như đá đè chặt xuống trái tim. Ông Nghị không van vỉ như Thái. Ông chỉ bình thản báo cho bà biết ông đã có một đứa con trai với một người vợ lẽ.

- Con phải làm sao đây, hở mẹ?

Bỏ nó đi. Bỏ người chồng phản bội đi. Câu nói trào lên miệng bà Nghị, chực thoát ra. Liên có nghề nghiệp, có thể tự lập, đâu phải là loại phụ nữ ru rú xó bếp như bà ngày xưa? Bà đã tính toán hết mực mà rồi không dám đoạn tuyệt với chồng. Không nghề nghiệp, không biết bán buôn, lấy gì nuôi con? Gia đình bố mẹ bà sẽ cho chuyện ly dị là xấu hổ, sẽ không dung chứa bà. Đã vậy, còn mấy cô em gái chưa lập gia đình. Người ta lấy vợ xem tông, vạch vòi chuyện gia đình ghê lắm. Cái vết nhơ bà chị bỏ chồng hay bị chồng bỏ khủng khiếp dường nào. ít nhất Liên không phải lo lắng đến những chuyện ấy.

Liên ngẩng đầu lên, chùi nước mắt. Cô quay nhìn quanh, cho đến khi Tammy hiện ra trong tầm mắt, đang cúi nhặt cái gì dưới cỏ. Bản năng người mẹ lấn át tất cả, bà Nghị nghĩ. Bản năng đó kềm bà suốt mấy mươi năm không để Liên biết những điều không vui, ngay cả đau đớn, trong cuộc sống chung với ông Nghị, người cha cô hết lòng yêu kính. Cho đến bây giờ, khi cô đã trưởng thành. Nói xấu một người quá cố còn tệ hơn nói xấu người vắng mặt. Bên tai bà, Liên lại tiếp tục thủ thỉ. Con bối rối lắm, mẹ ơi. Có lúc con muốn rời bỏ anh ấy, nhưng con sợ cô đơn, con sợ Tammy thiếu cha, con sợ những cuộc tình mới không bao giờ trọn vẹn vì người ấy sẽ chen vào giữa con và Tammy. Có lúc con muốn tha thứ cho anh ấy, vì con thực còn yêu anh ấy, nhưng con sợ vết thương sẽ không lành, và cuộc hôn nhân méo mó vì vết sẹo, con sợ anh ấy sẽ lại có tình nhân. Tình yêu và sự chung thủy của anh ấy là tấm gương soi cho lòng tự tin đàn bà của con, và bây giờ nó đã bể nát. Con chỉ còn những hình ảnh xấu xí, vụn vỡ.

Bà Nghị nhìn xuống. Mặt đất chập chờn những đoá hoa nắng rơi xuống từ tàng cây trên đầu hai mẹ con. Bà tự hỏi mình làm đúng hay sai khi góp phần gìn giữ hình ảnh đẹp đẽ của người cha, và khuôn mẫu lý tưởng của gia đình trong lòng cô. Nếu Liên đừng đi vào cuộc sống với nỗi mong đợi rằng mọi chuyện sẽ toàn hảo như bức tranh trong đầu cô về cha mẹ mình. Nếu Liên biết cô không phải là người phụ nữ bất hạnh duy nhất cô nhìn thấy, rằng sau những cánh cửa gỗ bóng và dưới những ánh đèn hồng ấm cúng, những giọt nước mắt thấm âm thầm xuống mặt gối đêm đêm có thể thuộc về những người phụ nữ được gọi là may mắn hạnh phúc nhất trong hôn nhân. Như nụ cười của bà trong những tấm hình gia đình treo dọc hành lang. Những chiếc mặt nạ sơn xanh đỏ che lấp trái tim lạnh cóng. Bàn tay bà vuốt vội xuống cánh tay gầy của con. Bà muốn an ủi con bằng nỗi đau câm nín suốt đời của bà. Bà muốn khuyên nhủ con cũng bằng nỗi đau dấu kín đó. Liên cựa người, ngồi thẳng lại, nhìn vào mắt bà,

gượng cười:

- Con biết mẹ không muốn bàn bạc chuyện gia đình của con. Con chỉ muốn nói ra cho hả. Thật ra, con cũng không biết phải nói như thế nào cho mẹ hiểu được...

Bà Nghị nắm lấy tay con, nâng niu những ngón tay gầy guộc. Bà cũng không biết phải bắt đầu như thế nào câu chuyện ngày xưa. Người đàn ông tuyệt vời trong trí tưởng con gái bà. Người đàn ông trở về với vợ con sau khi người vợ lẽ đi lấy chồng khác. Bà Nghị ngồi yên, mắt cúi xuống, nghe ông kể lể lòng hối lỗi. Tình yêu đã chết, nghĩa hầu như không còn. Sự ràng buộc còn lại là những lề lối xã hội và tình thương của cô con gái.

- Nhiều lần, bối rối quá, con muốn xin mẹ đến ở chung với con. Nhưng con đoán mẹ sẽ không rời nơi này, chỗ có mộ bố.

Mắt bà Nghị nheo lại, như thể vì nắng chói. Một điều không nói, thêm bao nhiêu điều không nói. Liên vẫn chưa biết rằng lúc ông Nghị mất, bà cảm thấy nhẹ nhõm nhiều hơn buồn phiền, tuy rằng bà biết từ nay bà sẽ hoàn toàn cô độc. Bà không còn giận hay ghét ông, nhưng ông cũng chỉ như người dưng đến ở chung nhà, người đàn ông về già hay lẩn mẩn khó chịu. Bà Nghị biết mình sẽ tiếp tục im lặng. Những nỗi đau quá khứ không cần phải bươi móc lại nữa, cứ để cho chúng yên trong nấm mộ trên đồi nơi ông Nghị nằm. Niềm tin vào cuộc hôn nhân và người chồng của Liên đã rạn vỡ, cô không cần thêm một sự thật phũ phàng nào khác. Liên đã trưởng thành, cô sẽ biết suy xét và quyết định. Có mất vài mươi năm sống thiếu hôn phách như bà đã từng, thì thôi xem như phận đàn bà, phận con người, phận sống tạm trong cõi tạm.

Liên đứng dậy, đưa tay đỡ bà Nghị đứng dậy theo:

- Mình đi dạo chút mẹ nhé. Kẻo lát nữa nắng gắt lắm.

Ngoài bóng mát tàng cây, nắng choàng đến ấm áp. Má Liên cũng như hồng hơn. Bà Nghị dựa vào cánh tay cô, tin cậy:

- Mẹ biết con sẽ vững vàng, thấu đáo...hơn mẹ.

Liên ngạc nhiên, nhưng bà Nghị chỉ mỉm cười, không giải thích. Những tâm sự chưa thổ lộ, những nỗi đau không được chia xẻ cháy bỏng trên môi, nhưng bà sẽ đi cho hết con đường đã chọn: gìn giữ cho Liên ảo tưởng hạnh phúc ấu thơ và tình yêu không tỳ vết. Bà đã lựa chọn, đã trả giá. Bây giờ, bà muốn cho riêng mình một khoảnh khắc buổi sáng hôm nay, khoảnh khắc mùa xuân hiếm hoi trong cuộc sống buồn tẻ của tuổi già.

Ngoài bãi cỏ xanh phất phới màu hoa dạt theo chiều gió, tiếng Tammy gọi mẹ, trong vắt.❐

thơ trên chuyến về
HOÀNG LỘC

**** Qua Đông kinh nhớ thời Đông du***
người nữ tiếp viên thơm dông kinh
long lanh mắt trời sâu đến thế
bước giữa quê cô đau quê mình
ta tóc trắng kỳ ngoại hầu cường để

**** Đêm Tân Gia Ba thua cùng***
ông Lý Quang Diệu
khuya - lỡ đường - ngó sũng quê ông
sao ta bỗng nhớ khan cao bá quát
lẽ nào muốn sinh lòng làm giặc
khi lắm điều muốn nói, chẳng còn vua
ông cười ta dã không thể người xưa?

**** Bay trên biển Việt***
mỏi mắt dòm qua của kính che
biển thân quen dưới lớp mây kề
năm năm một nỗi dời lưu xứ
mũi nghếch lòng run ngửi gió quê

**** Phố gái Sài Gòn***
em chạy dream II tay trong găng
mắt bỏ ngoài - mũi miệng sau khăn
em sợ bụi đường em sợ nắng
hỏi làm sao em dánh hơi anh?

**** Khi tới Hội an***
tiếng em nhu mãi kêu thầm
và anh sau những năm năm lại về
mắt nhòa giọt nắng sân quê
bóng cây cất giữ lời thề còn xanh

Ảo ảnh

Hoàng Bích Đào

Trúc Tiên thả bộ trên đường trải lá vàng đậm ướt, tuyết bay bay như phấn rắt...Gần đến Noel rồi, con đường Saint Michel qua Notre Dame đèn giăng đầy. Những lồng đèn màu tím kết bằng dây kim tuyến lấp lánh treo dài dưới mái hiên phố. Paris năm nay tràn ngập màu tím, màu tím nhớ, màu thương yêu. Nhìn thiên hạ rộn rịp đi dạo phố, những đôi nhân tình tay trong tay âu yếm, Trúc Tiên thấy mình lạc lõng bơ vơ trên xứ người. Nỗi cô đơn xâm chiếm khi ngoài trời tuyết rơi mưa lạnh gió đông về...Những khoắc khoải kỷ niệm gợi nhớ như mới hôm nào tay nắm tay, Trường hỏi: "Em có lạnh không?" Vừa nói Trường vừa choàng áo qua vai Trúc Tiên, "Đi bên anh, em không thấy lạnh". "Em lãng mạn quá, nói *như trong tiểu thuyết.*" "*Em không lãng mạn đâu, thực đấy! Nầy anh xem* trên trời có tên anh em chúng mình kìa." Trường nhìn lên như tìm kiếm, "Anh chỉ thấy một chữ T thôi". "Kìa! hai chữ T kia mà, xa xa bên mé trái của sao Hôm đó! Anh thật cù lần!" Nhìn kỹ lại, Trúc Tiên thấy chỉ còn một chữ T thôi, chữ T kia bị một áng mây che khuất. Trong lòng nàng thấy không vui...nhưng thôi. "Mỗi chuyến bay đêm anh nhìn sao còn rành hơn em nữa, thật tình anh chỉ thấy hai vì sao đêm ở gần anh đây"."Đâu nào?". "Đây! Đôi mắt em đó!". "Thôi đi anh, cho em xin hai chữ bình yên."

Có lần Trúc Tiên cùng Trường đi lượm trái marron. Dường như mùa thu bao giờ cũng vậy, mơ màng và hắt hiu. Rừng thật đẹp, lá vàng lẫn *màu đỏ xanh như nhuộm thắm cả hoàng hôn. Trên đường về, đi qua ngôi* biệt thự có những hàng liễu xanh mượt-mà che rợp bóng. Đây ngôi nhà của Edward VIII, ông vua đã dám bỏ ngai vàng để theo tình yêu. "Nếu anh là vua, anh có dám làm như vua Edward VIII không?" ."Anh đâu có ngai vàng, anh chỉ có em và không gian. Không gian là trái tim, em là hơi

thở.". "Vậy anh chọn cái nào?" ."Anh chọn cả hai.". "Anh thật tham lam quá . Em muốn anh chọn một cơ." Chàng cười trêu: "Không bao giờ. Thôi đi cô, nghèo mà ham."."Anh thì thế đó. Lúc nào cũng gàn và bướng"."Em giận anh rồi. Em chỉ muốn anh yêu thương một mình em thôi. Như ông vua Edward VIII, khi thật lòng yêu thì bỏ hết cho tình yêu, quên hết, từ bỏ hết." "Không được đâu em ơi! Em biết không, những chuyến bay đêm qua vùng trời đây sao, anh luôn bắt gặp đôi mắt em."."Thôi đi, anh ba hoa làm gì, em không thèm chơi với anh nữa đâu.". "Chúa ơi, nàng giận con rồi Chúa ơi." Trường ngâm nga lên giống theo điệu hát của bài này. Trúc Tiên che miệng Trường lại: "Ô kìa, anh không được kêu tên Chúa vô cớ, mang tội đó nghe."

Bây giờ Noel lại đến, nàng nhớ lại đêm Giáng Sinh năm nào cùng Trường đi lễ nhà thờ Đức Bà. Ngôi Thánh Đường Notre Dame được trang hoàng lộng lẫy, đèn sáng rực cả một vùng. Sáng lấp lánh cả dòng sông Seine. Chiếc ngôi sao thật lớn treo trên đỉnh tháp Thánh Đường nổi bật trên nền trời. Tiếng chuông lanh lảnh ngân vang như kêu gọi đàn chiên bé nhỏ hãy trở về sống bình an trong tình yêu Thiên Chúa. Trường và Trúc Tiên cả hai chen lách vào quì dưới tượng Thánh Nữ Đồng Trinh. Trường nhìn qua Trúc Tiên, mặt trang nghiêm đôi mắt đăm đăm đang nguyện cầu ơn sủng mầu nhiệm Thiên Chúa. Đêm thánh vô cùng, bài thánh ca Silent Night chợp vang lên réo rắt rồi trầm xuống... Tiếng nhạc nức nở, người rưng rưng muốn khóc. Trường se sẽ nắm tay bạn, siết chặt... Đêm nay Trường thấy Trúc Tiên đẹp quá, vẻ đẹp thánh thiện. Nghiêng nghiêng mái tóc phủ đôi vai gầy, ánh mắt mơ màng làm chùng lòng người."Anh nguyện cầu gì với Chúa?". "Anh cầu xin mãi mãi em là hạnh phúc của anh.". "Anh ăn gian quá." Nàng có nụ cười rất dễ thương. "Bây giờ anh mời em đi ăn reveillon trên Tour Eiffel, OK?"

Sương mù bao phủ cả đỉnh tháp. Từ trên cao nhìn xuống Paris về đêm thật tuyệt vời. Những dãy đèn trải dài trên thành phố như những hạt kim cương lóng lánh. Xa xa Sacré Coeur, Arc de Triomphe qua Montparnasse, dòng sông Seine sau lớp sương mơ huyền-hoặc mông-lung... Cả hai như say sưa trước đêm tĩnh lặng. Mỗi người mang một ý nghĩ riêng tư. "Kìa em, mình vào trong đi! Sương xuống nhiều lạnh rồi đó. Sao trông em thẫn thờ vậy? Em không vui sao?" "Em cảm thấy nhớ nhà và luyến tiếc những ngày cũ sắp mất, sắp sang năm rồi. Muốn níu kéo thời gian lại mà không được, có những sự quá tầm tay mình." Đột ngột Trường quay lại hỏi Trúc Tiên: "Còn em, chừng nào em về? Tết em có về không?". "Em cũng chưa biết, niên học còn tiếp tục chưa xong, nếu có về

thì đợi đến hè". Giọng Trường *năn nỉ* "Cố gắng về đi em. Anh nhớ lắm. Nếu em không về anh sẽ thành mây cho gió cuốn đi". Cả hai đều phá lên cười. "Anh lại ba hoa *rồi*".

Trên bàn ăn có một cành hồng đỏ thắm, hai cốc champagne *rosée* hồng nhạt. "*Chúc em chóng thành một chính trị gia lỗi lạc, và mãi mãi là của anh.*" ."Em chúc anh may mắn và vững chắc như *tháp Eiffel.*" "Anh *sẽ nhớ mãi kỷ* niệm hôm nay của chúng mình. Chắc em biết là theo tục lệ ở Pháp, đêm Noel người ta *mi* nhau." Nói *xong* Trường chồm người qua Trúc Tiên định hôn. Nàng nghiêng đầu tránh "Hơi sớm đó bạn! Tục lệ người ta là mười hai giờ khuya *Nouvel An* kia mà. Hôm nay là Noel, đừng có ăn gian nghe bạn." ...

...Trở về ký-túc xá, Trúc Tiên thấy buồn ray rứt. Chỉ còn *lẻ tẻ vài sinh* viên ở lại. *Còn vài* tuần nữa là Tết rồi. Quyên, cô bạn gái cùng phòng, đang ngồi viết thiệp chúc Tết. Trúc Tiên nhìn qua *khung cửa kính*, những *nổi buồn* ký-túc-xá vẫn còn. Nàng thấy bầu trời như thấp xuống, những hàng cây trụi lá ngoài sân vẫn trơ trơ *qua màn tuyết* phủ. Quang cảnh dìu hiu, Trúc Tiên nhớ giờ đây ở gia đình đang chuẩn bị đón Tết. Những cái Tết thật đầm ấm. Nhất là 28 *Tết đi chợ* hoa với mẹ. Ôi một rừng hoa rực rỡ. Đến đường Nguyễn Huệ thế nào mẹ cũng mua một cặp cam quất. *Lên* Chợ Lớn mua *vài giỏ thủy* tiên. Nàng còn nhớ mẹ tỉ mỉ mua thủy tiên trước cả tháng để gọt tỉa cho hoa nở đúng vào đêm giao thừa. *Có năm* trời lạnh buốt mẹ phải chong đèn đốt hương trầm cho hoa ấm để nở đúng vào mồng Một. Mẹ bảo nếu hoa không nở kịp vào *mồng Một Tết* thì mất hên cả năm. "Chả biết anh ấy có thích hoa thủy tiên không nhỉ." Khi chọn hoa đào, mẹ chọn những cành gốc lớn, *nụ đỏ thắm* tươi tốt. Nhưng nàng thích nhất là mai loại hoa kép. Hy vọng sẽ nở nhiều hoa, bố thích thế. Saigon nắng ấm, thiên hạ đi *sắm Tết rộn rịp*.

Nàng gọi bạn: "Quyên ơi, mình nhớ nhà, nhớ Tết quá".

Quyên *ngừng viết*: "Mình cũng vậy. Sao anh bồ không quân của "toi" đi tu nghiệp về nước ra sao rồi? Hình như mình *thấy thơ của* bồ nơi bà *Jeanne concierge* đó."

Trúc Tiên choàng vội áo ấm chạy ra hàng *hiên*. Lúc vào đầu nàng lấm tấm tuyết, tay cầm thư mặt đầy niềm vui. "Quyên ơi, thư của chàng đây. Sao "toi" nói linh thế!"

Rồi nàng ngồi xuống đọc ngấu nghiến. Thư anh đầy ắp thương nhớ.

- Đọc cho mình nghe *chút đi!*
- Có bài thơ tình lắm, để đọc cho "toi" nghe một đoạn:

Paris vàng lá rồi sao?

Dấu xưa e cũng lẫn vào thời gian
Thôi về nắn mấy cung đàn
Để nghe khắc khoải bẽ bàng đó đây.

Quyên lắng nghe. Nàng ngừng đọc, nháy mắt với Quyên:

- Còn một điều quan trọng, chàng đòi hè này đem sính lễ cầu hôn...

Quyên cất tiếng cười dòn dã.

- Bạn hạnh phúc nhất rồi. *Mes félicitations!*

Trúc Tiên và Lệ Quyên đi dự tổ chức văn nghệ Tết của Tổng Hội Sinh Viên tại rạp Maubert Mutualité. - Lúc nãy Trúc Tiên hát bài "Giấc mơ hồi hương" không thua gì Thái Thanh.

- Đừng cho mình đi tàu bay giấy nghe bạn.

- Đúng thế, "toi" không nghe tiếng vỗ tay vang rạp sao?

Trên đường về ký túc-xá , sao nàng thấy mình lo lắng, ray rứt không yên một cách lạ lùng. Nhìn ánh đèn vàng vọt, loang lổ trải dài trên đường phố khuya, lòng chợt dấy lên một khoắc khoải một nỗi nhớ xót xa.

Vừa vào nhà, Trúc Tiên thấy một lá thư chuồi vào dưới cửa. Nàng mừng rỡ bóc vội thư.

"Em thương yêu..tin em hay còn một tháng nữa anh sẽ thuyên chuyển qua kiểm báo vì "inapte" với phi vụ... và cũng là ý em muốn đó. Anh sẽ dành cho em một bất ngờ. Bây giờ anh phải đi gấp, sẽ viết tiếp.....

...Kính gửi cô Trúc Tiên,

Tôi xin tự giới thiệu là Hữu, bạn của anh Trường. Vừa rồi trong phi vụ hành quân, anh đi thay cho người bạn, rồi không thấy anh trở về. Đơn vị ghi nhận là mất tích. Có gì mới sẽ cho cô biết. Xin đừng quá ưu phiền mà hại sức khoẻ. Chúng tôi rất tiếc mất một người bạn thân tài năng và nhiệt tình...

Trúc Tiên lặng điếng người, gục đầu nức nở. Ngoài kia, tuyết vẫn còn rơi..❐

Paris, Mậu Dần 98

Xuân mới, nên tặng cho người thân món quà nào trang trọng nhất?
Văn Học Xuân Mậu Dần 1998
Dày 240 trang, bài vở đặc sắc, trình bày mỹ thuật
Giá chỉ 8 Mỹ kim. Báo có bán tại các hiệu sách

Anh vừa năm mươi tuổi

NGUYỄN MẠNH TRINH

Đâng lẽ anh sẽ hú gào lên hoan lạc
khi cơn mưa rớt trên da thịt anh ngọn gió bồng bềnh
tay chân tưởng dang bơi dòng nước ngược
rất vời xa ở chỗ nào bờ bãi mất hút của sương
tóc thả ngậm bờ môi
tủy não nổi gai cánh hoa mười giờ cụp lại.

Đêm lóng lánh trên tấc thịt nâu hồng
rễ cỏ hoang sơ ngàn năm trước mọc
rêu xanh cồn lam biếc
con rắn ấu thơ lưỡi nhọn liếm êm đềm
phổi vỡ toang phế quản
lửa dốt, lửa dốt trong trái tim hóa thạch từng đêm.

Đáng lẽ anh phải trầm mình vào sông suối em
lúc sóng biển vẫn rì rào và núi sừng sững đỉnh cao
đôi khi tưởng mình nhu con chim sâu
chuyền bãi cỏ xanh lông mịn
ngôn ngữ vô thanh vỗ tay múa hát
mặt trời xám và tia nắng đỏ
gọi tiếng yêu em, yêu em mãi mãi khát thèm.

Đêm vỡ vụn trí nhớ anh
phiến đàn lẻ loi ngón tay sơn đỏ
ngõ hẻm nào dấu chân trở lại
răng nanh con quỉ nhập tràng
ngập suốt thịt da
anh tình nguyện làm kẻ đầu hàng giơ tay vô điều kiện
Đáng lẽ bây giờ anh mới tuổi hai mươi
hạnh phúc khôn cùng mà tưởng nhu gần bất hạnh
đi một mình đêm khuya tăm tối

mắt em như guơm cắt đứt hồn anh
một bài hát người thất tình nửa khuya Sài Gòn
núc nở.

Đêm như những hạt cát dìm lên cả loài dã tràng
nỗi niềm ủ ê của cơn mưa trưa thành phố chúng ta
dâu sợi nắng trên thềm gạch cũ
một nụ tầm xuân bâng khuâng đã bốn mươi năm.

Đáng lẽ anh vai kịch nhiều lãng mạn
làm thằng điên đứng rình từng hạt sương trong
như hạt lệ của mái hoàng lan hiu quạnh
nụ hôn hoài tha thiết từng phần tâm sự riêng em
cho anh trở lại
thuở lên mười với những cơn xao động rã rời.

Đêm như sợi khói của một tình yêu
thẳm lặng
bộ ngực trần em
đỉnh núi trăm năm ngàn năm mây phủ
anh leo lên không đến đích bao giờ.

Đáng lẽ anh, đáng lẽ em, đáng lẽ thế hệ chúng ta
đáng lẽ những con sông, ngọn suối, dòng trầm lưu
chỉ là ảo tưởng
Và đáng lẽ tình yêu anh em
Một ngọn nến thắp lên mùa hạ vừa xa
Đêm lạ vòng tay ôm
Con rắn quấn lớp da kỷ niệm
Đêm lạ một vòng ôm
Anh vừa năm mươi tuổi.

Lỗ hổng

Mauro Senesi

Trần Doãn Nho dịch

Mauro Senesi là một khuôn mặt lớn trong văn giới Ý hiện đại. Ôâng sinh ở Volterra, Tuscany, năm 1932, nhưng sống ở Florence. Ông là một nhà văn sung sức, viết nhiều và viết về mọi đề tài. Truyện ngắn Lỗ Hổng (The Breach) sau đây được đăng trên tạp chí The Atlantic, Mỹ.

Con đường đi vào nghĩa trang hẹp và mấp mô. Gần đây, người ta phủ một lớp nhựa đường mới và ngày đưa đám Alderman, trời lại mưa, nên con đường trở nên bóng láng như gương đến nỗi ta có thể soi mình được. Vì thế, nên các cô gái của Viện mồ côi cứ nhìn trộm *mãi* vào bóng mình trong đó. Tôi cũng thế, *tôi* nhìn hình dáng phản chiếu của các cô lộn ngược chống lại cái nền trời đầy mây xám, với những bím tóc đong đưa như những cái đuôi diều.

Thế rồi cơn mưa *lớn* dần khiến các các cô nữ tu phải bảo các cô mở dù ra che.

Các cô được điều đi phục vụ trong mọi tang *lễ* - thị trấn chúng tôi nhỏ, nhưng ngày nào *chũng* có người chết- ngoại trừ tang lễ của những người nghèo, không đủ trả tiền chi phí cho Viện mồ côi. Các cô gái xếp thành một dãy dài, ngoằn ngoèo, từng hai cô một, *những* cô nhỏ nhất đi đầu, tay cầm những bó *hoa huệ*, còn các cô lớn thì xếp ở những hàng phía sau. Những người đứng cuối cùng hầu như đều đã ở tuổi trưởng thành, và dưới cái choàng đen mỏng nanh, người ta có thể *thấy* rõ đường nét của những cặp vú.

Giọng hợp xướng thánh ca của các cô vang lên đều đặn, buồn tẻ và mệt mỏi, nhưng hơn hết thảy, chính cái nhìn *chằm chằm* của các cô làm tinh thần ta bối rối. *Hình như* ta có thể bắt gặp một điều tương tự khi nhìn

bầu trời lúc rạng đông, bầu trời thực sự trống rỗng, không màu sắc mà ta có cảm giác y như đang rơi vào trong đó. Chắc chắn là các cô không hề có đôi mắt như đôi mắt của chúng ta khiến ta tưởng như những nữ tu đã mang chúng từ các bức tượng trong viện bảo tàng về gắn vào cho các cô.

Người chết nằm im trong chiếc xe ngựa sơn màu vàng như mạ vàng , còn các cô gái mỗi ngày đi theo nó , giống như đàn cừu cứ phải đi theo lối đi đầy cỏ của chúng. Thỉnh thoảng, bắt chước những con cừu, các cô cũng thử phản kháng bằng ách đứng lì tại chỗ, miệng lẩm bẩm những điều ngớ ngẩn. Các cô ngậm miệng lại không chịu đọc kinh hoặc bỗng nhiên cười lớn với nhau. Ai mà biết được vì sao các cô làm như thế ở đám tang, trong khi những cô gái lớn cứ nhìn chằm chằm vào bọn con trai chúng tôi với cái vẻ van nài khẩn khoản khiến chúng tôi phải đỏ mặt.

Một ngày sau tang lễ của Alderman, chúng tôi mới thực sự biết đến mùa xuân. Bầu trời xanh tươi và thị trấn chúng tôi như mới hẳn, nhưng trên đỉnh đồi, khu nhà chỉ còn hình dáng bên ngoài , nhiều bức tường đã sụp xuống thành từng mảng do ẩm ướt và cũng do quá lâu đời.

Chính vì thế mà anh chàng thợ nề đến gọi tôi. Năm nào cũng vậy, anh ta kéo tôi đi làm thợ phụ. Tôi xếp gạch và trộn vữa cho anh ta; thỉnh thoảng, tôi cũng giúp anh ta xây tường. Đó là một công việc tôi rất thích, vì ta có thể tiếp tục nhìn thấy thành quả của mình để ước tính bao lâu thì xong.

Công việc đầu tiên là sửa chữa lại bức tường cuối khu vườn của Viện mồ côi - một bức tường cao, dáng khum khum như cái lưng gù , với cây cỏ mọc đầy ở phía trên. Phía bên kia bức tường cao , thực sự đó là một xứ sở rộng mở, một khoảng đất với nhiều cây ô liu oằn xuống. Tường hư hỏng nhiều chỗ, nên anh thợ nề nói với Mẹ bề trên rằng để làm cho chắc thì phải xây lại hoàn toàn từng mảng một.

Mẹ bề trên là một nữ tu dáng người nhỏ nhắn, da nhăn nheo, khô khốc. Ở khuôn mặt bà, hầu như chẳng có gì ngoài đôi mắt, bên trong thì sáng, còn bên ngoài được viền bằng những đường tối. Bà nói:

- Chúng ta phải tin cậy được ở bức tường, tôi nhân danh Đức Chúa Trời khẩn nài anh làm cho tốt.

Bà nhìn một cách muộn phiền vào những cây ô liu nằm rải rác dưới chân đồi y như chúng là những kẻ thù sắp hàng sẵn sàng tấn công khu vườn.

Đây quả là một nơi lý thú để làm việc. Buổi sáng, chúng tôi nghe ở phía sau là tiếng đọc kinh và phía trước là những cây ô liu với cành lá đong đưa trong làn gió xuân dịu. Đầu tiên, chúng tôi kéo đổ một khoảng

tường. Anh thợ nề dùng cuốc chim để cuốc, còn tôi thì lượm đá, sắp thàng từng chồng ở bên trong khu vườn. Khu vườn nhỏ hẹp tối tăm, nhưng khi lổ hổng được mở ra thì ngọn gió mùa xuân cũng len được vào trong đó.

ít hôm sau, các cô gái cùng ba nữ tu giám sát cũng đi vào khu vườn. Tất cả đứng thành một vòng tròn chung quanh lỗ hổng của chúng tôi, nhìn một cách thèm thuồng ra phía ngoài. Các cô là những người đã đi trong đám tang Alderman. Tôi nhận ra các cô từng người một. Tất cả đều có một vẻ mặt giống nhau, y như các cô là con gái của cùng một bà mẹ duy nhất, to lớn và kỳ quái. Nhìn gần, chúng tôi thấy các cô đều xấu xí, dáng điệu cứng đờ như thể thuộc về người của thế hệ trước.

Ngay cả những cô nhỏ nhất cũng chẳng bắt đầu cuộc chơi dù rằng có nhiều viên đá tròn trong khu vườn và rải rác đây đó, từ những bắp cải nhú ra những bông hoa xanh vàng đẹp đẽ - những bông hoa mà các cô phải hái , vì bây giờ là mùa xuân. Nhưng tất cả các cô đều mặc bộ áo quần đen, nặng nề sát đến tận cổ và có lẽ vì vậy mà các cô cũng chẳng cảm thấy muốn chơi đùa.

Ba nữ tu cố bắt các cô nối nhau thành một cái vòng và các cô vâng lời một cách lơ đãng. Khi quây thành vòng tròn, các cô đều quay đầu về phía lổ hổng, nhất là những cô lớn. Anh thợ nề nói với nụ cười nhăn nhó: " Tôi biết đó là cái duy nhất mà họ có thể xử dụng"

Các nữ tu, vì hát và quây thành vòng tròn, bắt đầu im tiếng và đứng lặng đi một cách buồn bã. Trong lúc đó tôi bắt đầu trộn vữa và hai trong các cô gái đến thọc ngón tay vào trong thùng vữa. Tôi nói với các cô là vữa sẽ làm cháy tay đấy, nhưng hai cô gái vẫn giữ ngón tay trong thùng, thậm chí còn nhúng vào sâu hơn cho đến khi một nữ tu nắm hai vai cô kéo đi.

Trời quá nóng, anh thợ nề phải cởi áo ra. Ngực anh ta vẫn còn gầy gò và trắng vì thời gian nghỉ đông. Thấy vậy, các nữ tu vội vàng dẫn ác cô gái đến cuối khu vườn , nhưng các cô cũng cố ngoái nhìn chúng tôi, nhất là cái nhìn của một trong những cô gái lớn, có lẽ là lớn nhất trong tất cả. Cô ta có bím tóc nâu với dải ru băng cột ở cuối và một khuôn mặt đầy mụn đỏ.

Tên cô là Letitia. Chính cô đã nói cho anh thợ nề biết như thế vào một trong những ngày kế tiếp, khi các nữ tu bắt đầu quen thuộc với sự hiện diện của chúng tôi và các cô gái có thể lân la đến phần có lỗ hổng - cái lỗ hổng , từng khoảng một tiếp tục đóng lại rồi mở ra dọc theo bức tường. Một lúc nào đó, ba hoặc bốn cô đến nhìn chúng tôi rất kỹ trong khi những cô khác đánh lạc hướng các nữ tu.

Chỉ có Letitia đến thường xuyên hơn vì cô ta chẳng đợi đến phiên, và

khi cô đến thì anh thợ nề thường cố tình mở nút áo ra để lộ những nhúm lông ngực đen ngòm, mặc dù anh ta đã bị Mẹ bề trên bắt phải mặc áo đàng hoàng trong suốt thời gian làm việc.

Cũng có đôi điều ở trong khu vườn mà tôi không tài nào hiểu được, đó là một cái gì nặng nề đang cố thoát ra hoặc chui vào xuyên qua lổ hổng, dù thực ra, Mẹ bề trên có nói là bà đòi hỏi chúng tôi đoan chắc lỗ hổng phải được đóng lại cẩn thận mỗi một buổi chiều.

Nhưng điều phi lý và khó hiểu nhất đã xảy ra vào một buổi chiều khi Mẹ bề trên nhìn vào trong khu vườn, vỗ đôi bàn tay nhỏ nhắn, nhợt nhạt của bà để gây tiếng động đủ để xua đuổi những con chim đậu ở những cây ô liu gần nhất bay đi. Hình như rằng sau đó, một đám mây che phủ cái mặt trời mờ nhạt vốn từ lỗ hổng của chúng tôi chiếu lên khuôn mặt của các cô gái.. Mắt của các cô trở nên buồn thảm và bất động, hình như tất cả vụt trở nên rỗng không, nhưng nếu ta nhìn các cô gần hơn, ta sẽ có thể nói, chúng chứa đầy sợ hãi và hận thù.

Tôi cảm thấy có một nỗi thúc bách phải di chuyển khỏi cái lỗ hổng để các cô gái tự do lang thang rong chơi giữa các ành ô liu trên dải đất sáng sủa có những đường nứt. Hình như anh thợ nề cũng thế , anh cảm thấy một nỗi thúc bách như tôi, bởi vì anh vẫn còn giữ cái bay giữa khoảng không, mắt nhìn Letitia một cách nghiêm trọng.

Mẹ bề trên tiến tới chỗ chúng tôi, làm dấu thánh giá và nói cùng một câu như thường lệ: "Này các con, hãy gắng lên, vì Chúa đã gọi đến với Người một trong những ân nhân đáng yêu nhất của chúng ta và chúngta phải theo Người đi vào nước trời vinh quang của Người.".

"Thưa mẹ, con đau chân", một trong các cô gái nói. Một cô khác nói cô đau đầu, nhưng Mẹ bề trên biết các cô nói dối, nên nhìn các cô một cách nghiêm khắc với đôi mắt trắng dã bên trong cái vòng tròn tím của những vết nhăn. "Người ta phải biết ơn những ân nhân của mình" bà nói, "Sự vô ơn sẽ dẫn đến địa ngục".

Khu vườn đã trống không và cái lỗ hổng của chúng tôi trở nên vô dụng. Anh thợ nề và tôi vội vàng dùng đá lấp kín, để ngăn không cho cái chết không đi vào trong khu vườn. Nhưng cái chết cũng cứ vào. Cái chết như được khắc ghi trên những cái nhìn của các cô gái khi họ trở lại với chúng tôi. Từ nơi các cô gái toát ra mùi sáp ong và mùi những đóa hoa thối rửa trong khi da của các cô sáng và căng ra trên những cái trán vồ thấp y như từ rất lâu , các cô đã phải mang trên đầu một cái gì rất nặng nề.

Các cô đứng túm tụm vào với nhau chung quanh cái lỗ hổng và thầm thì nói chuyện, khi các cô trở lại. Lúc đầu, thật không thể biết các cô nói những gì, nhưng rồi chúng tôi cũng biết ra là các cô đang nói xấu những

người chết. "Ông kia nằm đó với cái miệng méo xẹo" và "Ông này thì lại chẳng biết đến cả khép mắt lại". Giọng các cô the thé và chứa đầy sự thù ghét. Họ nói: " Cậu có để ý cái gã kia không, hắn ta bốc lên cái mùi sao sao ấy?".

Chúng tôi ở lại hầu như suốt ngày, tai vểnh lên nghe ngóng và rồi khi có tiếng chuông chậm chạp vang lên, thì chúng tôi cảm thấy rùng mình vì điều đó có nghĩa là có thêm một kẻ thù nữa cần phải đối phó. Mỗi một người chết đếu có một kẻ thù *mới*.

Các cô gái viện mồ côi một ngày một héo hon đi, những cô nhỏ tuổi thì chẳng hề thấy lớn, dù đang là mùa xuân. Ngay cả những nốt mụn trên má của Letitia cũng hầu như lặn xuống, nhưng hơn tất cả mọi thứ, cái chết như cứ hút cạn lần sinh lực bên trong các cô gái từng ngày , từng ngày qua các đám tang khiến cho họ trở nên như vô hồn.

Tôi biết rồi mọi điều rồi cũng có lúc kết thúc. Chúng tôi đã làm đến đoạn cuối của bức tường, và như thế thì sau đó, chúng tôi phải vĩnh viễn đóng kín cái lỗ hổng của chúng tôi, con đường duy nhất mà mùa xuân có thể đi vào khu vườn ủ rũ của Viện mồ côi.

Tôi chẳng rõ anh thợ nề có cùng ý nghĩ như tôi không, nhưng hôm đó, một buổi chiều, cả hai chúng tôi ra về mà vẫn để lỗ hổng mở rộng. Trời đã mờ mờ, và mặt trời xuống thấp ở chân trời, thấp hơn ngọn đồi của chúng tôi, đang dọi nhưngõ tia sáng của nó xuyên qua lỗ hổng, vào tràn ngập trong khu vườn. Tuy nhiên, chỉ một khoảng ngắn sau, bóng tối tràn đến và Mẹ bề trên không để ý đến bức tường hoàn toàn để ngõ, hướng đến các cành ô liu vui vẻ.

Tôi đến núp sau một cây ô liu, chờ đợi, còn anh thợ nề núp ở một cây ô liu khác, mình mặc cái áo sơ mi trắng không gài nút. Chúng tôi lặng lẽ đợi, lòng rộn ràng trong buổi chiều thoang thoảng mùi hương, đầy tiếng dế kêu và lá non. Bỗng nhiên , hồi chuông báo tử ngân lên và tiếng dế vụt im bặt.

Anh thợ nề và tôi băn khoăn chờ đợi và trước khi tiếng chuông buồn thảm ngưng lại thì có một cái gì lay động ở lỗ hổng của chúng tôi.

Những cái bóng nhỏ lưỡng lự chun ra khỏi lỗ hổng, bóng này kế tiếp bóng kia và một khi đã ở bên ngoài rồi, những cái bóng chạy ùa xuống đồi đầy cả những cành ô liu.

Bây giờ các cô gái chạy một cách thoải mái giữa các cây ô liu giống như bầy cừu ra khỏi chuồng lúc rạng đông, sung sướng đến nỗi toàn vùng ngập tràn tiếng la của các cô, để rồi cũng từ lỗ hổng, một, hai, ba, năm nữ tu mặc đồ trắng chạy đuổi theo, tay vẫy vẫy như những con quỷ.

Đây là một cuộc săn đuổi kỳ lạ trong đêm. Anh thợ nề cũng tham dự vào đó. Những cô gái vừa chạy vừa cười từ cây ô liu này đến cây ô liu kia, còn các nữ tu thì vừa đuổi vừa thở hổn hển, nhưng chính họ cũng hạnh phúc khi được chạy trên khoảng đất đầy hương.

Cuối cùng thì họ cũng bắt được tất cả các cô gái, chỉ trừ ra có một người, đó là Letitia. Chính anh chàng thợ nề đã giữ lại được nàng. Suốt đêm dài, các nữ tu vẫn tiếp tục gọi Letitia, giọng ngâm nga như đọc kinh, để rồi mất hút trong bản hợp xướng vang vang của bầy dế .

Sườn đồi đầy các bước chân của các nữ tu áo trắng mảnh khảnh đang lom khom dò tìm trong các nương rãnh. Và thị trấn của chúng tôi, vốn nằm ở vị trí cao nhất trong vùng, đêm đó, chẳng biết bao nhiêu đèn đuốc được thắp lên, tạo nên một không khí của lễ hội và của phép lạ.

Nhưng rồi, hôm sau, tôi đã phải tự mình đóng kín lỗ hổng trên bức tường của Viện mồ côi.

(dịch từ bản tiếng Anh "The Breach" của Mauro Senesi)

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Xin bạn đọc yểm trợ tạp chí Văn Học bằng cách:

- Ghi danh mua báo dài hạn (phiếu mua báo ở trang cuối)
- Mua báo năm tặng cho các bạn thân yêu văn chương
- Giới thiệu tạp chí Văn Học với thân nhân, bạn bè.
- Đóng góp bài vở, ý kiến để nội dung tạp chí càng ngày càng phong phú và trang nhã hơn

Riêng bạn đọc đã là độc giả dài hạn, xin tái hạn mua báo kịp thời để bộ sưu tập Văn Học được đầy đủ. Trên nhãn gửi báo ngoài phong bì, hàng số đầu tiên sau tên độc giả là thời hạn hết hạn báo. Ví dụ: **12/1/97** có nghĩa là phiếu mua báo của quí vị sẽ hết hạn vào **ngày 1 tháng 12 năm 1997**.

Góc Riêng Tư

Trương Nhân

Cô gái vẫn mê mải đọc, không ngừng lên khi Hoàng làm đổ chồng sách xuống đất. May quá, Hoàng thầm nghĩ. Nếu cô có vẻ khó chịu, chắc là chàng sẽ cảm thấy quê và áy náy lắm. Hoàng vội vã xếp lại sách lên kệ. Chàng thấy mình luống cuống và vụng về quá đỗi. Xong xuôi, chàng lấy đại một cuốn sách gần nhất và ngồi xuống chiếc ghế gần nhất. Nhìn cô gái, chàng gần như thở phào khi nhận ra cô vẫn không hề chú ý đến những chuyện xảy ra chung quanh mình.

Thư viện nhỏ xíu cạnh chợ này là nơi Hoàng ngồi chờ Nhung đi chợ ít nhất một lần trong tuần. Ánh đèn trắng và những kệ sách cao mang lại không khí lạnh lẽo, dù quanh những chiếc bàn ngổn ngang sách báo, con nít và người lớn tấp nập qua lại. Sự ồn ào của cái chợ kế bên như lây sang thư viện, khiến cho không mấy khi Hoàng thật sự thoải mái đọc được cái gì. Chàng quen yên tĩnh khi đọc sách, như thế chàng mới có thể lắng nghe được tư tưởng của mình. Còn ở đây, con nít la hét, đôi khi ré lên khóc, quầy check-out và information gần sát luôn có tiếng nói. Thường Hoàng lựa một cuốn sách thuộc loại nhẹ nhàng, một cuốn truyện tếu hay truyện ma chẳng hạn, và lơ đãng lật qua từng trang sách, không cố gắng lắm theo dõi diễn tiến. Còn hơn là phải theo Nhung trong khi nàng suy tính chuyện chợ búa, hay phải lang thang chờ giờ đón nàng, Hoàng nghĩ.

Hoàng chú ý đến cô gái ngay khi bước vào cửa. Không có mấy ai ăn mặc lịch sự như vậy trong thư viện ngày cuối tuần. Áo màu kem, váy màu cafe sữa đậm, làn da trắng của cô như thắp sáng chung quanh. Ngồi nghiêng trong tầm nhìn của Hoàng từ cửa vào, cô chống một bàn tay lên má, những ngón tay dài trên mái tóc óng ả. Hoàng thấy mình rung động. Chút

rung động của thời xa lắc, khi cuộc sống còn đẫm mơ mộng và lãng mạn, chàng gặp đâu đó trong ngày một hình ảnh con gái đẹp. Chỉ thoáng qua thôi, hình ảnh đó cũng đã đủ cho chàng những giây phút vu vơ suốt ngày. Lâu lắm rồi, cuộc đời chàng xuôi xuống triền dốc tháng năm, bình lặng và không còn những xao xuyến bất chợt như vậy. Hoàng cũng chưa bao giờ nghĩ đến điều đó, cho đến hôm nay. Chàng chưa bao giờ nhận ra để có sự bình lặng hôm nay, chàng đã đánh đổi những gì ? Hoặc chàng có biết, nhưng vẫn tin rằng chàng không hề nuối tiếc. Cuộc sống đổi khác đi tùy giai đoạn, ai mà chẳng biết. Hoàng bây giờ già dặn, chín chắn nhiều, đâu còn là anh chàng bồng bột đam mê như ngày nào. Bây giờ, chàng sẽ ngồi đây và kiên nhẫn chờ Nhung đi chợ xong, sẽ giúp Nhung xách giỏ lớn giỏ nhỏ ra xe và chở nàng về nhà. Không còn như ngày xưa, chàng khoác áo tơi nhẹ lang thang dưới cơn mưa phùn, khói thuốc quyện mờ cùng sợi mưa lất phất. Và sẽ ghé đến nhà một tên bạn, rủ rê hắn ra quán cafe. Ngồi nhìn những giọt cafe tí tách nhỏ xuống lòng chiếc tách trong veo, tiếng nhạc dìu dịu phủ lấy chàng như lớp chăn ấm, tán gẫu chuyện vớ vẩn, Hoàng thấy mưa gió thật có cái thú vị riêng. Lúc đó, thêm một bóng giai nhân thoáng qua nữa thì tuyệt. Những bước chân vội trên hè phố, vòng qua những vũng nước nhỏ hay nhón nhẹ sợ bùn văng lên áo, dễ thương như một điệu vũ vô tình. Những màu dù xanh đỏ vui mắt, khuôn mặt cô gái lúc ẩn lúc hiện qua vành chiếc dù làm tăng thêm nỗi tò mò lười lĩnh. Cũng có đôi khi Hoàng hay tên bạn ngồi nhìn mưa và than thở cho một cuộc tình nào đó vừa qua mất, cho một nỗi cô đơn rất thật mà cũng rất ảo tưởng, vì chỉ cần một tà áo khác lướt qua bên khung cửa cuộc đời, các chàng sẽ quên hết những đau khổ mới đó còn tưởng như sẽ là mãi mãi.

Hoàng đã đi từ cửa vào cho đến kệ sách như người mộng du trong những ý nghĩ riêng. Đến khi có người xin lỗi để len qua lối đi, chàng mới giật mình, và luống cuống làm đổ cả một hàng sách trên kệ. Ngồi xuống rồi, Hoàng mở cuốn sách, nhưng mắt chàng trở về cô gái bàn bên kia. Bây giờ cô ngồi xéo với chàng, đôi mi rũ xuống theo đôi mắt chăm chú dò theo hàng chữ trong cuốn sách trải trên mặt bàn. Mái tóc đen mượt ôm lấy đôi vai. Chắc cô chưa có chồng, chàng bất chợt nghĩ. Hay ít nhất chưa có con. Phụ nữ khi sanh nở thường mất đi ít nhiều sắc đẹp. Con cái là thiên chức cao quý cũng là sự hy sinh của một người đàn bà. Nhung ngày xưa cũng có suối tóc óng ả ngang lưng. Nàng yêu tóc như yêu tình nhân. Hoàng không ghen, vì chàng cũng yêu mái tóc Nhung, có lẽ yêu trước cả khi yêu Nhung. Mái tóc phất phơ bay theo gió trong tấm hình An –anh của Nhung– đưa cho chàng xem lúc Nhung còn ở trại tỵ nạn. Chàng buột

miệng khen mái tóc đẹp quá, chắc cô nàng phải chăm sóc ghê lắm. An cười hỏi cậu thích không tôi làm mai nhé. Chàng bảo cưa em bạn thì khó ...chạy quá, thôi bỏ đi tám. Lúc chàng đến chỗ An ở ít lâu sau, cánh cửa sổ thường vẫn im ỉm đóng đã thay bức rèm xanh nhạt, viền những lọn tóc đen của Nhung. Hoàng cứ ngỡ mình vừa trở lại Việt Nam, đi qua khu vườn nhỏ rộn lời chim hót và trộm ngắm cô gái ngồi bên song hong tóc. Chuyện tưởng đùa hóa thành thật, khi Hoàng và Nhung bàn chuyện làm lễ cưới hai năm sau. Ngày hôn lễ, nàng không cài khăn hay bới tóc, mà để xõa. Hoàng còn nhớ cái cảm giác ngây ngất khi ôm nàng trong vòng tay buổi tối hôm ấy trong tiệc cưới. Bàn tay chàng ngang lưng nàng siết vào mớ tóc mềm, và chàng nghĩ : nàng sẽ mãi mãi thuộc về mình. Đứa con thứ nhất, rồi đứa con thứ nhì. Mái tóc Nhung xao xác theo những đổi thay của cơ thể, những đêm thao thức vì con và những lo lắng khác trong đời sống. Năm ngoái, nàng quyết định cắt ngắn mái tóc yêu quí. Hoàng biết nàng tiếc lắm, và chàng cũng tiếc không kém, nhưng sắc đẹp của phụ nữ bao giờ cũng mỏng manh, khi mất đi rồi thì không cách gì tìm lại được.

Cô gái chợt ngẩng lên. Đôi mắt cô nhìn thẳng phía trước nhưng Hoàng biết cô chỉ đang nhìn những gì đang lướt qua trong ý nghĩ. Nhờ vậy, chàng có thể tỉ mỉ ngắm đôi tròng mắt nâu đang mơ màng, chiếc mũi thẳng thanh tú và khoé môi hồng phớt của cô. Cô gái không còn trẻ, nhưng có lẽ chính vẻ chín chắn thoáng chút từng trải làm cô có vẻ quyến rũ đặc biệt, khiến Hoàng nghĩ đến một trái dâu màu đỏ thẫm chín mọng nằm trong lá. Vẻ quyến rũ gợi lên một khao khát trầm lặng và sâu kín. Hoàng chỉ quen với những xao động bồng bột và nhạy như thuốc súng, có thể nổ tung bất cứ lúc nào thành nỗi đam mê lấp lánh như những vòm màu sắc của pháo bông. Ngày xưa, các cô gái với Hoàng là thử thách, là trái xanh vừa ngọt mát vừa tê dại hàm răng. Từ khi lập gia đình, thế giới của Hoàng, tầm nhìn của Hoàng thu hẹp lại là Nhung và hai con. Tiệc tùng, hội họp không còn là nơi Hoàng nao nức đi kiếm những khuôn mặt mới và những rung cảm mới. Chàng dửng dưng không buồn nhìn ngắm cả những hình dáng nổi bật nhất. Nhưng chưa bao giờ phải lo lắng về Hoàng và sự giao thiệp của chàng. Và Hoàng, chàng chưa bao giờ nghĩ mình lại còn có thể rung động như bây giờ với một cô gái lạ. Sự rung động rất khác cảm xúc dịu dàng và quen thuộc chàng có với Nhung, nhưng chàng vẫn thấy âm hưởng của nó trong từng mạch máu nhỏ. Chàng cố nhìn bàn tay trái của cô gái đặt trên cuốn sách để tìm một chiếc nhẫn, rồi tự thấy xấu hổ. Không phải khi chàng quyết định hỏi cưới Nhung, chàng cũng đã tự hứa sẽ chung thủy với nàng suốt đời sao ? Hoàng nhìn xuống ngón tay

mình. Chiếc nhẫn trơn nằm khiêm nhường trên ngón tay áp út, chiếc vòng không có dấu nối tượng trưng cho tình nghĩa không tì vết của vợ chồng. Bất giác chàng lại liếc nhìn bàn tay trái của cô gái. Chàng không thấy được có nhẫn hay không. Và chàng vẩn vơ suy đoán. Chắc là chưa ? Phụ nữ có chồng thường có dáng vẻ khác con gái chứ. Con gái như bông hoa hồng, rực rỡ và ngào ngạt hương thơm, còn phụ nữ có chồng như hoa thiên lý, khiêm nhường và kín đáo. Có lẽ chàng đã suy ra từ Nhung và các cặp vợ chồng chàng quen biết, cũng có thể chàng chủ quan, nhưng chàng không tin một phụ nữ có chồng có thể thảnh thơi ngồi trong thư viện với cuốn sách trên tay, thản nhiên và ơ thờ tưởng như cô có dư thừa thì giờ. Chàng đã quen thấy Nhung tất bật lo toan, biếng trễ cả việc chăm sóc dáng vẻ bề ngoài. Điểm trang chỉ còn dành cho những dịp đặc biệt. Sáng nay đi chợ, nàng ăn mặc sơ sài, chải vội mái tóc sau khi lo dọn dẹp bữa ăn sáng. Đời sống vợ chồng cộng hai đứa con nhỏ thật mệt ngất ngư. Tuy Hoàng cố giúp nàng trong công việc nhà, ngày nào lo xong mọi chuyện cũng chín, mười giờ tối. Hai người thường an ủi nhau rằng vài năm nữa chắc sẽ đỡ hơn, khi hai con lớn một chút và biết tự chăm sóc hơn. Hoàng thì đùa ít ra bây giờ mình còn có sức em nhỉ, trễ nữa chắc là anh mệt lắm. Và Nhung mỉm cười.

ừ nhỉ, hình như bận rộn quá họ bỏ quên cả những thứ lặt vặt hồi xưa không thể thiếu trong cuộc sống tình nhân và đôi vợ chồng mới cưới. Như chiếc hôn nhẹ trên má, như vòng tay âu yếm những bước đi, như những giờ phút riêng tư chàng ôm nàng trong lòng, áp mặt vào mái tóc thơm của nàng. Phải chăng sự âu yếm cũng như một thói quen, có thể bị quên lãng và gạt bỏ khi không còn thích hợp ? Những gì tưởng như đã thành phản xạ, thành một phần con người họ, có thể nào đã biến mất mà chính họ không hề biết ? Hoàng vẫn nghĩ họ sẽ yêu nhau suốt đời. Sẽ không bao giờ chàng quên nghĩ đến nàng và những gì mang lại cho nàng hạnh phúc. Rằng nàng sẽ là ưu tiên số một trong cuộc sống của chàng. Chàng không tin chàng đã thay đổi. Chỉ có điều chàng không ngờ đến những ưu tiên khác, bổn phận khác có khi làm chàng quá bận rộn lo toan đến xao lãng những chăm sóc nhỏ cho Nhung . Hoàng nhớ đến lúc có cậu con trai đầu lòng. Buổi sáng Chủ Nhật chàng hay cùng vợ ra ngồi trên bậc thềm sau nhà. Khu vườn nhỏ chỉ có vài ba cây ăn trái và mảnh đất lưa thưa cỏ, nhưng họ thích ngồi ngắm và nói chuyện vẩn vơ. Đầu Nhung ngã vào vai Hoàng, mớ tóc thoảng hương xõa rối nhột nhột cánh tay chàng quàng qua eo nàng. Một buổi sáng như thế, thằng cu vừa lẫm chẫm biết đi thức dậy chập chững đi quanh tìm bố mẹ. Nó đập tay vào tấm cửa lưới, và khi bố

mẹ quay nhìn, nó cười toe. Mẹ nó mở cửa, thằng bé xà ngay vào giữa hai người. Một tay nó nắm tay mẹ, một tay nắm tay bố. Qua những lọn tóc tơ của thằng bé, Hoàng và Nhung nhìn nhau mỉm cười. Đứa con đã thành gạch nối của họ. Đó là kết quả tình yêu của họ, và vun bồi cho đứa con cũng là vun bồi cho tình nghĩa vợ chồng. Rồi đứa con thứ nhì ra đời. Cả hai chồng vợ tay dắt tay bồng, hình như không còn bàn tay nào dư để mà nắm tay quàng vai nhau nữa. Con cái là gạch nối giữa hai vợ chồng. Nhưng có phải là sự ngăn cách không ? Khi nào thì sự chăm sóc con cái lấn vào sự chăm sóc hai vợ chồng dành cho nhau ? Khi nào thì cả hai, vì quá chăm chú vào con cái, quên lãng nhau ? "Yêu là cùng nhìn về một phía", nhưng cũng là nhìn nhau chứ ? Ngay trong đời sống gia đình, có lẽ vợ chồng phải có những phút riêng tư cho chính họ không thôi ? Từ bao giờ Nhung đã hết là người yêu, để chỉ còn là vợ và mẹ của những đứa con chàng ? Cái cảm xúc dịu dàng đằm thắm bao lần chàng cảm thấy trước kia khi ở bên Nhung, có còn không ? Chàng vẫn tưởng nó còn đó, như chàng vẫn nghĩ, với một chút tự hào, rằng chàng là người chồng , người cha tốt. ít nhất Nhung chưa bao giờ phàn nàn điều gì. Có lẽ nàng, cũng như chàng, không thật sự nhận ra trong cơn lốc đời sống, họ đã mất những gì. Nàng cũng không còn thích làm nũng như ngày xưa, không còn đôi khi đến bên chàng và vuốt nhè nhẹ dọc sống lưng chàng, một cử chỉ âu yếm chàng luôn luôn đáp lại bằng nụ hôn thoáng trên má nàng. Họ đã bỏ mất những thứ đó ở đâu nhỉ? có phải một trong những lần dọn nhà, cùng với những đồ đạc cũ hư hoặc không còn cần thiết ?

Cô gái lạ bây giờ ngồi dựa vào lưng ghế, tay giữ cuốn sách đứng nghiêng nghiêng dựa vào cạnh bàn. Qua khoảng cách giữa cô và Hoàng, chàng như vẫn thấy lớp phấn mỏng trên gò má cô. Lối trang điểm "dấu tay" Hoàng vẫn thích. Con gái ai cũng phải điệu, nhưng điệu lộ liễu quá thì mất cái duyên tế nhị của phụ nữ, Hoàng nghĩ thế. Chàng không bao giờ chịu được các cô các bà giữa đám đông sửa lại nét son phai hay đường kẻ mắt. Chắc Hoàng vẫn còn lãng mạn, nên còn thích cái bí mật bên trong mọi vẻ làm duyên của các cô. Vả lại, ai cũng thích món ăn bày đẹp mắt, nhưng không chắc người ta đã thích nhìn lúc đầu bếp lo chuẩn bị nó. Thường phụ nữ chia làm hai loại, một là hơi xuề xoà, như Nhung chẳng hạn, hai là hơi đỏm đáng quá, như các cô gái trong mấy mối tình đầu của Hoàng. ít có người nào như cô gái lạ này, người Hoàng không đoán được đã tốn bao nhiêu thời gian sáng nay lựa chọn quần áo và trang điểm trước khi ra khỏi nhà. Tia nhìn lục lọi của Hoàng không thấy được một điểm sai nhỏ trong cách trang phục, từ màu đôi giầy cho đến hạt ngọc trai nằm kín

đáo một bên vành tai. Không phải là rườm rà nhưng vẫn có thể tốn thì giờ tìm các màu đi với nhau. Hoặc cô đã có một kết hợp chính xác trong đầu khi mở tủ áo và chọn những thứ cần thiết. Lối trang điểm phơn phớt kia có thể tốn của cô mười phút, hay nhiều hơn nữa nếu cô cần tỉ mỉ xóa bớt dấu vết của son phấn trên mặt. Từ chiếc cằm thuôn thả, tia nhìn của Hoàng lướt xuống cần cổ cao, thanh mảnh và hơi yếu đuối đến nỗi Hoàng có cảm tưởng chàng thấy cả tia máu nhỏ xanh xanh phập phồng bên cổ áo. Rồi những ngón tay dài xương xương, lòng bàn tay gầy dù làn da còn căng mịn. Dưới gầm bàn, đôi chân cô duỗi dài song song, chiếc váy kéo cao hơn đầu gối để lộ đôi bắp chân thon trong chiếc vớ màu da người. Từ đâu đó trong cơ thể Hoàng, một nỗi khao khát cuộn lên, những thoáng run rẩy như từ trái tim, từ những cảm xúc ngủ quên choàng dậy, ngơ ngác và thành thật đến đáng sợ. Có một cái gì đó như chút rờn rợn trên da khi Hoàng nhìn mái tóc đen mượt xuôi theo bờ vai người con gái lạ. Như những lúc chàng hồi hộp chờ một nụ hôn đầu. Như những lúc tình cảm không còn chỉ là nhớ nhung và mơ mộng mà còn phải là vuốt ve và say đắm. Hoàng nhìn xuống cuốn sách vẫn trải trên bàn. Lần đầu tiên từ ngày có Nhung, chàng đã nhìn một cô gái như là một người đàn bà chứ không chỉ là một con người. Lần đầu tiên ý nghĩ của chàng đã đi xa hơn những lượng định vô tư và vô hại về sắc đẹp. Hoàng vẫn nghĩ tất cả tội lỗi đều bắt đầu từ tư tưởng, và có lỗi lầm người ta có thể phạm mà không cần phải có hành động rõ rệt nào. Chàng đã có lỗi với Nhung rồi phải không ? Có thể vậy. Thế thì, tại sao chàng chưa cảm thấy cái cồn cào gặm nhấm của tội lỗi ? Chàng xoay những ý nghĩ của mình về vợ, và bàng hoàng thấy mình nhớ đến tình ngày xưa và nghĩa bây giờ. Tình yêu đâu mất rồi ? Chàng vẫn tự phụ chàng là người chồng tốt, nhưng chàng đã hết là người yêu. Con cái, bổn phận, lo toan, cả những thói quen thông lệ hàng ngày đã như con nước mài mòn dần những xôn xao của cảm xúc. Chàng vẫn nghĩ chàng sẽ yêu Nhung trọn đời. Chàng vẫn mong yêu Nhung trọn đời, vì không có tình yêu, cuộc sống chung chắc sẽ khô héo như cành cây thiếu nước. Tình yêu đâu rồi ? chỉ bị bỏ quên, lạc mất hay đã thật sự không còn ? Và chàng làm sao nghĩ đến đi tìm tình yêu với Nhung, khi trước mặt chàng, cách chỉ hai chiếc bàn dài, cô gái lạ đã in vào óc chàng những đường nét khó quên. Cuốn sách mở trước mặt chàng chia hai trang, in lẫn lộn vào nhau đôi mắt Nhung và khoé môi người con gái lạ, ngấn cổ cao của cô gái chưa quen và mái tóc người vợ. Điều chắc chắn là người vợ không thể tranh đua cùng cô gái lạ, vì những hình ảnh của nàng, dù thân thiết và đầm ấm, mang nhiều hơi hướng kỷ niệm và hồi tưởng, không làm sao mới mẻ và thật bằng những gì Hoàng đang cảm thấy. Chàng lại nghĩ

đến hai chữ tình nghĩa. Hình như người đàn ông có gia đình nào rồi cũng âm chỉ rằng sau một thời gian chữ tình sẽ thu hẹp và chữ nghĩa viết hoa. Nhưng bây giờ trong tiềm thức chàng là mẹ hiền vợ đảm, và chàng trong tiềm thức Nhung ? Hoàng cố hình dung ra lần cuối cùng chàng nhìn thấy nét âu yếm ân cần trong mắt Nhung nhìn mình. Lâu lắm rồi thì phải. Có thể tại chàng không để ý, cũng có thể là Nhung cũng đã quên mất chàng như người tình. Chàng đã quên, thì nàng còn dễ quên hơn nữa với hai đứa con luôn cần đến sự chăm sóc của nàng. Một cái gì buồn buồn len vào trong ý nghĩ Hoàng, lan lan như khói. Chàng thèm một điếu thuốc. Chàng bỏ thuốc vì con cái. Chàng đã lao vào xây dựng một gia đình, say mê và cuồng nhiệt đến mức quên cả chính mình, và quên rằng trong gia đình không chỉ là bố mẹ và con cái, mà khởi đi từ vợ và chồng. Chàng thèm đứng dậy và đi ra ngoài. Chàng thèm lái xe đến con đồi lúc xưa chàng hay đến đứng nhìn khoảng không cao rộng. Chàng thèm được cảm thấy một mình, tự do, không ràng buộc. Chàng thèm được ngã mình trên cỏ êm, lười biếng ngủ quên hay lơ đãng mơ mộng về một hình bóng.

Hoàng nhìn về phía cô gái lạ. Im lìm và vô tình như bức tượng quen được chiêm ngưỡng, cô vẫn ngồi đó, không chói chang hào quang nhưng dìu dịu như ánh đèn hồng đưa lối vào cơn mơ đẹp. Hoàng chưa thấy nụ cười của cô. Chàng chưa thấy hàm răng cô giữa màu hồng phớt của môi, chưa thấy khoé mắt cô lóng lánh trong một nụ cười. Có biết bao điều chàng muốn biết và chắc sẽ không bao giờ biết. Hoàng nghĩ đến những thứ chàng muốn tìm hiểu rồi cứ bỏ qua. Những dự định không bao giờ là ưu tiên. Những ao ước gọi là không cần thiết. Trong những vòng quay của tháng năm, sẽ có bao lần chàng ngừng lại, nhìn tư lự đến cõi trời mộng mị, như con chim nhìn qua kẽ lồng bầu trời xanh thẳm. Chàng vẫn nghĩ trao đổi là tự nguyện. Để có Nhung và có cuộc sống êm ấm bây giờ, dĩ nhiên chàng phải bỏ đi nhiều thứ khác. Nhưng sẽ có bao nhiêu lần, như hôm nay, chàng tự hỏi chàng có cần nhắc đúng hay chưa ? Và sẽ có bao giờ, chàng cảm thấy mình đã sai lầm ?

Cơn gió uà vào từ cánh cửa vừa mở làm Hoàng ngẩng lên. Theo cơn gió, đôi cánh tay ấm của đứa con trai quàng vào cổ chàng :

- Bố.

Hoàng ôm lấy con. Bàn tay chàng chạm vào lưng cậu bé. Mũi chàng phớt qua trên mái tóc tơ mịn thoáng chút mùi nắng, và môi chàng dừng lại trên chiếc má mũm mĩm lấm vệt bụi không rõ vì đâu. Trái tim chàng nhẹ rung lên, như giây phút đầu chàng ẵm hình thể bé xíu trong tay, ngắm

nhìn vừa tò mò vừa ngỡ ngàng khuôn mặt phụng phịu của đứa trẻ còn như chưa rõ phải làm sao ở ngoài nơi trú ngụ êm ấm trong bụng người mẹ. Có những tình cảm đến tự nhiên như hơi thở, và tình yêu giữa cha mẹ con cái đến cùng những nhịp tim trong lồng ngực . Hoàng siết nhẹ đứa con vào lòng. Sau lưng nó, Nhung bế cô bé vừa tròn hai năm. Nàng cằn nhằn, dù với một nụ cười:

- Lần sau không cho hai đứa theo em nữa. Nghịch ơi là nghịch. Anh xem này, mặt Vũ lấm lem hết. Anh biết là gì không ? bột than của trứng mặn đó.

Hoàng buông cậu bé, giơ tay đón cô bé đang nũng nịu vì ghen với cậu anh được bố nựng. Đôi mắt Trang giống hệt mắt Nhung, trong sáng và nhu mì. Hoàng dí mũi vào chiếc cổ mịn làm cô bé cười khanh khách, rồi hỏi :

- Còn Trang, Trang có ngoan không ?

Người mẹ nắm lấy bàn tay bé xíu buông thõng bên vạt áo đầm, đu đưa nó trong tay mình :

- Trang ngoan lắm.

Cô bé cười toe khoe hàm răng thưa, bập bẹ :

- Kem, kem .

Hoàng phì cười. Qua những dợi tóc tơ của Trang, chàng nhìn vợ. Những đường nhăn đã thêm vào dưới khoé mắt không trang điểm, đôi môi khô thiếu vẻ tươi mọng. Không còn Nhung rạng rỡ của ngày nào ngồi bên song hong tóc. Cũng không còn chàng gầy cao lãng tử huýt sáo đi ngang nhà. Chỉ còn lại là đôi bầu má căng hồng của cô con gái và tiếng cười dòn của cậu con trai. Tình yêu ngày xưa là của hai người, nối bằng nhịp cầu trong mưa Ngâu. Tình yêu bây giờ nối bằng con cái, hai nhịp tim ấm trong hai tạo dựng chung của vợ chồng. Chàng đã nghĩ vẩn vơ thế nào nhỉ ? Có thể chàng đã bỏ quên mất chính mình và tình yêu đôi khi, nhưng chàng còn nhiều thời gian để tìm lại, để vun bồi, nuôi dưỡng, như chăm chút cho hai con người bé bỏng này. Hoàng nhìn vào mắt Nhung. Vẫn đôi mắt đằm thắm ngày nào. Hoàng nhìn nàng, như một vuốt ve, như một nụ hôn gửi qua gió. Chàng nắm lấy tay Vũ, trong khi nó nắm lấy tay Nhung. Người mẹ giục :

- Đi đi anh. Em gửi thức ăn cho người ta đó.

Hoàng bước đi. Qua cửa thư viện, chàng bỗng muốn quay nhìn lại, nhưng rồi thôi. Chàng biết cô gái lạ sẽ vẫn còn đó, một góc nào trong tâm tưởng của riêng chàng.

Tây tạng và Góc phố đỏ

Bùi Bích Hà

Quận Cam ngày 26 tháng 11 năm 1997
Anh thân yêu,

Tuần lễ trước, em lựa chọn đi xem phim *Seven Years in Tibet* vì tò mò muốn biết tại sao thế giới tự do dành nhiều thiện cảm cho cái đất nước nhỏ bé, cùng là nạn nhân của cộng sản, như đất nước chúng ta này? Em cũng tò mò muốn biết vì sao vị lãnh đạo tinh thần của Tây tạng, trong công cuộc đấu tranh giải phóng xứ sở ông, lại được cả thế giới ngưỡng mộ như thế?

Xem xong phim, sự hiểu biết của em có lẽ không tăng tiến bao nhiêu, nhưng tâm linh và thần thức em như có cơn gió mát thổi qua. Vượt lên trên kỹ thuật dàn dựng của điện ảnh để mô tả một Tây tạng huyền bí với mọi cung cách hành trì tôn giáo lạ mắt và vĩ đại, người xem đã cảm ứng trực tiếp được cái gì vốn chứa bên trong ngôn ngữ hoa mỹ của nhân loại, mà cùng lắm, con người chỉ mường tượng ra, chứ không thực sự hòa nhập vào được qua lớp vỏ bọc ngoài. Cái gì ấy là sự trong sáng và hồn nhiên đến kỳ diệu của tình thương trao truyền thẳng cho nhau, là sự nhập mình vào người khác, như dòng sông cuộn theo nó hằng hà sa số nước, để làm nên sức mạnh lạ thường. Bạo lực và vũ khí của Trung quốc có thể cày xới lãnh thổ Tây tạng, bách hại người dân Tây tạng, phá sập chùa chiền Tây tạng, nhưng chúng không có cách gì biến trái tim của người lãnh đạo tinh thần Tây tạng thành một bãi chiến trường. ở nhiều nơi, người ta nhân danh tình thương để tiến hành chiến tranh. Giải Nobel Hoà bình 1989 được trao tặng cho một người tin chắc rằng tình thương không bao giờ là động cơ của chiến tranh, Đức Đạt La Lạt Ma.

Thế giới muốn bảo vệ Tây tạng là muốn bảo vệ cái triết lý sống nhân

bản của Tây tạng, thế giới ngưỡng mộ Tây tạng vì Tây tạng tin vào các giá trị tâm linh sâu sắc của con người, là nơi vượt thoát cuối cùng của con người trong một xã hội bị máy móc và tham vọng vùi dập.

Anh thân yêu,

Một tuần lễ qua thật mau, lại chiều thứ bảy rồi. Em đã không định đi xem phim *Red Corner*, vì em ghét mọi hình thái tuyên truyền chính trị tả hữu, với dụng ý thêm bớt làm sai sự thật (trong khi chỉ sự thật mới có sức thuyết phục), thế nhưng bạn bè bảo em *Red Corner* đáng xem hơn *Seven Years in Tibet* vì nội dung sự việc giống Việt Nam sau 1975 lắm. Vậy thì em đi xem.

Sự tàn bạo, thiếu nhân tính của cộng sản, đối với những người không theo họ, ở đâu cũng giống nhau như đúc khuôn. Công an, cảnh sát Trung cộng có quần áo đẹp mắt hơn công an cảnh sát Việt cộng, nhà tù Trung cộng có phương tiện hiện đại hơn nhà tù Việt cộng, nhưng những con người ở hai nơi ấy là phó bản của nhau. Tuy nhiên, *Red Corner* không phải là một phim tuyên truyền như em nghĩ lúc đầu, theo một ám ảnh đã hình thành trong em từ những ngày sau 75 phải sống bên cạnh những người cộng sản ở Việt Nam. *Red Corner* không khích động ai chống ai cả, càng không bêu xấu hay đổ vạ. Nó chỉ tường thuật, không thêm thắt hay bày vẽ. Những bộ mặt sát khí đằng đằng hoặc lạnh lẽo đến vô cảm, những đôi mắt lợn luột, cảnh công an đánh người khi chấp cung, âm mưu hãm hại và thủ tiêu, chuyện kéo cửa rình mò, kể cả cái cảnh lấy nước trong bồn cầu để rửa cái bát cho tù ăn, việc quan tòa lơ láo xử theo lệnh kẻ có quyền, một nơi chốn không ai thắc mắc về công lý và nhân phẩm, dẫn đưa tới những tình huống khiến người bị mắc kẹt trong đó chỉ có thể tức uất lên mà chết v.v...Các chi tiết mô tả đều có thật. Thế nhưng chủ đích của cuốn phim (người Mỹ làm gì mà không bắt đầu bằng một dấu hỏi lớn, đặt sau chữ *purpose* như anh thường cười và nói với em) không dừng ở chỗ cảnh cáo người ta đừng lai vãng đến cái địa ngục đỏ ấy, mà nó đi xa hơn, cao hơn. Nó thể hiện chủ nghĩa anh hùng, giấc mơ khai phóng và chuyển đổi, khả năng gieo rắc những ý niệm tốt đẹp như sự công bằng, nhân phẩm hay lòng nhân ái, là những mỹ từ người ta thường bắt gặp trong thế giới văn chương chữ nghĩa của người Mỹ. Richard Gere ở cuộc đời thường là môn đệ của Đức Đạt La Lạt Ma. Vai Moore do anh thủ diễn trong *Red Corner* tin vào bản chất lương hảo của con người và sự phát triển trích cực của bản chất ấy, trong những điều kiện môi sinh lành mạnh. Lòng tin của anh làm biến đổi cô luật sư ngoan cố, hẹp hòi, mà có lúc anh nổi điên, đòi giải nhiệm để đổi lấy một luật sư khác bênh vực cho anh, có đầu óc bình thường và làm đúng chức năng của một luật sư bào chữa. Vào cái lúc cô

luật sư muốn thử thách lần cuối cùng những tín hiệu "con người" mà cô cảm nhận được ở Moore, vào cái lúc cô cần có câu trả lời rõ ràng về niềm tin vào khả năng có thể làm tốt hơn nơi cô của Moore, cô đặt câu hỏi trên *những bước chân đã quay đi: "Ông có muốn tôi thôi không biện hộ cho* ông nữa không?". Sự vĩ đại của nước Mỹ đã đặt sẵn câu trả lời trên môi Moore, nhưng ánh mắt đằm thắm, khuyến khích, và nụ cười bao dung khởi đi từ chính trái tim con người trong anh: "Không, tôi không muốn". Anh nói chậm, thêm sức nặng vào những chữ anh thốt ra.

Trong *Truyện Kiều*, cụ Nguyễn Du viết:

Một lời đã biết đến ta
Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau.

Bốn chữ ngắn, khẳng định, giao sinh mệnh cho cô luật sư của Moore đã làm thay đổi cuộc đời cô này. Cô nhớ lại bi kịch của gia đình, trong thời Cách mạng Văn hóa, nỗi oan khuất đau thương và bất xứng của *những tiếng nói không được cất lên, không được nghe. Cô nhất định* không im lặng nữa. Cô phải nói cho bằng được tiếng nói của lẽ phải, vì cô đang trách nhiệm về sự sống chết của một con người tin cậy vào lương tri của cô. Công việc biện hộ cho Moore chuyển hướng. Cô luật sư chấp nhận hiểm nguy, sục sạo đi tìm chân lý đằng sau các mưu mô áp đặt của những nhân vật có thế lực. Mọi diễn tiến không dễ dàng cho cô. Trong tình thế rối ren ấy, Moore có cơ hội vượt thoát đến được Tòa Đại sứ Hoa kỳ, tượng trưng bằng một lá cờ nhỏ, chìm khuất giữa trùng điệp những nóc nhà của cư dân Bắc kinh. Từ đây, Moore có thể yên thân. Thế nhưng, một lần nữa, sự vĩ đại cao cả của nước Mỹ anh hùng không cho phép chàng đứng lại sau tấm rèm cửa sổ Toà Đại sứ, nhìn cô luật sư bé nhỏ đang bị công an đỏ xâu xé bên ngoài. *Đến đây, vấn đề không còn đặt ra trên* bình diện quốc gia nữa, không còn đặt ra giữa một bên là Toà Đại sứ Mỹ (tượng trưng bằng một lá cờ nhỏ xíu phất phơ trên thành phố Bắc kinh dân đông như kiến cỏ, bằng vài ông nhân viên thư lại ươn hèn bị trói tay trói chân với trăm ngàn qui ước ngoại giao, chỉ nhằm bảo vệ tương quan hữu nghị cùng quyền lợi kinh tế Hoa-Mỹ) và bên kia là công an đỏ Trung quốc. Vấn đề nay được đặt ra giữa con người và con người, giữa Moore và cô luật sư. Việc bảo vệ các giá trị nhân bản, nếu thành tựu, là công sức và quyết tâm nơi tự thân mỗi con người, ở bên ngoài mọi định chế phô trương *loè loẹt của xã hội.*

Cuối cùng, anh thân yêu ạ, như một phép lạ chỉ xảy ra trên màn ảnh, Moore được trắng án. Trước khi đáp máy bay về Mỹ, Moore và cô luật sư đi chơi ở bờ hồ tuổi thơ của cô, chẳng để làm gì, chỉ là cùng nghe những tiếng gió lùa qua những khóm tre xào xạc. Họ chia tay nhau ở phi trường.

Moore muốn cô rời bỏ Bắc kinh, theo chàng đến Hoa Kỳ nhưng cô luật sư từ chối. Cô nói đất nước cần cô để làm cho mọi việc khá hơn. Cô nói: "Anh là một phần đời của em. Không biết em có là một phần đời của anh không, nhưng dù ở nơi nào thì sự việc vẫn là thế!". Họ không hôn từ giã, chỉ có sự bịn rịn buồn bã trên hai khuôn mặt khẽ nghiêng vào nhau trên lối đi lập tức trải về hai hướng. Bắc kinh dân đông như kiến nhưng phi trường hoàn toàn vắng vẻ. Sân bay loáng nước, quạnh hiu trong ánh đèn đêm tù mù. Có tiếng chân lao tới, cô luật sư đã đuổi kịp người Mỹ làm đời cô thay đổi. Họ ôm chầm lấy nhay, cùng biết rằng sau giây phút còn nhau trong đôi tay ôm siết này là thiên thu cách biệt, làm sao mà "dù ở nơi nào thì sự việc vẫn là thế" được!

Anh thân yêu,

Em cho là cô luật sư đã làm một chọn lựa đúng. ít nhất là đúng trong phần kết của phim *Red Corner*. Hình như những chọn lựa gọi là đúng thường đi kèm với hi sinh. Em đoán là đọc đến đây, anh nghĩ em ám chỉ chuyện của mình. Cũng có đấy, tuy em đang nghĩ đến bác sĩ Nguyễn Đan Quế và giáo sư Đoàn Viết Hoạt. Báo chí đưa tin là hai ông từ chối xuất cảnh đi Mỹ. Nếu họ có tự do để giải thích, em chắc hai ông ấy cũng nói cùng cái lý do của cô luật sư trong *Red Corner* thôi. Chính quyền ở Việt Nam cởi mở kinh tế để làm cho đất nước phú cường, nhưng trước hết họ sử dụng sự cởi mở ấy như một thứ ma túy làm tê liệt khả năng tư duy của quần chúng. Họ cần những công dân không có nhu cầu suy nghĩ. Vì vậy, họ sợ những cái đầu. Muốn gieo rắc hạt mầm tư tưởng của các ông Quế và Hoạt, họ bỏ tù những cái đầu như thế để tạo ra một xã hội những người robot cử động bằng sức ép của vàng và đô la.

Em tự hỏi trong số các doanh gia Hoa Kỳ đến Việt Nam tìm cơ hội làm giàu có bao nhiêu nhân vật Moore chấp nhận bị thiêu làm lửa luyện ngục để thắp sáng ý niệm về một đời sống có phẩm giá làm người? Giấc mơ làm thay đổi của Moore và giấc mơ làm khá hơn của cô luật sư liệu có lúc nào trở thành hiện thực trên quê hương em không? Hay cũng chỉ là những điều hoang tưởng của chữ nghĩa phù phiếm? Khi em nói với anh là em bắt đầu thất vọng, không tin vào ngôn ngữ văn chương của loài người nữa, thì anh cười bảo em rằng: "Thế giới của mơ ước có vẻ đẹp riêng của nó, em hãy biết yêu những hi vọng của nhân loại và của riêng em. Cái gì em yêu và nghĩ đến là có thật". Anh quên không nói cho em biết người ta phải sống thế nào giữa ước mơ và những điều không thực hiện được?

Cụ Nguyễn Du viết *Đoạn Trường Tân Thanh* bằng tâm huyết của cả một đời, nhưng khi gác bút, cụ nhắn nhủ người đọc

Tình
TRỊNH GIA MỸ

Rồi mai, rồi mốt, chia xa
Tình, cơn gió thoảng bay qua cánh đồng
Rồi mai, rồi mốt, thinh không
Tình, cơn mưa bụi rớt lòng biển xanh

Rồi mai, rồi mốt, thôi dành
Tình theo sợi khói mong manh về trời

Lời quê góp nhặt dong dài
Mua vui cũng được một vài trống canh

Đến một tuổi nào, thế sự xem như một trò đùa mà thôi. Em mường tượng anh sẽ cười cợt chế giễu những điều em nói. "Đi xem xi nê cho vui chốc lát rồi bỏ qua, nghĩ ngợi làm chi", nhưng có một lúc khác anh cũng lại nói: "Em biết không, Mỹ nó bảo mình làm những việc nhỏ để việc lớn nó chạy. Nay một tí, mai một tí, chỗ này một tí chỗ kia một tí, là nên chuyện đấy". Trước sau, anh vẫn bảo em cứ tin vào những giấc mơ của loài người, cứ tin vào vẻ đẹp của văn chương, vì nó sáng tạo, sao lại đem cái cùn mòn hạn hẹp của thực tế mà đổ tội cho văn chương.

Anh thân yêu,

Anh biết đâu rằng sau thảm nạn 30.4.75 mất nước, mất nhà, mất cơ nghiệp là cái mất cực kỳ to lớn, cùng kiệt để lại sau nó sự trống trơn, bóng tối của hận thù và ngờ vực, cả một thế hệ trái tim vỡ nát, đôi mắt ráo hoảnh, gập mình trên lỗi lầm của người khác mà nguyền rủa, cái góc phố đỏ trên quê hương chúng ta cần có nhiều cô luật sư như cô luật sư trong phim *Red Corner*, cần có cái cơ hội hãn hữu với những người không có ám ảnh quá khứ, sẵn lòng đem thân mình làm bó đuốc soi vào chỗ tối tăm, như Moore.

Giấc mơ tình yêu, anh ơi, là giấc mơ tuyệt vọng của nhân loại.

Vài trống canh mua vui với cuốn phim qua đã lâu mà em vẫn còn nghe tiếng reo lao xao êm ái của những vòm tre xanh soi bóng xuống một mặt hồ thanh lặng. Em tin rằng dưới bầu trời mênh mông trong trẻo, chính những thanh âm hòa ái, bát ngát sức sống này sẽ tồn tại mãi mãi, chứ không phải tiếng gào thét trên những bãi chiến trường của loài người.

Em thăm anh khoẻ mạnh.❐

Đi vào cõi thơ Khoa Hữu

Nguyễn Mộng Giác

Trong tập *Thơ Phùng Quán*, tuyển tập thơ duy nhất được xuất bản sau khi ông mất năm 1995, nhà xuất bản dành một trang thủ bút tác giả ở ngay phần đầu. Trang thủ bút chỉ có mấy dòng:

Thơ đề trên thơ
Có những phút ngã lòng
Tôi vịn câu thơ mà đứng dậy!
1965. Phùng Quán

Nhiều người đã nói về vai trò của thi ca trong đời mình và ảnh hưởng của thi ca đối với xã hội. Nhưng cách nói của Phùng Quán cụ thể nhất, gọn ghẽ nhất, và có lẽ chính xác nhất.

Vịn câu thơ mà đứng dậy! Thơ không còn là món trang sức đua tranh sức chói lọi để lọt vào mắt quân vương nơi cung đình. Thơ không còn là món đưa cay trong những cuộc say túy lúy. Thơ không còn là cái áo giáp cho người ta phùng xoè trước đám đông và che giấu những thân thể suy nhược. Thơ không còn là khẩu hiệu cho những cuộc biểu dương lực lượng...

Thơ là chiếc nạng vững cho người già, là chỗ tựa cho những người thất thế từ đó đứng lên làm lại cuộc đời, là lời mẹ ru dành cho đứa con ốm đau, là lời cầu kinh cho người sắp từ giã cõi đời. Thơ gần với tôn giáo, và lòng tin cậy nơi Thơ của Phùng Quán chẳng khác nào lòng tin nhiệt thành của một tín đồ hướng về Đấng Thiêng Liêng của tôn giáo mình.

Vịn câu thơ mà đứng dậy! Người làm thơ có một lòng tin tuyệt đối như thế về vai trò của Thơ, như Phùng Quán, là một người hạnh phúc. Những người quen thân với Phùng Quán kể rằng bất cứ ai xưng mình là thi sĩ đều được Phùng Quán niềm nở đón tiếp, như một người bạn thân lâu

ngày không gặp. Và nhiều khi ông đề thơ lên vạt áo của những "cố nhân" ấy, với niềm tin hồn nhiên rằng tất cả "cố nhân" đều quí những nét bút lưu niệm của ông hơn quí chiếc áo trắng. Niềm tin hồn nhiên ấy là thơ, cũng như sự đau khổ của cuộc đời ông là thơ. Suốt đời ông đã "ngã lòng" về mọi sự: cách mạng, lịch sử, quyền lực, thế thái, nhân tình, cơm áo...Ông chỉ còn Thơ. Cho nên không có gì kinh ngạc khi đọc qua suốt tập thơ Phùng Quán, bài hay nhất vẫn là bài ông dành cho Đỗ Phủ: "Đêm Nghi Tàm đọc thơ Đỗ Phủ cho vợ nghe."

...Thơ ai như thơ ông
Lặng im mà gầm thét
Trang trang đều xé lòng
Câu câu đều đẫm huyết...

Thơ ai như thơ ông
Mỗi chữ đều như róc
Từ xương thịt cuộc đời
Từ bi thương phẫn uất

Thơ ai như thơ ông
Kể chuyện mái nhà tốc
Vác củi, làm chuồng gà
Đọc lên trào nước mắt!

Giữa tuyết trong đò con
Đỗ Phủ nằm chết đói
Đắp mặt áo bông sờn
Kéo hoài không kín gối

Ngàn năm nay sông Tương
Sóng còn nức nở mãi
Khóc chuyện áo bông sờn
Đắp mặt thơ chết đói!...

Tôi không biết ở quê nhà, đã có lần nào Phùng Quán gặp một "cố nhân" như Khoa Hữu chưa! Tôi nghĩ là chưa. Có nhiều điều ở ngoài Thơ phân cách hai nhà thơ tôi yêu mến. Họ khác nhau về thế hệ, tuổi tác. Phùng Quán lớn lên vào lúc đấu tranh giành độc lập đối với các dân tộc bị trị trở thành một sứ mệnh thiêng liêng. Ông xông pha vào cuộc đấu tranh

ấy, và mặc dù bị đày đọa áp bức, ông vẫn xem cuộc đấu tranh ấy là một huyền thoại. Vinh nhục của đời ông gắn liền vào vinh nhục của thế hệ ông, các đồng chí của ông. Khoa Hữu thuộc vào thế hệ chịu đựng những tàn phá khốc liệt đẫm máu của thế lực đã dẫn Phùng Quán vào huyền thoại, đã mất cả tuổi thanh niên vì tham vọng của thế lực ấy, đã mất cả tuổi trung niên vì gông cùm của thế lực ấy. Phùng Quán, Đỗ Phủ dù bất hạnh khốn khổ nhưng vẫn còn được sống trong khung cảnh "của mình", những vần thơ họ viết ra còn có người sao chép, truyền tụng, chia sẻ, cảm phục, thông cảm. Khoa Hữu không được những may mắn ấy.

Thơ của anh là máu, là lệ, là nỗi thống khổ của chính anh, gia đình anh, đồng đội anh những người thua trận, đồng bào anh những kẻ mất tiếng nói... Nhưng anh phải làm thơ giấu diếm, anh phải đóng vai người câm suốt bao nhiêu năm, nên tiếng thơ của anh đúng là "tiếng gầm thét của im lặng". Anh không dám có "cố nhân", và dĩ nhiên đủ sáng suốt về thân phận mình để không hồn nhiên dằn vạt áo người khác ra chép thơ lưu niệm. Tất cả chung quanh Khoa Hữu đều đầy đe dọa, muốn sống còn (chứ đừng nói muốn làm nhà thơ trung thực), anh phải như người làm xiếc nín thở đi trên sợi dây mỏng manh:

Thấy mặt trời gần
trong mắt ta mở
thấy tay thời gian
vuốt qua ghê sợ

Bình minh như lửa
hoàng hôn như than
ta thấy cùng cháy
ta tàn cùng than

Ngẩng đầu ngang núi
sững một niềm đau
rừng rung thân mỏi
hờn suốt biển sâu

Đi dọc đời sống
tựa như đi dây
một hồn vực thẳm
hai bờ căng thây

Ta làm thi sĩ
gõ cửa đa đoan
tìm kẻ dưới mộ
thương người hồng nhan

Vắt kiệt sự sống
dốc cạn máu ta
thơ là máu nóng
thơ là thịt da
(Điệp khúc, Thơ Khoa Hữu)

Những vần thơ cất lên từ thân phận nghiệt ngã (trước hết của hơn hai mươi triệu người thua cuộc sau tháng Tư 1975, sau đó của tất cả đồng bào từ nam ra bắc) của Khoa Hữu, những vần thơ mà anh đã "vắt kiệt sự sống" để sáng tạo trong sự rình rập đe doạ, có công dụng như một chỗ vịn đáng tin cậy để đứng lên như Phùng Quán viết. Khoa Hữu là Đỗ Phủ của thời hiện đại, ở một đất nước liên tiếp đau thương suốt nửa thế kỷ nay. Những lời Phùng Quán viết về thơ Đỗ Phủ rất đúng với thơ Khoa Hữu (*Thơ ai như thơ ông / Mỗi chữ đều như róc / Từ xương thịt cuộc đời / Từ bi thương phẫn uất*).

Và một khi thi nhân đã dốc cả xương thịt, máu huyết, vinh nhục...của đời mình vào thơ, mặc dù không biết sẽ dùng thơ ấy làm gì, gửi thơ ấy cho ai...thì tất nhiên sức thu hút của thơ Khoa Hữu phải mãnh liệt. Anh không cần, mà cũng không có thì giờ để tìm cách đổi mới câu cú, chữ viết. Anh cũng không đặt lên vai thơ những gánh nặng trần thế. Nếu xét bằng hình thức, thơ Khoa Hữu cổ điển: không khí thơ biên tái bàng bạc ở nhiều bài, chất dân gian lục bát ở nhiều bài khác. Nhưng trong lúc những người khác vay mượn thơ cổ điển và dân gian như một thứ dây leo ký sinh, thì Khoa Hữu đưa hình thức cũ lên một cung bậc mới, nuôi sống nó bằng chính chất liệu phong phú và tài ba của mình. Từ trong nước, sống âm thầm như một kẻ vô danh, anh gửi những vần thơ huyết lệ ra nước ngoài. Và không cần chờ lâu, thơ anh xuất hiện trên hầu hết những tạp chí văn chương quan trọng ở hải ngoại, nhiều nhất là trên Văn Học.

Có thể so sánh trường hợp Khoa Hữu với trường hợp Tô Thùy Yên, bạn anh. Tô Thùy Yên được đánh giá như một nhà thơ lớn gần bốn mươi năm, trước khi tập thơ Tô Thùy Yên được in ra. Khoa Hữu được bạn đọc hải ngoại yêu mến suốt mười năm nay, mười năm sau tập thơ của anh mới ra đời. Muộn còn hơn không. Nhất là trong tình cảnh Khoa Hữu, người đặt trọn ý nghĩa còn lại của đời mình vào tay nàng Thơ.❐

Tạp Ghi

Nguyễn Quốc Trụ

• Nghệ Thuật Làm Dáng

Cuối thế kỷ, hội nghị các quốc gia nói tiếng Pháp, kỳ thứ bẩy, được tổ chức tại Việt Nam, đã "khai mạc" bằng những cuộc biểu tình của nông dân, như ở Thái Bình Đồng Nai.

Như một trùng hợp, ngẫu nhiên (?), tờ *Granta* ra số đặc biệt về nước Pháp. Ian Jack mở đầu bài bình luận trang nhất, bằng một hình ảnh, chuyến "vượt biển" Đại Tây Dương đầu tiên, của phi công Mỹ Charles Lindbergh: Vào ngày 21 tháng Năm 1927, sau hơn ba chục giờ chỉ nhìn thấy biển, kể từ khi rời New York, dưới mắt ông là những cánh đồng, những khu rừng vùng Normandy. Cuộc hành trình kể như chấm dứt. Đã đến lúc kiếm một cái gì đó bỏ vào miệng. Ăn xong miếng *sandwich*, ông thò đầu ra ngoài *cabin*, tính ném mẩu giấy, nhưng cuối cùng từ bỏ ý định đó: *"Hành động đầu tiên của tôi không lẽ là làm dơ khu vườn đẹp đẽ như thế này?"* Nhà văn Pháp, Jean-Marie Domenach, mới mất mùa hè vừa qua, đã kể lại câu chuyện trên, trong cuốn sách của ông, "Hãy nhìn nước Pháp - Luận về nỗi bực bội của nó" *(Regarder la France - Essai sur le Malaise francais)*. Đây chỉ là hòn đá nhỏ, trong núi đá khổng lồ, những giai thoại về tính đặc thù của nước Pháp, như một quốc gia, một dân tộc, một văn hóa, và (ở đây) một phong cảnh.

Theo Domenach, những cánh đồng ngày xưa, bây giờ rộng hơn, những con đường thẳng, lớn hơn, nhưng những người nông dân - chẳng biết Lindbergh có nhận ra một người nào không khi ngoái cổ nhìn xuống - ngày càng ít đi, một cách thảm hại: những thay đổi thật rõ rệt ở các nước Tây phương, khi máy móc, phân bón thay cho sức người trong công việc đồng áng. Nhưng không ở đâu - ngay cả Anh, nơi đồng quê tạo nên ý

niệm quốc gia - sự thay đổi lại ảnh hưởng đến "căn cước quốc gia" như ở Pháp. Không ai nghi ngờ, tính đặc thù. Nước Pháp - nếu không đông dân nhất thì cũng rộng nhất, đã có thời là một cường quốc - lại càng tự hào về nó. Cái nôi, nơi chốn ra đời của tư tưởng chính trị hiện đại. Bản tuyên ngôn nhân quyền của Mỹ hay thật, nhưng họ làm sao phát minh ra nổi một câu "thần chú" (Hạt vừng, mở ra!), như là "Tự do, Bình đẳng, Thân ái". (Người Việt, dù muốn dù không, đều liên tưởng tới "Độc lập, Tự do, Hạnh phúc", và có thể đây là lý do hội nghị Pháp ngữ đánh dấu cuối thế kỷ được tổ chức tại Việt Nam. "Người Pháp ra đi, nhưng nước Pháp ở lại." Malraux, *Phản-Hồi ký*). Ngay cả thuật ngữ "Tả, Hữu" là cũng do sắp xếp ghế ngồi tại Quốc Hội Pháp, vào năm 1789.

Nghịch lý ở đây là, theo Ian Jack, trong khi nước Pháp nghĩ về nó, như là ông thầy của thế giới, nó chẳng hề tin, bất cứ một quốc gia nào bắt chước nổi nó. Không như nước hoa, nước tắm, bánh mì croissant... những món đồ như Tượng thần Tự do không phải để xuất cảng! Có một linh hồn Pháp, một nước Pháp sâu thẳm, hoặc quá nữa, một ngoại lệ Pháp. Vào năm 1990, khi được hỏi tại sao không thử bom nguyên tử trên đất Pháp; câu trả lời, chắc nịch: "Tahiti là Pháp." Ngoại lệ, khi tiếng Pháp tự coi, là một "gần như-địch thủ" của tiếng Anh, trong khi tỉ số ghi bàn là 1-4. Cũng ngoại lệ, Pháp là nước bài Mỹ nặng nhất tại Tây Âu. Và trên tất cả, ngoại lệ lớn lao nhất, quyền lực của nước Pháp, trong việc điều hành, thỏa mãn, tạo niềm hứng khởi cho cuộc sống và tham vọng của trên 58 triệu công dân của nó. Đòi hỏi "chuẩn mẫu hóa, trung tâm hóa" không chỉ có trước mà là tiền đề của Cách Mạng. Napoléon đã làm thành luật, cho phép dân Pháp được tham gia đồng đều (ai cũng có phần) trong cái khuôn mẫu lớn lao, đồng nhất. Những toà án với những bộ luật chuẩn; những ngôi trường chuẩn, dậy cùng môn lịch sử nước Pháp; những cơ sở nhà nước, cùng một bảng hiệu được khắc trên đá: "Liberté, égalité, Fraternité"; một ngôn ngữ chuẩn, cho nhiều vùng khác nhau; một kiểu đo lường: mét, lít, kí-lô. Tất cả đều do chính quyền Paris đặt để. Nhà nước can thiệp, quyết định nhưng nhà nước là nơi trú ẩn, và đây cũng là một vinh quang không thể tách rời khỏi cái gọi là lối sống Pháp: ngày nay con số "công nhân viên" nhà nước có cỡ chừng 5 triệu, (gấp năm ở Mỹ), những cơ sở kỹ nghệ, nhà máy do nhà nước quản lý bao gồm quá 1/3 con số kinh tế quốc gia. Quá nửa con số gia đình sống nhờ income nhà nước. Con số thất nghiệp-nỗi bực Pháp: 12.5, (gấp đôi ở Anh). Ưu việt, hay hệ thống tập trung chính trị, hành chánh vào một thủ đô Paris tỏ ra "không phổ thông", và ló mòi tham nhũng. Pháp ngày càng thụt lui, trước sức ép của chủ nghĩa toàn cầu. Họ có nhiều cái tên, để gọi hiện tượng này: chủ nghĩa tư

bản man rợ, chủ nghĩa tư bản cứng rắn, chủ nghĩa tư bản Anglo-Saxon... Trong khi cả thế giới còn lại "đành" chấp nhận chủ nghĩa toàn cầu, lại một lần nữa, ở đây, ngoại lệ Pháp: nỗ lực bảo tồn những tư tưởng, những nét đáng yêu, Pháp tính; nỗ lực đóng cửa, rút cầu, tạo một Pháo đài Pháp.

Văn chương Pháp ở đâu, trong tất cả những thứ đó, Ian Jack tự hỏi. Sự thực cay đắng là, ngoài nước Pháp, và một dúm những người nói tiếng Pháp, chẳng ai hay về nó. Hãy thử nêu tên sáu tiểu thuyết gia Pháp đương thời, còn sống. Người Pháp đổ tội cho sự "ngu dốt, vô tri", thái độ thù nghịch của dòng Anglo-Saxon, nhưng trên thực tế, hiện tượng "ta về ta tắm ao ta" đã xảy ra từ lâu. Saul Bellow, nhà văn Mỹ, Nobel văn chương, trên tờ *Granta,* vào năm 1984 đã nói về niềm u hoài "đi tìm một nước Pháp". Ông nhắc tới Paris, thủ đô văn hóa quốc tế trước Đệ nhị chiến, và cảm giác của ông, lần viếng thăm thứ nhất, vào năm 1948: thành phố là một nhà hát lớn, với tất cả những hội hè, đình đám nhân gian, những vấn đề lớn lao nhất của con người đang được trình diễn. Ba chục năm sau, chẳng còn gì nữa. Tất cả những "ism" như Mác-xít, Cộng sản-Âu châu, Hiện sinh, Cơ cấu, Hủy cấu trúc... đều chẳng vãn hồi thế giá của một nền văn minh Pháp. Saul Bellow kết luận: *"Sorry about that"*. Đừng đổ tội cho thái độ thiên kiến Mỹ.

Jean-Marie Domenach, trong cuốn sách nói trên, cho rằng đây vẫn là vấn đề của "tiểu thuyết mới": Miêu tả một cách dửng dưng, lạnh lùng một xã hội đang manh nha tan rã, với những cá nhân - những bọt bèo lềnh bềnh, chẳng khác chi mấy trái banh con nít chơi trên những con phố buồn hiu - những con người "trơ ra" trước số mệnh của họ, trong một hiện hữu đóng cứng, khóa chặt. Ông đổ tội cho chủ nghĩa tiêu thụ, cho "cái mặt vuông" truyền hình, sự rút lui vào cuộc sống riêng tư của mỗi con người; nhưng vấn đề này đâu chỉ riêng người Pháp phải gánh chịu, cho toàn thể thế giới? Làm sao mà một nền văn chương tả thực bao la bát ngát, và cũng thật "bình dân" với những tiểu thuyết gia khổng lồ, những đại thụ như Balzac, Flaubert, của thế kỷ 19, một trăm năm sau đã biến thành một cõi cô đơn, với những cuốn tiểu thuyết chỉ nhằm chứng minh một cõi người vô nghĩa? Nếu chủ nghĩa toàn cầu là một điều không thể tránh được, nếu nước Pháp phải rút lui vào pháo đài của nó, một "cái gì" đã mất theo với họ.

Có thể "cảm nhận" ra điều này, người Việt vẫn còn những trân trọng dành riêng cho "ông Tây, bà Đầm", cho một nền văn chương "cánh đồng tuyết năm xưa". Hình như có một nhà văn Việt Nam, khi trả lời một cuộc phỏng vấn (hay một cuộc thi viết văn bằng tiếng Tây?), đã "thú nhận", cái chế độ xã hội "xã hội chủ nghĩa" mà ông suốt đời theo đuổi, xem ra "thua

xa", cái thời hội hè "cát tó juy-ê". Cá nhân người viết thực tình vẫn chưa làm sao trả lời được câu hỏi, tại sao người Pháp lại "coi trọng" xứ Nam kỳ hơn Trung kỳ và Bắc kỳ; ở đây không hẳn chỉ là chính sách chia để trị.

Trên có trích dẫn một câu của nhà văn Pháp André Malraux, bởi vì, ông là một tác giả có một ảnh hưởng "nặng nề" trên một số cây viết miền Nam trước 1975. Malraux vốn nổi tiếng như một *"mythmaker"*, một kẻ chuyên tạo ra những huyền thoại về mình. Tôi sợ rằng niềm say mê Malraux, say mê nước Pháp, văn hóa Pháp cũng đã trở thành một *"myth"*, hoặc nhẹ nhàng hơn, một cách làm dáng, ở một số nhà văn của chúng ta. Chúng ta luôn có dáng điệu của một kẻ sắp sửa ra đi, Camus viết như vậy. Một Dũng của "Bến Gió", của "sông Đà": kéo cổ áo cao lên một chút, tóc xổ tung ra, mặc tình cho nó bù xù trước gió! Vũ Khắc Khoan, khi sinh thời có kể một "huyền thoại" về Nguyễn Tuân: Mặc áo gấm, nhảy xuống sông, thi bơi! Khi *Siu Cô Nương* của Mặc Đỗ được "trình làng", Thanh Tâm Tuyền, trong một bài điểm sách, đã coi đây chỉ là những nhân vật làm dáng. Mặc Đỗ, sau đó, đã chỉ ra những nét làm dáng trong *Ung Thư*. Ở đây, cứ coi như một "chân lý": không thể có văn chương, nếu không có làm dáng. Nhưng đấy chỉ là khởi đầu, là thói quen "mút ngón tay" của con nít; sau đó phải là chấp nhận rủi ro, hiểm nguy, là chọn lựa, quyết tâm thực hiện thực tại "của những giấc mơ".

Simon Leys, trên tờ NYR May 29, 1997, trong bài điểm sách của Curtis Cate (*Malraux: một tiểu sử*, nhà xb Fromm, 451 trang, 1997), cuốn mới nhất sau khi tro cốt của Malraux được đưa vào Điện Chư Thần, Pantheon (Nov 1996), đã kể một câu chuyện "làm quà": Trong một buổi thuyết giảng ở một nhà thờ nọ, cha tinh thần nhận thấy tất cả các con chiên đều cảm động, rơi lệ, trừ một người, mắt "khô queo". Hỏi, anh trả lời: "Tôi không thuộc giáo dân địa hạt này". Ông hiện sống tại Ấo, tiểu thuyết gia, và là tác giả một số sách viết về Trung hoa (*Bóng tối Trung hoa*, và cuốn mới nhất, *Khổng tử nói*, The Analects of Confucius). Ông cho biết, mặc dù không phải người Pháp, tiếng Pháp là tiếng mẹ đẻ của ông, và ông luôn luôn cảm thấy, ở Pháp như ở nhà, nhưng chuyện đưa tro cốt Malraux vào Pantheon chôn cất lần thứ hai, mất ông "khô queo".

Ông đã có kinh nghiệm này, trước đây hai chục năm. Khi Malraux mất (Nov, 1976), một tuần báo tại Paris đã mời ông viết, về đề tài: "Malraux là gì đối với ông?" (*What did Malraux represent for you?*). Luôn tin tưởng cái chết không phải là một "excuse" để mà "bỏ qua" những nhận xét "chân thật", ông đã làm đúng như vậy. Bài viết gây một cơn "khiếp đảm" nơi toà soạn tờ tuần báo, và người ta đành vờ đi, sự đóng góp của ông. Bây giờ, ông vẫn giữ nguyên sự ngây thơ, nghĩa là lập lại những điều

nhiều tác giả khác, từ Koestler cho tới Nabokov, đã nói về Malraux: Thực chất chỉ là đồ dởm. Thí dụ: về thảm kịch cách mạng Trung hoa; thay vì mất thời giờ với sự làm dáng, "nguỵ tạo" trong *Phận Người*, người ta chỉ cần đọc bản "kết toán" của Harold Isaacs, ít ra tác giả cũng biết, ông viết về điều gì. Cuốn *Thảm kịch Trung hoa* của ông, xuất bản năm 1938, đã phải đợi 30 năm mới có bản dịch Pháp ngữ (dịch giả R. Viénet, Paris, 1967, nhà xb Gallimard). Vào những ngày tháng sớm sủa như thế đó, vốn chỉ là một du khách "quá giang", "cưỡi ngựa xem hoa", nhưng đối với công chúng Pháp, Malraux đã mập mờ đóng vai chính uỷ nhân dân, trong cách mạng Trung hoa. Chưa hết, những cuộc phiêu lưu Trung hoa của ông, sau đó, nhất là cuộc phỏng vấn "trứ danh" Mao Trạch Đông, vào năm 1965, chỉ là đồ dởm. Một nhà nghiên cứu về Trung hoa, người Pháp, mới đây đã làm một so sánh, miêu tả của Malraux về giai đoạn này, trong *Phản-Hồi ký*, với của thông dịch viên của Mao, được tiết lộ cho Vệ Vinh Đỏ, và được in ra trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hoá; và với tài liệu xuất bản tại Pháp, lấy ra từ Tòa Đại sứ của họ tại Bắc Kinh. (Xin coi J. Andrieu, "Nhưng Mao và Malraux đã nói những gì?, in trong Triển Vọng Trung hoa, *Perspectives Chinoises*, số 37, Oct 1996). Hóa ra là, cuộc phỏng vấn "lớn lao" của thế kỷ chúng ta, kéo dài 3 giờ đồng hồ, giữa hai ông khổng lồ cách mạng gia-triết gia, thực sự chỉ kéo dài 30 phút, và chỉ là trao đổi ngoại giao tầm phào. Nhưng Mao, có thể "lỡ miệng", đã đưa ra một lời "cảnh cáo", rằng nhà văn, trí thức đã bị hư ruỗng tới tận xương tủy, và đám trẻ cần được sử dụng, để chống lại cái xấu phản cách mạng này. Năm sau, cuộc Cách Mạng Văn Hóa khủng khiếp đã bùng nổ. Một phóng viên nhà nghề, khoan nói một nhà văn, đã "ngửi ra" một cái gì đó - khoan nói mùi thuốc súng, mùi "người chết" - và chụp lấy cơ hội ngàn năm một thuở này, nhưng Malraux đã không được "thính mũi" như vậy. Và Mao sau đó, không thể kiên nhẫn hơn, đã đưa ra một lời kết luận cụt ngủn.

Nabokov, vốn coi Malraux là "nhà văn hạng ba", đã ngỡ ngàng về sự say mê nhà văn Pháp này, ở ông bạn phê bình người Mỹ, Edmond Wilson: "Bộ anh nói dỡn hả?". Ông nhận xét *Phận Người*, khi nhắc lại một kỷ niệm khi còn là con nít, và đã từng "say mê" tấm bảng hiệu bằng vàng: "Công ty Quốc Tế Xe Lửa Tốc Hành Âu châu" (Compagnie Internationale des Wagons-Lits et des Grands Express Européens). Tác phẩm của Malraux thuộc về "Công ty Quốc Tế Những Bản Kẽm Lớn" (Grands Clichés). Thùng rỗng kêu to. Không phải ở Mỹ, mà ngay ở Pháp, Sartre chẳng hạn, đã sớm nhận ra điều này: "Vâng, Malraux có một văn phong, nhưng đâu phải thứ tốt". Thư viết cho Simone de Beauvoir, ông nói rõ hơn: *"Phận Người"* là một 'thiên tai', với những đoạn văn ngớ ngẩn, những trang sách

nhàm chán." Về "Hy Vọng", "đầy những tư tưởng ở trong đó, nhưng sao chán quá. Tay này thiếu một cái gì đó. Và *thiếu* một cách tệ hại." (J. P. *Sartre*, Thư cho Castor - biệt hiệu của S. de Beauvoir).

Điều làm Simon Leys bực bội nhất, đó là, vào *năm 1935*, Boris Souveraine, bí *thư của* Đệ Tam Quốc Tế, trốn khỏi Moscow, qua Paris. Ông viết một cuốn sách - tài liệu nghiên cứu sự nghiệp chính trị bằng sát nhân - của Stalin. Tác phẩm *lớn lao*, can đảm, lột trần những tội ác của ông trùm đỏ, bây giờ vẫn còn giá trị, được tái bản vào năm 1977, không lâu trước khi Souveraine mất. Lần tái bản, *trong* bài mở đầu, tác giả nhớ lại *những* trở ngại "xấu xa, thô bỉ" mà ông đã phải đương đầu, khi toan tính in nó ra, lần đầu tại Paris. Vào lúc đó, đám trí *thức* đã tránh né ông như một bệnh *dịch*, một thứ cùi hủi. Malraux có thể nói với Gallimard vài lời, cho cuốn sách được xuất bản dưới bảng hiệu này. Nhưng ông *từ chối*. Được cái, ông nói thẳng *với tác giả*: "Souveraine, tôi tin rằng anh và các bạn anh đúng. Nhưng trong tình hình này, đừng trông mong ở tôi. Tôi sẽ ở phía các anh, khi các anh ở trên đỉnh. (*Tôi sẽ ở với các anh, khi các anh là những kẻ mạnh nhất. Je serai avec vous quand vous serez les plus forts*. Boris Souveraine, *Staline*, Paris, nhà xb Champ Libre 1977).

Simon, *trích dẫn* Einstein, theo đó, những tư tưởng hay vốn hiếm, từ đó, ông suy ra, trong trường hợp Malraux, có hai sự thực quan trọng "ấm ảnh" ông:

1. Malraux vốn thờ phụng, và suốt đời mơ tưởng bắt chước "người hùng sa mạc" T. E. Lawrence; nhưng *cuối* cùng nhận ra, nhân vật hàm hồ này "không thể nào bắt chước" được. Ông thú nhận với Roger Stéphane: "Trên thực tế, (Lawrence) chẳng muốn gì hết. *Thật* vô phương, làm một người không muốn gì hết. (*It is prodigiously hard to be a man who wants nothing*. R. Stéphane, A. Malraux, Entretiens et Précisions. Paris, nhà xb Gallimard 1984, p. 91).

2. Ngay đầu *"Phản-Hồi ký"*, Malraux đưa ra cảm nghĩ, có thể coi như đối trọng với cái khối "Bản Kẽm *Lớn*" kể trên. Khi hỏi một ông cha, học được gì, sau bao nhiêu năm lắng nghe nhân sinh xưng tội, ông cha trả lời: "Cơ bản mà nói, không có vĩ nhân." Kết *luận* bài điểm sách, tác giả kể giai *thoại*, lấy ra từ cuốn tiểu sử Malraux của Cate; lần gặp gỡ giữa Malraux và Hemingway, khi Paris vừa được giải phóng. Nghe nói Hemingway đang *cùng* đám lính tuỳ tùng "giải phóng" khách sạn Ritz, Malraux thắng bộ quân phục đại tá, vai 5 vạch bạc, tới "hỏi tội" tác giả *"Chuông Gọi Hồn Ai"*:

-Bonjour, André. Hemingway nhẹ nhàng nói.

-Bonjour, Ernest. Malraux trả lời.

-Anh chỉ huy bao nhiêu đệ tử? Malraux hỏi.

-Cỡ mười, mười hai mạng. Nhiều nhất, hai trăm.

Là phóng viên chiến trường, Hemingway thấy không cần phải khoác lác về binh sĩ dưới quyền.

-Còn tôi, hai ngàn.

Cái này thì thực tình không chờ đợi. Lại càng khó nuốt trôi.

-Tiếc thật, khi giải phóng thành phố Paris nhỏ bé, đám này đã không nhờ đến sự trợ giúp của đằng ấy.

Nói gì thì nói, cá nhân người viết đã có thời say mê Malraux, cho tới bây giờ vẫn chưa "dứt ra được". Vả chăng, một nghệ thuật, cho dù dởm đi chăng nữa, cũng vẫn "chết người" như thường.

Trong *"Hồi Tưởng & Hoang Tưởng"*, D. M. Thomas nhắc tới Pasternak, nghệ thuật là những ngã ba, ngã tư định mệnh, nơi gặp gỡ của mơ mộng, tình yêu, và cái chết. Zhivago nói: *nghệ thuật luôn luôn là suy tưởng về cái chết, và từ đó, sáng tạo ra sự sống*. Nhưng theo D. M. Thomas, trường hợp ngược lại, cũng đúng luôn. Ông giải thích thêm, không phải những trang sách của tôi là một kẻ sát nhân, nhưng từ đó vang lên, tiếng cười sảng khoái của quỷ. Cũng theo ông, không phải nghệ thuật "thực", mà ngay cả "bad art", hay "non-art", cũng rứa. Và ông kể lại một kinh nghiệm; lần đọc thơ cho một số sinh viên. Bài thơ của ông, thật chỉ đáng vứt vô thùng rác, (ông nghĩ vậy), nói về một con chim nhỏ. Trước khi mọi người trong phòng có thể can thiệp, Lucina, con mèo xám của ông đã tha chú chim non đi mất. Sau đó, một đồng nghiệp của ông bước vào phòng, bàn tay khum khum nương nhẹ một vật gì. "Tôi thấy ở bên ngoài. Có người nào giúp tôi, phải làm gì với nó?" Ông mở ra, là con chim nhỏ bị thương. Mấy người sinh viên lại nghĩ, đây là một "vở kịch" hai ông thầy dàn dựng. Chẳng ai biết làm gì. Người đồng nghiệp sau đó đã "đặt chú chim non lên mặt đường, nơi đậu xe, rồi lên xe mở máy, cán con vật bẹp dí. Và sau đó, ra khỏi xe, nôn thốc nôn tháo." Cũng chỉ là hậu quả của những chiếc mặt nạ. Người quen đeo mặt nạ, đóng tuồng, cuối cùng bị mặt nạ hút hết sinh khí, trong khi nhân vật của Oscar Wilde trẻ hoài, để cho bức chân dung của anh già, xấu xa, ghê tởm mãi đi.

Đâu là giả, đâu là thực, nhưng qua những trang sách "làm dáng" đó, nói theo Thomas, có thể vang lên tiếng cười khoái trá của con quỷ chiến tranh?... Làm dáng, hãy thử tưởng tượng anh chàng Perkin, trong *"Con đường Vương giả"* (La Voie Royale), nhúng viên đạn rỗng vào vết thương, bắn lên chiếc đầu bò khô cho nhỏ máu, trước những con mắt khiếp đảm của thổ dân, những "người trần mất thịt". Như Malraux khẳng định, nhân nói về Dostoevsky, "một cuốn tiểu thuyết thực luôn có một đề tài thực, đó

là *điều tác giả* thực sự quan tâm, cho dù biết hoặc không biết", ở đây (*La voie Royale*) là một tố cáo phận người. Ngay cả Simon Leys, sau khi đọc cuốn tiểu sử Malraux của Cate, cũng phải công nhận một sự kiện giản dị: Malraux hiển nhiên là *một thiên tài*. Nhưng ông thêm vô: tuy nhiên, ông ta thực sự "thiên tài" như thế nào, điều này không có chi là rõ *ràng*.

Gần như tất cả những ai có dịp thân cận, quen biết Malraux, đều bị ông ta hớp hồn, tôi không nói những người *ngu si*, hoặc vô danh, mà là những nhà văn nổi tiếng, nhiều người gấp đôi tuổi ông. Khi trẻ, đối với họ, ông là một thần đồng. *Trung niên*, một anh hùng. Về già, một nhà tiên tri. Trotsky, thời gian lưu vong, sau lần gặp nhà phiêu lưu trẻ *tuổi đầy* nhiệt huyết, *đã ngay lập tức* viết thư cho nhà xuất bản của ông ở New York, yêu cầu họ, phải cho ra lò liền, một bản Anh ngữ *Phận Người*. André Gide, một Goethe của nước Pháp, lớn hơn Malraux 30 tuổi đã "than phiền", không thể theo *kịp ngọn lửa* văn chương, chẳng lúc nào chịu tắt, ở nơi con người tuổi trẻ tài cao, trong lần hai người gặp gỡ. Ngay Malraux cũng *khẳng định*: Tôi không mắc mớ gì với đám ngu si đần độn, (điều này biết đâu giải thích, ông là nhà văn tôi: bởi vì *cuộc sống*, nói cho *cùng*, chỉ là một cuộc đối thoại với những kẻ ngu đần?). Những sự kiện trên càng làm cho Malraux thành *công*, *đối với* "phái đẹp". Người vợ đầu - sau khi ông đã nướng sạch gia tài của bà vào ba trò đánh bạc, chơi stock market, và đã trả lời *vợ một* cách ngang bướng: Em không thấy anh đang làm việc sao? - khi bà toan tính viết lách, ông cảnh cáo: "*Là vợ anh tốt hơn là một nhà văn hạng nhì.*"

Ngay tướng De Gaulle cũng mê vị bộ *trưởng* văn hóa của ông, khiến đám đông sự của Malraux, lúc đầu ngỡ ngàng, sau đành kết luận: "Malraux khùng, nhưng thôi *cứ để cho hắn* ta 'mua vui, giải sầu' cho Đại Tướng." Bản thân người viết cũng đã trải qua kinh nghiệm mua vui, *giải sầu* này rồi. *Những ngày* Mậu Thân. Cũng lại một "hóa thân" của anh chàng Perkin, trong tăm tối đêm nào, đứng chết *trân trước căn hộ*, trong một con hẻm chỉ có tiếng mèo kêu thảm thiết, tiếng chuột chạy trên đám lá khô... chờ cho cơn cuồng nộ *tàn lụi dần* rồi thất thểu bò ra đường lộ, trời/đất/ người/thành phố giới nghiêm, đèn điện tắt ngúm, mũi súng *sâu đen* ngó vô mắt, "*làm gì có cái chết* mà chỉ có tôi đang chết..." (*La voie Royale*)

• Chuyện Tình

Tatyana Tolstaya, trong bài điểm sách trên NYR Nov 20, 1997 - "Những Giấc Mơ Mùa Hè Nga-xô của tôi" (tác giả Andrei Makine;

Geoffrey Strachan dịch từ nguyên bản tiếng Pháp, nhà xb Arcade, 241 trang) - coi đây là một chuyện tình, có tới hai người đàn bà. Hai bà mẹ: bà mẹ Nga, và bà mẹ Pháp. Thật sự chỉ có một, bà mẹ Nga. Một tình yêu kỳ lạ, sâu thẳm, hơn hẳn thứ tình yêu một người đàn bà. Không thể cắt nghĩa, không thể chia sẻ, nhức nhối, là tình yêu dành cho xứ sở vốn được coi là mẹ, "người nữ Nga" (Russia's "feminine" being).

Khác với một Lara của Pasternak, ở đây, những người như A. Makine, "họ trốn chạy, thứ tình yêu như vậy. Họ cố tự cứu mình. Thất bại, họ trù ẻo, viết lách, và hát hỏng về nó, họ nhận được giải thưởng, bằng khen, ở nơi quê người, hay là quê hương lưu đầy, vương quốc hải ngoại bịa đặt của họ." Tác giả Zhivago cuối cùng phải "tôi chọn mẹ tôi" và từ chối giải Nobel. Với "Giấc Mơ Hè", lòng "tự ái" Nga chắc chắn là rất thỏa mãn. Bởi vì trường hợp đoạt giải văn chương Pháp của "Giấc Mơ" thật đáng gọi là một scandale văn học (T. Tolstaya). Anrdei Makine, một người Nga có một gốc gác Pháp thật mù mờ, đã đoạt hai giải thưởng văn chương thuộc loại "hách xì xằng" nhất, dành cho "một" cuốn sách viết bằng tiếng Pháp, tại Pháp, viết về nước Pháp: giải Goncourt, và Médicis, chưa kể giải "Lycée Goncourt", do sinh viên trao tặng. Tuy nhiên, "bà mẹ Pháp" chỉ là "mặt nổi" của tác phẩm. Phần chìm của nó mới "khủng khiếp". "Vào thời đại của chúng ta, hình như bạn phải sinh ra tại Nga, phải trải qua 30 năm ở đó, nơi mà sự độc ác và mơ mộng tạo thành một khối ngược ngạo (điều này, lẽ dĩ nhiên, đã cũ mòn, chỉ là một trò làm dáng, nhưng vẫn thực), nhờ vậy mới có đủ đam mê, có đủ quyền năng để mà "hoang tưởng" ra một xứ sở kỳ diệu như thế: một nước Pháp chẳng hề hiện hữu. Nếu có chăng, chỉ bằng ngôn từ, và những giấc mơ."

Làm sao mà cuốn sách lại "vớ" được cả hai giải thưởng, là cả một câu chuyện "trinh thám". Trước đó, tác phẩm của Makine đã bị những nhà xuất bản vứt vào thùng rác. Nhà văn của chúng ta sống trong sự nghèo đói, gần chết đói thì đúng hơn, đêm ngủ nghĩa địa, ngày viết văn tại những băng ghế trong công viên. Cuối cùng gần như hết còn chịu đựng nổi, ông thử liều lần chót: coi tác phẩm viết bằng tiếng Pháp như là "bản dịch" từ một nguyên bản "ma", bằng tiếng Nga, lẽ dĩ nhiên! Chỉ lúc đó, nó mới gây sự chú ý. Thành công bất ngờ làm cho Makine phải đương đầu với những khó khăn "không chờ đợi": nhà xuất bản cuốn thứ nhì đòi tác giả trưng ra nguyên bản tiếng Nga! Ông lại phải cuống cuồng dịch chính cuốn sách của mình. Cuốn thứ ba, mà chúng ta đang bàn, may mắn được Gallimard để mắt tới. Và gặt hái được những vinh quang không thể tưởng tượng nổi. Một người ngoại quốc! Chao ôi! Kẻ Lạ (L'étranger)!

Giấc mơ Pháp thuộc về truyền thống cổ xưa, của Nga. Một người

Pháp lẽ dĩ nhiên chẳng hề mơ mộng như vậy: anh ta sống ở đó. Những người ngoại quốc khác, nếu mơ đi Tây, cũng thường thôi: dành dụm tiền bạc, rồi làm một chuyến ngao du. Người Nga, sau bao thập kỷ bị nhốt phía sau bức màn sắt, họ nghĩ ra những giấc mơ "hải hồ" chẳng giống ai, chẳng ai có thể nghĩ ra nổi. Không phải ngẫu nhiên, suốt thế kỷ 19, tiếng Pháp được coi là ngôn ngữ học đường tại Nga, dấu hiệu cho thấy thuộc về giai cấp ở trên. Không phải một chọn lựa may rủi, sau cơn động đất đổ nhà đổ cửa Cách mạng 1917, người Nga đã đổ xô qua Pháp. Sau khi không còn bức màn sắt, đi Mỹ là những kẻ 'thực dụng'; những con người "lý tưởng" vẫn chọn Pháp. "Này, thấy Paris thế nào?", (Well, what is Paris like?), T. Tolstaya đã từng hỏi một ông bạn thi sĩ, vào năm 1987. Ông này mới trải qua một tuần, lần thứ nhất trong đời, ở Paris. "Y chang trong mộng, của tụi mình!" Không chỉ vì nó đúng như tất cả những giấc mơ, nhưng Paris "không thể" làm thất vọng, bất cứ một hoài vọng nào, về nó.

Tới gần hết cuốn sách, người đọc mới biết tên người kể chuyện là Alyosha. Cuộc đời của anh như rong ruổi cùng với của tác giả, theo nhiều đường khác nhau. Mùa hè thơ ấu nào, anh cũng trải qua, với bà ngoại người Pháp, tại một thành phố nhỏ Nga, hầu như một làng quê, nơi thảo nguyên. Anh và người em gái, cũng không có tên trong truyện, cả hai ngồi tại bao lơn, chiều nào cũng vậy, dưới một ngọn đèn, ngoan ngoãn nghe bà ngoại kể chuyện. Những câu chuyện về một nước Pháp, La Belle époque, của bà. Người kể chuyện không phải là đứa bé. Anh ta nhớ lại thời thơ ấu chằng chịt của mình, bằng một giọng người người lớn, ảnh hưởng Proust. Những đứa trẻ không tên, "dửng dưng một cách lạ lùng về cha mẹ không tên của chúng", trải qua mọi mùa hè trong cái thế giới chưa từng hiện hữu đó: chẳng có một trò chơi con nít, những vụ đánh lộn, những thảm kịch tuổi thơ như chúng ta hiểu. Đồ chơi của chúng là cũng từ bà ngoại, bộ sưu tập có tên là Verdun, do một sĩ quan Đệ Nhất Thế Chiến tặng bà. Không gian của mấy đứa trẻ chỉ là khoảng bao lơn nhỏ, với những dây leo, những bông hoa. Họa hoằn, chúng được xuống sân, vốn là nơi tụ tập của mấy kẻ vô lại, say sưa, và thật đáng sợ, thật xa lạ đối với chúng. Ấp ủ trong làn gió ấm áp từ thảo nguyên thổi tới, mùi hương hoa nhẹ nhàng, tiếng xột xoạt của mấy tờ báo bà ngoại lấy ra từ trong rương, âm nhạc - tiếng nói Pháp, thơ Pháp, những bức hình ố vàng của một thời đã qua: đấy là thế giới huyền diệu của chúng. Chiều chiều, bà ngồi may mãi cùng một cái áo, bên những đứa trẻ ngồi yên lặng dưới chân. Những thì thầm của một thứ tiếng nói ngoại quốc. Thế giới đã biến dạng. Ngôn ngữ-hát xa lạ kia bỗng tạo nên những hoang tưởng thị giác:

xa xa, dưới thảo nguyên, từ từ dâng lên một thành phố. Ôi chao, có phải phép lạ của thảo nguyên hay không? Không phải, đây chỉ là quyền năng huyền diệu do trí tưởng tượng trẻ thơ tạo nên: đứa bé không biết bà ngoại đang kể về trận lụt ở Paris, vào năm 1910.

Làm sao Charlotte Lemonier, bà ngoại người Pháp của chúng, lại sống những ngày cuối cùng của bà tại Nga? Cha của bà, một bác sĩ người Pháp, làm việc ở một thành phố vùng Sibérie trước Cách Mạng: Nga vốn là "nhà" cho rất nhiều người nước ngoài. Sau khi cha chết, bà mẹ Charlotte đã không muốn, hay không thể trở về Pháp. Yếu đuối, lại cô đơn, bà trở nên nghiền morphine. Mỗi năm, bà đi du lịch Pháp một lần, với cô con gái. Cô thấy mình lạc vào một thế giới khác, khác hẳn cái thế giới nghèo nàn tỉnh lỵ ở Sibérie. Trong một lần, bà trở lại Nga một mình, để cô gái ở lại Pháp. Đó là năm 1914, Đệ Nhất Thế Chiến bắt đầu. Cô gái gặp lại mẹ khi trở về Nga, vào năm 1921. Cánh cửa Nga đóng chặt lại vĩnh viễn từ đó. Cuộc đời của bà thật là ghê rợn. Qua đó, đứa cháu trai được biết lịch sử Nga: Độc ác, tàn nhẫn, nhà tù, trại tập trung, tình trạng vô pháp luật. Cứ thế, cùng với năm tháng của người kể chuyện, bà mẹ Nga, bà mẹ Pháp trộn lẫn. Anh cũng cả hai, vừa Nga vừa Pháp.

Nếu tuổi thơ của anh, trong cõi mơ mộng đó, anh "Pháp nhiều hơn Nga", càng lớn, anh càng "Nga hơn Pháp". Anh không muốn là Pháp nữa. (Sự thực về nước Nga) càng khủng khiếp, càng ghê rợn bao nhiêu, anh càng muốn ôm chặt lấy nó bấy nhiêu. Bà ngoại anh "mạnh" hơn anh nhiều, mạnh hơn là sự nổi loạn của anh, nhằm chống lại bà. Bà sống qua cái chết của không biết bao nhiêu người thân sơ, qua cả chuyện bản thân bà bị hãm hiếp, yêu chồng, bị đầy vò, xâu xé bởi tình yêu của một xứ sở đã cưu mang bà, và không thể rời bỏ nó; cũng như không thể không yêu thương đứa con, kết quả của vụ hãm hiếp; (bà yêu cả hai, con chồng, con riêng bất đắc dĩ đó, bằng cùng một tình yêu thương đồng đều). Bà không chịu, không muốn chết. Bà thật cũng khó chết, không thể chết được: bà là một nhan sắc (đứa cháu vẫn còn nhớ rõ, qua những hồi tưởng trở đi trở lại trong truyện); một bà phù thuỷ (đã từng sống sót qua những hoàn cảnh khốn nạn nhất, khủng khiếp nhất: chiến tranh, đói khát, chân trần lặn lội "gần quá một nửa" nước Nga); một người thuần hóa dã thú: đã từng xoa dịu cơn hung dữ của một kẻ say, ru ngủ một người đàn bà nhà quê kiệt sức, đã vượt qua cả một thời đại thù hằn giai cấp, chủng tộc; bà cũng còn là một kẻ đầu độc: bà đã tẩm vào người mấy đứa cháu một chất độc, đó là cơn mơ mộng chết người của bà, khiến cho người kể chuyện không biết đâu là Nga, đâu là Pháp ở trong anh. Bà mang theo suốt cuộc đời, giấc mơ nước Pháp, như một câu chuyện thần tiên, về một nơi chốn chưa từng hiện

hữu. Bà ngoại là nước Nga hiện thân, với tất cả số mệnh Nga của nó: Xấu xa, ghê tởm, tục tĩu, yêu thương, mơ mộng, hỷ xả, nhẫn nhục, thánh thiện...

Người kể, vào cuối chuyện, đã tìm cách trốn khỏi Nga, qua Pháp. Anh cố gắng trở thành nhà văn. Anh muốn mang bà ngoại qua Paris, nhưng sau cùng được tin bà mất. Một năm sau khi bà mất, anh nhận được thư của bà... Ở đây, có một "bí mật" mà người điểm sách muốn dành riêng cho độc giả, "mà tôi không muốn viết về nó, bởi vì không muốn huỷ hoại niềm vui của họ" (T. Tolstaya).❐

Đã có bán tại các trung tâm băng nhạc và nhà sách
Tác phẩm nghệ thuật với những khúc tình ca bất hủ

ngàn thu áo tím

của Quỳnh Giao

Nguyễn Thành Vân và Anh Dũng

Hòa âm Lê Ngọc Chân và Cung Tiến
Dương cầm Lê Ngọc Chân và Ban Tứ tấu đàn dây Pacifica

Ngàn thu áo tím (Hoàng Trọng & Vĩnh Phúc)
Kiếp nào có yêu nhau (Phạm Duy & thơ Minh Đức Hoài Trinh)
Lệ đá xanh (Cung Tiến & thơ Thanh Tâm Tuyền)
Em đến thăm anh một chiều mưa (Tô Vũ)
Habanera (từ vở Carmen của G. Bizet)
Cuối cùng cho một tình yêu (Trịnh công Sơn & thơ Trịnh Cung)
Suối mơ (Văn Cao)
Mộng dưới hoa (Phạm Đình Chương & Đinh Hùng)
Mắt biếc (Cung Tiến)
Mùa thu không trở lại (Phạm Trọng)
Gửi gió cho mây ngàn bay (Đoàn Chuẩn & Từ Linh)

Gửi tận nhà với giá 12 US$ kể cả cước phí
Ngoài Hoa Kỳ 15 US$
Thư từ chi phiếu xin đề: Đoantrang Nguyễn
P.O. Box 1445, Tustin CA 92781
Tel & Fax : (714) 733-2025

Trao đổi ý kiến giữa người viết

Lời Tòa soạn: *Trên Văn Học số 138 (tháng 10.1997), chúng tôi đã loan báo cuộc tranh luận về thi pháp tạm thời chấm dứt, sau khi đăng ý kiến của Đỗ Minh Tuấn, Nguyễn Hưng Quốc, Trần văn Tích, Thụy Khuê, Phạm Thị Hoài, Bùi Vĩnh Phúc, Đặng Tiến. Mỗi người tiếp cận vấn đề một cách khác nhau, chuyện ấy đĩ nhiên. Có bạn đọc gửi thư về hỏi tại sao Văn Học không có ý kiến về cuộc tranh luận. Ban chủ biên tạp chí Văn Học không chủ trương (mà cũng không có thẩm quyền, khả năng) đóng vai trọng tài trong cuộc tranh luận này, vì thực tại văn chương không bao giờ là một chân lý bất biến, một qui luật rõ ràng để dựa vào đó người đóng vai trọng tài đưa ra những phán quyết đúng-sai rành mạch như trong các cuộc đua tranh thể thao.*

Điều Văn Học muốn là thử lấy một đề tài văn chương làm chủ đề tranh luận để những người cầm bút đi đến thỏa thuận với nhau một cung cách thảo luận tương kính, tự do và dân chủ. Kết quả cho thấy cuộc tranh luận có nhiều điểm tích cực, tuy đôi lúc trong cuộc hăng say bênh vực quan điểm của mình, vài người đã để cho cảm tính lôi cuốn, đưa tranh luận chệch hướng sang vấn đề chính trị hay đạo đức.

Hầu hết những người tham gia cuộc tranh luận đều ở ngoài nước, trừ Đỗ Minh Tuấn hiện đang ở Hà nội. Vì mãi đến nay, Đỗ Minh Tuấn mới tìm được đầy đủ những bài đăng trên Văn Học, nên đầu tháng 12.1997, anh mới gửi cho Văn Học hai bài trả lời Nguyễn Hưng Quốc và Phạm Thị Hoài. Văn Học đăng bài Đỗ Minh Tuấn trả lời Nguyễn Hưng Quốc, nhưng không đăng bài anh trả lời Phạm Thị Hoài, vì trong bài đó, anh bị cảm tính kéo đi quá xa chủ đề tranh luận, chưa kể lối viết gay gắt thiếu trầm tĩnh của anh. Chúng tôi nghĩ Đỗ Minh Tuấn không chấp nhận lối viết ẩn dụ và thậm xưng là văn phong đặc biệt Phạm Thị Hoài nên mới có phản ứng như thế, chứ Phạm Thị Hoài chỉ muốn đề cập đến tình trạng tù đọng của sinh hoạt tư tưởng trong nước, không phải nhắm vào cá nhân ai.

Chuyển hóa một biểu tượng văn hóa - những ngộ nhận và những lo âu

(Lại trả lời Nguyễn Hưng Quốc quanh vấn đề Thơ con cóc)

Đỗ Minh Tuấn

Bài viết *"Lại trả lời Đỗ Minh Tuấn"* của Nguyễn Hưng Quốc in trên *Văn học* số 137 là bài viết thiện chí, công phu và gợi cho tôi nhiều suy nghĩ bổ ích, giúp tôi rà soát lại các thông tin và lập luận của mình, từ đó thấy cần phải đọc kỹ lại cuốn *Thơ v. v... và v. v...* của anh để có những kiến giải thoả đáng và thuyết phục hơn. Những ý kiến góp ý của Nguyễn Hưng Quốc về một số chi tiết liên quan đến *"bếp núc nghề nghiệp"* của người làm lý luận phê bình là rất bổ ích với tôi, vì, thực tình môi trường học thuật trong nước còn chưa tạo được cho người viết một thói quen chuẩn xác trong việc chú giải cẩn thận nguồn gốc tri thức trích dẫn (1). Nguyên nhân do xã hội nói chung và người viết nói riêng chưa thường trực ý thức khoa học, các biên tập thường xoá bỏ những chú thích dài cho là không cần thiết, tốn giấy, lâu dần người viết cũng thôi không chú thích vì sự bị xoá, hoặc tận dụng tối đa phần " đất" được báo chí cho pháp để công bố thêm ý kiến. Đó là một tập quán thiếu khoa học (chứ không phải *"thiếu lương thiện"* vì nhiều khi sự lương thiện của người viết lại nằm ở cái dụng ý muốn đóng góp thêm chân lý khác với đời trong phần giấy được chia!). Thành thực mà nói với vốn ngoại ngữ hạn chế, với điều kiện tài liệu trong nước hiện nay tôi không hề có ảo tưởng rằng mình uyên bác hơn những người làm công tác nghiên cứu lâu năm khác, nhất là những người ở hải ngoại. Một số chi tiết mà các tác giả coi là lỗi tri thức tôi sẽ tìm hiểu thêm và trao đổi lại sau, mặc dù, như Nguyễn Hưng Quốc đã từng khẳng định, lỗi tri thức là lỗi dễ khắc phục nhất. Tôi có thể hiểu biết chưa sâu, chưa đầy đủ nhưng không hề có ý định *"hù doạ độc giả"* như Nguyễn Hưng Quốc nói. Và, nếu trong bài viết tôi có trình bày chưa chính xác ý kiến của anh thì đó là do trình độ hoặc do đọc vội, không phải là "cố ý xuyên tạc" như anh nhiều lần phản ứng, thậm chí phản ứng quá nặng nề gay gắt với một lỗi mà tôi không có. Chẳng hạn, khi tôi thanh minh rằng : *"Tôi chưa biết cuốn sách của Nhật Chiêu về thơ Basho mà chỉ đọc bản dịch của ông trong một tài liệu khác ấn hành ở Mỹ"* (2), Nguyễn Hưng Quốc đã dành cả trang phân tích phê phán ý đồ của tôi để chứng minh tôi *"cãi lấy được"* và quy kết tôi: *"dùng biện pháp không mấy*

lương thiện là đánh tráo đối tượng", "lờ đi ý chính tập trung vào ý phụ". Thực ra, ý đó của tôi cũng chỉ là ý phụ, một cái mở ngoặc đơn không mấy quan trọng, bỏ đi cũng chẳng sao. Ngay sau ý đó, tôi viết: *"Song, gạt bỏ những khẳng định võ đoán hùng hồn đó, ta có thể thấy trong ý kiến của anh cái ý tưởng của Gadamer (1960) cho rằng sự đọc bị quy định bởi một kiểu lý giải có trước như là toạ độ lịch sử văn hoá của nó"* (3). Và tôi đã tập trung phát triển ý này. Làm gì có chuyện đánh tráo đối tượng ở đây? Người đánh tráo đối tượng không chừng lại là Nguyễn Hưng Quốc vì anh đã cắt ý phụ của tôi ra khỏi mạch lập luận để quy kết nặng nề bằng những hình ảnh ví von coi tôi như kẻ trèo tường, khoét ngạch, làm như tri thức về Basho và thơ Haiku là sở hữu riêng của một số người nào đó có quen biết Nhật Chiêu(!) (4). Bài viết của anh sẽ thuyết phục hơn nếu không có những câu, những đoạn quy kết đạo đức và chính trị nặng nề, làm vẩn đục mục đích đối thoại học thuật nghiêm túc, thiện chí mà anh từng tuyên bố.

Tuy nhiên, chính vì các mục đích xây dựng *"thói quen đối thoại học thuật nghiêm túc giữa giới cầm bút trong và ngoài nước"*, mà anh đưa ra đó, nên mặc dù anh tỏ ý muốn nói những lời cuối cùng, tôi vẫn viết bài này mong trao đổi thêm với anh (và nhân đây cũng xin trả lời luôn một ý của nhà phê bình Thụy Khuê) (5) một số điều mà tôi cho là cần thiết và quan trọng. Vì, việc trao đổi đến cùng một vấn đề học thuật là việc làm không thể được thực hiện ở trong nước hiện nay trong điều kiện giới lãnh đạo văn hoá tư tưởng luôn sợ hãi đối thoại và thường ngăn cản báo chí công bố những ý kiến ngược chiều nhau.

I. Sự phức tạp của quá trình chuyển nghĩa cho biểu tượng và những nỗi lo âu văn hoá

1. Không thể lẩn tránh bản chất văn hoá của vấn đề đọc lại bài thơ con cóc

Nguyễn Hưng Quốc cho rằng: *"mọi bài viết đều có thể được đọc như thơ trước khi chính thức được xem là thơ hay không phải là thơ"* và *"những bài thơ thất bại", "những bài thơ thi hỏng"* là *"những bài viết dù đã được đọc như thơ những vẫn không thành thơ, không được xem là thơ".*(4)

Khi viết phần *"Tư cách thơ ca"* trong bài *"Khế ước văn hoá trong bài thơ con cóc"* tôi đã làm cái công việc sát hạch lại bài thơ con cóc, cố gắng đọc lại nó như là thơ, thậm chí như thơ thiền, nhưng cuối cùng bài thơ con cóc vẫn là *"bài thơ thi hỏng"* vì không đáp ứng được những đòi hỏi của tôi với tư cách một giám khảo có quan niệm thơ và cảm thức văn hoá định

hình. Nguyễn Hưng Quốc không chấp nhận kết quả *"thi hỏng"* này nên trong bài *"Trả lời ông Đỗ Minh Tuấn"* (6) anh đòi phúc tra lại bằng cách bắt tôi chứng minh sự chấm điểm đúng của mình theo một barem chung nào đó. Nếu đã coi *"chất thơ không nằm ở bản thân câu chữ bài thơ hay ý đồ nguồn sáng tác mà chủ yếu là ở trong cách cảm nhận của người đọc"* là người bị quy định bởi bối cảnh văn học và văn hoá nói chung như Nguyễn Hưng Quốc quan niệm (4) thì barem chung ở đây không thể là cái gì ngoài những quan niệm văn hoá. Nếu không coi các biểu tượng văn hoá, các khế ước văn hoá là những nguyên tắc hoạt động của hội đồng chấm thi xem xét văn bản có phải là thơ không thì sẽ rơi vào tình huống mất chuẩn và loạn chuẩn, kết quả cuộc thi sẽ được quyết định bởi hàng triệu người đọc với hàng triệu cách cho điểm khác nhau, rốt cục, kết quả sẽ căn cứ vào cách tính điểm nào đây nếu không phải lấy theo đa số, thực chất là quan niệm của số đông, là tập tính văn hoá? Cái mà Nguyễn Hưng Quốc gọi là sức *"thuyết phục"* của cách đọc cá nhân (*"người đọc có quyền đọc thơ theo kinh nghiệm và cách cảm nhận riêng của mình, tuy nhiên, sự diễn dịch ấy có thuyết phục hay không lại là chuyện khác"*) (4), thực chất là độ đồng cảm về thẩm mỹ và văn hoá. Nghĩa là, nếu trong cuốn sách *Thơ v. v... và v. v...* cũng như trong hai bài viết trả lời tôi, Nguyễn Hưng Quốc thực sự tính đến vai trò của văn hoá, thì tại sao anh lại phản đối tôi khi tôi coi văn hoá như barem tuyển sinh và chấm điểm thi?

Trước đề nghị phúc khảo của anh, tôi cũng đã chấm lại bài thơ con cóc, phân tích trong đó những nội dung thẩm mỹ chênh kênh với barem chung là văn hoá Việt Nam, mặt khác, tôi cũng chỉ ra rằng thực sự là bài thơ *Con cóc* không đủ tư cách vào thi vì, *trong tư cách biểu tượng văn hoá của cái phản thơ, phi thơ, nó đã vi phạm quy định về đối tượng được vào thi tuyển*- tương tự như một cầu thủ giỏi, nhưng bị thẻ đỏ, không thể được đưa vào sân tiếp tục thi tài. Tôi phân tích được sâu sắc cái "tài" của bài thơ *Con cóc*, nhưng đó là cái "tài" phản thơ, cái "tài" xấu chơi đã bị trọng tài dân gian tước quyền thi đấu .Sự phân tích đó có gì là mâu thuẫn với quyết định tiếp tục đuổi thơ *Con cóc* ra khỏi cuộc thi, vẫn coi nó là bài thơ dở? Vậy mà, Nguyễn Hưng Quốc lại tỏ ý cho rằng tôi là một giám khảo trù dập, định kiến *"mặc dù đã cảm nhận được cái hay, cái lớn của bài thơ con cóc một cách sâu sắc .(...) mà lại cứ khăng khăng đòi đẩy nó về lại vị trí cũ, cái vị trí hẩm hiu dành cho một bài thơ ngớ ngẩn, vô nghĩa, vô vị và vô duyên như thế"* (4). Từ đó, anh quy kết về động cơ chính trị của tôi.

Nếu thoát ly khỏi barem văn hoá để thử đọc mọi văn bản như là thơ thì sẽ dẫn đến một hệ luận là : không làm gì có cái gọi là phản thơ, thơ dở.

Tôi thách Nguyễn Hưng Quốc hãy chỉ tôi xem, bài thơ nào đích thực là thơ dở. Bài con cóc theo anh đã tuyệt hay, tôi sẽ chứng minh bài thơ dở anh chỉ ra còn hay hơn nữa!

Trong khi chờ đợi Nguyễn Hưng Quốc đưa ra một bài thơ theo anh là dở, tôi tạm lấy cái câu tôi vừa nói với anh để đọc nó như đọc một bài thơ :

Anh hãy chỉ tôi xem
Bài thơ nào đích thực là thơ dở?
Bài con cóc theo anh đã tuyệt hay
Tôi sẽ chứng minh bài thơ dở anh chỉ ra còn hay hơn nữa!

Đây là một bài thơ hay bậc nhất. Nó phát lộ cái cảnh huống thê thảm của thời cuộc khi mọi giá trị bị đảo lộn, mọi địa chỉ văn hoá bị xê dịch, con người chạy đua nhau trong mê hồn trận của ngụy biện. Cái dở thành cái hay, sự đảo lộn chuẩn mực văn hoá đó đã xô đẩy con người đi vào ngõ cụt: săn tìm cái dở. Người ta thách thức nhau :

Hãy chỉ tôi xem
Bài thơ nào đích thực là thơ dở

Đau quá! Thế giới không còn cấp bậc, sâu bọ lên ngôi, không ai còn gọi nó là sâu bọ nữa. Mất cái dở, tưởng chừng như là dấu hiệu một thế gian tuyệt mỹ, nhưng mất cái dở lại là cái mất mát lớn nhất - mất đi sự đa cực và đối cực của cuộc sống, chỉ còn một thế giới đơn cực là một THẾ GIỚI HAY, cái gì cũng có thể nhìn ra là hay. Chẳng phải thế giới ta đang sống đây đang ở hiểm hoạ cái dở bị tuyệt diệt hay sao? Giết người - hay, phản bội - hay, dốt nát - hay, ăn cắp - hay, thơ con cóc - hay .... Vậy là một thế giới *đẹp-phiệt*. Thế giới ấy còn đang đầy thế năng, thách thức và đe doạ:

Tôi sẽ chứng minh bài thơ dở anh chỉ ra còn hay hơn nữa!

Một tiếng khóc não nùng, một tiếng thét oán hận, một lời cảnh báo : Hãy bảo vệ cái dở như là cái dở trong thế giới chúng ta, đừng biến nó thành cái hay. Đó cũng là lời kêu gọi bảo vệ lương tri trong một thế giới đã tha hoá, kêu gọi bảo vệ quyền chê trách, quyền phê phán của con người. Bởi một thế giới bị tước đi ý niệm, ấn tượng về cái dở là một thế giới con người bị tước đi quyền phê phán, từ chối. Con người chỉ còn biết tụng ca, một quyền lực của trí tuệ luôn sẵn sàng áp đảo hắn, tẩy não hắn, không cho hắn xuất hiện ý tưởng về cái dở, cảm xúc về cái dở. Con người sẽ ra sao trong cái thế giới của vua chúa ấy? Nó sẽ trở thành những kẻ chạy maratông hàng ngày trong cuộc đua phỉnh nịnh, để chứng minh cái dở là hay.

Có thể triển khai "sự đọc" theo nhiều chiều hướng nữa để viết cả cuốn sách bình cái bài thơ tôi vừa chế tác từ câu nói với Nguyễn Hưng

Quốc. Không có cái gì gọi là bài thơ dở, tất cả đều có thể đọc thành thơ hay, nếu Nguyễn Hưng Quốc và Đỗ Minh Tuấn thử đọc như thơ mà không được thì người khác sẽ đọc được. Vậy là, một ngày kia, những dòng quảng cáo về bao cao su, về bột giặt cũng có thể được đọc như một thơ tuyệt hay để trao giải Nô Ben văn chương! Thơ bị khai tử như vậy đấy, nó chết vì tất cả ngôn từ trong thế giới đều có thể được đọc như là nó mà không qua bộ lọc sơ khảo của cảm quan văn hoá. Hệ luận này đã xoá sạch mọi điều Nguyễn Hưng Quốc thao thức và trăn trở để viết ra trong cuốn chuyên luận *Thơ v. v... và v. v...*". Thật phí công! Cần gì phải định nghĩa thế nào là ngôn ngữ thơ. Cần gì phải "*bám sát vào văn bản bài thơ*" khi đã coi sự nhận diện cái gọi là thơ không thể căn cứ vào "*bản thân câu chữ của bài viết ấy*".

Vậy là, một khi không có barem thống nhất cho sự đọc bởi các nguyên tắc văn hoá nhất định thì sự tự do thẩm định sẽ dẫn đến một trạng thái ngông cuồng thẩm mỹ, biến sự đọc thành con thú ăn thịt thơ, làm tuyệt diệt thơ.

2. Những ngộ nhận về văn hoá và thái độ hư vô đơn giản hoá trong vấn đề chuyển nghĩa cho biểu tượng

Khi đề nghị lấy nội dung văn hoá của một cộng đồng làm barem chuẩn cho việc xem xét các giá trị thơ ca của cộng đồng đó, tôi không hề tuyệt đối hoá các nội dung này, càng không hề phủ nhận sự biến động của các nội dung văn hoá đó do các ảnh hưởng ngoại lai, các sáng kiến cá nhân. Trong bài viết "*Khế ước văn hoá trong bài thơ con cóc*" và "*Về cái bẫy văn hoá của Nguyễn Hưng Quốc*" tôi không hề bài ngoại, trái lại, bộc lộ rõ ý thức về tiếp biến văn hoá và giao lưu văn hoá, hơn thế nữa, còn có tham vọng chờ đón một ngày kia khi văn hoá Việt Nam đủ mạnh, các thi sĩ trên thế giới sẽ làm thơ lục bát bằng tiếng Pháp, tiếng Anh ...., thậm chí còn tuyên bố khả năng cách đọc mới với bài thơ con cóc của Nguyễn Hưng Quốc sẽ trở thành vô thức cộng đồng vào một ngày nào đó. Tôi chỉ cảnh báo nguy cơ áp đặt chuẩn mực văn hoá của cộng đồng này cho cộng đồng khác trong hiện tại. Thế nhưng,Thụy Khuê lại hiểu lầm cho rằng tôi bài ngoại, có xu hướng dân tộc cực đoan, chủ trương khép cửa (7). Có lẽ do đọc không kỹ, chị đã hiểu sai các ý tưởng của tôi trong sự đồng nhất giao lưu văn hoá, lai tạp văn hoá, tiếp biến văn hoá với áp đặt chuẩn mực về văn hoá.

Giao lưu văn hoá trên cơ sở bảo tồn và phát huy và làm phong phú thêm bản sắc văn hoá dân tộc hoàn toàn khác với hành vi xâm lăng văn hoá, đồng hoá văn hoá, đem chuẩn mực văn hoá của cộng đồng này áp đặt cho cộng đồng khác. Cách mạng văn hoá ở Trung Quốc là gì nếu

không phải là một sự phá hoại, diệt chủng về văn hoá do áp đặt các chuẩn mực văn hoá có gốc rễ ngoại lai- mà người ta gọi là *"văn hoá vô sản"*- vào đời sống văn hoá của dân tộc Trung Hoa? Chẳng lẽ, việc đập phá các chùa chiền, triệt hạ các di tích, giết hại các tri thức lại là một sự "giao lưu văn hoá" đáng được biểu dương?

Cách mạng văn hoá ở Trung Quốc những năm 60 chắc chắn là một biểu hiện của *"xâm lăng văn hoá"*, *"diệt chủng về văn hoá"*. Thụy Khuê cho rằng *"Khi nói đến văn hoá thì khó có thể dùng những khái niệm như xâm lăng văn hoá"*, *"cái bẫy văn hoá"* (7). Nhưng thực tế, tinh thần những khái niệm này đã được giới văn hoá học thế giới sử dụng. Tác giả Caroline - Hodges Persell (Mỹ) đã sử dụng các cụm từ *"áp đặt văn hoá"*, *"mắc bẫy văn hoá"* trong công trình nghiên cứu về văn hoá của mình (8). Ông cho rằng, chúng ta bằng cách nào đó mắc bẫy văn hoá của chính chúng ta, mất đi khả năng hành động độc lập, nhưng các cá nhân vẫn giữ được khả năng tư duy, tự suy nghĩ vì có nhiều nhân tố giúp chúng ta không trở thành tù binh của văn hoá. Cũng trên ý nghĩa ấy, khi đưa ra mệnh đề *"cái bẫy văn hoá của Nguyễn Hưng Quốc"* tôi không ngụ ý rằng công trình *Thơ v. v... và v. v...* của anh hàm chứa một âm mưu giăng bẫy, mà chỉ đơn giản là, như tôi đã nói rõ trong bài viết, anh đã bị mắc kẹt trong vấn đề văn hoá khi xây dựng ngôi nhà thi pháp trên lô đất mượn là tác phẩm dân gian. Đây là cách nói hình tượng không có hàm ý đả kích ác ý, cùng lắm chỉ là châm biếm nhẹ nhàng, nhưng Thụy Khuê đã hiểu lầm khái niệm *"cái bẫy"* mang nội dung phê phán.

Khi nhắc đến câu thành ngữ tiếng Pháp: *"La verité de la Palice"*, *("Sự thật kiểu La Palice")*, xuất phát từ bài hát truy niệm ông có câu *"15 phút trước khi chết ông vẫn còn sống"*, người Pháp ai cũng hiểu theo hướng giễu cợt sự ngây ngô vì tính chất hài hước của nó đã trở thành một cảm xúc văn hoá. Song, nếu có ai đó đọc lại thành ngữ đó theo hướng phản tiếp nhận của Harold Bloom như Nguyễn Hưng Quốc đọc lại bài thơ *Con cóc*, để chứng minh rằng câu hát kia chẳng có gì ngớ ngẩn, trái lại, mang những thông tin tinh tế có giá trị triết học, ít nhất thì nó cũng là một câu mang thông tin về chứng cứ ngoại phạm của kẻ phát ngôn hay một cách nói thông minh dí dỏm tương tự như câu nói của một ông già 80 tuổi trả lời một cô gái xinh đẹp khi cô hỏi tuổi mình, rằng: *"Trước đây 60 năm anh 20 tuổi"*. Tại sao hai câu nói tương tự mà một câu trở thành điển hình của sự ngớ ngẩn, một câu lại được coi là tế nhị, khôn ngoan? Đó là vì câu hát tưởng niệm La Palice đã trở thành biểu tượng văn hoá, được nạp một năng lượng văn hoá đặc trưng của một cộng đồng, còn câu thứ hai thì do nhiều nguyên nhân chưa được đeo quân hàm của biểu tượng.

Nếu ta lột hàm văn hoá của câu hát trên, giải phóng nó khỏi sứ mệnh một biểu tượng văn hoá, phổ vào nó cách đọc khác, áp đặt và tuyên truyền sâu rộng cách hiểu mới này, thì, đến một lúc nào đó, câu hát *'Trước khi chết 15 phút ông ấy vẫn còn sống"* sẽ mang một cảm xúc văn hoá khác, không gây cười nữa, và đó là lúc ta xoá đi một nụ cười văn hoá của một cộng đồng. Thực tế cho thấy, nhiều biểu tượng vẫn mang nội dung thiêng liêng nhưng được dùng thường xuyên theo sắc thái mới đã trở nên lố bịch như từ *"quân khu"*, *"bộ đội"* đã được dùng trong khẩu ngữ theo nghĩa chỉ những kẻ lưu manh, thậm chí báo chí dùng lại theo nghĩa mới này. Đó chính là hiện tượng ngôn ngữ và biểu tượng chuyển nghĩa, mất nghĩa, đảo ngược ý nghĩa do nó được một năng lượng văn hoá mới của xã hội nhập vào. Các câu *"nôm na là cha mách quê"*, *"một trăm con gái không bằng hòn dái con trai"* ... v. v... quả là đã trở thành những biểu tượng chết do mất đi năng lượng văn hoá cũ khi xã hội đã chuyển đổi về văn hoá.

Vậy là, trong thực tế luôn luôn diễn ra sự sàng lọc, loại thải và tái xác lập các biểu tượng văn hoá, hành trình đó không loại trừ với cả các biểu tượng tưởng chừng như đã ổn định như biểu tượng về thơ dở của bài thơ con cóc, hay các biểu tượng vững bền hơn như biểu tượng con rồng. Sự cải biến, điều chỉnh, thậm chí lật nhào, đảo chính các giá trị văn hoá cũ là một diễn biến khách quan, muốn ngăn cấm cũng không được. Do đó, việc Nguyễn Hưng Quốc đọc lại thơ con cóc để tìm thấy thi pháp mới trong đó là một thao tác khoa học lành mạnh, bình thường, thậm chí có thể là một đóng góp có giá trị và tiến bộ.

Song, nhìn nhận từ góc độ văn hoá, việc đọc lại bài thơ con cóc có những điều tế nhị và phức tạp sau đây liên quan đến quá trình chuyển nghĩa cho biểu tượng:

a. Hệ thống các biểu tượng văn hoá của một cộng đồng làm nên bản sắc của văn hoá của cộng đồng đó, một bản sắc hình thành trong chiều dài lịch sử và làm nên sự đa dạng của văn hoá nhân loại. Cũng là biểu tượng con cóc nhưng người Việt Nam coi là biểu tượng của gan dạ, của quyền dân chủ, người Peul ở Kaydara lại coi là biểu tượng của sự thông thái, người Bambara coi là biểu tượng của phục sinh, đổi mới, người ở các bộ tộc Bamoun coi là biểu tượng nói về nguồn cội, người Hy Lạp coi là biểu tượng của sự dàng điếm, dâm đãng, còn người Châu Âu lại in cả lên cờ hiệu của vua như là biểu tượng thiêng liêng của đế vương và của mặt trời v. v... Vậy là, trước khi ta nỗ lực tìm kiếm một nghĩa mới cho biểu tượng thì biểu tượng đã bị các nền văn hoá khác nhau chiếm lĩnh, ký thác nhiều nội dung và ý nghĩa khác nhau do được phổ vào các cảm xúc văn

hoá khác nhau. Cho nên, việc đọc lại của ta dù đầy ý thức tự do vẫn không loại trừ nguy cơ *"tham bát bỏ mâm"*, *"thả mồi bắt bóng"*, trở thành tù binh của một nền văn hoá khác. Chẳng hạn, ta có thể phát hiện ra tư thế con cóc trong bài thơ kia có cái vẻ khả nghi của một tên kẻ cắp từ trong hang *"nhảy ra"*, *"ngồi đấy"*, rình mò rồi *"nhảy đi"*, mất hẳn tung tích. Nhưng cái phát hiện này cũng chỉ là sự lặp lại cái nhìn của người Nam Mỹ, vốn coi con cóc là biểu tượng của kẻ trộm lửa. Trong trường hợp đó, ta đã làm một cuộc tái tạo văn hoá Nam Mỹ một cách vô ý thức. Mặt khác, việc đọc lại này, dù muốn hay không cũng phải đụng độ với thói quen cảm nhận, tới tâm thức văn hoá của số đông đã định hình như một bản lĩnh văn hoá riêng, tạo ra sự khác biệt với các nền văn hoá khác mà cội nguồn của nó lại là lịch sử, là số phận riêng của cả cộng đồng. *Các biểu tượng văn hoá mất nghĩa, chuyển nghĩa và đảo nghĩa phần lớn là do hệ quả của các biến thiên lịch sử và biến thiên văn hoá, trong đó các phát kiến cá nhân và nổi loạn cá nhân đóng vai trò quan trọng nhưng phải thông qua quyền lực của thời gian để cách nhìn và cảm xúc cá nhân mang tính thể nghiệm, phiêu lưu và đổi mới trở thành tâm thức văn hoá của cộng đồng. Khi chưa trở thành tâm thức cộng đồng thì các ý tưởng cá nhân mới chỉ là những dự án, mang tính cách một sáng kiến kỹ thuật chưa trở thành văn hoá.* Vì thế, mới có việc gọi sự đọc lại bài thơ con cóc của Nguyễn Hưng Quốc là dự án đổi chuẩn văn hoá, *nó đưa ra những định hướng thẩm mỹ mới để tìm ra nghĩa mới cho biểu tượng văn hoá, chứ chưa phải là đã đem lại nghĩa mới cho biểu tượng này.*

Nghĩa là, ngay cả khi đề xuất của Nguyễn Hưng Quốc là mới mẻ, tiến bộ (không phải là hiện thân của một cái nhìn văn hoá đã có ở các cộng đồng khác, hơn thế nữa, có khả năng đem đến cho biểu tượng một sắc thái mới, cao cấp hơn, sâu sắc hơn, hấp dẫn hơn, thú vị hơn) thì đề xuất đó cũng phải cần thời gian và các điều kiện lịch sử xã hội để trở thành nội dung văn hoá mới, sống trong tâm thức cộng đồng. Quá trình đó trước hết lệ thuộc vào cách Nguyễn Hưng Quốc đưa sáng kiến của mình vào đời sống. Khi quá trình này chưa hoàn tất, thì đề xuất đó chưa làm ảnh hưởng đến sức sống của biểu tượng văn hoá cũ. Trong trường hợp cụ thể này, bài thơ con cóc vẫn sẽ còn là khế ước văn hoá về thơ dở cho đến khi cách đọc của Nguyễn Hưng Quốc trở thành cảm xúc văn hoá phổ biến. Nói cách khác, một cuộc cách mạng văn hoá dù trong phạm vi rất nhỏ cũng không thể được tiến hành một cách nóng vội, giản đơn.

b. Tuy nhiên, dù không bao giờ dự án chuyển nghĩa biểu tượng của Nguyễn Hưng Quốc trở thành hiện thực, nghĩa là sẽ không bao giờ bài thơ con cóc trở thành biểu tượng của thơ hay trong cộng văn hoá Việt Nam thì

thi pháp mà Nguyễn Hưng Quốc rút tỉa ra từ bài thơ con cóc như là những phát kiến kỹ thuật vẫn có thể được đưa vào ứng dụng trong đời sống sáng tác, phê bình như là những đổi mới đáng trân trọng và ghi nhận. Kỹ thuật có thể phát huy tác dụng tức thời, nhưng văn hoá phải hình thành qua lịch sử. Kỹ thuật có thể phổ biến nhanh trong đô thị như là sự nâng cấp, chuyển hệ văn minh, nhưng văn hoá phải tính đến quy luật, kế thừa, độ bảo thủ, tính bướng bỉnh của các quan niệm cũ, sự tự nguyện tiếp thu của nhiều thế hệ. Chính vì những lẽ đó mà tôi thừa nhận giải pháp kỹ thuật mà Nguyễn Hưng Quốc đưa ra (thi pháp mới) nhưng không chấp nhận thành quả văn hoá của sáng kiến đó (vẫn coi thơ con cóc là một bài thơ dở). Giải pháp này không phải là một thủ đoạn chiết trung, thoả hiệp trong bàn đàm phán, cũng không phải là thả nổi về lý thuyết để kiên trì bảng giá trị cũ như Nguyễn Hưng Quốc ngộ nhận (tôi sẽ phân tích sâu ngộ nhận này phần sau) mà đó là giải pháp khoa học nảy sinh từ mối quan hệ biện chứng giữa thi pháp và thẩm mỹ, kỹ thuật và văn hoá. Có thể ủng hộ quy trình kỹ thuật chế biến vitamin thơm tho từ nước cống, nhưng không thể từ đó đi đến kết luận là nước cống thơm. Đồng nhất *thi pháp mới* rút tỉa từ bài thơ con cóc với giá trị thẩm mỹ của bài thơ con cóc để tuyên bố *thơ con cóc là một bài thơ hay* là đã thực hiện một bước nhảy giản đơn từ thao tác tới giá trị, từ kỹ thuật tới văn hoá, từ ý thức cá nhân tới vô thức cộng đồng, vốn là các lĩnh vực rất xa nhau.

c. Một kỹ thuật có thể chỉ là tiền đề cho một bước nâng cấp văn minh, nhưng chưa chắc đã đủ sức làm thay đổi văn hoá. Kỹ thuật làm nem của Việt Nam dù có được áp đặt vào nước Mỹ bằng một quy định pháp luật, thì món nem tràn nhập trong bữa ăn hàng ngày của người Mỹ vẫn chưa thể làm nên văn hoá Việt Nam, trái lại, có khi còn là một phản văn hoá Việt Nam gây dị ứng trong dạng bội thực và áp đặt. Tuy nhiên, một kỹ thuật mới ra đời có thể gây những LO ÂU VĂN HOÁ mà thực chất là sự dị ứng của tập tính văn hoá hiện hành với độ rung của các biểu tượng hằng sống trước đe doạ của kỹ thuật mới này. Kỹ thuật sinh học tạo ra con cừu Dolly chẳng đã gây phản ứng văn hoá trong phạm vi nhân loại đó sao? Vì sao người ta phải cấm thực hiện các kỹ thuật này trong việc chế tạo ra phiên bản con người? Đó chính là sự bảo thủ của các biểu tượng văn hoá cũ khi kỹ thuật sinh học mới tạo ra các nguy cơ đe doạ về văn hoá.

Một nỗi lo âu như vậy, dù nhân danh bảo vệ các biểu tượng cũ, vẫn là nỗi lo âu nhân bản. Nỗi lo âu đó biểu hiện sức sống của các biểu tượng văn hoá định hình, nó có thể cản trở quá trình đổi thay văn hoá, có thể là những phản ứng bảo thủ, nhưng tuyệt nhiên không phải là những ảo giác

của kẻ sợ ma như Nguyễn Hưng Quốc nhận định. Khi Nguyễn Hưng Quốc đưa ra kỹ thuật mới về thơ thông qua việc đọc lại bài thơ con cóc, tôi nhìn nhận kỹ thuật mới này với thái độ lo âuvăn hoá thì đó trước hết là phản ứng văn hoá tất yếu và lành mạnh biểu thị sức sống của một biểu tượng văn hoá định hình, sau nữa là sự cảnh báo một thái độ hư vô văn hoá khi vận dụng kỹ thuật thơ ca kia. Lịch sử văn minh phương Tây với sự phát triển vũ bão của khoa học kỹ thuật chẳng đã từng dẫn đến cuộc khủng hoảng văn hoá nảy sinh từ chính sức mạnh khoa học kỹ thuật đó sao? Chẳng lẽ, UNESCO và các tổ chức quốc tế khác đang thực hiện những nỗ lực bảo vệ văn hoá trên phạm vi toàn cầu lại là những người ảo tưởng, sợ ma? Bản chất của văn hoá là chiều kích tượng trưng của đời sống xã hội. Hơn thế nữa, do nó có sức truyền dẫn vô hạn trong phạm vi vũ trụ nên một hành vi văn hoá hay phản văn hoá dù rất nhỏ cũng có sức lây lan gây phản ứng của cả cộng đồng. Trong bài *"Văn hoá và vũ trụ, vai trò của văn hoá trong thế giới ngày mai"* D.P.Schafer đã viết: *"Nhà nước hiện đại phải chấp nhận một cách trí thức rằng nói chung, dấn mình vào con đường văn hoá là vứt một hòn sỏi vào một cái ao để tạo ra một gợn sóng lăn tăn, các sóng sẽ ngày càng truyền đi và cuối cùng, chúng đạt tới và bao trùm toàn vũ trụ"* (9). Bởi theo ông, do tính mềm dẻo của nó, văn hoá làm cho Nhà nước có khả năng có tiếng nói của nó trong tất cả các khu vực của xã hội hay với toàn bộ xã hội. Có lẽ vì tính mềm dẻo, tính truyền dẫn đó mà văn hoá có thể đóng vai trò hệ tư tưởng mới như Philippe Breton & Serge Proulx đã chỉ ra trong cuốn *Bùng nổ truyền thông* (10). Đó cũng là một cơ sở lý thuyết của cái gọi là *"đế quốc văn hoá"*, *"xâm lược về văn hoá"*, và cũng là cội nguồn tư tưởng đẻ ra cái gọi là *"những địa đạo văn hoá"*, *"chủ nghĩa duy văn hoá"* mà Nguyễn Hưng Quốc đưa ra. Tôi ngờ rằng, khi bác bỏ những lo âu văn hoá của tôi, cho rằng tôi đưa vấn đề quá xa khỏi lĩnh vực văn học, thậm chí đưa sang lãnh địa của một thứ văn hoá đã bị chính trị hoá, thì Nguyễn Hưng Quốc dường như vừa bộc lộ một thái độ hư vô về văn hoá, vừa tỏ rõ quan niệm định kiến sát nhập văn hoá vào chính trị, không quan niệm được bản thân vấn đề văn hoá có đặc thù riêng nhiều khi đối lập với những nội dung chính trị. Không những nhìn nhận những suy tư văn hoá như là những biến tướng của chính trị, Nguyễn Hưng Quốc còn quy giản văn hoá thành hiện thân quyền lực của Đảng cầm quyền như sẽ phân tích dưới đây.

II. Đồng nhất văn hoá vào chính trị - bản chất của quan niệm về "chủ nghĩa duy văn hoá"

Bị ám ảnh bởi một siêu quyền lực của Đảng Cộng sản mà Nguyễn Hưng Quốc coi là chủ thể của mọi quá trình lịch sử, *mọi* diễn biến văn hoá trong đời sống dân tộc và đời sống các cá nhân, anh đã tưởng tượng ra một "chủ nghĩa duy văn hoá" (Culturalism) do những người cộng sản đang chủ trương để cắt nghĩa sự phục hưng, sự thường trực của tinh thần văn hoá dân tộc, văn hoá Phương Đông trong thời đại ngày nay. Nguyễn Hưng Quốc viết :

"Tâm lý của Đỗ Minh Tuấn có lẽ cũng là tâm lý chung của khá đông người, nhất là những người ngay ngáy lo bảo vệ thế "ổn định chính trị" tại Việt Nam hiện nay. Nếu theo dõi đầy đặn sách báo trong nước, chúng ta dễ nhận thấy là từ đầu thập niên 90 đến nay, những chữ như "văn hoá, văn hoá Việt", hay "văn hoá phương Đông" xuất hiện lan tràn, ê hề gần như lạm phát. Chúng được dùng như những ngọn cờ thay thế cho ngọn cờ mác xít đã tả tơi trong giai đoạn tan rã của chủ nghĩa cộng sản đồng thời cũng là giai đoạn phải mở cửa tiếp xúc với phương Tây và hoà nhập vào cộng đồng nhân loại. Có thể nói, nếu chủ nghĩa cộng sản là một thứ chủ nghĩa duy khoa học (scienticism) ốm o thì chủ nghĩa hậu cộng sản ở một khía cạnh nào đó và với một mức độ nào đó, là một biến dạng què quặt của chủ nghĩa duy văn hoá (culturalism). Nếu trước đây, những người cộng sản nhân danh tinh thần khoa học của Tây phương mà họ cho là tất cả tinh túy đều nằm trong chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để đả kích kịch liệt tinh thần lạc hậu trì trệ của Đông phương, tập trung ở nền nông nghiệp và chế độ phong kiến kéo dài hàng ngàn năm, thì hiện nay họ lại nhân danh nền văn hoá phương Đông để gầm ghè với sức mạnh kinh tế và khoa học kỹ thuật áp đảo của phương Tây. Nếu trước đây họ là những nhà khoa học viễn tưởng mơ mộng đến việc mở ra những kỷ nguyên mới cho nhân loại thì sau này họ lại biến thành những nhà khảo cổ học chuyên phục chế từng mẩu cổ vật vừa khai quật được để vênh vang kiêu hãnh là trên mảnh đất họ đang đứng là một thời từng là quê hương của loài .... khủng long. Nếu trước đây những chữ được dùng nhiều nhất, một cách kiêu hãnh nhất là những "quy luật", "tiến bộ", "hiện đại", hay "văn minh", thì hiện nay, đó lại là những chữ như "phương Đông", "truyền thống", "bản sắc" hay "văn hoá" nói chung. (4)"

Trong đoạn trích trên đây có hàng loạt những nhầm lẫn và ngộ nhận về bản chất của các tiến trình văn hoá tư tưởng trong phạm vi nhân loại nói chung và trong đời sống dân tộc nói riêng.

Sự phát triển vũ bão của khoa học kỹ thuật đã đưa Phương Tây đến đỉnh cao của nền văn minh tự tin trong đó con người dường như được

khoa học phong cho quyền hạn sáng tạo của Thượng đế, một Thượng đế với ống nghiệm và máy tính. Nhưng đồng thời với sự phát triển mang *"sức mạnh kinh tế và khoa học áp đảo của Phương Tây"*, những vấn đề mới, những đau khổ mới có nguồn gốc sùng bái khoa học, sùng bái lý tính, sùng bái ý thức hệ lại nảy sinh khiến chính những xã hội phát triển đó rơi vào cuộc khủng hoảng văn hoá với nhiều biến thái, từ đó dần ý thức về một nền văn minh mới - *văn minh tư thức tỉnh* mang nhiều đặc tính của minh triết phương Đông với sự cộng thông giữa con người khoa học và môi trường tự nhiên, giữa cá nhân và cộng đồng, giữa hiện tại và quá khứ với sự nhận thức tầm quan trọng của nhiều yếu tố tâm linh, văn hoá và lịch sử. Văn hoá phương Tây sau khi phát triển đến cực độ các yếu tố trong nhiều mô hình kết hợp phong phú đa dạng đã tìm thấy ở văn hoá Phương Đông một mô hình chung nhất cho các yếu tố đang phát triển trong nguy cơ phá hoại hiệu quả chung. Vì thế, bên cạnh sự quan tâm hơn tới các quá trình văn hoá vốn chưa được quan tâm đúng mức, coi văn hoá như là động lực và cứu cánh của sự phát triển, Phương Tây hướng về văn hoá Phương Đông như là một chiều kích bổ sung đầy cảm hứng cho sự phát triển tiếp tục của mình. Sự chú trọng văn hoá, quan tâm tới việc bảo vệ bản sắc văn hoá, di sản văn hoá của các dân tộc không chỉ là những nỗ lực nằm trong quá trình thay thế vai trò của hệ tư tưởng bằng vai trò của truyền thông và văn hoá với tư cách là hệ tư tưởng mới, mà còn là những hệ quả tất yếu của quá trình xây dựng một xã hội đa dạng, dân chủ, đa nguyên. Văn hoá không còn bị đặt ở vị trí con ở của chính trị và kinh tế nữa, mà đã trở thành một cứu cánh riêng, một động lực mới, một nền tảng liên kết nhân loại một dạng thức của tự do bình đẳng và nhân văn, một chiều kích tối quan trọng của đời sống, một điều kiện lý tưởng cho phát triển. Chính vì thế, mà Liên Hợp quốc và UNESCO đã đề ra khẩu hiệu cho thập kỷ thế giới Văn hoá vì sự phát triển là: *Khoa học, kỹ thuật phương Tây + Văn hoá dân tộc*.

Tiến trình chuyển hệ văn minh là phục hưng vai trò văn hoá trên đây mang tầm vóc toàn cầu, có quy mô tổ chức quốc tế, có tính thời sự và có triển vọng đầy hấp dẫn, thiết tưởng Nguyễn Hưng Quốc phải thừa biết, vậy mà sao anh vẫn nhìn nhận tiến trình đó như là sản phẩm mang tính bảo thủ cực đoan của riêng những người cộng sản? Dân tộc Việt Nam vừa ra khỏi chiến tranh với nhiều méo mó và ngộ nhận về tư tưởng và văn hoá, vào thời kỳ đổi mới được hoà nhập vào cộng đồng nhân loại, được tham gia tích cực vào tiến trình này, thiết tưởng, đó là một giác ngộ, một may mắn cho toàn dân tộc nói chung và cho những người làm văn hoá nói riêng. Vậy mà Nguyễn Hưng Quốc lại nhìn nhận quyền lợi mới của con

người Việt Nam đó một cách hằn học, giễu cợt, coi nó như một biện pháp mang tính thủ đoạn và bắt buộc để hoà nhập vào đời sống nhân loại, thậm chí như là biến tướng của một sai lầm cũ do những người cộng sản chủ trương.

Đưa ra vấn đề *Chủ nghĩa duy văn hoá* coi đó như là một biến tướng mới của chủ nghĩa cộng sản để nhận diện sự quan tâm ngày càng tăng tới vấn đề văn hoá dân tộc, văn hoá phương Đông, làm như những hứng khởi và nỗ lực văn hoá đó chỉ mới xuất hiện sau Đông Âu như là chiến thuật mới của Chủ nghĩa cộng sản, Nguyễn Hưng Quốc đã vô tình phủ nhận những nỗ lực văn hoá vì mục đích phát triển mà UNESCO đã và đang tiến hành, phủi sạch những đóng góp vô cùng quý báu của những nhà văn hoá lớn trong chế độ Sài Gòn cũ như các ông Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Duy Cần, Kim Định, Nguyễn Văn Trung v. v... mà những suy tư của họ từ 30 - 40 năm trước vừa biểu hiện cái tâm của người tri thức trước di sản văn hoá dân tộc và văn hoá nhân loại, vừa góp phần khai thông một nguồn mạch tri thức và trí tuệ cho những suy tư văn hoá của những con người như chúng tôi hôm nay. Vậy phải chăng, với những suy tư sâu sắc về văn hoá dân tộc và văn hoá phương Đông, những nhà văn hoá lớn trong chế độ cũ như những tên tuổi đã kể trên cũng là những người *"tự nguyện lao lên tuyến đầu của mặt trận văn hoá do Đảng Cộng sản lãnh đạo"*, để thực hiện chiến lược duy văn hoá như sự phát hiện của Nguyễn Hưng Quốc? Chẳng phải chính các ông Nguyễn Đăng Thục và Kim Định đã khẳng định mạnh mẽ các giá trị văn hoá phương Đông cổ và văn hoá Việt Nam truyền thống đó ư? Vậy có phải họ *"gầm ghè với sức mạnh kinh tế và khoa học kỹ thuật áp đảo của phương Tây"*, và họ chính là *"những nhà khảo cổ học chuyên phục chế từng mẫu cổ vật vừa khai quật được để vênh vang kiêu hãnh là trên mảnh đất họ đang đứng đã một thời từng là quê hương của loài .... khủng long"* văn hoá như Nguyễn Hưng Quốc nói?

Ngộ nhận của anh một mặt đã quá đề cao lương tâm văn hoá của những người lãnh đạo đất nước hôm nay mà anh gọi là những người cộng sản, tuyệt đối hoá quyền lực chi phối của họ tới đời sống tinh thần của giới trí thức, mặt khác coi những người tâm huyết với việc khẳng định văn hoá dân tộc, văn hoá phương Đông là những người *"chỉ điểm"*, *"tự nguyện lao lên tuyến đầu của mặt trận văn hoá do Đảng Cộng sản lãnh đạo"* mà không biết rằng, trong thực tế những day dứt về văn hoá của họ đã có lúc trở thành chướng ngại vật của một số người có quyền vì nó cản trở những phi vụ bán lẻ đất nước, bán rẻ chủ quyền văn hoá, xâm phạm cảnh quan văn hoá vì quyền lợi cá nhân cục bộ. Những trí thức có lương

tâm văn hoá đã đấu tranh với những người cầm quyền để đòi họ phải quan tâm tới việc bảo vệ các di sản văn hoá của dân tộc, không được phá bỏ những di tích như đàn Nam Giao, như tượng Alexandre de Rhode. Nhờ có hàng trăm bài báo phản đối việc xây dựng khách sạn Hà Nội Vàng và ngôi nhà quái dị trên làm hỏng cảnh quan Hồ Gươm mà Chính phủ đã có chỉ thị đình chỉ xây dựng khách sạn Hà nội Vàng và cải tạo thiết kế ngôi nhà Hàm Cá mập. Vậy, phải chăng, những nhà báo, những trí thức nghiên cứu sử học và văn hoá học, những kiến trúc sư có lương tâm văn hoá đã làm nên áp lực phản đối đó chính là những người cộng sản theo thuyết *"duy văn hoá"*, đáng bị lên án, giễu cợt, vì đã nấp dưới *"địa đạo văn hoá"* để *"tỏ dạ trung trinh với chủ"*? Tôi ngờ rằng chính những con người đó đang làm vướng chân một số người mà Nguyễn Hưng Quốc gọi là *"Ông chủ"*, vì, những Triệu Tử Long hiện đại ấy đã dám chống lại việc đem di sản văn hoá ra nuôi những con khủng long tham nhũng, những con khủng long mafia, những con khủng long của một nền kinh tế thị trường còn chưa qua thời kỳ rừng rú. Nếu không phải như thế thì tại sao những nỗ lực đấu tranh của họ bị coi là quá khích và bị hạn chế trên thực tế? Trên vấn đề này, Phan Huy Đường có vẻ hiểu sâu thực tế Việt Nam hơn khi ông viết rằng nguy hiểm nhất cho dân tộc Việt Nam là *"tàn phá, thắt họng về văn hoá, xé lẻ xã hội, cô lập con người, đặc biệt người làm văn hoá"* và *"buôn bán quyền lực, rồi dùng đôla mua chuộc, củng cố quyền lực, khuynh hướng ấy tất nhiên đòi hỏi tiêu diệt văn hoá"* (11).

Gọi tất cả những tri thức đang day dứt suy tư về văn hoá nói chung và văn hoá dân tộc nói riêng là những Triệu Tử Long hiện đại, đầy tớ trung thành của Đảng, Nguyễn Hưng Quốc vừa tỏ ra ngây thơ trước thực tế đất nước, vừa đơn giản hoá, quan hệ và thái độ của trí thức với Đảng cầm quyền, biến tự do tư tưởng và lương tri văn hoá mà họ gian khổ đạt được thành sự nô lệ và tuân lệnh mù quáng. Như vậy, Nguyễn Hưng Quốc đã vô tình xúc phạm những người anh em văn hoá của mình, những đồng nghiệp của mình mà lẽ ra anh phải biết chia sẻ, trân trọng những thành quả ít ỏi trên con đường tự do tư tưởng mà họ đã phải trả giá để đạt được trong một điều kiện quá oái oăm, khắc nghiệt với những đảo lộn giá trị thường trực trong cuộc sống: làm đúng, làm tốt theo đúng nghĩa vụ đạo đức và luật pháp đã được giáo dục thì bị lãnh đạo coi là gây rối, là quá khích; kẻ bất tài, thiếu văn hoá, thiếu chuyên môn thì được giao quyền quản lý văn hoá, chuyên môn, xã hội ghét đấu tranh hơn ghét bất công, ghét kẻ la làng hơn ghét kẻ cắp. Hơn thế nữa, Nguyễn Hưng Quốc còn tỏ ra ngây thơ, ngộ nhận khi vẽ ra bức chân dung của một xã hội Việt Nam thừa tự do tư tưởng tự do ngôn luận, chỉ thiếu sự xáo trộn về giá trị và tổ

chức. Anh viết: *"... những người cầm quyền ở Việt Nam hôm nay có lẽ họ cũng chỉ muốn đề nghị với dân chúng một giải pháp ôn hoà như thế, đại khái về lý thuyết muốn nói gì thì nói [...] cái gì cũng được, miễn là đừng đổi thay cái gì trong bảng giá trị hiện có..."*(4)

Trước hết, xã hội Việt Nam hôm nay không phải tự do ngôn luận đến mức muốn nói *"cái gì cũng được"*. Luật báo chí qui định rằng công dân bị báo chí phê phán, bôi nhọ hoặc vu cáo có quyền trả lời sớm nhất trên vị trí tương tự và với số chữ tương đương. Nhưng không ít người bị trói lại để đánh, bịt miệng để đánh không được quyền nói lại vì nhiều lí do: Tổng biên tập thiên vị bè cánh, Ban tư tưởng và Văn hoá Trung Ương Đảng bắt dừng cuộc thảo luận v.v.. Bản thân tôi, một cây bút mà Nguyễn Hưng Quốc coi là *"tự nguyện xông lên hàng đầu trên mặt trận văn hoá do Đảng cộng sản lãnh đạo"* để *"quyết tỏ dạ trung trinh với chủ"*, vậy mà, sau một bài báo cởi mở và sơ hở cũng bị đánh đòn hội chợ bằng hàng chục bài báo dài trên ba tờ báo của quân đội và tờ *Văn nghệ* của Hội Nhà văn mà các tác giả đã đeo lon sĩ quan để đối thoại, vu cáo, bôi nhọ đủ kiểu, kết những tội nặng nề như *"phản bội quá khứ vẻ vang của dân tộc"*, *"kêu gọi lật đổ những giá trị thơ ca truyền thống"*, *"phủ nhận giá trị cuộc kháng chiến chống Mỹ"*, *"phủ nhận văn hoá cộng đồng:*, *"giật bài vị văn hóa của tổ tiên"*(12) Sau đó, họ đơn phương kết luận nặng nề (13), bất chấp sự thật, không cho nói lại. Một công dân tạm gọi là *"có máu mặt"*, quyết liệt và được coi là chính thống như tôi mà còn bị bịt mồm, trói tay, vấy bẩn mà không được đối thoại trở lại một cách công bằng và đúng luật như thế, vậy thì sao có thể nói như Nguyễn Hưng Quốc rằng, ở Việt Nam hiện nay muốn nói gì thì nói? Ngay cả bài viết *"Khế ước văn hoá trong bài thơ con cóc"* phê phán quan điểm của Nguyễn Hưng Quốc nặng nề mà Đặng Tiến coi là *"dùng trọng pháo nã vào đối phương bao nhiêu tạc đạn"*, Thuỵ Khê coi là *"dùng những từ nặng kí"*, cũng được Trần Mạnh Hảo trích riêng lời khen ngợi lịch sự và công bằng ở đoạn đầu bài viết ra phê phán rằng Đỗ Minh Tuấn khen ngợi cả kẻ đã thoá mạ thơ ca cách mạng (14). Vậy mà, Nguyễn Hưng Quốc không những không cảm thông, chia sẻ, mà còn tỏ ra đồng tình với ý kiến Trần Đăng Khoa đánh giá tôi là *"chập chờn bất định"* vì, cũng như nhiều người khác, anh nhìn nhận con người trong sự đối chiếu với hai chuẩn mực có tính phe cánh ở Việt Nam là: bảo thủ và đổi mới, trong khi đó tôi là người có ý thức đứng ngoài và có tham vọng đứng trên cả hai phái đó vì tôi quan niệm rằng xã hội không thể và không nên chỉ có hai cực bảo thủ và đổi mới (thực chất là một vì đều cực đoan, bè cánh, hẹp hòi), tôi phân biệt rõ sự khác nhau giữa mới và đổi mới nên trong thực tế tôi đã thực hiện sự

phê phán với cả hai phe cánh bảo thủ và đổi mới này bằng những quan niệm và thái độ mà tôi cho là mới. Có thể điều tôi tự đánh giá mình là sai, nhưng tôi không hề thiếu nhất quán, nay nói ngược mai lại nói xuôi, cũng không hề *"chập chờn bất định"* như Nguyễn Hưng Quốc và nhiều người lầm tưởng do cách nhìn nhị tuyến đơn giản hoá không hiểu biết cảnh huống và thân phận của những người nghệ sĩ tự do, trung thực, kiên định ý mình đi giữa hai làn đạn.

Thực chất của tất cả những ngộ nhận đó là gì?

1. Trong nhiều năm những người lãnh đạo trong nước luôn coi văn hoá chỉ như con tốt trên bàn cờ, họ tập trung quan tâm nhiều hơn đến quân sự và kinh tế nên thả nổi về văn hoá, khi họ bắt đầu quan tâm đến vai trò của văn hoá thì họ lại lâm vào tình thế: nếu đi tận cùng những vấn đề văn hoá thì có nguy cơ rút dây động rừng, động chạm đến nhiều vấn đề phức tạp đã bị ỉm đi, gác lại, nên sự lựa chọn cuối cùng của những người lãnh đạo văn hoá tư tưởng vẫn là tiếp tục thí bỏ văn hoá, hạn chế tự do ngôn luận và tự do báo chí để bưng bít những việc đã trót sai. Bản chất là, những người lãnh đạo văn hoá đã nhiều khi giữ ghế bằng cách tước bớt quyền dân chủ của những người làm văn hoá trong những cái gọi là định hướng vừa phản khoa học vừa duy ý chí. Nguyễn Hưng Quốc không hiểu thực tế này nên đã quy kết cho Đảng Cộng sản một cái tội sang trọng là khuếch trương *"Chủ nghĩa duy văn hoá"* mà họ không hề muốn, thực tế là đã biến cái giẻ chùi chân của họ thành lá cờ của họ.

2. Trong một xã hội kém phát triển lý tính như xã hội Việt Nam thì bản thân giới văn hoá cũng đầy cảm tính đơn giản và méo mó trong nhìn nhận các vấn đề và đánh giá con người. Không quan niệm được một xã hội đa cực, không chấp nhận được những ứng xử học thuật và ứng xử văn hoá mang tính khách quan khoa học đứng ngoài các phe nhóm, nên, khi thấy người nào đó từ góc độ học thuật phê phán những người mà họ cho là cấp tiến, thực chất là thân với họ thì họ coi người phê phán kia là bảo vệ chế độ, là *"Triệu Tử Long hiện đại"*; khi không liệt được con người nào vào một trong hai trận tuyến giản đơn đã bày sẵn trong định kiến thì họ coi con người đó là *"chập chờn bất định"*. Một người sắc sảo và có trình độ duy lý cao như Nguyễn Hưng Quốc mà cũng nhiễm cách đánh giá cảm tính hời hợt này, phải chăng là vì anh cũng là một con bướm bị bọc trong cái kén đan dệt bằng những thông tin *made in Việt Nam*?

Bản chất của những ngộ nhận trên đây là một phương pháp tư tưởng coi chính trị là thống soái, coi tất cả là những biểu hiện tự do, ngẫu nhiên và đa dạng trong cuộc sống xã hội đều là hiện thân hay đồng dạng với ý chí của Đảng cầm quyền hoặc ý chí của một lực lượng phản kháng với

Đảng cầm quyền đó. Trong quan niệm về Đảng, Nguyễn Hưng Quốc lại không nhìn ra những biểu hiện sinh động, đầy biến ảo trong thực tế đời sống, nên sự phê phán của anh vừa quan liêu vừa bất cập, vừa cực đoan lại vừa lệch hướng, giống như say sưa đánh vào vỏ con rắn đã lột xác và đã bỏ đi. Thành ra, đọc đoạn cuối của bài viết của anh người không hiểu thực tế có thể khâm phục cho đó là sự phát hiện sâu sắc. Riêng tôi, những đoạn đó dù rất chân thành và trung thực, chỉ gợi cho tôi một điều thất vọng rằng cách nhận định con người qua đánh giá đạo đức và tư tưởng rồi quy kết nguyên nhân chính trị như anh đã làm với tôi trong bài viết kia là rất cũ, thật giống y như cái cách những đảng viên cộng sản theo dõi, nhận xát về khuyết điểm của những người ngoài Đảng như chúng tôi để đánh giá về tư tưởng và tư cách xem có gì cần giáo dục thêm. Với tư cách một người từ hai mươi năm trước đã góp ý phê phán Đảng về các vấn đề *bái vật giáo độc lập* và *đoàn kết giật lùi* (đoàn kết với tư cách giữ gìn bộ máy tổ chức cũ như là kỷ vật của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại) tôi thấy cách lý giải của Nguyễn Hưng Quốc về nền chính trị Việt Nam hiện nay có nhiều ấu trĩ và bất cập, không nhìn ra cái nguy cơ biến tất cả thành hàng hoá, kể cả những cái từng được coi là thiêng liêng bậc nhất. Tôi mong không phải đọc những đoạn tương tự trong các bài viết khác của anh. Hình như, với anh, chính trị là sở đoản, nó làm lu mờ phần nào tư cách con người học thuật của anh mà tôi rất trân trọng. Và, cũng vì tôn trọng cuộc đối thoại này nên lần đầu tiên trong đời cầm bút, tôi phải viết chữ Đảng trong bài viết - một chữ chưa bao giờ có trong các tác phẩm của tôi.

Đại khái, đó cũng có thể coi là một sự mất trinh.

Hà nội, ngày 27 tháng 11 năm 1997

CHÚ THÍCH

(1) Ở Việt Nam hiện nay, ngoài công trình của Trần Đình Sử tổng thuật các vấn đề tiếp nhận văn hoá, còn có nhiều sách dịch và các sách tiếng Anh - tiếng Pháp về phê bình mới của R. Barthes, Bakhtin và nhiều nhà phê bình hiện đại khác.

(2) Đúng là tôi đã đọc bài viết và bản dịch thơ Basho của Nhật Chiêu trên Tạp chí *Hợp Lưu*.

(3) Xem Về cái bẫy văn hoá của Nguyễn Hưng Quốc, Văn Học 136 / 8-1997

(4) Xem *Lại trả lời Đỗ Minh Tuấn, Văn học 137* / 9-1997

(5) Tôi được biết Phạm Thị Hoài cũng có bài tranh luận với tôi đã in trên Văn Học và đã được lưu truyền trong nước. Tôi cố gắng săn tìm để đọc nhưng những người có bài viết đều có vẻ giấu nên tôi chưa thể trả lời luôn trong bài này. Tuy

nhiên, bản thân hiện tượng giấu giếm bài tranh luận cũng bộc lộ một đặc tính dân tộc: bè cánh, đánh lén, nói xấu sau lưng, biến đô thị văn minh nhất thành rừng rú để ẩn nấp, đánh du kích.

(6) Xem *Trả lời ông Đỗ Minh Tuấn Văn Học số 134* / 6-1997

(7) Xem *Nhân cuộc tranh luận về thơ con cóc - Góp ý về một số vấn đề trong phê bình văn học - Văn học 138* / 10-1997

(8) Caroline - Hudges Persell, *"Understading Societies"* tr. 82 - 101 - Theo bản dịch của Ngô Vinh Viễn, tài liệu của Ban chủ nhiệm chương trình Văn hoá văn minh vì sự phát triển và tiến bộ xã hội - Mã số KX. 06.

(9) D.P. Schafer - *La culture et la Cosmos* trong tạp chí *Cultures*. Vol VII. No 2, 1980, Les presses de UNESCO et La Baconnière, trang 37 - 62.

(10) Philippe Breton & Serge Proulx - *Bùng nổ truyền thông - Sự ra đời một hệ tư tưởng mới* - NXB Văn hoá - Thông tin Hà Nội 1996

(11) Phan Huy Đường - *Vầy gọi nhau làm người* - Hồng Lĩnh xuất bản 1996.

(12) Xem *Văn nghệ* các số 29, 30, 31, 32/1997 và
Văn nghệ Quân đội số 8/1997.

(13) Xem *Văn nghệ* số 37/1997

(14) Xem *Văn nghệ Quân đội* 8/1997

sách mới nhận được

* *Paris Xuân 1996*, Văn khố Pháp và những tài liệu mới về lịch sử cận đại Việt Nam, tâm bút của Nguyên Vũ, Văn Hoá (Houston TX) xuất bản.

* *Mở cửa tử sinh*, trường ca của Trần Nghi Hoàng, Văn Uyển xuất bản.

* *Dòng Thames thì thầm*, của Vĩnh Phúc, sưu tập những bài viết về đời sống ở Anh quốc do một biên tập viên uy tín của đài BBC viết, Văn Nghệ xuất bản

* *Thư về Bloomington, Illinois*, tập truyện của Lê Tất Điều, Văn Nghệ xuất bản

* *Trăm Việt trên vùng định mệnh*, sách nhận định lịch sử và chính trị của Phạm Việt Châu, do gia đình tác giả (đã tuẫn tiết năm 1975) xuất bản

* *Thơ Khoa Hữu*, thi tập của một nhà thơ được bạn đọc Văn Học yêu thích nhiều năm qua, Tạp chí Văn Học xuất bản

* *Lầu Xép*, chuyện và truyện của Võ Đình, Văn Nghệ xuất bản

* *Trăng ơi, thơ ấu mãi*, tập truyện đầu tay của Nguyễn Chí Kham, Tân Thư xuất bản

Trân trọng cảm ơn các văn hữu và nhà xuất bản đã gửi sách biếu.

hộp thư

• Thư từ nhận được liên quan việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Hàn Song Tường (Houston TX), John Diep (Boynton Beach FL), Hùng Phan (Tacoma WE), Hồ Đăng Định (Renton WA), Trần văn Phê (Richfield MN), Lechi Do (Plano TX), Hồng Huy (Winnipeg Canada), Ecole de Langues Orientales France, County of Los Angeles Public Library, Nguyễn Khánh Hòa (Harvey, LA), Nguyễn Việt Nhật Tân (New Orleans LA), Quang Nguyễn (New York NY), Hoang An & Doan Phuong (Harrisburg PA), Trần Quí Phiệt (Schreiner College Kerrville TX), Nguyễn Linh Quang (Paris France), Resource Center Woodville High School (Woodville, Australia), Phạm Thoan (San Francisco CA), Đinh Ngọc Can (Oslo Norway), Vi Khuê (Burke Virginia), Luu Phuong Nguyen (Hamburg Germany), Nguyễn Nguyên Phương (Denver, CO), Trinh Di Công (gia hạn cho Bùi Phương Trâm France), Thiên Kiếp Van (Manchester NH), Dương Minh Châu (Scarborough, Canada), Cao thị Nguyệt Lãng (mua báo Tết), Lê Bình Phương (France), Nguyễn Trung Hối (Portland OR), Kim Oanh Kiên (St. Peterburg FL), Phan v. Thương (Bellevue WA), Lethuy Truong (Westminster CA), Trương Quỳnh Ly (Kanata Canada), Nguyễn thị Bé (Fairfax VA), Quan Dương (Gretna LA), Mai Trúc Sơn (Arleta CA), Hoàng Phủ Cương (Cupertino CA), Nguyễn Vy Khanh (St. Laurent, Canada), Sonia Lim & Vo D Nguyen (Olympia WA), Han & Tin Nguyen (Philadelphia PA), Tưởng Năng Tiến (San Jose CA), Dương Vọng Các (San Jose CA), Trịnh văn Đáng (Rohnert Park CA), Thu Doan (Plano TX), Nguyễn Đăng Liên (Dallas TX), Lâm Chương (Dorchester MA), Thuy Viet Tran (Hawthorne CA), Chung Phước Khánh (Maldan MA), Hoàng Ngọc Khôi (Toronto Canada), Nguyễn Thanh Dung (Giessen Germany), Trần Tiên Thành (Dodge City KS)

• Bài nhận được trong tháng:

Xuân về giữ lửa gửi từ Dortmund Germany, Thư Y Chi, Tài liệu về Văn Bút VNHN, "Chuyển hoá" gửi từ Katy TX, "Phối cảnh, "Về, Đi" gửi từ Portcharlotte FL, "Những bài phỏng vấn giới cầm bút hải ngoại" gửi từ Middleburg FL, "Suối yến" gửi từ Downsview Toronto Canada, Thư của Nguyên gửi từ Montreal Canada, 'Lỗ hổng" gửi từ Worcester MA,"Đêm bạch lạp" gửi từ Oregon, "Lạc chỗ" gửi từ Assaquah WA, "Thiên thu" gửi từ Kitchener Ontario Canada, "Thơ tôi rũ rượi mãi chiều nay" gửi từ Renton WA,

"Tempe. Thơ qua hoang mạc" gửi từ Dallas TX, "Hay là" gửi từ Mt. Waverly Australia, "Giá Tự do", "Người con gái VN thời hậu chiến" gửi từ Milpitas CA, "Văn hoá rối nước" gửi từ Irvine CA, "Bướm đêm" gửi từ Basshill Australia, "Viết cho em yêu" gửi từ Orlando FL, "Lữ khách, "Nguyên thủy" gửi từ Long Beach CA, "Mai nầy" gửi từ Emporia KS, "Giêng, Hai mấy thuở" gửi từ Middleburg FL, "Thành phố", "Dạo khúc" gửi từ Renton CA, "Bài lục bát đêm xuân" "Nụ tầm xuân" gửi từ Falls Church VA, "Thơ trên chuyến về", "Nói chuyện đói với Nguyễn Công Trứ" gửi từ Memphis TN, "Mừng em xuân mới", "Xuân hồng chín trái" gửi từ Phoenix AZ, Thiệp của Anh Chị Thanh Tâm & Khánh Hà Norway, Thiệp của Saigon Times Rosemead, Thiệp của Nguyễn Minh Cần Moscou Russia, Thiệp của Cổ Ngư (Paris, France), "Con muỗi" gửi từ Orange CA, "Đón xuân, Mưa" gửi từ Argenteuil France, "Dịch Truyện Kiều" gửi từ San Francisco CA, Thiệp của Thuy Viet Tran, Nguyễn Đức Thanh, Vạn Giả, "Ý chỉ" gửi từ Portland OR, "Bài thơ cho chim nhỏ" gửi từ Hawthorne CA, Thư của Mộng Hoàng Hoa San Diego CA, "Mười bài Khuê Phụ Thán" của Thượng Tân Thị gửi từ Garden Grove CA, "tác giả, Độc giả, và Nhà Phê bình" gửi từ Tiệp khắc, "Buổi sáng của Ti Chuột Dư", "Nguyễn Hậu ở Xà bang" gửi từ Cupertino CA, Thiệp của Mai Thanh Ba Na Uy, "Buổi sáng uống rượu ở St. Louis Reservoir", "Nhìn trăng", "Quét sân", "Câu đêm" gửi từ Fremont CA, Thiệp của Ô. Bà Nguyễn Hữu Thời, Thiệp của Trịnh Gia Mỹ.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu.

Vì số trang hạn chế, Tòa soạn không thể đăng hết những bài quí văn hữu gửi về cho số Tết 1998. Văn Học đành ưu tiên chọn những bài liên quan tới Tết trước tiên, và bất đắc dĩ phải gác lại một số bài không sợ bị mất thời gian tính, chuyển qua số Tân Niên. Mong quí bạn thông cảm.

Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại. Xin cảm tạ quí văn hữu đã kèm theo diskette để tránh lỗi chính tả ngoài ý muốn của tác giả. Hiện nay Văn Học đang dùng nhu liệu VNU (Windows), và để tránh những sai sót khi lên trang, xin quý bạn gửi kèm bản in thử với diskette, và save bài trong diskette dưới dạng text only (saved as text only). Điều vô cùng quan trọng là xin quí bạn ghi rõ nhu liệu các bạn dùng trên nhãn diskette để tránh khó khăn cho Tòa soạn.

Quí bạn gửi bài qua e-mail xin dùng attachment.

TRĂM VIỆT TRÊN VÙNG ĐỊNH MỆNH

Tác phẩm nghiên cứu chính trị, nhân chủng của tác giả Phạm Việt Châu, cựu Trung tá QLVNCH và cũng là nhà thơ, nhà văn quá cố Mạc Ly Châu. Xuất bản lần đầu tiên tại Hoa Kỳ, Nô-En 1997.

"Trăm Việt Trên Vùng Định Mệnh":

- Ghi lại bài học lịch sử dân tộc và của vùng Đông Nam Á nói chung, cùng những biến cố chính trị, lịch sử cận đại trước năm 1975.
- Đồng thời cũng cung cấp một cái nhìn về hiện tại và tương lai của nước Việt.
- Là một tài liệu nghiên cứu nhân chủng và lịch sử công phu để vạch ra con đường lập quốc của nước Việt và nguồn gốc các giống dân Việt.



MỘT TÁC PHẨM RẤT CÓ GIÁ TRỊ MÀ NHỮNG NGƯỜI "YÊU DÂN TỘC, YÊU QUÊ HƯƠNG, YÊU VÙNG ĐẤT ĐÃ NUÔI DƯỠNG MÌNH" NÊN TÌM ĐỌC VÀ PHẢI ĐỌC.

Sách dày 326 trang, giá **$15.00 Mỹ Kim**, có bán tại các tiệm sách trong vùng hoặc liên lạc:

Bà Minh Nguyễn
Nhà Xuất Bản North Falls House
3414 Stinson Blvd. N.E., Minneapolis, MN 55418, USA
Điện Thoại: **(612) 781-6053**

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

CĂN PHÒNG THAO THỨC

tập truyện

TRẦN DOÃN NHO

THANH VĂN
xuất bản

VĂN NGHỆ
tổng phát hành
P.O. BOX 2301
WESTMINSTER, CA 92683
PHONE & FAX [714] 527-5761

XA HUẾ, NHỚ HUẾ, KHÔNG GÌ HƠN TÌM ĐỌC

HOA VẠN HẠT, CUỐI MÙA

ĐẠI NAM XUẤT BẢN 1996

CÂU NAM AI, THẤT LẠC

VĂN MỚI XUẤT BẢN 1997

HỒ MINH DŨNG

ĐÃ CÓ BÁN Ở CÁC TIỆM SÁCH

LÊ THỊ THẤM VÂN

VIỆT NAM, NGÀY TÔI TRỞ VỀ

Tiểu luận. ANH THƯ xuất bản. Giá 8MK.

Mua tại các nhà sách hoặc:
TRẦN MẠNH
P.O.Box 360923, Milpitas, CA 95035. USA



KINH DƯƠNG VƯƠNG

NHỮNG CHIẾC MẶT NẠ CƯỜI

Tập truyện.
Giá 8Mk. Ngoài Mỹ thêm 2MK.

VĂN MỚI xuất bản
VĂN NGHỆ tổng phát hành



ĐẶNG HIỀN

bài hai mươi

thơ

Giá 12MK. Nngoài Mỹ 14MK
VĂN HÓA *xuất bản*
2606 Main St. # 112, Houston, TX 77002. USA
Tel & Fax: (713) 528-2606

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Đã phát hành khắp nơi:

Dưa Cà Mắm Muối
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $6.00
Về
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00
Lời Của Quá Khứ
Tập truyện Khế Iêm, giá $7.00
Sống Và Viết
Tùy bút Võ Phiến, giá $10.00
Người Đàn Bà Sau Tấm Quảng Cáo
Tập truyện Hoàng Thị Bích Ti, giá $8.00
Dấu Quê
Thơ Khế Iêm, giá $7.00
Câu Nam Ai Thất Lạc
Tập truyện Hồ Minh Dũng, giá $10.00
Kéo Neo Mà Chạy
Tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc, giá $8.00
Đêm Hè
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00
Còn Đó Bóng Hình
Tập truyện Song Thao, giá $8.00
Những Chiếc Mặt Nạ Cười
Tập truyện Kinh Dương Vương, giá $8.00
Vầng Trăng Nội Thành
Tập truyện Hồ Đình Nghiêm, giá $10.00

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc
nhà phát hành VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301 Wesminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 527-5761

THANH VĂN
P.O. BOX 411723
Los Angeles, CA 90041

Tìm mua những tác phẩm giá trị do Thanh Văn xuất bản:

VẾT XƯỚC ĐẦU ĐỜI
tập truyện ngắn của
Trần Doãn Nho
Sách dày 251 trang, giá 12 Mỹ kim

VĂN, SỬ, Y, DƯỢC TRONG TRUYỆN CHƯỞNG KIM DUNG
biên khảo của
Trần văn Tích
Sách dày 214 trang, giá 12 Mỹ kim

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT
của Thiền sư Tây Tạng Sogyal Rinpoche
Bản Việt dịch của Trí Hải
Sách dày 436 trang, giá 18 Mỹ kim

MARIE SẾN
truyện dài của Phạm thị Hoài
Sách dày 160 trang, giá 10 Mỹ kim

SÓNG TRÔI
Tập truyện của Ngụ Thuyết
Sách dày 240 trang, giá 12 Mỹ kim

NHỮNG BÀI DÃ SỬ VIỆT
Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường
Sách dày 430 trang, giá 18 Mỹ kim

Liên lạc Nhà Phát hành Văn Nghệ
P O Box 2301, Westminster CA 92683
Phone: (714) 527-5761



Hãy tìm đọc

VẦNG TRĂNG NỘI THÀNH

Tác giả Hồ Đình Nghiêm

Tập truyện ngắn vừa phát hành vào dịp cuối năm 1997

*Nhà văn **Hồ Minh Dũng** giới thiệu*

*Bìa của họa sĩ **Đinh Cường***

Sách dày 190 trang, giá $10 Mỹ Kim

VĂN MỚI xuất bản

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc trực tiếp nhà phát hành Văn Nghệ: (714)527-5761

Mọi người yêu văn cần tìm đọc:

TỰ TRUYỆN

phá thể tiểu thuyết

ĐẶNG PHÙNG QUÂN

130 trang.10 Mỹ kim

NGL xuất bản 1997

"Lối viết của Đặng Phùng Quân vốn đã khó đọc,
nay lại thêm nhiều câu trích dẫn
tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Pháp làm rối thêm.
Cách trình bày các đoạn văn, cách dùng chữ in nghiêng
và chữ Hoa một cách tùy tiện mà không giải thích
khiến người đọc có cảm tưởng như đây không phải là cuốn sách,
mà chỉ là góp nhặt những trang giấy ghi (notes),
đánh máy lại cho rõ mà thôi.
Nói tóm, đây là một cuốn sách khó đọc, từ hình thức đến nội dung."

(Tạp chí Văn Học)

"Lời chỉ dẫn cho việc đọc TỰ TRUYỆN
của Đặng phùng Quân được tác giả đưa ra trong những giòng cuối
của quyển sách ..để đọc bạn phải trang bị một số chất liệu thiết yếu
trong đời sống và thoát bỏ một số tư kiến trong đời sống ..
Tiểu thuyết phá thể là gì?
Trước hết viết tiểu thuyết mới, phá thể là một bày tỏ
muốn nói lên một cái gì mới hơn những cái đã có,
một vận động huỷ diệt trong sáng tạo (trang 94)..
Vì vậy mỗi nhà tiểu thuyết xứng danh là một người đã thay đổi, phá
thể tiểu thuyết, đẩy tiểu thuyết vào một biến thiên mới
làm phong phú thể loại văn chương này."

(Tạp chí Văn; Đào Trung Đạo, nhà phê bình văn học)

Đã phát hành khắp nơi, xin hỏi tại các nhà sách, hoặc liên lạc

Nhà Phát Hành :

Văn Nghệ P.O.Box 2301 Wesminster, CA 92683

ĐT (714) 527-5761

Đại Nam P.O.Box 4279 Glendale, CA 91202

ĐT (818) 244-0135

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt. ____

Thành phố _____ Tiểu Bang _____ Zip _____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn ____ năm, từ số ____ tháng ____, gởi hạng ____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$ _____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới dây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt. ____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

Người giới thiệu _____

Địa chỉ _____ Apt. ____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THU VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

SÁCH MỚI

- **ĐÊM GIỮA BAN NGÀY** (tái bản) *Vũ Thư Hiên* **28MK**
- **THƯ GỬI BẠN TA, Tập III** *Bùi Bảo Trúc* **16MK**
- **CHÂN TRẦN** tập truyện *Y Chi* **12MK**
- **THẾ GIỚI HÒA ĐỒNG** *Chân Huyền* dịch **8MK**
  Hội luận giữa Đức Đạt Lai Lạt Ma và 8 nhà tâm lý Hoa Kỳ
- **YÊU CON, DẠY CON NÊN NGƯỜI VIỆT** **8MK**
  Tham luận *Đỗ Quý Toàn*
- **VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN** **16MK**
  (tái bản) *Nguyễn Hưng Quốc*
- **TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ** (tái bản) *Dương Thu Hương* **13MK**
- **ĐƯỜNG MÂY TRÊN ĐẤT HOA** **13MK**
  tự truyện *Hòa Thượng Hư Vân*
- **NỬA ĐỜI CÒN LẠI** hồi ký *Vương Hồng Sển* **18MK**
- **CÒ ĐÙM** tập truyện *Doãn Quốc Sỹ* **8MK**
- **THỰC PHẨM RAU ĐẬU QUA LĂNG KÍNH KHOA HỌC**
  Tâm Diệu **12MK**
- **CÔNG LÝ ĐÒI HỎI** tiểu luận *Nguyễn Minh Cần* **18MK**
- **LẦU XÉP, 7 chuyện, 8 truyện** *Võ Đình* **11MK**

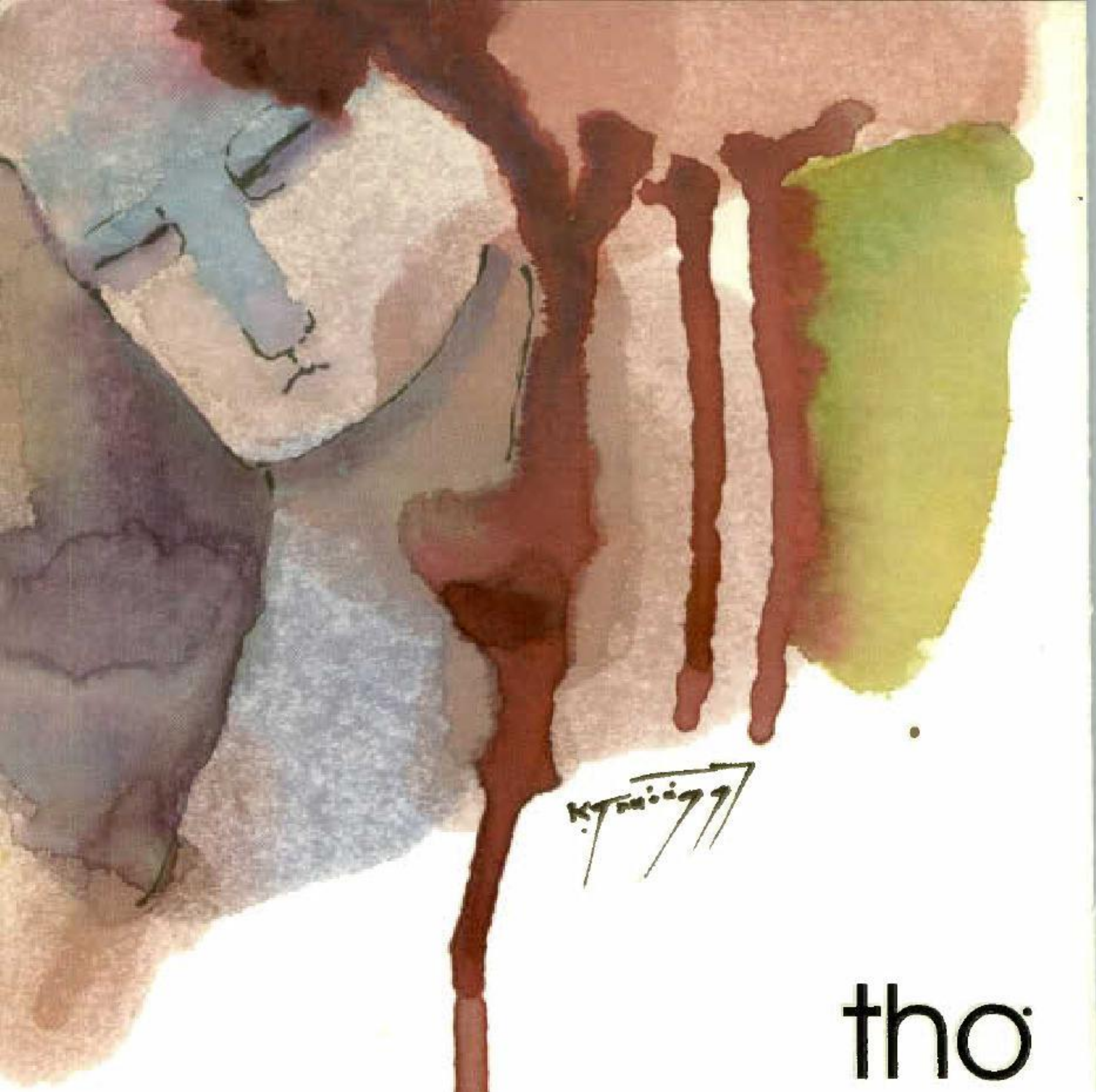
SÁCH PHÁT HÀNH

- **ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI** (tái bản) **9MK**
  Giảng luận Kinh Duy Ma Cật *Minh Tâm*
- **CĂN PHÒNG THAO THỨC** tập truyện *Trần Doãn Nho* **10MK**
- **CÒN ĐÓ BÓNG HÌNH** tập truyện *Song Thao* **8MK**
- **NỬA ĐỜI NHÌN LẠI** (tái bản) *Tiêu Dao Bảo Cự* **18MK**

* Ngoài Hoa Kỳ thêm 2MK cho sách giá 18MK, thêm 3MK cho sách trên 20MK. Riêng *Đêm Giữa Ban Ngày* thêm 5MK

* Liên lạc Văn Nghệ để nhận Thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel/Fax: (714) 527-5761



thơ KHOA HỮU

VĂN HỌC 1997

Giá $8.00